VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

PHẠM DUY
NGÔ NGUYÊN DŨNG
VŨ THỊ DUNG
PHẠM VĂN HẢI
THÁI TÚ HẠP
HOÀNG LIÊN
THẠCH MAI
MAI KIM NGỌC
PHẠM THỊ NGỌC
ĐỊNH NGUYÊN
HỒ ĐÌNH NGHIÊM
BÙI VĨNH PHÚC
ĐẶNG PHÙNG QUÂN
NGUYỄN VĂN SÂM
TAGORE * BÙI BẢO TRÚC
NGUYỄN VĂN * NGU YÊN

số 10 tháng 11-1986

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Văn Học : *Thư toà soạn, trang 1.* * **Bùi Vĩnh Phúc** : *Vấn đề thẩm thức một tác phẩm nghệ thuật, trang 3.* * **Nguyễn văn Sâm** : *Một ngôi sao nữa rụng, trang 21.* * **Đặng Phùng Quân** : *Về Vũ Khắc Khoan, trang 27.* * **Thạch Mai** : *Nàng thu phong, thơ, trang 30.* * **Mai Kim Ngọc** : *Nước mắt chẩy xuôi, truyện ngắn, trang 31.* * **Tagore — Bùi Bảo Trúc** : *Tặng vật của tình nhân, thơ dịch, trang 41.* * **Tạ Chí Đại Trường** : *Một trú sở Việt cuả thần linh : Cái đình làng, trang 44.* * **Định Nguyên** : *Tự hỏi, Giọt lệ bất ngờ, Rất xa, thơ, trang 68.* * **Ngô Nguyên Dũng** : *Bên kia rừng, truyện ngắn, trang 71.* * **Thái Tú Hạp** : *Vầng trăng huyền thoại, thơ, trang 78.* * **Phạm văn Hải- Vũ thị Dung** : *Dạy quốc ngữ theo phương pháp tự nhiên, trang 79.* * **Phạm thị Ngọc** : *Cái nhà trong một cái nhà, truyện ngắn, trang 89.* * **Ngu Yên** : *Trong khi chờ phi cơ, thơ, trang 95.* * **Phạm Duy** : *Nhạc cách mạng lãng mạn (2) trang 96.* * **Hồ Đình Nghiêm** : *Thoáng mây, truyện ngắn, trang 104.* * **Hoàng Liên** : *Ánh sáng và bóng tối , hồi ký, trang 112.* * **Bùi Vĩnh Phúc** : *Đọc Màu Cỏ Úa của Nguyễn Ngọc Ngạn, trang 122.* * **Nguyễn Văn** : *Thời sự văn học, trang 129.* * **Văn Học** : *Bài nhận được trong tháng trang 135.*

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc
Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove Cali, USA, 92 643. Phone : (714) 838 8432

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

Giá bán lẻ : US $ 2.50.

NVPrinting (714) 897-3628

Thư toà soạn

Văn Học số 8 & 9 đến với bạn đọc sau một tháng gián đoạn đã được bạn đọc khắp nơi đón tiếp nồng nhiệt. Nhiều bạn đọc viết thư về tỏ niềm vui mừng là chẳng những Văn Học có thể tiếp tục xuất bản, mà nội dung và hình thức tờ báo còn trang nhã và phong phú hơn trước. Sự ân cần của bạn đọc trở thành ràng buộc tinh thần đối với anh em chủ biên Văn Học. Chúng tôi nhận ra rằng dù khó khăn đến bao nhiêu, Văn Học cũng phải cố gắng hiện diện, vì Văn Học càng ngày càng trở thành diễn đàn cần thiết để bạn đọc và văn hữu khắp nơi có thể phổ biến những công trình nghiên cứu và sáng tác đắc ý nhất của mình một cách tin cậy, và sau khi phổ biến, đã được độc giả Văn Học định giá một cách đúng mức.

Trong Văn Học số này, ngoài phần tiếp bài nghiên cứu dân tộc học công phu của Tạ Chí Đại Trường, chúng tôi xin mở đầu một loạt bài viết về vấn đề phê bình thưởng thức tác phẩm văn nghệ .

Trong những năm vừa qua, vì tình trạng xuất bản văn học hải ngoại thưa thớt nên việc phê bình thẩm định văn học còn có tính cách thù tạc, tùy tiện. Việc phê bình hoàn toàn có tính cách chủ quan, tùy thuộc cảm tính. Điều này rất có hại cho người sáng tác, vì những lời khen vô thưởng vô phạt và những lời đả kích ác ý không định giá đúng khả năng người viết, khiến nên văn học tự do hải ngoại không phát huy hết được tiềm năng phong phú của mình.

Do đó, ngoài phần lý luận phê bình, từ nay Văn Học sẽ cố gắng giới thiệu sáng tác của những cây bút mới, đồng thời phê bình khách quan tác phẩm của những nhà văn đã có chỗ đứng trên văn đàn. Dĩ nhiên trong mọi việc lúc nào cũng có khuyết điểm , thiếu sót. Với phương tiện tài chánh eo hẹp và nhân sự ít ỏi, Văn Học sẽ cố gắng hết sức mình để không phụ lòng tin cậy của quí văn hữu và bạn đọc dành cho Văn Học bao lâu nay.

Văn Học

CẢM TẠ

Trong giai đoạn khó khăn về tài chánh của Văn Học vừa qua, Ban Chủ biên đã nhận được sự khích lệ tinh thần và giúp đỡ tài chánh quí giá của quí vị ân nhân sau đây :

Nhật Tiến, Quyên Di, Định NGuyên, Hà Thúc Như Hĩ, Phạm Quốc Bảo, Lê Đình Điểu, Nguyễn Khắc Nhân, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Phước Quang, Phạm Bá Đức, Nguyễn Quỳnh, Phan Huy Đạt, Nguyễn Ngọc Bích, Trương Anh Thụy, Xuân Vũ, CT Người Việt, Hoàng Chính Nghĩa, Võ Đình, Ngu Yên, Phạm Kim, Nguyễn Cao Bằng, Phạm thị Ngọc, Nguyễn Đình Hùng, Anh chị Quỳnh Giao & Dương Ngọc Hoán, BS Vũ Đình Minh, Trương Hồng Sơn...

Trân trọng cảm ơn quí vị và xin cố gắng duy trì tờ báo này để thường xuyên đến gửi tới bạn đọc mỗi tháng những bài nghiên cứu và sáng tác chọn lọc nhất của văn hữu bốn phương.

Bùi Vĩnh Phúc

Vấn đề thẩm thức một tác phẩm nghệ thuật.

*B*ài tiểu luận này viết về vấn đề thưởng thức và thẩm định một tác phẩm nghệ thuật nói chung.

Vậy thì, trước hết, một số câu hỏi có thể được đặt ra: Một tác phẩm nghệ thuật là gì? Yếu tính của một tác phẩm nghệ thuật được nhìn nhận như thế nào? "Tác phẩm" và "nghệ thuật" đối với ai? đối với quần chúng nào?... Cứ đặt câu hỏi như thế, đi cho thật rốt ráo, cuối cùng, người ta sẽ chạm vào câu hỏi có tính cách *trầm trọng* nhất: *Nghệ thuật là gì?*

Dấu hỏi được đánh lên quá lớn. Thật ra, bài viết này không có tham vọng trình bày tất cả mọi mặt của vấn đề được đặt ra, đặc biệt là không trả lời hoặc giới thiệu những câu trả lời của các triết gia hoặc các nhà phê bình cổ-kim-đông-tây cho các câu hỏi đã thử nêu lên ở trên. Bài này chỉ có tính cách *đặt vấn đề* và *gợi ý* để, từ đó, chúng ta mỗi người sẽ tự tìm tòi qua kinh nghiệm bản thân mỗi ngày, hoặc qua sự học hỏi, để trả lời cho mình những câu hỏi có tính cách muôn đời kia.

Về yếu tính của tác phẩm nghệ thuật, triết gia Richard Wollheim, giáo sư triết học về tư tưởng và luận lý của đại học Luân Đôn, Anh quốc, đã viết cả một quyển sách, *Art and its Objects: an Introduction to Aesthetics* (1968), để lật qua lật lại vấn đề này dưới cái nhìn mỹ học. Nhiều nhà tư tưởng khác, xưa cũng như nay, cũng đã trình bày quan niệm của mình về vấn đề nghệ thuật. Ngày nào mà con người còn tiếp tục cuộc tìm kiếm không ngừng nghỉ của nó hướng về Sự Thực, về Cái Đẹp, ngày ấy con người sẽ tiếp tục còn đưa ra những kiến giải khác nhau, hoặc bổ túc cho nhau, về vấn đề nghệ thuật.

Ở đây, mặc dù sẽ không đi vào chi tiết, trước khi chia sẻ với

nhau một số gợi ý về vấn đề thưởng thức và thẩm định một tác phẩm nghệ thuật, có lẽ chúng ta cũng nên đưa ra một vài định nghĩa tiêu chuẩn và khả chấp để trả lời câu hỏi; *Nghệ thuật là gì?*

Lev Tolstoi, tác giả *Chiến tranh và Hoà bình,* trong tập *What is Art?* (1896), đã trình bày khá chi tiết về quan niệm nghệ thuật của ông. Mặc dù có một số mặt cực đoan, *What is Art?* cho đến nay vẫn được xem là một trong những cố gắng chú giải về yếu tính của nghệ thuật một cách nghiêm túc và mẫu mực nhất. Tolstoi viết: "Yếu tính của hoạt động nghệ thuật, của tác phẩm nghệ thuật, là làm kích thích, gợi nhắc trong con người một cảm giác nào đó mà nó đã trải qua, và trong sự kích thích gợi nhắc đó, tác phẩm nghệ thuật dùng những động tác, những đường nét, màu sắc, âm thanh, hoặc là những thể cách khác được diễn tả ra bằng lời, bằng chữ, để chuyển đạt cái cảm giác kia đến mọi người, khiến cho họ cũng kinh nghiệm được cái cảm giác đó như nhà nghệ sĩ."

Martin Heidegger, triết gia nổi tiếng của Đức, thì nhận xét: một tác phẩm nghệ thuật chắc chắn phải là một vật được bàn tay, khối óc người nghệ sĩ làm ra, nhưng một tác phẩm như thế phải nói lên được một cái gì đó cao và xa hơn chính bản thân nó, *allo agoreuei.* Tác phẩm ấy phải là một thứ dụ ngôn để nói về một cái gì khác, sâu sắc và tiềm ẩn hơn. Theo ý Heidegger, một tác phẩm nghệ thuật,như thế, mang theo cùng với nó một cái gì khác nữa, ở bên ngoài sự hiện hữu có tính cách vật chất của tác phẩm nghệ thuật ấy. Trong tiếng Hy Lạp, cái sự *mang vào, mang đến, mang với, hoà hợp vào* này được diễn tả bằng chữ *sumballein.* Tiếng Anh là *symbol.* Tác phẩm nghệ thuật phải là một *biểu tượng.*

Hai lối nhìn về nghệ thuật của Tolstoi và Heidegger như vừa được trình bày đã cho ta thấy một số những yếu tố làm nên yếu tính của nghệ thuật, là *tiềm ẩn, gợi nhắc, kích thích,* và *chia sẻ.* Khi ta đọc những tác phẩm bàn về yếu tính của nghệ thuật, có thể là ta lại sẽ nhìn ra được một số những yếu tố khác nữa góp phần định nghĩa nghệ thuật là gì, và xác định rõ việc một "sáng tạo phẩm" được gọi là tác phẩm nghệ thuật thì phải như thế nào.

Trong phạm vi bài này, khi nói về "tác phẩm nghệ thuật", chúng ta sẽ có những phân tích khá chi tiết vào một vài mặt của văn chương và thi ca, như những biểu hiện của tác phẩm văn nghệ nói chung, hơn là trải rộng cái nhìn và phân tích sang những mặt khác như hội họa, kiến trúc, âm nhạc... Tuy nhiên, những bộ môn khác biệt của nghệ thuật này lại có những gắn bó hết sức xương thịt, hết sức hữu cơ với nhau, cũng như đã chia sẻ với nhau rất nhiều điểm trong tiến trình phát triển của chúng —chẳng hạn vấn đề khuynh hướng, trào lưu phát xuất, trường phái, ảnh hưởng xã hội v.v...—, bởi thế, để có thể làm bật được những nét căn bản của vấn đề, có

những lúc chúng ta cũng phải nhìn qua khía cạnh hội họa hoặc âm nhạc...

Việc chú giải về yếu tính của nghệ thuật cũng như về vấn đề thưởng thức và thẩm định một tác phẩm nghệ thuật, như thế, sẽ cho ta có nhiều cơ hội để chia sẻ tâm tình của mình với người nghệ sĩ, để có những rung động cùng tần số với những rung động của người nghệ sĩ khi hắn ta sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật của hắn.

•●•

Đối với người thưởng ngoạn, ý nghĩa hoặc giá trị của một tác phẩm nghệ thuật, trước hết, nằm ngay nơi bản thân của tác phẩm đó. Người thưởng ngoạn tiếp xúc với tác phẩm, và, từ đó, bắt đầu có những rung động, những đánh giá. *Công việc của người thưởng ngoạn bắt đầu sau khi công việc của người nghệ sĩ đã hoàn tất.*

Một cách bình thường, ý nghĩa của một tác phẩm đối với chúng ta tùy thuộc trước hết vào sự biểu hiện của tác phẩm đó, nhưng nó cũng còn tùy thuộc vào cái *tầm nhìn*, cái kiến thức của người thưởng ngoạn, vào cái khả năng thẩm thức của người ấy trước tác phẩm, và vào những cảm xúc mà tác phẩm nghệ thuật gợi lên cho người ấy khi hắn ta tiếp xúc với nó. Cái cảm xúc — hay tập hợp một số những cảm xúc — này không có tính cách cố định. Nó có thể thay đổi theo cái không gian, thời gian mà người thưởng ngoạn đặt mình vào khi đến với tác phẩm. Nó cũng có thể thay đổi theo cái tâm ý, sự hứng khởi của hắn ta. Nói tóm lại, cái cảm xúc mà người thưởng ngoạn có khi tiếp xúc với một tác phẩm nghệ thuật tùy thuộc một phần vào những điều kiện bên trong và bên ngoài chính con người hắn. Cái cảm xúc này, như thế, chỉ là một biến số.

Người nghệ sĩ, qua sự suy tư, qua những rung động và xung động trong tư tưởng của hắn, đã sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật. Tác phẩm này, bây giờ, sẽ trở thành mấu chốt để người nghệ sĩ nhận chịu những chia sẻ, những đáp ứng hay những phản ứng, những phê bình của quần chúng.

Bất cứ một sáng tạo phẩm nào cũng có thể được coi là một thứ ngôn ngữ, cho dù đó là một bài thơ, một tác phẩm văn chương, một bức tranh, một khúc nhạc, một bức tượng điêu khắc... Và bao quanh bất cứ một thứ ngôn ngữ nào, theo như cách chúng ta vừa nói, cũng đều có một cái nguồn giao cảm, đó là người nghệ sĩ; một vật trung gian, cái nhịp cầu để chuyên chở những ý tình khởi đi từ nguồn sáng tạo: tác phẩm nghệ thuật; và cuối cùng, một trạm tiếp nhận: người thưởng ngoạn. Giống như khi đọc một cuốn sách, một bài thơ, đứng trước bất kỳ một tác phẩm nghệ thuật nào, người thưởng ngoạn cũng phải tìm cách nhận biết và tìm tòi, khám

phá ra những biểu tượng, những chỉ dấu, những tình ý ẩn mật được người nghệ sĩ gởi vào trong tác phẩm của hắn, trước khi có thể hiểu được sự điều người nghệ sĩ muốn trao gửi. Người nghệ sĩ đã phổ tất cả tâm ý cũng như tình cảm và những nỗi xúc động của mình vào tác phẩm nghệ thuật kia. Nếu ta không bắt được, không nhìn ra những chỉ dấu ẩn mật đó, ta sẽ không hiểu được tác phẩm của hắn. Hoặc tệ hại hơn, ta sẽ hiểu sai tác phẩm đó.

Dĩ nhiên là cái hành động đọc sách và sự thích thú, khoái cảm do việc đọc sách đưa lại không luôn luôn là những ý niệm có tính cách hệ quả của nhau. Giống như một người bình thường trong chúng ta có thể sẽ không cảm thấy thích thú khi đọc bất cứ một cuốn sách nào trên kệ sách của một thư viện, người thưởng ngoạn tác phẩm nghệ thuật cũng không thể nghĩ là hắn ta sẽ thích hoặc hiểu biết bất cứ một nghệ phẩm nào. Có những ngăn sách ở thư viện chứa đầy những cuốn sách vượt khỏi sự hiểu biết của ngay cả những người hết sức thông thái, và có những vì tường của các bảo tàng viện nghệ thuật treo những bức tranh rất ít người có thể thưởng thức nổi.

Một người bình thường trong chúng ta có thể có một cái nhìn có tính cách thẩm mỹ nào đó đối với một vài loại sáng tạo phẩm nào đó, nhưng thật sự thì có những cuốn sách, có những bài thơ, những bức tranh, những kiến trúc, những bức tượng điêu khắc... đã đập vào mắt và nhận thức của chúng ta một cách bất ngờ, và không đem đến cho ta một sự thỏa mãn thẩm mỹ. Thật sự, có những tác phẩm nghệ thuật làm cho chúng ta xốn xang, khó chịu, bực bội. Hơn nữa, có những sáng tạo lại có thể làm cho chúng ta tức giận và tìm cách chống cự lại. Chúng ta tức giận sự sáng tạo đó, hay ta tức giận người nghệ sĩ, hay ta tức giận với chính ta, với những điều kiện nhận thức hạn hẹp của mình?

Thật ra thì cái sự thỏa mãn có tính cách mỹ học kia là kết quả của một sự kết hợp nhuần nhuyễn và rất phức tạp giữa những thái độ chủ quan và khả năng nhận thức của con người. Không một ai có thể nói rõ với một sự tự tin, một sự quả quyết, chắc chắn, là tại sao một số tác phẩm nghệ thuật nhất định nào đó lại đem đến cho chúng ta sự thỏa mãn thẩm mỹ trong khi một số khác lại làm cho ta bực bội, chán chường, hay tức giận. Tuy nhiên, nếu một người thưởng ngoạn muốn làm gia tăng cái số lượng tác phẩm nghệ thuật đem lại cho hắn ta sự thỏa mãn thẩm mỹ, việc mà hắn phải làm là thay đổi những điều kiện ảnh hưởng đến thái độ tiếp nhận, đến cái phản ứng của hắn đối với tác phẩm nghệ thuật. Tôi nhớ có một vài triết gia Âu Mỹ gọi sự thỏa mãn thẩm mỹ này là một *kinh nghiệm mỹ học* (the esthetic experience).

Trong tiến trình nhận thức, người ta không cần đến những

chương trình hay giảng khóa đặc biệt để có thể hiểu được ý nghĩa những lời nói, những ngôn ngữ hàng ngày, hoặc để có thể rung động với những màu sắc huy-hoàng-rực-rỡ hay bi-tráng-trầm-hùng của cảnh mặt trời mọc hay lặn. Người ta cũng không thấy khó khăn gì để hòa nhịp tâm hồn với vạn vật trong một cảnh mưa trắng xóa dào dạt trên sông, hay cảnh nắng chiều thoi thóp bên cồn... Thế nhưng, rõ ràng là có một sự khó khăn đối với nhiều người trong chúng ta về vấn đề thẩm thức khi đứng trước một tác phẩm nghệ thuật: một bài thơ, một cuốn truyện, một bức tranh... Tại sao? —Bởi lẽ những hiện tượng thiên nhiên kia, hoặc ngôn ngữ, lời nói hằng ngày, là những kinh nghiệm trực tiếp và là những chất liệu ở trong một trạng-thái chưa được biến đổi, gọt dũa. Nhìn một cách nào đó thì đây là những chất liệu thô, có một tác dụng phổ quát trên nhận thức và rung động của mỗi một chúng ta. Nói là chúng có một tác dụng phổ quát, nhưng thật sự, mỗi một từ trong ngôn ngữ chúng ta sử dụng hàng ngày, hay mỗi một hiện tượng thiên nhiên kia, đối với mỗi người cá biệt, vẫn có những tác dụng cao, thấp, mở, đóng khác nhau. Nhưng một cách chung, chúng không có những mặt ẩn mật, có thể có tác-dụng-bùng-mở đối với người này và tác-dụng-khép-kín đối với người khác, như khi chúng được đưa vào trong tác phẩm nghệ thuật, một cách rất sáng tạo, của người nghệ sĩ.

Sự phân tích những yếu tố dẫn đến một kinh nghiệm mỹ học —theo nghĩa chúng ta đã nói ở trên— sẽ mở ra cho chúng ta một cánh cửa, qua đó, chúng ta sẽ thấy là những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự thẩm thức của ta đối với một tác phẩm nghệ thuật. Từ sự nhận thức này, ta sẽ có thể gần gũi với các sáng tạo phẩm và, từ đó, trở nên gần gũi với những con người sáng tạo hơn.

•●•

*M*ột kinh nghiệm mỹ học xảy ra khi có sự tương thông gặp gỡ giữa tác phẩm nghệ thuật và người thưởng ngoạn. Sự gặp gỡ, sẻ chia, gần gũi này sẽ chỉ xảy ra khi hội đủ những điều kiện sau: khả năng nhận bắt và thẩm thức được những khía cạnh của tác phẩm nghệ thuật của người thưởng ngoạn, và thái độ tiếp nhận của người đó.

Cái thái độ cần thiết để một kinh nghiệm mỹ học như chúng ta đang nói đến có thể xảy ra là cái thái độ gì? Trước hết, điều cần thiết là người thưởng ngoạn phải có sự chú tâm trực tiếp đến tác phẩm bày ra trước mắt hắn. Hắn phải để hết tâm trí vào việc thưởng thức tác phẩm nghệ thuật kia với một thái độ không xao lãng.

Thật ra, có những trường hợp người ta không cần phải để hết

tâm sức, hết sự chú ý, mới có thể thưởng thức được một tác phẩm nghệ thuật. Có nhiều người chỉ cần sống trong một căn phòng được trang hoàng với những tranh ảnh nghệ thuật là đã đủ cảm thấy khoan khoái. Họ không cần chú tâm vào từng tấm tranh hay từng bức ảnh để có được sự khoan khoái kia. Có những người vừa nghe nhạc vừa làm bếp, hay vừa nghe nhạc vừa viết văn, vừa nghe nhạc vừa quét nhà, vừa nghe nhạc vừa nhảy tưng tưng ngoài đường phố (kiểu các cô cậu Mỹ đen)... mà vẫn nhận bắt được cái hay của nhạc. Trong những trường hợp như thế, giữa người thưởng ngoạn và vật được thưởng ngoạn có một sự gặp gỡ, ở một mức độ nào đó, đủ để cho người thưởng ngoạn cảm thấy khoan khoái. Đó cũng là một kinh nghiệm mỹ học đấy! Có những trường hợp khác không được rõ ràng bằng, nhưng cũng cho những kết quả tương tự. Người ta có thể đi lòng vòng trong một bảo tàng viện hay một phòng triển lãm tranh, không cần chú tâm theo dõi hoặc ngắm nghía cẩn thận một bức tranh nào, mà vẫn cảm được một tình trạng lâng lâng, thoải mái. Người ta có thể đọc một bài thơ, không cần suy nghĩ kỹ từng lời, từng ý, mà vẫn có thể cảm thấy bài thơ... hay hay, nó đưa lại cho người ta những cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát.... mà trước đó người ta không có.

Tất cả những trường hợp chúng ta tạm kể ra ở trên cho thấy, có những lúc, sự chú tâm vào một tác phẩm không hẳn là điều cần thiết để người thưởng ngoạn có thể có một "kinh nghiệm mỹ học". Tuy nhiên, nếu phân tích kỹ, ta sẽ thấy là những kinh nghiệm mỹ học loại này chỉ ở một mức độ nào đó mà thôi. Nó không tận tuyệt, không toàn vẹn, và không hoàn toàn có xương thịt. Nó không đem đến cho người thưởng ngoạn những rung động bùng cháy hay những cảm giác gắn bó gần gũi với tác phẩm và với con người sáng tạo. Những kinh nghiệm mỹ học loại ấy chỉ cho ta những cảm giác lâng lâng, thoải mái, nhẹ nhàng... mà không cho ta được những rung động làm bùng bốc thần trí, hoặc không làm cho thân thể và tâm hồn ta như chảy tan ra tựa một dòng suối, hoặc không làm cho ta chảy cạn hết những giọt nước mắt của mình. Nói tóm lại, nếu không chú tâm vào tác phẩm nghệ thuật, ta không có được những kinh nghiệm mỹ học bậc nhất, mà chỉ có được những kinh nghiệm mỹ học bậc một, hai, ba chục trở đi.

Trong sự thưởng thức văn nghệ, hay nghệ thuật nói chung, người ta hay có thói quen dễ đến gần và dễ thẩm thấu được những cái gì quen thuộc, hiển nhiên và tạo cho người ta sự dễ chịu. Những thí nghiệm gần đây trong ngành tâm lý học đã xác quyết lại những lý thuyết trước đó cho rằng cả con người lẫn loài vật đều thích chọn lựa và đến gần những kinh nghiệm quen thuộc, những kinh nghiệm ít tạo cho nó sự căng thẳng nhất. *Sự quen thuộc được chấp*

nhận vì nó làm cho con người dễ chịu; sự khác lạ, trái lại, dễ bị con người chối bỏ vì nó tạo cho con người những cảm giác bất an. Bởi thế, ta có thể thấy một cách rất tự nhiên và hợp luận lý là những cảm giác khoan khoái, dễ chịu thường xảy ra khi con người tiếp xúc hoặc gần gũi với những tác phẩm nghệ thuật được nó cho là quen thuộc. Sự quen thuộc này có thể là vì người đó đã quen với cái thể loại hoặc với tính chất của loại tác phẩm mà hắn đang tiếp xúc, hoặc cũng có thể vì những khoái cảm nào đó mà hắn nhận ra được là quen thuộc khi hắn tiếp xúc, gần gũi với tác phẩm. Nếu một tác phẩm nghệ thuật có ẩn giấu ít nhiều những nét khác lạ, khó hiểu,có khuynh hướng làm tăng sự căng thẳng trong nhận thức của người thưởng ngoạn, cũng như trong mạch máu của hắn, thường hắn sẽ tìm cách lẩn tránh những khó khăn kia bằng cách lược bỏ ra những nét khó hiểu, để có thể trở về với tình trạng bình thường, dãn nở của mình. Dĩ nhiên, có một số tác phẩm nghệ thuật được xếp vào loại khó hiểu vì có những nét khác lạ nào đó, nhưng lại được dịp trưng bày, thưởng htức, bàn cãi nhiều nên đã trở thành nổi tiếng, và nhờ thế, người thưởng ngoạn trung bình vẫn có thể đến gần những tác phẩm nghệ thuật đó một cách tự tin, với một căn bản thẩm thức mỹ học nào đó.

Gần như mỗi một tác phẩm nghệ thuật đều chứa đựng trong nó những yếu tố quen thuộc và khác lạ hoặcó tính cách sáng tạo mà người thưởng ngoạn không ngờ trước. Tỷ lệ giữa cái khác lạ và cái quen thuộc thay đổi và khác biệt theo từng người và đối với từng tác phẩm. Ngay cả đối với một cá nhân, trước một tác phẩm nhất định nào đó, cái tỷ lệ này cũng có thể thay đổi theo những lần tiếp xúc khác nhau của cá nhân đó đối với tác phẩm. Có tác phẩm được xem là quen thuộc với người này thì lại trở nên khó hiểu hoặc... bất-khả-hình-dung, bất-khả-tư-nghị đối với người khác. Cái tỷ lệ quen thuộc/khác lạ này có thể thay đổi theo thời gian, theo những điều kiện khác biệt về văn hóa và xã hội, và theo những kinh nghiệm cá biệt đóng góp vào sự thẩm thức, của mỗi một con người.

Nói về hội họa chẳng hạn, đa số chúng ta cũng như người ngoại quốc đều coi những bức tranh của Raphael, Masaccio, Copley... là những tác phẩm có đường nét nghệ thuật quen thuộc và truyền thống. Còn bức *Pink Nude* của Matisse vẽ năm 1935, cách chúng ta chừng 50 năm, lại đã cho thấy những đường nét rất phóng túng và đi ra khỏi những khuôn mẫu có trước đó. Trong bức *Pink Nude,* Matisse vẽ một thiếu nữ lõa thể, hồng hào, nằm trên một tấm sofa hay trên một mặt thảm xanh đậm có những sọc ca-rô trắng, xa hơn nữa là một bối cảnh với những đường vẽ ngang, dọc và cong với những màu hồng, đỏ, vàng, cam, xanh lá

cây rất giản dị. Đầu thiếu nữ nhỏ và ở vị trí chính diện, nhưng thân và người lại ở vị trí nghiêng. Đùi, mông, ngực, và hai cánh tay to quá khổ so với đầu. Tất cả những nét vẽ đều hết sức giản dị. Tuy nhiên, với những nét giản dị như thế, cộng với sự phá bỏ những qui ước cân đối, sự không chấp nhận những ước lệ của cách đánh bóng trong tranh truyền thống, cùng với sự sử dụng những màu sắc hết sức tương phản bên nhau trong tranh, đã làm cho tác phẩm này trở nên dấu ấn của người phát động trường phái Dã thú trong hội họa.

Picasso cũng thế. Những bức tranh lập thể sau thời kỳ Lam và Hồng của ông cũng đã làm tối mắt nhiều người. Nhưng đối với Picasso, hội họa của ông *không phản chống* thiên nhiên, nó chỉ *khác* thiên nhiên thôi. Chúng ta bây giờ đã quen với những bức tranh sử dụng rất nhiều hình thể kỷ-hà-học của ông, lấy từ nghệ thuật cổ của những bộ lạc Phi châu và có nguồn gốc gần gũi với những bức tranh của Cézanne trước đó. Tác phẩm của Picasso không chỉ có tính cách bóp, vặn và thay đổi tính chất của thực thể, nó còn có tính sáng tạo. Bức *Những thiếu nữ ở Avignon* ("Les Demoiselles d'Avignon") của Picasso có thể được gọi là bức tranh lập thể đầu tiên của thời đại chúng ta. Tất cả những hình thể, vóc dáng trong bức tranh, dù là khuôn mặt, hình dáng người, hay những tấm vải, những trái lê, trái nho, trái táo..., đều bị cắt, chẻ, tách ra khỏi cái toàn bộ, nguyên vẹn, qui ước và tự nhiên của chúng để trở thành những mặt cong, méo, gẫy ,hay bị chuyển sang một vị trí khác, bị dồn-nén-bóp-uốn vào những không gian không bình thường.

Ở tranh của Picasso, người ta thấy cái tỷ lệ quen thuộc/ khác lạ kia đã dồn nghiêng hẳn về phía của những cái khác lạ, khác lạ đến độ kỳ dị. Nhưng nếu chúng ta đã làm quen với những bức tranh lập thể kiểu này, ta sẽ thấy là Picasso đã giới thiệu cho chúng ta một cái nhìn sự vật từ nhiều phía *một lúc* qua tranh của ông. Nhiều người có cảm giác như là Picasso đã giúp cho chúng ta có những con mắt ở nhiều vị trí khác nhau, và cả con-mắt-bên-trong, con mắt tâm linh, để nhìn vào những thực thể mà ông muốn diễn tả. Không những thế, càng về sau, nhất là sau cuộc nội chiến Tây Ban Nha, Picasso càng đi về phía những cái "kỳ dị" này. Tranh của ông không còn giống sự vật bình thường như chúng hiện ra trước mắt chúng ta. Tranh ông đầy những nét biểu tượng, kinh hoàng, bi thảm. Như là Picasso tìm cách vẽ những khuôn mặt bên trong của con người. Như là ông muốn vẽ lên những ý tưởng, những suy tư sau những cái mặt nạ của mỗi một con người kia. Tất cả những hình thể trong tranh ông được sắp xếp lại. Mũi có thể ở vị trí của tai. Tất cả đều trở thành xáo trộn. Ta có thể cùng lúc nhìn thấy

toàn thể khuôn mặt của những nhân vật trong tranh ông, đồng thời nhìn ra những mặt xéo, mặt nghiêng của chúng.

Nhưng sự nhìn-thấy-đồng-thời kia có một lý do đặc biệt. Picasso mong muốn đem đến cho chúng ta một cảm giác như đứng trước một con người thực qua cái nhìn vào tranh ông. Không phải là một con người được vẽ lại, được sơn phết rồi đẩy vào bức tranh. Picasso đã trình bày những khuôn mặt với những bình diện phức tạp của chúng trong sự chuyển động. Không phải chỉ chuyển động trong không gian mà còn là chuyển động trong thời gian nữa.

Nếu nhiều bức tranh của Picasso xem ra quái dị và không thể chú giải nổi thì chính là bởi cách nhìn của chúng ta. Chúng ta chỉ quen với cái nhìn, qua đó, thực thể hiện ra trước mắt chúng ta trên một mặt phẳng. Thật khó để có thể thay đổi cái nhìn khiến cho nó đem đến cho chúng ta, cùng một lúc, những khía cạnh, những mặt khác nhau của sự vật.

Vấn đề thẩm thức ở đây đã trở nên phức tạp. Chúng ta có quyền chê tranh Picasso, và người khác cũng có quyền nhận xét về những... kinh nghiệm mỹ học dễ dãi của chúng ta.

Đọc thơ cũng thế.

Chúng ta hãy thử xét hai câu lục-bát này của Bùi Giáng:

Bây giờ em ở nơi đâu
Cỏ trên mình mẩy em sầu ra sao

(Sa mạc trường ca)

Chúng ta thấy hai câu thơ thế nào? Có dị hợm quá chăng? Có chất thơ chăng? Hai câu thơ này có nằm trong những ước lệ bình thường của thi ca không?

Trước hết, ta có thể thấy là hai câu lục-bát trên đây là hai mệnh đề độc lập với nhau. Mỗi mệnh đề là một câu hỏi; và hai câu hỏi được đưa ra liên tiếp. Chẳng khác mấy chàng Anh, Mỹ gặp nhau nói, "How do you do? Business looking up, eh?" Câu hỏi ở vế lục, nếu bỏ bớt chữ *nơi* thì không khác gì một câu nói, một lời hỏi thăm bình thường. *Bây giờ em ở đâu?* Ngôn ngữ rất giản dị. Y như là lời nói hàng ngày.

Câu hỏi ở vế bát có một vài điểm nên phân tích.

Thứ nhất, *cỏ* và *sầu*. Một là danh từ, một là động từ. Cả hai đều là những từ chúng ta dễ bắt gặp trong thơ. Tuy nhiên, cách dùng hai từ này trong câu thơ của Bùi Giáng có những điểm đặc biệt. Tại sao để thăm hỏi một người con gái, một *người em* nào đó, thi sĩ lại hỏi về *cỏ*. Cỏ đây là cỏ nào? Sao không dùng những ước lệ bình thường: *Lòng* em, (hoặc *tim* em) có buồn không?..

Vấn đề thứ hai là, tại sao *cỏ* lại *sầu?*

Trong thi ca, hình ảnh của cỏ cây, hoa lá có khi là một hình ảnh của sự vươn dậy, hớn hở, sáng tươi, bềnh bồng, tha thướt...

Như Nguyễn Du đã viết:

***Cỏ non** xanh tận chân trời*
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

hay thơ mộng, lãng-mạn-hồng như cỏ của Phạm Duy:

Rước em lên đồi ***cỏ non** ngập lối*
Rước em lên đồi hẹn với bình minh
Đôi chân xinh xinh như tình đang khép nép
*Hãy vứt chiếc dép bước đi trên **cỏ hồng***

(Lời bài "Cỏ hồng", Phạm Duy)

Có lúc, cỏ cây cũng buồn... Cỏ cây chia theo cái nhịp tâm ý của con người. Lại Nguyễn Du:

Sè sè nấm đất bên đàng
***Rầu rầu ngọn cỏ** nửa vàng nửa xanh*

Hay Xuân Diệu tiền chiến:

*Gió lướt thướt kéo mình qua **cỏ rối***
Đêm bâng khuâng đôi miếng lẫn trong cành

Hoặc Tư Không Thự đời Trung Đường trong "Tặc Bình Hậu Tống Nhân Bắc Qui":

Thế loạn đồng nam khứ,
Thời thanh độc bắc hoàn.
Tha hương sinh bạch phát,
Cựu quốc kiến thanh san.
Hiểu nguyệt quá tàn lũy,
Phồn tinh tức cố quan.
Hàn cầm dữ suy thảo,
Xứ xứ bạn sầu nhan.

Lúc loạn cùng nhau lánh
Khi yên về một mình
Quê người tóc đã bạc
Núi cũ mây còn xanh
Trăng sớm vượt tàn lũy
Sao khuya trọ cổ thành
***Cỏ hoang** chim chóc lạnh*
Đây đó sầu mông mênh

(Đào Mộng Nam dịch)

Vậy là cây cỏ cũng buồn. Buồn vui ở đây là do cái tâm ta chiếu vào. Tâm ta là cái tâm vô định, cho nên cỏ có lúc buồn lúc vui.

Tại sao Bùi Giáng thấy cỏ sầu?

Bởi lẽ thi sĩ xa *người*iem nên chính cái tâm của thi sĩ động trước, thi sĩ sầu. Và vừa dùng phương pháp nội quan (introspection) của tâm lý học ngôi thứ nhất để nhìn vào lòng mình, vừa dùng phương pháp của tâm lý học ngôi thứ hai để tìm đến và chia sẻ với *em*, thi sĩ thấy em cũng sầu. Dựa trên một quan hệ thân mật nào đó đã có với nhau từ trước mà ta không rõ, thi sĩ biết chắc là *cỏ* trên *mình mẩy* em cũng sầu, cũng héo. Đây là một hình ảnh cụ thể, có tính cách vật lý. Không phải lòng sầu hay tim sầu, nhưng là *cỏ sầu*. Cỏ trên mình mẩy là một vật có thực chứ không phải cỏ mọc trọng linh hồn, hay cỏ mọc trên nỗi-buồn-tôi trong văn chương hiện sinh.

Đến đây, không cần trình bày thêm, có lẽ chúng ta đã thấy rõ hai từ *cỏ* và *sầu* trong câu thơ Bùi Giáng đã được dùng một cách

rất đặc biệt. *Cỏ* chính là người, sau khi thi sĩ đã liên tiếp áp dụng hai phương pháp so sánh ngầm (ẩn dụ) và hoán dụ. Còn *sầu* được dùng theo lối nhân cách hóa.

Từ kép *mình mẩy*, nếu tách khỏi hai câu thơ của Bùi Giáng kể trên, sẽ bị nhìn là không mang màu sắc thi ca. *Mình mẩy* thiếu chất thơ. *Mình* nếu đi với một tính từ nào khác, chẳng hạn như *mình ngọc (da ngà)*, thì chúng ta thường thấy trong thi ca; còn *mình mẩy* thường chỉ xuất hiện trong văn chương. Loại tả chân. Nhất là nếu từ *mẩy* lại được dùng như tính từ. Hoặc trong những câu nói thông thường hàng ngày, như: "Vào trong tắm rửa mình mẩy đi anh rồi muốn làm gì thì làm, cắt cỏ xong người anh hôi rình à!"...

Tuy nhiên, đọc lại hai câu thơ của Bùi Giáng, chúng ta phải nhận là khó có thể tìm được từ nào hay hơn để thay vào chỗ của từ kép *mình mẩy* mà Bùi Giáng đã dùng. Những từ *cỏ* và *mình mẩy* cuộn lấy nhau, cho chúng ta một hình ảnh rõ nét trong *thị trường* của thi sĩ, đồng thời, cho chúng ta hiểu rõ tâm tư ông và những ước muốn thầm kín của ông. Từ *sầu* đi theo ngay sau đó làm ta bỡ ngỡ và khiến cho ta thấy thi sĩ đáng yêu quá, thơ mộng quá.

Từ *cỏ* và *mình mẩy* trong câu thơ của Bùi Giáng đặt lại vấn đề *profanity* (cái tục) trong văn chương. Cái tục của Bùi Giáng ở đây có thể được so sánh với cái tục của D. H. Lawrence với *Lady Chatterley's Lover*, của Anaïs Nin trong những quyển Erotica như *Delta of Venus* và *Little Birds*, của Flaubert trong *Madame Bovary*, của Henry Miller trong *Tropic of Cancer* và *Tropic of Capricorn*... Đây là những cái tục thơ mộng, làm đẹp chứ không làm xấu văn chương.

Về ý nghĩa, ta thấy hai câu thơ Bùi Giáng có thể diễn ra văn xuôi đại loại như sau: Em ở đâu? Anh nhớ em lắm. Anh mong có em ở bên để anh *ân-cần-săn-sóc-nhỏ-to-âu-yếm-vuốt-ve* em. Em có buồn nhớ anh *từng-chút-một* không?!..

Thật sự thì không nhất thiết phải diễn giảng hai câu thơ của Bùi Giáng ra như thế, có thể có cách diễn giải khác. Nhưng đại loại, tinh thần hai câu thơ là vậy. Ai quen biết với luật ngôn-ngữ-tạo-tác (transformational hay generative grammar) của Noam Chomsky đều hiểu rằng những câu nói bình thường mỗi ngày của chúng ta đều là kết quả của một chuỗi những cách sắp xếp văn phạm khác nhau với những luật biến hóa liên tiếp, xảy ra một cách tự động trong tiềm thức ta, để, cuối cùng, cho ra những câu nói gọn gàng kia. Có được cái khả năng sắp xếp, biến đổi hết sức đặc biệt và nhanh chóng đó là vì ta đã được nuôi dưỡng trong một dòng văn hóa luôn nhồi nắn, dạy dỗ cho ta cái ngôn ngữ mà ta sẽ sử dụng sau này ngay từ khi ta mới chào đời.

Thi sĩ cũng thế. Sở dĩ thi sĩ tìm được những cách nói thơ

mộng, súc tích, hay đẹp đẽ, độc đáo, bất ngờ —so với những câu nói bình thường của chúng ta trong đời sống mỗi ngày— chính là do nơi hắn đã luôn sống, mơ, và trau giồi cái ngôn ngữ của hắn để có thể diễn tả lại một cách trọn vẹn, độc đáo và gọn gàng những giấc mơ hắn có.

Về mặt nhịp điệu, hai câu thơ của Bùi Giáng có thể ngắt đoạn như sau:

Bây giờ / em ở đâu
Cỏ trên mình mấy em / sầu ra sao

Trên quan điểm từ-vụ-học, và hiểu một cách bình thường thì câu lục bắt buộc phải ngắt 2-4, câu bát 5-3. *Bây giờ* là một trạng từ, đứng vai trò của một trạng ngữ (adverbial phrase), phải được tách ra khỏi mệnh đề chính. Mệnh đề *em ở nơi đâu* là một câu hoàn chỉnh và ngắn, không cần tách đoạn.

Câu bát, nguyên cả cụm từ *Cỏ trên mình mấy em* là chủ từ. Nó là một danh-ngữ (noun phrase), đứng vai trò chủ ngữ (Subject) và không thể tách ra được. Dù sao, ta nhận thấy trong cụm từ này *Cỏ* là danh từ chính, và *trên mình mấy em* là trạng ngữ chỉ nơi chốn (hay vị trí), làm rõ nghĩa cho danh từ *cỏ*. Cụm từ *sầu ra sao* là vị ngữ (predicate), trong đó *sầu* là động từ, *ra sao* là trạng từ. Trong Anh và Pháp ngữ, cũng như trong một số ngôn ngữ khác, trạng từ *ra sao* này được một luật biến hóa (transformational rule) cho phép nhẩy lên đầu câu để biến thành những từ *How* và *Comment*, v.v..., đồng thời luật này lại kéo theo một luật nữa, bắt buộc việc đảo ngược chủ từ và động từ trong câu.

Vậy thì với nhịp điệu như vậy, cách ngắt như thế, vần *đâu* và *sầu* trở nên rõ ràng và được nhấn mạnh. *Đâu* vì là vần ở cuối câu lục nên dĩ nhiên được chú ý. *Sầu* được chú ý nhấn mạnh vì *mình mấy em* đã được đọc nhỏ đi, sau khi *cỏ* ở đầu câu được nhấn mạnh. Vậy *nơi đâu* và *sầu*, hai ý chính trong câu thơ lục-bát của Bùi Giáng, với cách sắp xếp nhịp điệu và cách ngắt giọng của thi sĩ, đã được để ý rõ ràng.

Ngoài ra, ở câu bát, vì ngắt nhịp lẻ 5-3 nên câu thơ đưa ra được một cảm xúc bồn chồn, lo lắng, bứt rứt, bồi hồi... tỏ rõ sự bất an. Điều đó diễn tả được tâm ý của thi sĩ.

Về phương diện phát âm học, âm *âu* trong *nơi đâu* và *sầu* là một âm chúm. Tôi muốn nói là khi phát ra âm này, đôi môi người đọc hay nói phải chúm lại. Động tác chúm môi tạo hình ảnh một cái hôn, một sự trao gửi, yêu thương. Từ *đâu*, bắt đầu bằng phụ âm *đờ*, trong tiếng Việt, là một âm mà khi phát ra, đầu lưỡi phải chạm vào thành lợi ở ổ răng phía sau những răng cửa ở hàm trên. Tiếng Anh gọi âm này là apico-alveolar. Gần giống như âm [d] của những từ *do, did* trong tiếng Anh, nhưng âm Việt không có phì hơi

gió. Từ *đâu* lại có thanh *phù bình* chứ không phải *trầm bình*, bởi thế, câu hỏi được đặt ra một cách nhẹ nhàng, âu yếm: *em ở nơi đâu?*

Từ *sầu* bắt đầu bằng phụ âm *sờ*, đọc là [s] theo lối Bắc, đọc là [ʂ] theo lối Nam hoặc Trung, đều là những âm xuýt, phát ra hơi gió một cách liên tục. Tuy nhiên, nếu đọc theo lối Nam và Trung [ʂ] thì cuống lưỡi phải chạm vào phần vòm cứng ở ngay sau ổ răng cửa hàm trên, hơi gió được cuộn, ép lại, và đẩy ra mạnh hơn; nếu đọc theo lối Bắc [s] thì nó cũng giống như trường hợp của âm [ð] trong *đâu*. Bùi Giáng sinh ở Quảng Nam, người miền Trung cho nên chắc đọc *sầu* với âm đầu là [ʂ]. Chữ *sầu* như thế sẽ có âm gió thở mạnh ra, lại thêm thanh *trầm bình* (huyền) đè xuống một cách da diết, thiết tha, rất hợp với tâm trạng thi sĩ.

Có người sẽ nói : " Những từ *đâu* và *sầu* thì ai cũng phát âm như thế, cứ gì phải đến khi thi sĩ nói thì chúng mới có được những tác dụng vừa kể". Nhận xét này rất đúng, nhưng chính vì thế, nó lại càng nhấn mạnh được sự tinh tế và tính trực cảm của người thi sĩ khi hắn biết dùng, biết chọn lựa những từ, những âm thích hợp để diễn tả ý mình.

Thật ra thì Bùi Giáng cũng có thể viết :

Bây giờ em đã đi luôn
Cỏ trên mình mẩy em buồn ra sao

Nhưng, nếu viết như thế, câu thơ này sẽ không đưa đến được một số tác dụng như chúng ta vừa phân tích. Những tác dụng liên tưởng xẩy ra từ phương diện phát âm.

Như thế, ta thấy là chỉ vỏn vẹn với hai câu thơ của Bùi Giáng, đọc qua tưởng là chơi, phân tích một cách khá kỹ như vậy thì thấy nó là một cấu trúc rất hoàn chỉnh. Cấu trúc này thi sĩ không cố tìm cách sắp xếp như những phương trình toán học hay như một tòa kiến trúc với dụng công tỉ mỉ. Thi sĩ thở ra thơ. Trong vô thức, trong tiềm thức, thi sĩ luôn sống với giấc mơ của mình, bởi thế, khi thở ra, thơ đã là một chỉnh thể vừa có tính thơ mộng của thi ca, vừa chứa đựng trong nó tất cả những yếu tố cần thiết để diễn tả tâm ý của mình.

Nếu đọc thơ cho kỹ, ta sẽ thấy con người tác giả hiện rõ mồn một.

Lại lấy bốn câu khác, cũng của Bùi Giáng. Sở dĩ tôi đưa Bùi Giáng vào trong bài tiểu luận này là vì ông là một thi sĩ đặc biệt. Như Picasso đã phá hết những qui ước cổ điển trong hội họa với những bức tranh lập thể, Bùi Giáng, trong thế giới thi ca, đã phá vỡ mọi thứ *đều đều* như thế. Hình tượng, ngôn ngữ, tình ý trong thơ ông bị *đảo tứ lộn tam* và bị sắp xếp lại. *Lưu tồn khuyên giải thấp cao. Chưa xong tồn lý đã dào tồn lưu.* Những hình tượng, ngôn

ngữ đó thoắt biến thoắt hiện và làm mở bùng ra nhiều khía cạnh khác nhau của *cõi người ta,* để người thưởng ngoạn nhận ra chúng cùng một lúc. Ấy là cõi thơ Bùi Giáng. Thơ *phá ngôn, phá ý* và *phá hình.*

Người con gái / lội qua khe
Bàn chân với nước lạnh / đè lên nhau
Nỗi niềm / tưởng lại xưa sau
Bàn chân với nước cùng nhau lại đè
(Gái lội qua khe)

Chúng ta sẽ thôi không phân tích mấy câu thơ này như hai câu thơ trước nữa. Ta chỉ thấy với nhau là qua cái nhịp ngắt mà ta đã thử làm 3-3 / 5-3 /2-4 / 8-0, những hình tượng trong thơ được mở ra. Động tác *lội qua khe* có vương nét gập ghềnh, chao đảo với nhịp lẻ. Nước lạnh và bàn chân đè lên nhau, cứ thế liên tục và tranh chiếm chỗ của nhau, động tác không được nhịp nhàng, cũng với nhịp lẻ. Thế rồi, một, hai, chục năm sau ta ngồi nhớ lại, và trăm ngàn năm nữa sau khi ta đã mất đi, những hình ảnh đó vẫn mãi còn trong cái vũ trụ của vật lý lượng tử kia. Mỗi hình ảnh đã xảy ra đều còn mãi trong chốn không gian, thời gian mênh mang bất tuyệt và thẳm sâu dàn trải không cùng này. Thật ra thì phải nói *ta đã xảy ra* với hình ảnh em lội qua khe, phải không? Vì ta rồi sẽ mất đi, mà cái hình ảnh em lội qua khe sẽ còn mãi, dù cho một, hai ba triệu năm sau có tồn lưu lui tới.

Bởi thế, khi *tưởng lại* sự vụ em lội qua khe như vậy, mọi thứ bây giờ thảy đều nhịp nhàng, êm ái trong nỗi tưởng tôi. Mọi thứ vẫn vậy, vẫn *khe,* vẫn *nước lạnh cùng bàn chân đè qua đè lại,* thế nhưng mọi sự bây giờ là thơ mộng, là dịu dàng xuôi chảy. Đúng với những nhịp chẵn của hai câu dưới.

Người con gái, lội, khe, bàn chân, và *đè* (hai lần) có làm cho ta liên tưởng kha khá đến *libido* và Freud. Nhưng Bùi Giáng và Nguyễn Đức Sơn lúc nào lại chẳng... *libido* trong thi ca Việt Nam.

Những nhận xét vừa rồi về các bức tranh của Matisse, Picasso, và về một vài câu thơ của Bùi Giáng cũng có thể cho ta thấy vấn đề thẩm thức nghệ thuật có những cái công phu của nó. Chúng ta dễ dàng chấp nhận cái quen thuộc, cái gần gũi, và, nhiều khi, cái giản dị, mà chối bỏ những cái khác lạ, kỳ bí. Nhưng thật sự, có những cái khác lạ, kỳ dị ẩn giấu trong nó những nét sáng tạo. Bởi thế, thẩm thức phải là một thói quen cần được luôn luôn trau giồi để mỗi ngày mỗi trở nên tinh tiến, sắc bén. Trong sự thẩm thức tác phẩm nghệ thuật ở bất cứ một bộ môn nào, nỗ lực đi đến gần hơn nữa những đối tượng mà lúc ban đầu ta cảm thấy khó hiểu sẽ luôn đưa lại một phần thưởng quí báu là ta bùng mở được tác phẩm. Một trong những điều kiện quan trọng đòi hỏi ở người

thưởng ngoạn, nếu hắn muốn có được những kinh nghiệm mỹ học bậc nhất, là hắn phải sẵn sàng chấp nhận tác phẩm mà hắn muốn đến gần là công trình, nỗ lực của một con người thiết tha, đúng đắn, và bình thường trong luận lý. Những điều này, xưa kia, có vẻ tự nhiên, vì những nghệ phẩm luôn đi sóng đôi và phát biểu lên cái cá tính của con người sáng tạo. Nhưng nhìn vào hội họa, âm nhạc, cũng như văn chương... trong thế kỷ chúng ta đang sống, mọi sự đều *có vẻ* như không còn qui củ hay nhịp điệu gì nữa. Tất cả đều có vẻ xáo trộn.

Trong hội họa, quần chúng đã phải điên đầu lên với những bức tranh đầy chất man dã và có tính tàn phá. Những trường phái mới với những qui ước liên tiếp phủ nhận nhau ra đời. Lãng mạn,trừu tượng, biểu hiện, biểu tượng, hiện thực, ấn tượng, dã thú, lập thể, siêu thực, tân cổ điển, hậu ấn tượng, đa-đa, tân lập thể (futurism), tân biểu hiện... Và còn bao nhiêu nữa.

Trong địa hạt văn chương và thi ca, các phong trào hiện sinh, hippie, yuppie... cùng với những trường phái phát triển song song và mang cùng tên với những trường phái bên hội họa cũng đã vừa làm tối tăm mày mặt những người thưởng ngoạn, vừa kích thích và làm sắc bén hơn sự thẩm thức của con người. Tiểu thuyết mới, rồi thơ mới, thơ phá thể, thơ cụ thể, thơ phối nghệ... mỗi ngày mỗi mài sắc khả năng thưởng ngoạn và óc nhận xét, thẩm định, phê bình của giới văn nghệ.

Trong địa hạt âm nhạc, không còn nghi ngờ gì nữa, âm nhạc của thời đại này đã được làm cho nổi bật bởi cái đặc tính phong phú về mọi mặt của nó. Phong phú trong tiến trình thực hiện, trong cách viết, trong quan niệm, trong cách trình bày, và trong những phạm vi mỹ học. Tất cả những sự phong phú này càng được thấy rõ hơn nếu ta so sánh chúng với những ý niệm song song trong âm nhạc của các thời trước. Sau một giai đoạn dài có tính cách ổn định với loại âm nhạc có nét hùng hồn và với những luật tắc có tính cách truyền thống, thế kỷ này đã cho thấy sự mở đầu của những thể, những âm, những khí cụ, những phương cách truyền thông, và những phương pháp mới trong âm nhạc.

Một cách tổng quát, âm nhạc của quá khứ được xem là một nghệ thuật có tác dụng chính yếu trong việc sử dụng âm thanh để khơi dậy những cảm thức của con người. Ngày nay, chúng ta thấy có những nhà soạn nhạc hay những ca sĩ trình diễn đầy tính chất thử nghiệm (experimental) hay... tiên tiến (avant-garde) trải nhạc họ trên những ý niệm xuất phát từ toán học, từ những nhận thức tâm lý, từ hệ thống chuỗi (hệ liệt, serial system) trên lý thuyết xác suất, trên những ý niệm có tính cách kỹ thuật hay những ý niệm phát xuất từ điện toán... Ngoài ra, nhạc của thời đại chúng ta còn

áp dụng nhiều nguyên tắc cũng như kỹ thuật khác nữa khiến cho nó trở thành một thực tại hết sức đa dạng và phong phú. Những quan niệm về tiếng động, tiếng ồn trong âm nhạc thời trước cũng đã bị phá vỡ. Âm nhạc mới sử dụng đủ mọi loại tiếng động, với những nhiệm vụ thẩm mỹ khác nhau, để có thể thăm dò và khơi dậy những cảm quan sâu kín nhất của con người.

•●•

Trước những hiện tượng đa dạng và có tính cách phá thể, phá vỡ, của rất nhiều mặt nghệ thuật khác nhau trong thời đại chúng ta, người thưởng ngoạn nhiều lúc phải ngồi suy nghĩ lại. Nhiều khi ta phải xem xét lại, định lại trình độ thẩm thức của mình. Trước một sáng tạo phẩm tưởng như là vô nghĩa, hay kỳ lạ, hay làm cho ta khó chịu...trong cái nhìn đầu, có lẽ điều nên làm là ta phải cố gắng tìm hiểu ý nghĩ, tâm tư của kẻ sáng tạo. *Chúng ta hãy dành cho kẻ sáng tạo một cơ hội để diễn tả cái ý, cái tâm của họ.Đừng vội lên án và chối bỏ.*

Để có một thẩm thức đúng đắn về tác phẩm nghệ thuật, người thưởng ngoạn, trước hết, phải có thiện chí để nhận thức rằng nếu mình chưa hiểu được ý nghĩa của một tác phẩm nghệ thuật, có lẽ đó là do nơi mình đã chưa có những cố gắng đúng và đủ, chứ không phải là do sự vô nghĩa lý của tác phẩm nghệ thuật. Người thưởng ngoạn, ít nhất trong một giai đoạn tạm thời nào đó, nên có một lòng *khiêm* và *ái*, đối với kẻ sáng tạo và đối với tác phẩm của hắn, đủ để giữ lại lời phê bình, phán quyết của mình đối với một tác phẩm nghệ thuật cho đến lúc người ấy tin chắc rằng thái độ và sự nhận định của mình được đặt trên những hiểu biết sáng suốt về tác phẩm mà hắn đang muốn nói về. Điều ấy có gì là thua lỗ đâu? Và nếu có, nó sẽ được đền bù lại ở một thời điểm nào đó, khi khoảng cách giữa hắn và tác phẩm nghệ thuật không còn hiện hữu. Lúc ấy, hắn sẽ vui mừng thấy được cái đẹp đẽ, thơ mộng, cái hợp lý, cái có ý nghĩa... của tác phẩm nghệ thuật mà trước đây hắn tưởng là không thể nào bắt gặp.

Ngoài lòng *khiêm* và *ái* nên có khi đến với một tác phẩm nghệ thuật, người thưởng ngoạn thường có sẵn một câu hỏi để đem ra chất vấn, bàn cãi với những người chung quanh, "Tại sao anh nói là cuốn sách đó (bức tranh đó, bản nhạc đó...) hay?" và "Ai có thể, hoặc có quyền, xác định cái gì là xấu là dở, cái gì là hay là đẹp?"

Trong một xã hội mà sự chọn lựa *đúng* trở nên điều tiên quyết để người ta có thể tiến bước và an tâm sống thì cũng là một nỗ lực tự nhiên của con người khi nó cố gắng thiết lập những căn bản thích hợp cho sự chọn lựa, sự phán xét trong lãnh vực nghệ thuật.

Thực ra, những từ "tốt", "xấu", "hay", "dở", "đặc sắc", "tầm

thường"... đều có một tính cách rất khái quát. Khi một người dùng một từ nào đó trong những từ trên để gán ghép nó một cách có ý thức với một tác phẩm nghệ thuật, người ta tin và mong rằng người ấy *biết* những từ này nói lên điều gì, và có thể phân tích cặn kẽ, với một thái độ khách quan, tại sao họ dùng từ đó. Tuy thế, vấn đề giá trị tuyệt đối trong phạm vi mỹ học đã làm bạc tóc nhiều triết gia qua bao thế kỷ. Nhiều nhà mỹ học đã cố gắng thiết định những hệ thống giá trị cho những bộ môn nghệ thuật. Không có một hệ thống nào, cho đến nay, chứng tỏ được là hoàn toàn thích hợp. Có những lúc, chính những nhà mỹ học này lại đụng đầu với những hệ thống mà các vị ấy đã dựng nên —và lúc bấy giờ, những vấn đề trầm trọng hiện ra— bởi lẽ chúng ta không thể nào loại bỏ được những cái nhìn có tính cách riêng tư hoặc chủ quan. Mỗi một người thưởng ngoạn, theo một cách thế nào đó, là một nhà phê bình. Ngoài ra, còn một sự khó khăn nữa; có một số những nguyên tắc thích hợp được dùng làm tiêu chuẩn thẩm định trong quá khứ, khi áp dụng vào những mặt của nghệ thuậthiện đại, lại chứng tỏ là không thích hợp. Nghệ thuật của thế kỷ này đã phá vỡ rất nhiều mặt những hệ thống cũ.

Dù sao, có những tác phẩm nghệ thuật đã được đánh giá cao, vì sự thử thách thẩm mỹ của chúng đối với thời gian đã chứng tỏ chúng là những tuyệt phẩm. Chúng đã được đánh giá cao bởi những nhà phê bình. Và tiếng nói của những người này không phải là tiếng nói của quần chúng ù lì hoặc dễ xúc động, hay của một cá nhân với một khả năng thẩm thức chung chung. Đây là tiếng nói của những người đã thiết tha và đã học hỏi qua bao nhiêu kinh nghiệm mỹ học của họ. Sự tiếp xúc của họ đối với những tác phẩm nghệ thuật hơn gấp bao nhiêu lần so với sự tiếp xúc của những người thưởng ngoạn bình thường. Có những người đã bỏ cả một đời để miệt mài học hỏi, thẩm định, phê bình. Công việc của nhà phê bình là đem *cái hay, cái đẹp, cái giá trị thật* của một tác phẩm nghệ thuật ra phân tích và trình bày trước giới thưởng ngoạn. Người ấy xem việc khám phá, tìm ra được *những giá trị ẩn giấu* trong tác phẩm nghệ thuật là sự thành công, đồng thời là sự đóng góp, của mình trên mặt nghệ thuật.

Khi nhà phê bình đánh giá một tác phẩm nghệ thuật, chúng ta nên hiểu rằng, trước hết, họ đã xét đến giá trị tự thân của tác phẩm đó, sau nữa, họ đã so sánh tác phẩm ấy với những tác phẩm khác mà họ, trong đời, đã được thưởng thức. Một nhà phê bình càng có kiến văn rộng chừng nào thì ý kiến của ông ta càng trở nên xác đáng chừng ấy. Ý kiến đó quý và có lợi cho người thưởng ngoạn cũng như cho sự đi lên của sinh hoạt nghệ thuật nói chung.

Tuy nhiên, một điều chót chúng ta cũng nên nhớ, là ngay cả những nhà phê bình xuất sắc và đầy kinh nghiệm cũng không thể

đưa ra những đánh giá có tính cách tuyệt đối, mặc dù ý kiến của họ, như ta đã trình bày, thường có một trọng lượng nào đó. Sự nhận định của họ cũng có thể được xét lại như những nhận địnhcủa mỗi một chúng ta. Khiếu thẩm mỹ cũng như các tiêu chuẩn giá trị có thể thay đổi. Tất cả những thẩm định mỹ học đều có thể được xét lại dưới sự soi chiếu của những tương quan văn hóa mới. Dù vậy, thái độ và sự nhận xét của nhà phê bình vẫn có giá trị và có ích cho người thưởng ngoạn. Kinh nghiệm của họ dày. Họ có những cơ hội để mở rộng tầm mắt hơn chúng ta. Họ bỏ công học hỏi và theo dõi những tiến trình của nghệ thuật xưa cũng như am hiểu sự biến chuyển của nghệ thuật hiện đại. Với sự chuẩn bị và với kinh nghiệm đó, họ có thể hướng dẫn những người thưởng ngoạn tài tử và trao truyền cho những người này những sự hiểu biết về nghệ thuật qua những chú giải sáng láng và đích đáng của họ.

Thẩm và *thức* như thế, con người sẽ sống đẹp và phong phú hơn. Nó sẽ trở nên gần gũi và chia sẻ tâm tình với nhau một cách sâu kín, đậm đà hơn. *Cõi người ta* trở nên một cõi mộng, trong đó, con người nắm tay nhau để vươn tới cái Đẹp, cái Thật.

Cái Đẹp và cái Thật ấy sẽ hiển lộ và vinh thăng con người.

• **Bùi Vĩnh Phúc**
huntington beach, California

Bac Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU,
M.D, F.A.C.O.G
Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THĂM THAI VÀ ĐỠ ĐẺ.
- BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIẾM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIẾM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÁ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG MẠCH:
TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: ***(714) 531-5505***

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

Nguyễn Văn Sâm
Một ngôi sao nữa rụng

*T*rong điện thoại viễn liên, giọng Đào Trung Đạo trầm buồn như cảm nhận một mất mát sẽ xảy ra trong tương lai gần: "Có thể có tin buồn, mấy hôm trước Mai Thảo cho biết VÕ KHẮC KHOAN đau nặng, hôm nay (thứ bảy 13-9-86) gọi, chuông reo mãi mà không ai có ở nhà." Ngừng một lúc, giọng Đạo đượm lo âu: "Tao sợ cả nhà đã trực ở trong nhà thương. Có lẽ đã có chuyện gì rồi."

Tiếng "có lẽ" gợi một hi vọng và thảy cho tôi một tấm ván về sự không có gì chắc chắn của sự kiện, nên chỉ đón tin với một chút xúc động. Niềm xúc động đến thật mau, nhưng tan biến thật nhanh khi có sự nhúng tay của suy luận: chuyện chưa có gì chắc chắn.

Tôi hỏi để kiểm điểm lại điều ngờ:

— Ổng đau gì vậy, nặng lắm sao?

— Cancer. Mổ nhiều lần rồi. Giờ nó lan ra tùm lum.

Tôi chợt nghe mình đau đau lăn tăn ở bụng, chỗ bao tử. Ai vướng vào nợ văn chương dường như cũng đều phải trải cái lãi suất ác ôn nầy, không bao tử thì ruột gan phèo phổi... May ra thực phẩm và thuốc men ở xứ nầy cứu vãn được phần nào chăng! Nhưng chắc chắn chẳng chóng thì chầy, chẳng nầy thì khác. Tôi thở dài, hỏi tiếp, giờ thì thấy chuyện rất có thể trở thành hiện thực.

— Ổng bao nhiêu rồi?

— Hình như bảy chục.

Một bài toán trừ hiện ra trong trí tôi để xem mình còn bao nhiêu nữa. Thói quen lẩm cẩm nầy theo tôi từ lâu lắm, lúc ở quê nhà mỗi lần đọc một mộ bia thấy người nào trong lứa mà đã nằm xuống, tôi đều buồn cho họ, thầm mừng cho mình. Ngày tháng chất chồng, đọc tiểu sử bất kỳ nhà văn nào, tôi lại mần mò xem họ đã sống được bao lâu để rồi tự vấn còn "thọ" bao nhiêu tuổi trời nữa, đã viết gì, trong đó có bao nhiêu điều xứng đáng? Thường là thất vọng, ngày tháng ở đây qua vèo với những chuỗi ngày trả nợ

áo cơm, khoảng thời gian dành cho viết lách thiệt ít ỏi, càng ít-ỏi hơn khi sống đơn độc, xa cách cộng đồng, vốn sống phải đào-xới trong quá khứ, kỷ niệm, soi rọi tâm hồn vào những từng lớp sự kiện, tâm tư đã được chôn chặt trong thời gian.

Tiếc cho mình, phải chi được ở trong những vùng đông người Việt.

•●•

*N*guyễn Mộng Giác gọi điện thoại hỏi: "Ông VÕ KHẮC KHOAN mất rồi, biết chưa?"

Khác với hôm qua lúc nghe Đạo nói với chữ *có lẽ*, lần nầy tôi bàng hoàng thật sự, cái bàng hoàng của người thấy sự mất mát, thấy sự bất lực của nhân sinh trước tạo vật, thấy một sự công bằng đến tàn nhẫn của Tạo Hóa: ai cũng phải có lúc nằm xuống, dầu cho người đó đóng góp thật nhiều cho đời, dầu cho thêm vài năm tuổi đời, ông ta ích lợi hơn cả cuộc sống của những người bình thường, nhà cửa, xe cộ, ăn chơi, phè phỡn, ích kỷ.

Trích tiên Lý Bạch một thời xáo-động rồi cũng rong chơi tiên cảnh. Tử Mỹ với những bài thơ hiện thực xúc động cả với ngườixa cách mấy trăm năm sau, cũng đi về cát bụi mịt mùng... Những người nầy tuổi trời còn cao. Tác giả Đằng Vương Các tự, Nguyễn Nhược Pháp, Hàn mặc Tử ngắn hơn. Sớm muộn thôi, trời cho ai bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu. Ai cũng có lúc nằm xuống, lẽ công bằng tàn nhẫn tạo vật dành cho nhân sinh!

Tôi trả lời như để nói với mình:

— Buồn ghê, những ngôi sao lớp trước rơi rụng từ từ. Chồi non tấn lên chưa thấy được bao nhiêu, nghĩ buồn cho văn chương Việt. Nạn hồng thủy đối với dân tộc kéo theo nạn hạn hán của văn chương. Đại nạn nhân sinh lấn sang đại nạn chữ nghĩa.

— Anh em mình viết bài về ông Khoan nhé! Nhắn giùm Quân nữa.

— Sẽ cố. Cần là tấm lòng. Một sự thương mến thật sự, con người cụ thể hoặc con người văn chương. Chỉ sợ điều mình viết ra nằm trong cái thường tình: nhận-một-người-nằm-xuống hay nhận-một-sự-quen-biết.

— Mình làm gì được cứ làm. Văn Học sẽ ra một số đặc biệt về VÕ KHẮC KHOAN... Hơi nào... Người viết ở đây có bao nhiêu!

Buông điện thoại xuống, tôi tiếp tục miên man nghĩ về câu nói của "Muà Biển Động". Đâu có bao nhiêu, không nhiều, thương mến nhau không hết, nâng đỡ nhau đi không đủ, sao lại dửng dưng, thù nghịch, ganh ghét. Giở tuyển tập do Hoàng Ngọc Ẩn thực hiện 5 năm trước dò lại, chốc đã 6 người nằm xuống: Hoàng Minh Hương, Xuân Hiến, Nhất Sơn Vũ Quang Hân, Hồng Liên

Lê Xuân Giáo, Thanh Nam, giờ thì Vũ Khắc Khoan. Những ngôi sao lần lượt rụng, mất mát gieo vào lòng người hầu như năm nào cũng có...

Bầu trời âm-u còn lại lác-đác sao khuya.

•●•

*T*ôi biết tài họ Vũ đâu vào khoảng 1957 — cùng với tạp chí Sáng Tạo mà tôi chờ đợi mỗi đầu tháng, nóng lòng ra sạp báo chộp lấy đọc mê mẩn, ngấu nghiến trên đường về, lắm lúc còn đến cả tòa soạn — lúc đó Sáng Tạo đóng đô ở một căn nhà nhỏ trên đường Ký Con cạnh Hội Dục Anh và một tờ báo chuyên về Kịch Ảnh — để hỏi — Vũ Khắc Khoan của những truyện cổ được nhìn lại bằng một lăng kính mới phóng khoáng hơn, sinh động hơn, mang một nội dung triết lý với nhiều ý nghĩa đã mở cho tôi một cõi mới trong cái nhìn về truyện cổ khác với cái nhìn tôi có được khi đọc Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc.

Tôi cũng tò mò đọc lại những bài viết cũ của ông đăng trên một tạp chí do Tổng Hội Sinh Viên Hà Nội chủ trương xuất bản ở thủ đô trước ngày đất nước bị chia đôi. Lúc đó họ Vũ viết những bài nghị luận, nặng nề, trí thức, tôi nghĩ, sự đóng góp của họ Vũ vào phần lý thuyết của nhóm Quan Điểm bắt đầu từ những suy tư đó.

Sau nầy, khi có thêm được một chút thưởng ngoạn văn chương, tôi say mê Vũ Khắc Khoan qua *Thành Cát Tư Hãn* — cũng như *Người Viễn Khách Thứ Mười* của Nghiêm Xuân Hồng — hai kịch bản của nhóm Quan Điểm và có thể nói là hai kịch bản hàng đầu của nền văn học VNCH.

Những *Lộng Ngôn, Mơ Hương Cảng,* thật tình không để lại lòng tôi một dấu ấn nào, nhưng những năm đó tôi thấy con người thật họ Vũ có điều gì hay hay.

Tôi chân ướt chân ráo về phục vụ trong ban Việt Văn trường Đại Học Văn Khoa thì Vũ Khắc Khoan đã dạy ở đó lâu rồi. Ông thuộc vào thế hệ trước, lớp già, nhưng có cách đối xử thật thân thiện, tương kính, và không đố kỵ đối với người trẻ, thái độ kẻ sĩ trong cách xử-thế, phong cách tài tử của nhà văn trong cách nói chuyện. Tôi chưa thấy ai ghét hay khinh ông, không phải vì ông tròn đầy, vừa lòng mọi người mà vì cái phong thái, cái gì là lạ toát ra từ trong nụ cười,cái gật đầu, cách đốt điếu thuốc, và cả trong cử chỉ ít người có, vắt vưởng trên xe xích lô chạy tuốt vào trong sân trường. Sinh viên *mến* thầy ở những cách giải thích mới mẻ những vấn đề đặt ra, *thích* thầy ở những câu đùa cười vỡ bụng nhưng thầy không đổi thay nét mặt — có chăng là cúi xuống đốt thêm một điếu thuốc đen — điếu thuốc gắn liền với họ Vũ — và *trọng* thầy ở

sự sốt sắng chỉ dẫn về giảng khóa. Giáo sư KHOAN có cái gì đó phân biệt với đồng nghiệp cùng trường, phong cách khoáng đạt của nhà văn trong nhiệm vụ nhà giáo, cử chỉ từ tốn của nhà giáo trong bộ dạng nhà văn.

Tôi thường nhìn mặt ông trong các buổi họp Ban để liên tưởng đến bộ mặt của *Thành Cát Tư Hãn*, người hùng đã làm nghiêng ngửa Âu Châu, đạp dưới chân Châu Á, hay vẻ kỳ bí của ông *"Thần"* trong huyền thoại *Tháp Rùa*..., một gương mặt đặc biệt, tròn trịa, cái tròn trịa rõ nét bụi đời, đỏ, bóng, anh chị, cương nghị và từng trải. Vậy mà ông hiền khô, nhũn nhặn và đầy tính chất trí thức trong lúc nói chuyện.

Trong bảy năm cùng nhau phục vụ dưới một mái trường, tôi chưa từng nói chuyện văn chương với ông — lúc đó tôi sống đời thầy giáo, không có cuộc sống văn nghệ — nhưng những lúc bàn về đề tài giảng dạy, tôi thấy sự say mê của họ Vũ trong việc kiện toàn chương trình của trường cũng như ý hướng muốn có một thế hệ sinh viên có một hành trang đầy đủ về kiến thức văn hóa Việt.

Tôi mến VŨ KHẮC KHOAN từ thái độ đó.

•●•

*S*au những ngày dao động về sự đổi chủ của đất nước, chúng tôi, những người kẹt lại, có cái thích thú tò mò kiểm điểm lại kẻ còn người mất, họ Vũ đã may mắn thoát đi. Những lúc qua cư xá giáo sư ở Duy Tân, tôi thường nghĩ tới Vũ Khắc Khoan, căn nhà ông giờ người khác — Phan Hữu Dật — trưởng ban điều hành trường Đại Học Văn Khoa, chiếm ngụ, tôi thấy điều gì đó mỉa mai, người của chế độ mới cũng mập mạp như ông Khoan, nhưng cặp mắt thiệt láu cá và lời nó luôn luôn che đậy một dụng ý. Người ở trước phóng khoáng và gần gũi bao nhiêu thì kẻ chiếm ngụ sau chi ly và thù nghịch bấy nhiêu. Người trước văn chương chữ nghĩa bao nhiêu, người sau đố kỵ, mù quáng bấy nhiêu. Tôi tiếc sách vở trong căn apartment đó, tôi tiếc bộ *Vấn Đề* mà trước đây mình thiếu mấy số. Tang thương và thay đổi!

Lúc đó tin tức bên ngoài lọt về quê nhà thật hiếm hoi và không chính xác. Tin Đỗ Đình Tuân đi hát lãnh cashier cả chục ngàn mỗi lần trình diễn, tin kịch *Thành Cát Tư Hãn* bản tiếng Mỹ được thực hiề thay đổi!

Lúc đó tin tức bên ngoài lọt về quê nhà thật hiếm hoi và không chính xác. Tin Đỗ Đình Tuân đi hát lãnh cashier cả chục ngàn mỗi lần trình diễn, tin kịch *Thành Cát Tư Hãn* bản tiếng Mỹ được thực hiện, Vũ Khắc Khoan lãnh nửa triệu Mỹ kim, chúng tôi truyền tai nhau mà xót xa cho thân phận chậm chân, bất tài, ở lại chờ đợi một cách tủi hổ, xót xa những bữa phân phối cá ương, thịt thối,

mấy thứ rau héo úa, vài hột tiêu và mấy gram bột ngột..

Qua Mỹ, trực diện đời sống ở đây, mới thấy tin về phần nào phát sinh từ sự thật, nhưng đã được phóng đại đến tận cùng bằng những đầu óc tưởng tượng phong phú, xứ nầy có thể kiếm được những số tiền lớn, nhưng đâu phải chỗ cho những người làm văn nghệ!

Dựng kịch, viết lách, hát hò được là tốt rồi, những số tiền lớn xin đừng nằm mơ, các sắc dân Á Châu khác ở xứ nầy đã lâu, mấy ai mơ tưởng đến chuyện đó!

•●•

Tôi báo tin sự nằm xuống của *"Thần tháp rùa"* cho Bình Nguyên Lộc, giọng *"Rừng mắm"* một chút gì đó hốt hoảng, bàng hoàng, cái bàng hoàng tôi đã có ngày hôm trước.

Im lặng một lúc lâu, Bình Nguyên Lộc hỏi:

— Ảnh thọ được bao nhiêu?

Tôi lặp lại câu nói của Đào Trung Đạo hôm trước.

— Như vậy còn nhỏ hơn tôi.

— Anh còn hơn mười năm nữa mà!

Cái cười hiền từ đầu dây bên kia. Chúng tôi trao đổi nhiều câu chuyện khác nữa, nhưng tôi biết, cũng như tôi, Bình Nguyên Lộc không để hết tâm trí đến câu chuyện mà lơ mơ suy nghĩ về cái chết của một người bạn văn, về trạng thái của một người cô đơn, xa cách bạn bè, trực diện với một vấn đề lớn của đời trước: *cái chết*.

Tôi nhớ đến mấy câu thơ của họ Vũ:

"Tôi cúi đầu tưởng đến duyên kỳ ngộ
Mong manh chim lạ cành du
Rồi những khuôn mặt cũ
"Cùng lận đận bên trời một lứa"
Giờ đây thưa thớt
Như lá mùa thu
"Ước cũ duyên thừa"
Có còn tiếp nối
Hay chông chênh sát na một thoáng
Chim lạ bỏ cành du
Cánh nhỏ vụt nhòe trong ánh tuyết...

Vâng, bạn bè *"bên trời lận đận"* lại thưa thớt, giờ một người nữa lại bỏ cuộc chơi, cánh nhỏ nhòe trong ánh tuyết trắng xóa về nơi xa thẳm ngút ngàn để thương cho người còn lại. Câu mách nước của Mai Thảo *"muốn hiểu sự tối thẳm (của ngành sân khấu) như thế nào xin hỏi người viết và dựng kịch Vũ Khắc Khoan"* sẽ chẳng bao giờ áp dụng được nữa. Người có thế giá nhất về kịch — lồng trong một lý thuyết về tư tưởng — đã nằm xuống. Vĩnh viễn

không thể trả lời. Vĩnh viễn.

Một ngôi sao nữa đã thiếu trên bầu trời. Chúng ta, những người còn lại bàng hoàng, xúc động. Ngác ngơ.

*
**
*

Nguyễn văn Sâm
(Texas, Sept. 86)

QUÝ VỊ PHỤ HUYNH HÃY ĐẶT MUA DÀI HẠN CHO CON EM:

MĂNG·NON

TỪ BÁO TRẺ VIỆT HẢI NGOẠI

Nơi phát hành: Trung Tâm Thông Tin Học Vụ và Nghiệp Vụ tại Cộng Hoà Liên Bang Đức:
VIDI
Postfach 844
4600 Dortmund 1
(West Germany)
Chủ Bút: NGÔ NGUYÊN DŨNG

Giá báo cho một năm 6 số (kể cả cước phí): Tây-Đức: 12,-DM; Âu-Châu: 15,-DM; ngoài Âu-Châu: 10 US$

Tặng quà cho con cháu, anh chị em, bà con và bạn bè gần xa không gì đẹp bằng một năm báo MĂNG-NON:
Đặt mua cổ động MĂNG-NON,
Để cho con cháu vẫn còn nhớ quê.

Đặng Phùng Quân

Về Vũ Khắc Khoan

• Một chút kỷ niệm với Vũ Khắc Khoan.

Tôi rất ít khi viết về người đang sống cùng thời, vì tôi không thích khi gặp gỡ, họ nhìn tôi như một kẻ-phán-xét-họ. Trừ hai lần. Một lần viết phân tích Chùa Đàn và Tùy Bút của Nguyễn Tuân cho đăng trên Thời Tập. Tôi coi Nguyễn Tuân sau *Chùa Đàn* kể như không còn hiện diện nữa. Lần khác viết về *Ngộ nhận* của Vũ. Bài viết *Lộng ngôn như một cách nói* đã đăng trên tuần báo Khởi Hành (Viên Linh làm Tổng thư ký). Tới lúc tạp chí Văn ra số đặc biệt về Vũ Khắc Khoan, in lại bài này. Vào thời kỳ Sở "Phối hợp nghệ thuật" kiểm duyệt gay gắt một cách ngu xuẩn, số báo đã ra trễ vì lý do phải duyệt lại bài "Lộng ngôn như một cách nói". Lỗi không phải tại tôi. Lỗi ở một câu trích dẫn trong "Ngộ nhận", nhân vật nói giễu tới thuế kiệm ước song hành, tới Mao Trạch Đông.

Dạo anh em văn nghệ Saigon hay ngồi uống cà phê với nhau ở quán Chùa, dường như tôi không bao giờ gặp Vũ Khắc Khoan ở đó. Thuở viết cho Vấn Đề, chỉ việc ghé ngang báo quán Văn 38 Phạm Ngũ Lão, bỏ bài vào hộc thư dành riêng cho Vấn Đề và đi tìm người Chủ bút đòi nhuận bút. Họa hiếm mới gặp mặt Chủ nhiệm họ Vũ ở đây. Thỉnh thoảng có gặp ở những phiên họp Hội đồng khoa trong trường, ngoài hành lang lớp học trao đổi năm ba câu. Chỉ có hai lần họ Vũ đi tìm tôi. Một lần, anh đến kiếm tôi ở trường vào buổi sáng sớm (người ta đã cho anh biết thời khắc biểu của tôi), khá bất ngờ, vì anh muốn đứng ra hòa giải một chuyện xung đột giữa tôi và một đồng nghiệp lớn tuổi. (Câu chuyện cũ không đáng nhớ, điều đáng nhớ chăng là người ta nghĩ chỉ có anh mới thuyết phục được tôi, vì cái tình văn nghệ ngoài trường). Một lần khác, anh nhắn tôi ghé nhà để nhờ viết một truyện ngắn cho tập san xã hội của chị PTT (anh có nhắc nhở, viết nhẹ thôi đừng nặng quá — rốt cuộc cái truyện ngắn đó, tôi còn nhớ mang tên "Tiếng

nói" lại trở về đăng trên Văn, để đòi tiền nhuận bút của Nguyễn Đình Vượng). Hai lần, anh Khoan đều làm vì kẻ khác, và cả hai lần tôi đều làm anh thất vọng.

Họ Vũ lưu vong năm 75, tám chín năm sau tôi mới có dịp hội ngộ. Hàn huyên chuyện cũ. Anh kể, trong những ngày nhiễu nhương sửa soạn di tản, anh gặp một vị đồng nghiệp ở thang lầu, người kia tỏ vẻ ái ngại khi chép miệng nói là anh không thể ở lại được vì "cậu chống cộng quá" (Khoan nói, lúc bấy giờ thật chỉ muốn đấm cho hắn một cái văng xuống thang lầu). Tôi nhắc đến căn nhà anh trong cư xá bị viên Trưởng ban Tiếp quản trường từ Tổng hợp Hà nội vào chiếm cứ. Nhắc đến giai thoại một triệu Mỹ kim tiền tác quyền vở kịch Thành Cát Tư Hãn dịch và trình diễn tại Mỹ truyền tụng trong giới viết kịch CS. Chúng tôi cùng cười ha hả.

Anh Khoan, tôi nghĩ, được mọi người kính nể, kể cả kẻ thù, vì nhân cách và tài năng của anh.

• Ý thức văn chương nơi Vũ Khắc Khoan.

Sân khấu thoại kịch vẫn là niềm mơ ước của nhiều người văn nghệ Việt Nam. Chúng ta tưởng tượng đến một đêm kịch lớn, tiền trường huy hoàng vĩ đại, đặt vấn đề xây dựng một truyền thống kịch. Hai mươi năm văn học nghệ thuật miền Nam đã thành tựu về tiểu thuyết, thơ, truyện ngắn, song vẫn thiếu những đêm kịch đáng nhớ. Không phải vì thiếu những tác phẩm kịch. Cái khoảng trống của kịch trong sinh hoạt văn học nghệ thuật thật sự buồn bã, có thể từ nhiều phía. Chúng ta đã không có một sân khấu dành riêng cho kịch, những diễn viên thiên tài hay được đào tạo để trở thành những nhân vật kịch, lớp công chúng khởi đầu cần thiết cho kịch. Chúng ta không có những đạo diễn phù thủy của kịch (không thể đòi hỏi kịch tác gia phải trở thành đạo diễn). Chúng ta chỉ mới có những đêm dựng kịch thí nghiệm. Chúng ta không có những đêm trường triền miên trình diễn một vở kịch. Có phải, sân khấu đời đã phơi bày quá nhiều bi thảm kịch trong một cuộc chiến tự sát phi lý khiến con người không còn tinh thần thẩm mỹ để thưởng ngoạn kịch, để đam mê kịch. Có phải, sân khấu đời với những hoạt cảnh đột xuất đã là một happening lý tưởng cho những diễn viên và khán giả hòa nhập làm một, đồng diễn và phê phán lẫn nhau. Những mặt nạ nơi tiền trường rộng lớn, ở ngay những con người dưới phố. Sân khấu kịch trở thành lạ mặt trong xã hội. Phải hiểu sự thiếu vắng kinh khủng đó mới thấy nỗ lực tuyệt vọng của người viết kịch, bởi kịch viết ra không phải chỉ để đọc nhưng để-phải-được-thực-hiện. Vở *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan có thể là một kiệt tác trong *bộ môn* kịch của Việt nam, song những nhân vật như Sơn Ca, Cổ Giả Trường không phải chỉ để *được nói*

đến, mà phải *được đánh dấu* bằng một lần trình diễn. Tác phẩm kịch khi in ra lý tưởng là phải mang theo tên những diễn viên và hí viện của lần trình diễn thứ nhất. Chúng ta thường thiếu sót điều đó. Chúng ta có những tác phẩm kịch chỉ để đọc, chưa từng một lần nếm mùi thất bại hay thành công trên sân khấu trình diễn. Một vở kịch khác của họ Vũ, *Những người không chịu chết* chỉ mới có lần trình diễn thí nghiệm trên một sân khấu nhỏ và trên đài truyền hình. Tôi nghĩ, nỗi lòng u uất của người viết kịch là một nỗi tương tư *người đẹp trong tranh, giữa cái chưa thành hình và cái hiện hữu (*)* Những nét bút phác họa dần trên giấy, khung cảnh, hình tượng, nhân vật hiển hiện, những động tác, những đối thoại — trong khi sáng tạo, người viết kịch như muốn dựng lên cả một thế giới nhập thể. Khi vở kịch chưa được trình diễn, thế giới ấy vẫn còn mờ lòa. Kịch quả thật không phải chỉ gồm chữ nghĩa, kịch còn mang theo hành động, những dấu chỉ và ý nghĩa, kịch còn những thanh âm, khí hậu. Cho nên kịch chuyển biến, hóa thân theo thời đại. Hành trạng kịch của Vũ Khắc Khoan đã ghi những dấu ấn của sự tiến hóa tinh thần đó. Vũ hơn nhiều người khác ở chỗ có khả năng bắt kịp cái mới. Vào những thập niên 50 và 60, thế giới kịch đã đánh dấu một bước ngoặt lớn. Sự xuất hiện của kịch phi lý làm thay đổi bộ mặt sân khấu, cảm thụ của khán giả, lý luận đạo diễn và diễn xuất. Vũ đã tiếp nhận thế giới quan mới đó, đã đưa ra những suy nghĩ về kịch mới, viết về Samuel Beckett và En attendant Godot. Tôi nghĩ, *Những người không chịu chết, Ngộ nhận* và *Gác xép* đã bước đầu đưa cái khí hậu phi lý vào khung cảnh kịch Việt Nam. Điều gì đã gây ra những cảm xúc sâu sắc biến đổi nơi tác giả *Thần tháp rùa* — từ *Hậu trường, Giao thừa* qua *Những người không chịu chết.* Một đột khởi siêu hình. Những biến động xã hội. Mối ưu tư thời thế. Tôi nghĩ không giản đơn như vậy. Người ta có thể đọc cái mới, nhưng cảm nhận và tiếp thu cái mới để thay đổi nếp suy nghĩ và sáng tác của mình lại là một điều khác. Phải khởi từ một nhận thức, phải có một ý thức văn chương trong khi làm mới. Kịch phi lý đã phá đổ những ý niệm sẵn có trong việc xây dựng một diễn trường khách quan, giòng tâm thức, tính khí con người, câu chuyện lịch sử. Không còn cái thế giới của Chekov hay Brecht. Những con người xuất hiện trên một sân khấu vô nghĩa như thể *nothing really ever happens.* Có phải, cái quang cảnh ấy đã phản ánh nguyên trạng xã hội con người, như một phản-kịch của cuộc đời, nên kịch rốt cuộc cũng chỉ là một lộng ngôn, phi siêu hình, phi tâm lý, phi lý kể cả trên một sân khấu vô ngôn.

Đặng Phùng Quân

Thạch Mai

Nàng thu phong

Tự miền xa ta đến chốn này
Rừng phong xơ xác lá vàng cây
Ngồi coi mây trắng bay qua núi
Cười cuộc ba sinh luống tháng ngày.

Nõn tơ nàng ngủ say miên viễn
Ngón bút xoa mờ nét khổ đau
Ta dò em thở sâu tim biển
Bọt xoá tràng thiên trắng cõi sầu

Từ thuở hồng hoang em nằm đợi
Con sò ngậm ngọc đáy trùng dương
Ta tu mấy kiếp : phong ba nổi
Há miệng trôi ra đoá dị thường

Nàng bước tới trăng sao kỳ diễm
Đen như đêm mà trắng tựa hoa
Ngón hồng chắp tay trầm hương niệm
Môi thu em nở nụ khoan hoà

Giấc trăm năm cũng thì đại mộng
Ta cùng em cất gót xa vời
Về chốn đó rờn xanh Thạch động
Chết bên nhau ức kiếp mù khơi

Tủy xương em mấy mùa sương giá
Ta hà hơi, suốt triệu bình minh
Thịt da em hong màu nắng hạ
Ta ngâm câu thơ viết cho mình

Ngày đêm mây trắng ngủ trên ghềnh
Trời thở dài, đất cũng làm thinh
Lá rừng phong lá không bay nữa
Lá rụng tơi bời lối tử sinh...

Mai Kim Ngọc

Nước mắt chảy xuôi

1

Luân thu xếp bàn giấy sửa soạn ra về. Cảm ơn Chúa hôm nay là ngày thứ sáu, và Luân thấy nhẹ nhõm khoan khoái. Thứ hai tới là lễ Lao Động nên chàng sẽ được nghỉ ba ngày liền. Hơn nữa những dự án lớn của hãng đã hoàn tất và chàng có quyền nghỉ đến nghỉ ngơi một cách toàn vẹn. Đã ba tháng nay, chàng bận rộn tíu tít vì những kế hoạch này kế hoạch nọ phải hoàn tất cho kịp hạn kỳ...

Cả mùa hè vừa qua kể như là Luân đã bỏ bê gia đình. Không những chàng không mang vợ con đi nghỉ hè thường niên, mà cũng không có cả thì giờ đưa gia đình ra ngoài ăn tiệm một buổi. Cũng may Liên là người vợ đảm đang, đã một mình lo lắng nhà cửa con cái. Nàng đã sắp xếp học hè cho mấy đứa lớn, đưa đón chúng đi làm thêm để kiếm tiền tiêu vặt trong năm. Vậy mà mùa Hè sắp qua rồi...

Chàng nghĩ đến những "dự án" nhỏ với con Hằng, kế hoạch từ đầu Hè mà đến giờ vẫn chưa thực hiện được. Hằng là con gái út của chàng, vừa lên tám. Hôm đầu Hè, chàng hỏi nó muốn làm gì, thì nó xin hai chuyện. Thứ nhất là học tiếng Việt và thứ hai là tập tennis. Cả hai "dự án" đều rất đáng khen, chỉ có điều là con bé ước mong được chính cha phụ trách cả hai.

Hằng rất thán phục bố. Chuyện gì bố cũng làm được. Chạy nhẩy mà bị sướt đầu gối là chỉ cần bố bôi chút thuốc đỏ và dán thêm chút băng keo là Hằng yên chí. Vi trùng sẽ không lợi dụng cơ hội làm độc, và vài bữa sau vết thương sẽ ăn da non.

Con chim non trong chiếc tổ trên cành cây cao ngoài vườn có

hôm tập bay rớt xuống. Mỏ nó còn vàng, cánh nó còn yếu, và mắt nó còn thơ dại với một đường chỉ vàng nhỏ viền quanh mí. Nó không có thương tích gì nặng, chỉ có điều là không trở lại tổ được mà vẫn chưa thể kiếm ăn một mình. Lại có con mèo mun lớn vởn đâu đây. Chim mẹ sợ hãi rối rít. Hằng cuống quýt vừa đuổi mèo vừa gọi bố. Vậy mà chỉ trong năm phút, bố Hằng đã giải quyết mọi chuyện đâu vào đấy. Bố bắc thang đặt con chim non vào trong tổ cho nó đoàn tụ với anh em nó. Tuần sau nó ra ràng, chập chững bay từ cụm cây này sang cụm cây nọ trong vườn.

Lại còn vụ tập đi xe đạp. Lễ Giáng Sinh năm ngoái, Hằng được chiếc xe đạp mới. Vậy mà đến gần Tết dương lịch Hằng vẫn chưa biết đi. Mấy anh mấy chị thay nhau tập cho Hằng, mà ngã vẫn hoàn ngã. Đến khi anh Tuân bảo "con bé này sao mà ngu thế", thì Hằng nhất định không thèm tập nữa. Không ngờ món quà Giáng Sinh mong đợi cả mấy tháng lại hóa ra nguyên do cho bao nhiêu là bực mình và nước mắt. Cho đến khi bố can thiệp. Bố đích thân dậy Hằng, ôn tồn chỉ dẫn cho Hằng, và sau cùng giữ nhẹ tay lái chạy theo Hằng cho đến khi Hằng vững thì bố bỏ ra. Tuy không còn giữ tay lái, ông vẫn tiếp tục chạy song song với xe, để phòng xa nếu Hằng có mất thăng bằng. Nhưng Hằng đã thành công như con chim ra ràng sau cùng đã biết bay. Lảo đảo thêm vài vòng nữa, sau cùng Hằng cũng điều khiển được tay lái. Bố đứng lại sung sướng và hãnh diện nhìn Hằng đạp xe theo những vòng tròn nhỏ xung quanh.

Bữa cơm tối hôm đó, Hằng khoe với mẹ:

"Con biết đi xe đạp rồi. Bố con dậy con. Cái gì làm với bố cũng mau xong lắm. Bố của Hằng cái gì cũng làm được hết."

Hằng thường dùng tiếng "Bố con" hay "Bố của con" để nhắc đến chàng. Vợ chàng sửa nó nhiều lần nhưng nó vẫn không chịu thay đổi. Hôm đó nàng lại mắng yêu Hằng:

"Bố của mày chớ có ai thèm giành đâu mà lúc nào cũng bố của con..."

Và Hằng lại phụng phịu làm nũng.

***

Luân bỗng thấy ân hận đã không có thì giờ với con trong suốt vụ Hè vừa qua. Con bé thật ngoan. Mình sai hẹn với nó cả mấy tháng nay mà nó không cằn nhằn. Hèn gì nhiều người yêu con gái hơn vợ. Cũng tình yêu gia đình ruột thịt. Nhưng không có mè nheo đay nghiến như tình yêu vợ chồng... Thật là lý tưởng.. Trong những liên hệ giữa người với người, quả thật chẳng có gì tuyệt đối hơn tình cha con... Vậy mà ai cũng đổ oan cho chàng là chiều con Hằng như chiều vong, để cho nó cỡi lên đầu lên cổ. Họ đâu có biết

con bé mới mấy tuổi đầu đã biết "hy sinh", và chịu đựng những "thất vọng" ở đời một cách can đảm như vậy...

Kỳ này được nghỉ ba ngày liền, chàng sẽ làm một cái gì đặc biệt với nó, để đền bù lại... Chàng nghĩ đến vợ và những sự phản đối thường lệ mỗi khi chàng chiều con. Tuy nhiên chàng sẽ tìm cách. Thế nào chàng cũng đãi con Hằng một cái gì đặc biệt nhân vụ nghỉ dài này.

Vả lại chỉ còn hơn tuần nữa là nó lại phải đi học lại rồi. Rồi nó sẽ lên trung học. Thời gian sống với bạn sẽ tăng thêm và thời gian sống với bố mẹ sẽ ít dần đi. Rồi sau trung học là đại học, là lập gia đình. Cuộc đời sẽ thay đổi theo mỗi giai đoạn khác nhau. Chàng cảm thấy như phao phí cái thời gian mà cuộc đời dành cho hai cha con. Cái thời gian mà Hằng còn nghĩ bố là nhất trên đời, và không có việc gì mà "bố tôi" không làm được...

***

Ngày chàng còn bé, cha chàng đâu có quản ngại thời giờ dậy dỗ chàng. Tối nào ông chẳng đích thân kèm bài vở cho con. Sáng nào ông chả rán thức giấc sớm để tập thể thao với con. Còn những hôm ông đưa chàng đi bắn vịt trời nữa... So với đời trước, Luân cảm thấy mình đã không lo đúng mức cho đời sau.

***

Tối thứ sáu trên bàn ăn, Luân trưng cầu dân ý về chương trình sử dụng ba ngày nghỉ lễ. Chàng sẵn sàng chiều theo đề nghị của vợ con. Luân ngạc nhiên là mọi người dửng dưng với việc đi chơi xa. Tụi nhỏ nôn nóng vì mùa khai giảng sắp tới nên thờ ơ với những chuyện như lên núi cắm trại, hay thuê nhà ven hồ để tắm hay bơi thuyền. Chúng nó ngả về phía đi mua sắm với mẹ. Vợ chàng cũng có những dự định riêng liên hệ đến những vụ bán sales đại hạ giá đang quảng cáo rầm rộ cuối tuần này tại các cửa tiệm nổi tiếng. Chỉ có con Hằng là ghét đi sắm đồ với mẹ và các anh chị lớn. Nó rất chán những lúc phải ngồi đợi mọi người ngắm chiếc áo này thử chiếc quần kia, và thường hay kiếm chuyện đòi về. Người lớn thật là vô lý và khó hiểu. Muốn mua thì mua, việc gì không muốn mua, không định mua, mà vẫn ướm vẫn thử.

Sau cùng Luân đề nghị một giải pháp làm mọi người đều hả dạ. Tụi lớn đi sắm sửa với mẹ, còn con Hằng thì để bố lo.

2

Sáng hôm sau, khi mọi người đi rồi, hai bố con ranh mãnh nhìn nhau. Không cần mưu tính mà mọi việc xảy ra đúng như mong muốn. Chàng chưa kịp nói thì Hằng đã hỏi bố:

— Bố muốn làm gì?

— Hằng muốn làm gì?

Luân nhìn con, đề nghị:

— Đi xe đạp không? Hay bố với Hằng đạp xe lên Park rồi trưa nay đi ăn Mc Donald?

Hằng uể oải:

— Cũng được. Con làm sao cũng được. Nhưng bố có thích Hamburgers không?

Luân nhìn con. Không biết nó muốn đi xe đạp hay nó chỉ muốn chiều bố. Coi bộ nó không thích lắm. Luân rán nghĩ khi mình bằng tuổi nó thì mơ ước chuyện gì. Phải rồi, hồi đó mình mơ ước được cỡi ngựa. Bao nhiêu phim cowboys đã xem làm cho chàng tò mò rồi mơ ước cái cảm giác ngồi trên lưng ngựa, gió ào ào thổi.

— Hay là đi cỡi ngựa. Bố biết chỗ người ta cho thuê ngựa. Mà ngựa hiền nữa, không biết cỡi cũng cỡi được. Đi không?

Hỏi xong, Luân cảm thấy mình vô lý. Con trai mới mơ ước làm cowboys chớ Hằng nó là con gái, làm sao mà nó thích giống mình ngày bé được... Tuy nhiên vẫn còn chút hy vọng, bây giờ con gái nhiều khi cũng có những sở thích giống con trai. Đúng như chàng đoán trước, Hằng không có vẻ hưởng ứng nhiệt liệt.

— Nếu bố thích, con đi với bố.

Luân tiu nghỉu. Hằng thấy mặt bố không vui. Nó hơi ân hận. Rồi nó hỏi:

— Thế hôm nay bố giầu hay nghèo. Bố có nhiều tiền không?

— Bố không giầu, nhưng tuần chót của mùa nghỉ hè, mình có quyền tiêu sang. Hằng muốn làm gì hôm nay?

— Bố cho Hằng đi học lặn. Hằng thấy trên ti-vi, san hô mọc ngầm ở dưới nước đẹp lắm...

Nét mặt Hằng hân hoan khi đề nghị chuyện này. Luân tin chắc là nó muốn thật tình. Chỉ có điều chàng hay say sóng, không thích những thể thao dưới nước lắm, trừ bơi lội. Nhưng nhìn lại thấy nét mặt ước mong của Hằng, chàng quả quyết:

— Thế để bố gọi điện thoại dành chỗ, rồi hai bố con mình đi.

***

Kirk, người huấn luyện viên ngắm Hằng từ đầu đến chân như để ước lượng tầm vóc, rồi khuyên Luân nên cho cô bé học snorkling trước. Đợi lớn thêm một vài năm nữa hãy học scuba diving, như vậy an ninh hơn. Vả lại snorkling cũng thích lắm. Mấy bãi san hô nông cũng nhiều cá đẹp tha hồ mà ngắm. Anh ta cũng cho Hằng xem cái bảng hình màu in những loại cá và thảo mộc dưới nước, khu mà Hằng sắp được chơi snorkling. Hằng nhìn tấm

hình mấy con cá ngũ sắc, vỗ tay reo mừng thích chí. Nhưng nó chợt nghĩ ra một điều:

— Thế trong khi Hằng học snorkling thì bố làm gì. Bố có mang sách đi đọc không?

— Không, nhưng không sao, Hằng cứ đi học snorkling đi, bố ngồi chơi đợi Hằng cũng được.

Hằng ái ngại. Người huấn luyện viên góp ý kiến:

— Hay là ông cũng học scuba diving đi. Thời gian cũng khoảng chừng đó. Nếu ông đồng ý, chỉ nửa ngày nữa là cả hai bố con đều biết lặn. Hai người có thể thi ai lượm được nhiều sao bể hay vỏ sò.

Hằng rất thích chí. Nó cổ võ:

— Bố học đi, bố học đi. Nhưng Hằng không thi với bố đâu. Hằng muốn bố lặng chỗ sâu để nhặt vỏ ốc, vỏ sò đẹp cho Hằng. Thế bây giờ Hằng đi theo ông Kirk nhé?

Hằng lon ton theo người huấn luyện viên. Khi nó đi khuất rồi, chàng tới khu dạy scuba diving ghi tên.

***

Sử dụng những dụng cụ lặn không khó khăn. Chỉ cần nghe người huấn luyện viên một lần là Luân đã ghi nhận được tất cả những điều cần thiết. Lúc thực tập ở hồ bơi chàng không gặp khó khăn gì. Chàng lặng xuống đúng cách, và khi trồi lên cũng y trang như sách dậy. Phen này chàng sẽ có dịp lượm những vỏ sò thật đẹp cho con. Tội nghiệp cả vụ hè, chàng đã không có thì giờ chơi với nó. Chàng biết Hằng sẽ rửa sạch những vỏ sò chàng lặn được để cất trong phòng ngủ của nó như những bảo vật. Lại một thành tích là "bố của Hằng" cái gì làm cũng được.

Chàng biết con nít thường thường lấy cha mẹ làm thần tượng. Khi còn thơ ấu, cha mẹ chuyện gì cũng giải quyết được. Khả năng bất tận của cha mẹ, vành trăng rằm tháng tám, cũng như những quà biếu của ông già Noel là những của cải quí báu của tuổi thơ.

***

Một ý nghĩ buồn đến với Luân. Trước sau cũng đến lúc những thần tượng của tuổi thơ phải tan vỡ. Rồi chàng nhớ đến kinh nghiệm bản thân, và cảm thấy thương cha chàng một cách sâu xa. Hồi đó chàng cũng bằng tuổi Hằng bây giờ. Và cái ngày đáng ghi nhớ đó xẩy ra một buổi sáng mùa thu trên một bờ ruộng tại quê nhà.

Hôm đó chàng đi theo cha bắn ngỗng trời. Chàng cũng mang theo một khẩu súng bắn hơi ép, họa may có gặp chị chim gáy hay chú quạ đen nào đậu gần chăng. Hai cha con nấp sau đống rơm bên

một cánh đồng lúa chín vàng bắt đầu ngập nước. Buổi sáng còn sớm lắm, độ bẩy giờ là cùng. Trời cuối thu đã có chút ít rét mướt trong gió, và không những cây lá mà cả ánh nắng mặt trời cũng nhuộm chút sắc vàng.

Đàn ngỗng trời đầu tiên bay đến. Từ xa tiếng ngỗng kêu đã nghe thấy trong gió. Chúng bay thật cao theo hình chữ V ngược. Mấy con chim trời này nặng đến năm sáu kilo, lông trắng như tuyết chỉ trừ mút cánh là màu đen huyền. Nghe nói chúng từ những vùng băng giá của Tây Tạng hay Bắc Hoa, hàng năm bay về Nam vào dịp này để trốn lạnh.

Con ngỗng đầu đàn bay trước như mình nó kéo theo sau cả hai nhánh bên của chữ V. Cha chàng nheo mắt, ước lượng chiều gió, độ cao và vận tốc của đàn ngỗng. Rồi ông chọn hai viên đạn nạp chì số 00 nhét sẵn vào lòng súng săn. Còn ba trăm thước nữa, ngỗng vẫn còn ngoài tầm súng. Trăm rưỡi thước, rồi một trăm thước, cha chàng nhìn chiều gió một lần chót rồi ngắm một điểm di động tưởng tượng trước con ngỗng đầu đàn khoảng nửa sải tay. Rồi ông bấm cò. Một tiếng nổ chát chúa trong buổi sáng yên lặng và con ngỗng đầu đàn lao xuống như một hòn đá, với tốc độ càng ngày càng nhanh. Năm ba giây sau, nó rớt xuống ruộng lúa cách chỗ hai cha con nấp chừng chục thước. Nhưng cha chàng còn một viên đạn nữa trong lòng súng. Ông xoay người nửa vòng, rồi bắn theo đàn ngỗng đã bay về phía sau lưng. Một con ngỗng thứ hai trúng đạn rơi xuống. Đàn ngỗng còn sống sót kêu ầm ĩ và tản mát trong trời sớm mai. Luân không ngạc nhiên vì cha bắn hai phát trúng liền. Cha chàng đã bắn ngỗng như vậy nhiều lần trong quá khứ. Các bác các chú vẫn gọi ông là "cây súng thần" từ lâu.

Khi chạy đi nhặt chim, Luân ngạc nhiên là ông vẫn còn lúng túng tìm kiếm vật gì dưới cỏ. Chàng quay trở lại giúp cha. Luân bỗng đứng sững lại, nhưng quá trễ. Có tiếng thủy tinh rạn vỡ dưới gót giầy của chàng. Luân vừa đạp lên mục kính của cha.

Nhiều đàn ngỗng khác lần lượt bay qua chỗ núp của hai cha con. Nhưng từ lúc đó cho đến trưa, cha chàng bắn trật liên tiếp. Về sau chàng biết là không có kính, cha chàng tuy thấy mấy con ngỗng trên trời cao, nhưng không xác định được mũi đầu ruồi ở lòng súng và đã bắn áng chừng. Ông có thử đeo lại đôi kính đã rạn, nhưng vẫn không kết quả gì hơn. Chỉ có điều là Luân thấy hình ảnh ông đeo đôi kính vỡ trông già nua tàn tật làm sao, và chàng cảm thấy khó chịu.

Mặc dầu được hai con ngỗng trời, nhưng Luân đã không vui. Hôm đó trên đường về, chàng lầm lũi không nói gì. Cha chàng rán chọc cười nhưng chàng vẫn yên lặng. Như thường lệ, cha chàng để nghị vào cánh rừng thưa trên đường về cho chàng bắn mấy con

chim cu gáy, nhưng Luân lắc đầu từ chối. Ông đề nghị hai bố con ghé lại một tiệm cao lâu ăn trưa, chàng cũng lắc đầu, mặc dù chàng rất thích món paté gan của tiệm này.

Lần đầu tiên chàng thấy cha mình bắt đầu "già". Rồi trong khoảnh khắc, chàng nhớ lại tất cả những chuyện lặt vặt không toàn hảo của cha. Cha giảng không nên cờ bạc rượu chè, mà thỉnh thoảng vui bạn, ông cũng chén chú chén anh. Cũng có lúc đánh cờ đến khuya mới ngủ. Ông giảng cho chàng những bài văn của Rousseau về công bằng xã hội, vậy mà ông vẫn thu lúa của tá điền như mọi điền chủ trong vùng. Thật ra không có chuyện gì xấu xa, nhưng tất cả là một chuỗi sự việc không ăn khớp với nhau... Và chàng thấy khó chịu.

Từ hôm đó danh sách những điều cha làm không được càng ngày càng dài. Ít năm sau chàng lên trung học, cha chàng chỉ còn kèm được một vài môn giới hạn như Pháp văn hay toán. Rồi dần dà, ông để cho chàng tự do lo liệu lấy việc sửa soạn bài vở buổi tối ở nhà. Khả năng kinh tế của ông càng ngày càng thu hẹp, trong khi những nhu cầu của chàng càng ngày càng tốn kém. Sự quyết định dễ dàng của cha xưa kia, khi chàng đòi mua chiếc xe đạp ba bánh hay cái đèn kéo quân, cũng không còn nữa. Và như mọi người, Luân dần dà quen với những chuyện thực tế trên đời.

Nhưng chàng vẫn không quên được cái hôm cha bắn hụt ngỗng vì không có kính đeo mắt. Hình ảnh ông đeo chiếc kính đã rạn vỡ để rán bắn cho chính xác vẫn thỉnh thoảng trở lại ám ảnh chàng. Sự ám ảnh không phải vì cha mắt kém, mà vì hôm đó, chàng đã khe khắt và có những ý tưởng bất hiếu trong đầu. Chàng không sao quên được nét mặt lúng túng của ông khi ông nhìn chàng cắt nghĩa:

— Cha già rồi, mắt kém, không có kính là không thấy đường.

***

Khi chàng lên đại học, thì kinh tế gia đình hoàn toàn kiệt quệ. Chàng tránh những chi tiêu lớn. Chàng vào thư viện đọc thay vì mua riêng cho mình một bộ sách đắt tiền. Luân sợ nếu không đủ khả năng, cha chàng sẽ phải lúng túng cắt nghĩa, và làm cho chàng nhớ lại cái cảnh xưa, khi lần đầu tiên trên đời chàng nhận được những khuyết điểm và giới hạn của cha.

Khi chàng thành tài thì ông đã qua đời. Luân nhiều khi ân hận không có kịp báo hiếu. Chàng muốn thú với cha cái tội bất hiếu năm xưa, khi chàng thấy khốn khổ một cách vô lý vì nhận ra là cha phải có kính mới bắn nổi ngỗng trời.

Nhưng rồi chàng lại rán nghĩ chuyện vui. Nước mắt chảy xuôi, chàng thầm nhủ. Có lẽ bổn phận ở đời là lo cho người dưới.

Cha mẹ đâu có mong con báo hiếu. Và cách trả ơn của chàng độc nhất còn lại là rán lo cho đời sau tươm tất, cũng như cha mẹ chàng đã lo cho chàng. Và chàng cảm thấy bớt ân hận.

3

*L*uân lên tầu cùng với mấy bạn mới học lặn để ra bãi san hô thực tập. Biển hơi động, và chàng bắt đầu say sóng. Hai bình hơi đeo sau lưng nặng như hai cái cùm. Ruột gan như chạy cả lên ngực. Chàng buồn nôn, và lui ra đuôi tầu cho đỡ khó chịu. Sau cùng tầu đến bãi san hô. Mọi ngời lần lượt theo huấn luyện viên nhẩy xuống biển. Năm bộ, mười bộ, mười lăm bộ chiều sâu, và chàng chạm đáy. Cát trắng và mịn như đường cát, và nước biển trong như rượu tăm. Không còn bị con tầu lắc lư, Luân thấy dễ chịu. Và chàng bắt đầu ghi nhận cái huy hoàng của quang cảnh thủy cung. San hô hồng, san hô trắng, với những thân cành tỉ mỉ như do một bàn tay thợ khéo chạm trổ. Đáy biển đẹp như một vườn thượng uyển với những cây quỳnh cành dao trong tiểu thuyết Tàu. Rong biển vật vờ theo sóng như những ngọn cỏ xanh chơi đùa với làn gió mát. Và cá, hằng hà sa số là cá, mềm mại và linh động như những con thoi vàng thoi bạc lượn qua. Chàng nhận ra những con cá quen thuộc của chợ thực phẩm trên cạn. Nhưng mà sao ở đây chúng lộng lẫy đến thế. Vẩy cá sáng như bạc ròng, vây cá như những cánh én, và những vạch vàng hay xanh, trên cạn thì nhợt nhạt hôi tanh, mà ở đây thì huy hoàng rực rỡ như cầu vồng... Từ hình thể cho đến mầu sắc, lần đầu tiên chàng thấy cá đẹp và lạ mắt như vậy. Luân không ngờ những món ăn tầm thường để đưa đũa xấn và chấm nước mắm gừng, mà có thể đẹp một cách lộng lẫy như vậy trong môi trường của thủy cung.

Rồi chàng nhớ đến lời con gái dặn. Trên mặt cát trắng, vô số là những vỏ sò, vỏ ốc, cái thì trắng như cẩm thạch, cái thì đủ mầu xanh đỏ của cầu vòng phản chiếu trên lớp xà cừ lót bên trong. Chàng lặn sát xuống mặt cát để nhặt. Nhưng ảnh hưởng của say sóng bắt đầu hành hạ chàng. Luân thấy chóng mặt. Mấy ngọn rong biển vật vờ theo làn sóng làm chàng càng thấy mất phương hướng hơn. Luân rán kiểm soát cảm giác buồn nôn đang dâng lên. Nhưng vô hiệu. Chàng ói vào máy hô hấp làm nghẹt ống dẫn khí trời. Một đàn cá bâu lại rỉa nơi mặt chàng, nhột nhạt khó chịu, mấy con cá lớn xô chàng xuýt ngã. Nhưng Luân cũng không có dịp để ý. Mất nguồn tiếp tế khí trời là mối bận tâm sinh tử của chàng. Vô cùng lúng túng, chàng muốn bơm hơi vào chiếc áo lặng mà cũng là phao để nổi lên. Nhưng vô hiệu vì ống dẫn hơi đã tắt. Phen này thì chết đuối, Luân thầm nghĩ.

Tuy nhiên chàng vẫn chưa tuyệt vọng vì không thấy hiện

tượng "flash back" xẩy ra. Luân nghe đồn người sắp chết thường thấy tất cả sự việc đời mình vụt trở lại như để được chiêm ngưỡng một lần cuối cùng. Không, chàng không thấy thuở thơ ấu hiện về, mà chỉ vô cùng lo lắng về việc thiếu khí trời để thở.

Quả thật chàng chưa đến số. Bàn tay cứng cát của người huấn luyện viên đã vỗ vai chàng. Hắn lấy một ống thở phụ từ bình hơi của mình đưa vào miệng chàng. Khí trời ép trong chai thép sao mà ngọt như nước cam lồ. Và hắn đưa chàng lên mặt nước theo một tốc độ đều đặng. Bong bóng nổi theo chàng như những hạt trân châu, mà mặt trời của sự sống đang chờ đợi chàng một khi lên tới mặt nước. Trong khi hốt hoảng Luân đã buông mấy con ốc ngũ sắc mà chàng đã lượm được ở dưới đáy cho Hằng..

Lúc tầu cập bến, Luân đã thấy Hằng đứng đợi trên bờ. Tóc nó còn ướt dính bết hai bên thái dương, nhưng mặt con bé tươi như hoa. Nó đang đợi vỏ sò vỏ ốc ngũ sắc của bố lượm từ đáy bể lên cho. Tầu cập bến, Hằng lon ton chạy ra đón bố. Nó hỏi:

— Vỏ ốc của con đâu?

— Bố bị mệt nên bỏ quên dưới đáy biển rồi.

Nó tiu nghỉu. Rồi nó chợt nhận thấy nét mặt tái xanh vì say sóng của bố. Nó tíu tít hỏi:

— Bố làm sao vậy? Bố đau phải không?

Một người bạn cùng lặng với chàng, hai tay khệ nệ mang một cái túi lưới đầy vỏ sò vỏ ốc, nhanh nhẩu nói:

— Không sao đâu, cô bé. Bố cô say sóng một chút, ói ra mấy lần, nhưng huấn luyện viên cứu kịp thời. Chỉ một lát là hết mệt chớ không sao đâu.

Luân thấy nhẹ nhõm. Tất cả cái khó khăn của việc cắt nghĩa, người khách lạ đã vô tình làm hộ chàng.

4

*T*rên đường về nhà, Hằng ngồi yên. Chàng hỏi nó có muốn ăn kem va-ni không, nó lắc đầu. Lát sau, chàng hỏi nó có muốn mua đồ chơi không, nó cũng từ chối. Nó ngồi yên, nét mặt buồn bã.

Luân chợt nhớ đến hôm đi bắn ngỗng trời với bố. Và chàng thấy nhẹ nhõm trong lòng. Thế là cuộc đời tuần hoàn theo đúng luật thiên nhiên. Thần tượng của Hằng đã bắt đầu tan vỡ. Và sự thất vọng ra mặt của chàng năm xưa khi thấy bố phải cần kính mới bắn được ngỗng quả là một phản ứng bình thường của tuổi thơ. Chàng thật ra không phải là một đứa trẻ bất hiếu và nhẫn tâm. Và bây giờ, chàng đã đền bù cho cha chàng bằng cách thất bại trước mặt con gái trong vụ lặn này...

Nhưng bỗng Hằng hỏi bố:

— Bao giờ Hằng đến tuổi học scuba diving.

— Bốn năm nữa. Mấy người huấn luyện viên bảo bố 12 tuổi trở lên là có thể học được.

Yên lặng giây lâu, rồi Hằng ngả đầu sang bố và nói nhỏ:

— Hằng lo bố lặn một mình, nhỡ có cá mập thì sao. Nếu biết lặn, Hằng sẽ mang theo súng bắn cá để nếu bố mệt mà cá mập có lại, Hằng sẽ bắn. Bố mà khỏe cái gì bố cũng làm được. Nhưng Hằng lo khi bố mệt, nhỡ cá mập cắn bố.

Té ra tất cả cái yên lặng của Hằng từ nãy đến giờ không phải để trách chàng không biết lặn để đến nỗi xuýt chết vì ói vào ống dẫn khí trời. Con bé đã lo cho bố về những nguy hiểm tưởng tượng hay có thật ở dưới đáy biển.

Luân thấy thương con. Nhưng chàng cũng thấy buồn tê tái khi nghĩ đến hôm bắn ngỗng năm xưa. Chàng đã không "độ lượng" với cha như Hằng. Và lần đầu tiên, Luân thèm cái khả năng đi ngược lại thời gian như trong các tiểu thuyết khoa học giả tưởng. Chàng ao ước có thể trở về những thời điểm xa xưa để đền bù những bất công quá khứ, hay sửa chữa những lỗi lầm đã qua.

Nhưng thời gian chỉ có một chiều, và nước mắt chẩy xuôi. Chàng vẫn còn là thần tượng của con. Cho đến bao giờ chàng mới trả được cái nợ bất hiếu hơn ba mươi năm trước với cha chàng, bên một bờ ruộng lúa chín vàng bắt đầu ngập nước vào tiết cuối thu, khi trong gió đã có ít nhiều rét mướt, và không những cây cỏ, mà ánh nắng cũng bắt đầu nhuốm đôi chút sắc vàng...

●

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.

9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264
Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am - 7pm

— Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng
— Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
— Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
— Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
— Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm
— Răng giả các loại: gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO
ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Tagore

Tặng vật của tình nhân

Bùi Bảo Trúc dịch

Rabindranath Tagore là một thi hào vĩ đại của nhân loại. Ông sinh năm 1861 và mất năm 1941 tại Ấn độ, tác giả của nhiều tập thơ và kịch viết bằng tiếng Bengali và Anh ngữ. Ông là người Á châu đầu tiên được trao giải thưởng Nobel Văn chương năm 1913. Trong tập thơ ngắn nhan đề LOVER 'S GIFT này, bài đầu tiên ông gửi Shah Jahan, người xây đền Taj Mahal bằng cẩm thạch tại tỉnh Agra, bang Uttar Pradesh ở phía Bắc Ấn độ, để kỷ niệm người tình lớn nhất của ông.

Tặng vật của Tagore gửi người yêu của ông là những bài ca nhỏ mà ông đặt dưới chân đền thờ Tình ái.

Bản Việt ngữ được hoàn thành để tặng M.

Bùi Bảo Trúc

XII

Ages ago when you opened the south gate of the garden of gods, and came down upon the first youth of the earth, O Spring; men and women rushed out of their houses, laughing and dancing, and pelting each other with flower-dust in a sudden madness of mirth. Year after year you bring the same flowers that you scattered in your path in that earliest April. Therefore, today, in their pervading perfume, they breathe the sight of the days that are now dreams - the clinging sadness of vanished worlds. Your breeze is laden with love-legends that have faded from all human language.. One day, with fresh wonder, you came into my life that was fluttered with its first love. Since then the tender timidness of that inexperienced joy comes hidden every year in the early green buds of your lemon flowers; your red roses carry in their burning silence all that was unutterable in me; the memory of lyric hours, those days of May, rustles in the thrill of your new leaves born again and again.

XII

Thuở ấy, khi Xuân mở cánh cổng phía nam khu vườn thần tiên nơi thượng giới, và bước xuống miền đất sơ khai của trái đất thì loài người, nam, nữ chạy ùa ra khỏi nhà, cười đùa, nhảy múa, ném bụi hoa vào nhau trong cơn điên dại hoan lạc bất ngờ.

Rồi mỗi năm sau đó, người đã đem đến những loài hoa mà người đã vãi trên lối mòn của tháng Tư đầu tiên ấy. Bởi thế nên, ngày nay, trong hương thơm quyện khắp nơi của những bông hoa đó, hoa vẫn còn thở dài buồn cho những ngày mà giờ đây chỉ còn là mộng ảo- nỗi buồn không nguôi của thế giới đã tiêu tan. Cơn gió của người vẫn còn mang theo trên cánh những tình sử nay đã mờ phai trong ngôn ngữ loài người.

Một ngày nọ, bằng kỳ diệu thanh tân, người đã đi vào đời ta đang rộn ràng với mối tình đầu. Từ đó, nỗi e ấp mong manh của niềm vui dại dột vẫn kín đáo trở về trong những nụ hoa chanh xanh ngắt của người, những bông hồng của người mang theo trong cái thầm lặng cháy âm ỷ, tất cả những điều không thể nói được ở trong ta, hoài niệm của những lời ca, những ngày của tháng Năm đó, vẫn xôn xao trong cơn xúc động của những chiếc lá non hồi sinh, hồi sinh mãi mãi.

XVII

While ages passed and the bees haunted the summer gardens, the moon smiled to the lilies of the night, the lightings flashed their fiery kisses to the clouds and fled laughing, the poet stood in a corner, one of the trees and clouds. He kept his heart silent, like a flower, watched through his dreams as does the crescent moon; and wandered like the summer breeze for no purpose.
One April evening, when the moon rose up like bubble from the depth of the sunset; and one maiden was busy watering the plants; and one feeding her doe, and one making her peacock dance, the poet broke out singing : " Oh, listen to the secret of the world . I know that the lily is pale for the moon 's love . The lotus draws her veil aside before the morning sun, and the reason is simple if you think. The meaning of the bee' s hum is the ear of the early jasmine has escaped the learned , but the poet knows".

The sun went down in the blaze of blush, the moon loitered behind the trees, and the south wind whispered to the lotus that the poet was not as simple as he seemed. The maidens and youths clapped

their hands and cried "The world's secret is out". They looked into each other's eyes and sang "Let our secret as well be flung into the winds".

XVII

Năm tháng dần trôi, những con ong không rời những khu vườn mùa hạ, mặt trăng mỉm cười cùng những bông huệ trong bóng đêm, những tia chớp vội vàng gửi những nụ hôn nhoáng lửa cho những cụm mây rồi lại cả cười bỏ chạy, thi nhân đứng yên trong một góc, góc đầy cây cối và mây che. Chàng giữ trái tim câm nín, như một nụ hoa, canh suốt những cơn mơ của chàng như mặt trăng lưỡi liềm, và lang thang không mục đích như cơn gió mát chiều hè.

Một chiều tháng Tư, khi trăng nhô lên như một chiếc bong bóng từ đáy thẳm của hoàng hôn, một thiếu nữ đang mải miết tưới nước cho cây cỏ, một cô khác đang cho con hươu nhỏ ăn, một người khác đang cho con công múa, thì thi nhân lên tiếng ca rằng "Ôi, hãy lắng nghe niềm bí ẩn của trái đất. Ta biết huệ phai màu vì yêu trăng. Sen gỡ mạng che trước mặt trời mọc, và nguyên do thì giản dị, nếu người chịu tìm tòi, suy nghĩ. Ý nghĩa lời thủ thỉ của ong bên tai bông hoa nhài buổi sớm vượt khỏi tầm hiểu biết của nhà thông thái, nhưng nhà thơ thì lại hiểu rõ hơn ai".

Mặt trời lặn xuống trong nỗi e lệ rực lửa, trăng còn lẩn quất sau lùm cây, và cơn gió Nam nói nhỏ với hoa sen rằng thi nhân không bình dị như bề ngoài của chàng. Những thiếu nữ và những chàng trai trẻ vỗ tay la lớn : "Niềm bí ẩn của thế giới đã bị tiết lộ". Rồi họ nhìn vào mắt nhau, hát vang : " Hãy gửi luôn cho gió niềm bí mật của trái tim ta".

Bùi Bảo Trúc dịch.

ĐÃ TÁI BẢN

ĐAY ĐỊA NGỤC

hồi ký lao tù cộng sản của TẠ TỴ

Độc giả mua sách muốn có chữ ký của tác giả, xin gửi mua tại :

Mr Tạ Tỵ

9152 Danby Ct, San Diego, CA, 92129

Giá tại Hoa Kỳ : 15 MK. Ngoài Hoa Kỳ 17 MK.

Tạ Chí Đại Trường

Một trú sở Việt của thần linh Cái đình làng

(tiếp theo kỳ trước)

B/ LÀNG XÃ TRƯỚC ĐÌNH ĐẾN LÀNG XÃ TẬP TRUNG Ở ĐÌNH ĐẨY MẠNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐÌNH

Điều phát biểu trên có thể gây khó chịu cho số đông người vẫn chủ trương rằng sự tự trị của làng xã là một yếu tính của xã hội Việt Nam từ thời còn là "công xã" là yếu tố vừa bảo đảm được tính chất độc lập của dân tộc, vừa biểu lộ tính dân chủ truyền thống của người Việt. Thực ra, quá khứ phức tạp và thực tế vẫn chứa đựng nhiều cay đắng hơn lí tưởng thêu dệt, mang tính biện minh của người sau. Chưa nói đến những dẫn chứng bài bác, một quan niệm như thế có hàm ý về một sự trì trệ, bất biến nữa, của xã hội Việt Nam, trái ngược với những người chủ trương tưởng là đang bênh vực xã hội này.

Từ thế kỉ XI, khi đất nước Đại Việt đã thiết lập một chính quyền trung ương có uy lực thì làng xã đã bị xâm phạm, bị tước đoạt những quyền lực mà các vùng đất nhỏ co giãn này đã giành được trong những khi chính quyền chao đảo, đổ vỡ —nhưng cũng khó quan niệm rằng các địa phương nhỏ này lại được cai trị ổn thỏa bởi một hội đồng kì lão hay bởi một lãnh chúa nào đó.

Dấu vết người đứng đầu làng xã do trung ương đặt ra có dưới đời Trần (1242), nhưng họ đã hiện diện dưới triều Lý được nhắc lại qua việc lập sổ đinh năm 1228. (35) Quyền trung ương như thế là đã đến tận làng xã (tất nhiên là đậm lạt tùy nơi, tùy lúc) đi theo với quan niệm vương thổ mượn của Trung Quốc và được thực hiện bằng quyền uy của binh lực Lý rồi Trần cùng các triều đại về sau. Nhưng kẽ hở của quan niệm vương thổ thu tô với tính chất cống phẩm là điều kiện để cho ruộng tư xuất hiện, tồn tại và để cho chức việc xã có một chừng mực thao túng như một trung gian quản lí ruộng đất trong vùng cộng thêm việc quản lí người.

Có những điều kiện nảy sinh do trình độ kỹ thuật canh tác

khiến cho việc quản lí tài sản và người ở đơn vị cơ sở của xã hội Việt Nam không được quá một diện tích nào đó, khai thác bởi không quá vài trăm nhân khẩu chính thức trong một vùng: người làm ruộng với gia súc, tư liệu sản xuất không thể di chuyển quá một vài giờ trong ngày và ruộng không thể xa nơi ở để dễ dàng cho việc chăm sóc giữ gìn mùa màng, nhất là về ban đêm. Cho nên, làng xã mở rộng quá hay quá đông là có ngay đề nghị hay lệnh chia cắt (giữa năm 1460). Tính chất "khu vực" có cơ sở từ đó.

Chính sách quân điền thi hành từ khi nhà Lê dựng nghiệp càng khiến cho trách nhiệm làng xã tăng lên—tất nhiên quyền hành nội bộ cũng tăng theo, mạnh hơn vì theo một khuôn khổ kỉ cương nhặt nhiệm liên hệ to rộng khắp nước. Hãy nhìn một số sự kiện chứng tỏ trách nhiệm đó, những điều chưa từng thấy có ở các triều đại trước: năm 1465, lệ làm sổ hộ ghi việc xã họp với phủ, huyện, châu, 1486 xã thôn trưởng cùng những người già cả hội cùng quan trên cắm mốc ruộng công, tư, 1498 xã có thêm hai người (xã quan, xã nông trưởng) đốc thúc việc nông tang, cuối 1500 xã trưởng giỏi được đề nghị làm quan nhỏ bù cho lệnh năm 1466 cất chức quan của người cầm đầu xã.

Vấn đề đặt ra có liên quan đến cái đình là các xã quan, xã trưởng này có trụ sở (nói theo kiểu ngày nay) để làm việc không? Có phải đó là cái nhà công cộng mà các nhà rông ngày nay gợi ý không?

Về cứ liệu trực tiếp thì ta không thấy ở đâu nói đến một nhà công cộng như thế cả. Có thể ngờ rằng một xây dựng thế tục như thế khó có qui mô to rộng trước sức ép của trung ương, nếu so sánh địa vị xã quan đối với huyện, phủ, châu là cấp bực cao trực tiếp với họ trong hệ thống chung và nếu nhìn vào hệ thống đẳng cấp xã hội gắt gao đã bắt đầu từ đời Lý. Trần Lai được Trần Nhân Tông phong là tiểu tư xã vùng Bạch Đằng chỉ là một tiểu tốt nhờ dâng cơm vua lúc đói, chạy giặc: đó là trường hợp độc nhất ghi lại về hành trạng một xã quan và ta cũng không nên quên rằng đây là một người họ Trần. Nhà Lý đã cấm dân cất nhà ngói (1097) nghĩa là những xây dựng trong dân chúng khó có cơ sở tương đối vững chắc để kéo dài tới thời kì có gạch ngói phổ biến. Nhà rông có lí do tồn tại một cách bề thế trong tổ chức xã hội đến *buôn* -có một nhà cộng đồng như thế là cao nhất trong khi trụ sở làng xã với hệ thống vua quan trên cao vút hẳn không thể dùng để đối chiếu với nó được.

Vấn đề những đình xưa nhất còn lại xây có dáng nhà sàn như ông Nguyễn Văn Huyên căn cứ trên đình Bắc Sở có dáng ngôi nhà Minangkabau ở Nam Dương nghĩa là có thể liên hệ đến văn minh Đông Sơn, đến hình dạng các ngôi nhà trên trống đồng, vấn đề này cũng có thể giải thích được ngay trong một sinh hoạt mà nhà trệt

trên đất là phổ biến.

Các điếm canh ngày nay vẫn làm cách mặt đất một khoảng để tránh ẩm thấp, tránh sâu bọ, rắn rít tác hại đến người tạm trú trong đó. Các đình trạm ngày xưa hẳn cũng chọn chiều hướng xây cất thuận tiện như thế để khỏi cần đến trang bị bàn ghế, chõng nằm. Luận cứ này không dùng để phủ nhận một sự liên hệ nào đó của hình dạng đình và nhà cửa có nguồn gốc anh-đô-nê-diêng, nhưng nói đình là hậu thân của ngôi nhà công cộng thuộc thời mờ mịt hoang sơ thì đó là một lối nhìn về diễn tiến của lịch sử quá đơn giản.

Ngay ở tầng lớp trên những công trình tôn giáo bao giờ cũng tồn tại lâu hơn các công trình thế tục và như thế mới dễ bảo đảm tính chất nối tiếp truyền thống. Chùa Một Cột xây năm 1049, chỉ sửa lần đầu năm 1101 và dù có trải qua những tu sửa, xây lại, vẫn còn đến bây giờ trong hình dạng cơ bản của nó; tháp Báo Thiên (1057) đến thế kỉ XVI còn để cho người Âu thấy mà ghi nhận trên bản đồ của họ như một dấu vết đặc biệt của nước An Nam. (36) Trong khi đó, ví dụ các điện Càn Nguyên, Long An, Long Thụy của Lý chỉ mới xây vào năm 1010 mà mùa hạ năm 1012 đã phải sửa chữa lại. Xã quan là cấp bực thấp nhất trong hệ thống quan chức (phần lớn thời gian lịch sử lại không được coi là quan) thì "nha môn" của họ làm việc không thể to rộng, vững bền hơn của phủ, huyện, châu. Mà nha môn của phủ, huyện, châu ngày nay còn lại không?

Thế thì, *các đình làng sở dĩ còn lại cho đến bây giờ chỉ vì lí do nó là một kiến trúc phục vụ tôn giáo, như đền, chùa, quán, chứ không phải vì đó là một kiến trúc thế tục, một nhà cộng đồng của làng xã. Chức năng hành chính cai trị chỉ là một chức năng gán ghép so với chức năng tôn giáo* là chính của ngôi đình sau lệnh năm 1496.

Nhưng đình là trụ sở hành chính của làng bắt đầu từ lúc nào? Ta khó có thể tìm ra những bằng cớ dứt khoát cho một ngôi đình riêng rẽ nào đó, lại càng không thể tìm ra một mẫu hình tiến triển đơn giản cho toàn thể các làng ở miền Bắc.

Có điều cần lưu ý rằng công việc trung ương giao cho làng xã ngày càng nhiều, sự phân hoá trong làng xã ngày càng tăng (vấn đề ngôi thứ, hương ẩm) thì làng xã cũng cần có một nơi tập trung quyền lực để thi hành, nên việc giao đình thần cho xã đồng thời cung cấp một trụ sở hành chính với phương tiện không những là nhà cửa, địa điểm, mà còn là ruộng đất (ruộng hậu) để điều hành công việc.

Đình làng là cội nguồn thế lực, trong lúc tiến triển đến năm 1496 tuy đã thần hoá phần lớn nhưng vẫn còn tính chất thế tục nên dễ dàng cho các nha môn xã chuyển về đây. Người ta quen đi vào

đình, hẳn là vẫn có thói quen tụ tập ở đây từ trước, không có lòng e dè như đối với các đền miếu khác. Sự chuyển hướng chức năng, hay nói đúng hơn, sự tăng tiến chức năng của đình khi trở thành đình làng do đó có điều kiện thuận lợi, suông sẻ ngay từ lúc đầu. Tất nhiên sau này, khi cơ chế đình đã trở thành phổ biến thì một số đền miếu chuyển về cho làng, hay được nâng cấp (ví dụ một miếu của một xóm trở thành làng) cũng theo đó lần hồi trở thành trụ sở làng.

Một hình mẫu làm việc ban bố mệnh lệnh bắt đầu từ trung ương, cũng xuất hiện dưới triều Lê Thánh Tông và cũng đặt ở một xây cất cùng tên, nhưng là *đình tạ*. Đình Quảng Văn xây năm 1491 được dùng làm nơi quảng bá lệnh trên. Lề lối làm việc ấy hẳn là xâm nhập dễ dàng vào nơi chốn đồng dạng mà ở dưới tận làng xã.

Đình trở thành trụ sở làng xã thì vị thần thờ nơi ấy trở thành thành hoàng của làng. Nếu vì lí do nào đó vẫn còn có tách biệt về nơi chốn thần hiện diện thì thành hoàng sẽ có hai trú sở: đền hay nghè, miếu là nơi thần nghỉ ngơi, yên vị, đình là nơi để tế lễ.

Ta đã nói về trường hợp các *dâm thần*. Với tổ chức mới, những thành hoàng gốc đá, gốc núi sẽ trở thành những danh tướng giúp vua Hùng đánh giặc, thành những hoá thân của thần Tản Viên hay chính là Tản Viên chuyển dịch vị trí, phần lớn những thần Đất Mẹ trở thành nữ tướng của hai bà Trưng, những công chúa con vua Hùng... rồi sẽ chia nhau ngự trị ở các đình để làm thần bảo trợ cho dân chúng ở đấy. Thành hoàng Đông Hán đại vương ở hai làng thuộc phủ Yên Lãng và thành hoàng Mã Viện mà Lê Quí Đôn đề cập (37) hẳn có gốc là những thần ngự trị ở các từ, miếu thời Bắc thuộc.

Sự chuyển đổi quyền quản trị các nơi thờ cúng đó không phải đi theo một tiến trình giản dị. Những nơi thờ thần mà sách xưa vẫn dùng chữ *từ* để chỉ, không phải biến thành đình làng ngay. Kết quả biến chuyển là cả một sự tổng hợp rắc rối, phức tạp của tình hình chung trong nước, của các điều kiện địa phương trong một giai đoạn nào đó. Cho nên, một từ có thể trở thành đình làng, có thể đứng riêng biệt để thành các điện, phủ của đồng bóng sau này hệ thống hoá trong đạo Nội, hay có thể rơi vào quên lãng.

Đó là vì đình với nghĩa đình làng được nhà nước công nhận rất muộn. Xét các tài liệu được phổ biến đến nay, ta gặp nghĩa này đầu tiên trong một lệnh cuối năm 1663 bắt mỗi cửa đình dành tiền thưởng gánh hát ngày vào đám, (38) tức là lệnh vào lúc tổ chức đình làng đã có cơ sở rộng rãi rồi. Qui định về "tiền cửa đình", "tiền thẻ hát cửa đình" cung đốn cho các giáo phường thấy muộn hơn ở các năm 1712, 1713, 1723, nhưng chữ đình vẫn dùng chung trong các lệnh 1730, 1736, 1739 về thuế cửa đình, về *bưu đình*. Không nên lấy làm lạ về điều này, vì nhà nước còn nắm quyền tế lễ ở một số

Vì sự khuất lấp đó nên ta khó thấy trong chính sử về sự xuất hiện riêng biệt với thời điểm xác định của một ngôi đình làng nào đó. Hoạ hoằn ta mới gặp một chứng cớ hơi khác như khi Lê Quí Đôn nói về ngôi đình làng ông (40), nhân đó ta suy ra một ít về tình trạng xã hội liên quan đến sự thành lập của chúng, ít ra là ở một thời điểm thuộc thế kỷ 17.

Theo Lê Quí Đôn, thành hoàng xã Diên Hà quê hương ông, không phải là một nhân vật có gốc gác trong làng. Nguyên có một ông xã trưởng già đi nạp thuế ở kinh đô, nằm mơ thấy ba ông thần bảo ra đàn Nam Giao lấy lên về thờ (hai ông xã già lấy thế ở kinh đô về mà bịa chuyện ?). Do đó, dân làng đem cờ lọng đến rước ba ông vốn là thần giữ đền nhà trời của Đạo giáo được chính thức thờ ở Trung quốc bắt đầu từ thế kỷ XI. Chuyện "nghe nói một trăm năm trước", so với lúc Lê Quí Đôn viết sách (1777) là nửa sau thế kỷ thứ XVII , có vẻ như lúc này phong trào lập đình lan rộng (41), các xã không có sẵn một cái tử nào đó phải tìm cách chạy vạy cho ra một ông thành hoàng để tranh đua với các làng khác, và làng Diên Hà muốn chơi trội bèn thờ ba ông một lúc!

Vấn đề cần thiết tiếp theo là mong chờ sự chuẩn nhận và gia phong của nhà nước. Điều này cũng là dấu hiệu của quyền bính trung ương đi về làng xã. Các làng xã thì như đã đưa đại biểu "siêu nhiên" của mình vào hệ thống quyền bính chung. Loại đại biểu đó ngay khi "chưa được dự điển nhà vua" có lúc vẫn được nể vì, như trong việc cải cách sử dụng đồ thờ rất nghiêm ngặt năm 1767, họ cũng được quyền có lọng và kiệu.(42)

Về cách thức thần linh tham gia "dự điển của nhà vua" thì Lê Quí Đôn cho ta một bằng chứng sinh động.(43). Ông kể chuyện nghe lại từ một viên thuộc lại của thừa tuyên Thanh Hóa năm 1715 đem nạp tờ khai về linh tích thần Long Uyên đại vương ở một xã thuộc hạt và thấy đến hôm khảo xét thì thần ra oai vật chết con trâu một lúc nơi cửa phủ. Và tất nhiên thần được kê vào hạng tối linh! Ta nghĩ rằng bằng cách đó mà về sau này, những thần bị lệ năm 1804 liệt vào hạng "lúc còn sống thì xấu xa, cùng là yêu tinh tà dâm, tinh gỗ đá, quái côn trùng" có thể lại được vào tự điển sau lệ năm 1891 theo điều khoản:

"Các vị thần... chưa xét rõ ràng đích xác nhưng xem ra ở dân gian có nhiều linh ứng... được phong là tôn thần linh phù"(44)

Phối hợp với các ông thần ở các dâm từ chuyển hoá từ các đình trạm, cách thức tạo thành hoàng như thế đã khiến cho các vị nhiên thần nằm trong tổng số thành hoàng trở nên có số lượng cao như hiện nay: các đình làng bây giờ đầy dẫy các thành hoàng mà tên họ không có, chỉ có danh hiệu và những lời khen tặng theo khuôn sáo "hộ quốc, tí dân".

Cách thờ thần, nghi lễ tiến hành, đồ thờ của mấy ông thần

mới này được làng xã bắt chước của các thần cũ đem ra áp dụng nên mới có qui định đẳng cấp hoá năm 1767 nói trên.

Và như trên đã nói, ta gặp trong lệnh về tiền hát cửa đình cuối năm 1663 chứng tỏ tổ chức hội lễ của làng được triều đình lưu tâm, có cả một hệ thống giáo phường ở các xứ phụ trách hát cửa đình trong vùng như qui định thuế má năm 1731 (45).

Ta cũng đã nói đến việc đình Quảng Văn của Lê Thánh Tông được làm nơi quảng bá lệnh của triều đình. Đến thế kỷ thứ XVII thì ta gặp dấu vết phương thức phổ biến áp dụng ở đình làng khi triều đình ban " 47 điều giáo hoá". Có điều lời văn của triều đình không nhắc đến chữ *đình* trong khi nó có trong lời văn của sử quan (46): " Sao ra một bản...chuyển gửi xã dân...viết ra bảng treo ở trong đình". Có thể hiểu đây là lời diễn dịch của lớp nho sĩ xuất thân còn gần gũi với thực tế quê hương làng xã.

Sự phồn thịnh của đình làng như thế có liên quan đến việc nhà nước vì bắt làng xã gánh vác trách nhiệm nhiều nên phải thừa nhận một ít quyền hạn dành cho đơn vị nhỏ bé này và phối hợp với lúc trung ương suy yếu, điều này lại củng cố cái thế tự trị — có khi dẫn đến biệt lập, của làng xã, trong đó sự thao túng của quyền bính địa phương đối với dân chúng trở thành một tệ nạn, khi người ta muốn bài trừ, và được đề cao khi muốn tán dương.

Biến chuyển như thế đã trải qua một thời gian dằng co phức tạp trong đó lúc thể chế tập trung lên cao nhất là dưới đời Lê Thánh Tông, nhất là ở niên hiệu cuối đời. Phan Huy Chú khi nói về việc lập sổ hộ tịch (lần đầu , 1467) đã phải xác nhận : " Xét phép làm sổ ở đầu nhà Lê, từ đời Hồng Đức định rõ, mới thật là tiêm tất ..." (47). Vai trò xã trưởng nổi bật lên, tuy ở cấp thấp nhất, nhưng là một vai trò không thể thiếu được. Nho học phát triển, xã trở thành nơi đào tạo quan lại và là nơi dung chứa đám hưu quan nho sĩ ngoại chính quyền, tạo ra một thứ áp lực công luận và bè phái ở chốn hương thôn.

Cũng nên lưu ý thêm rằng sự phát triển thương nghiệp ở các thế kỷ XVII, XVIII đã tạo được một tầng lớp thương nhân giàu có ở trung ương thì núp bóng văn võ giám ban, còn ở địa phương thì đầu tư vào ruộng đất, mua tước, nên chỉ xuất hiện với danh nghĩa hào phú, quan viên. Hạng người này cũng góp phần không nhỏ vào phong trào xây cất, tu tạo đình làng (và chùa làng) trong các thế kỷ này.

Lê Hiến Tông (1498-1504) dựa trên thành quả của triều trước đã có những quyết định củng cố làng xã. Họ Mạc cứ theo đó mà làm không thay đổi gì hơn. Lê trung hưng lại tiếp tục giao việc và canh chừng làng xã sau gần cả thế kỷ loạn lạc buông lỏng cho các địa phương tự giải quyết các vấn đề nội bộ tùy theo sự thăng trầm của thời cuộc.

Đúng ra, từ thời Lê Thánh Tông chính quyền trung ương đã đề phòng sự cố kết ở địa phương, trong hệ thống phân bố mới về chính quyền. Năm 1465, cấm dân tục thiết lập tư ước, năm sau, người cầm đầu bị hạ cấp, không là xã quan mà chỉ là xã trưởng, các lệnh 1488 , 1496 nêu ra những biện pháp hạn chế bà con thân thuộc nắm giữ chức cầm đầu trong các làng, lệnh sau mở rộng liên hệ thân thuộc, nghĩa là qui định gắt gao hơn lệnh trước.Nhà nước cố len vào ngăn cấm những lối bày tỏ quyền uy mà làng xã với vai trò trung gian quản lý ruộng đất trong vùng (với những hình thức khác nhau) đã trở thành chủ địa phương : làng xã hạch sách, thu thuế người nơi khác đến làm ruộng làng mình, bắt người ngụ cư chịu sai dịch trong làng, chận đám tang không cho qua làng. Các lệnh cấm 1637, 1647, 1680 đó là cốt yếu đối phó với tình trạng ở vùng đồng bằng và cũng cùng mục đích với các lệnh triệt bỏ những nơi ngăn sông cấm chợ, những trạm thuế được địa phương tự động lập nên, phần lớn ở các vùng xa xôi miền Trung Thượng Du (49).

Tất nhiên khi chủ quyền trung ương được xác nhận thì người ta phải cho các chức việc xã quyền hành và phải khen thưởng : năm 1618, triều thần còn không bằng lòng về việc các tổng, xã, tự quyền "bắt tội việc kiện hộ, hôn, điền, thổ", nhưng quyền này lại được giao cho làng với các lệnh năm 1645, 1653, 1669; từ năm 1669, xã trưởng làm việc mẫn cán được lãnh chức huyện quan, một điều nhảy vọt chưa được đề cập ngày trước.

Nhưng "làng" phần lớn là ai ? "Một bọn cường hào giảo quyệt, lấn lướt đám người nghèo khó, thế cô, khinh lờn bắt nạt người tối tăm đần độn...","lũ mọt dân...kéo bè đảng chỉ độ 2, 3 người nhưng mỗi việc thì xưng là toàn xã...tự tiện bán dân đinh, cầm cố quan điền. Bề ngoài chúng làm ra lo tính gánh vác việc công, nhưng bên trong, chúng chỉ ngầm tính đến sự tiêu dùng hằng ngày cho chúng..." (Tờ trình của ngự sử đài , 1718) (50).

Lệ làng, thế lực làng xã càng được củng cố và tăng tiến từ nửa sau thế kỷ XVIII, sau khi nhà nước Lê Trịnh của thời gian 1732-1740 "để mặc cho dân đặt những chức dịch trong xã" (51). Lời tục "phép vua thua lệ làng" ngày nay có cơ sở vững từ đây. Thành đạt này lại dẫn đến một thái độ quá quắt "quan có cần nhưng dân chưa vội, quan có vội quan lội quan đi". Có điều, khi quyền bính trung ương trở lại, lấn át triền miên thì câu nói huênh hoang đó trở thành một lối gây chiến thắng tưởng tượng để tự thoả mãn dưới cường quyền, như ta thấy rất nhiều ở các chuyện tiếu lâm, chuyện Trạng Quỳnh, mở rộng ra đến cả vòng ngoại giao giả tưởng (52).

Nhà nước trung ương bắt buộc phải chịu đựng một tình trạng "tự trị" như thế vì sự tồn tại của chính bản thân mình. Quyền bính phong kiến ngày xưa được điều phối trong mức độ tốt đẹp nhất là

khi để làng xã địa phương có một chừng mực quyền hạn : thu thuế, bắt lính, bắt phu (dù có tàn hại đến một mức độ nào đó thì cũng không đáng quan tâm). Đồng thời, quyền lực nhà nước cũng còn được giữ gìn dưới dạng ý thức hệ : ông vua lo cho dân, dân chịu ơn vua- ơn vua lộc nước- ơn vua lộc trời. Cái lý tưởng có vẻ mong manh ấy mang tính chất bao quát nên khó cởi bỏ, và được chấp nhận như một điều tự nhiên, còn nếu có gãy đổ, thì binh lực sẽ chứng minh : các cuộc chống đối đều bị đàn áp không thương sót.Nếu có thể gọi là truyền thống thì cái truyền thống tương quan vua-nước-làng-dân ấy còn kéo dài rất lâu.

Những biến động của làng xã liên quan đến tình hình chung như thế khiến cho ngôi đình được định hình với đủ đường nét có thể nói từ thế kỉ XVII và từ đây chỉ có sự lan tràn về số lượng -- chỉ có xây cất đình mới, chứ không có biến đổi về chất nữa. Đình làng có sự chuẩn nhận cộng đồng riêng biệt nên từ nay chỉ có thể dao động trong hai cực: đền thờ và công sở. Chưa phải là đình làng, đình thờ thần gốc đình trạm có thể phải quay về chức năng cũ khi nhu cầu đòi hỏi. Đó là trường hợp của đình Kiên Nghĩa của đời Lê (Lê trung hưng?) vốn là nơi đón tiếp sứ thần sau được dùng để thờ thần, nhưng đến Nguyễn lại trở về vai trò đình trạm công quán đón sứ Thành và được cải tên là Hà Đình. (53)

Đình nằm trong hệ thống hương thôn lấn át vị thế của chùa vì hệ thống tôn giáo ở làng xã đã có đình làm nơi thờ cúng nên thỏa mãn một phần tinh thần tín ngưỡng, lại thêm thế lực thế tục qui tụ mọi người hướng về đấy trong khi nhà nước tuy không bài bác đạo Phật, vẫn cất chùa mới và cho tu bổ các danh lam cũ, nhưng cũng đưa ra những biện pháp hạn chế: cấm làng làm chùa mới (1663), cấm làm sư (1665) (54). Vì thế việc cúng ruộng hậu tuy vẫn là tiếp tục thói tục từ lúc đình còn là của tư, nhưng từ khi có đình làng, càng lúc việc cúng hậu đình đã phổ biến hơn việc cúng hậu Phật.

Theo các tài liệu ghi nhận được thì ở thế kỉ XVII chỉ có 50 trường hợp cúng ruộng cho làng (từ 5 mẫu trở lên), trong khi chỉ mới nửa đầu thế kỉ XVIII, con số đã lên đến 150. Trong 32 trường hợp cúng hậu ở thế kỉ XVII, chỉ có một trường hợp dâng cho chùa. Ở một bản thống kê khác, trong hai trường hợp cuối thế kỉ XVII và 13 trường hợp xảy ra ở nửa đầu thế kỉ XVIII, cũng chỉ có một trường hợp cúng vào chùa. Chúng ta lưu ý rằng đây là ghi nhận từ trường hợp của những bậc quyền quí (trong đó có một trường hợp không ghi chức tước nhưng ruộng cúng cao nhất) (55) nghĩa là của những người có hoạt động liên vùng. Như thế thì những trường hợp của những người cúng hậu nhỏ trong xã làng mà chùa chiền bị hạn chế, hay ở những làng khẩn hoang mới lập có đình cất ngay từ lúc dựng làng thì việc cúng hậu vào đình hẳn không có đường lối nào khác. Làng xã tập trung của cải riêng nhiều hơn, điều đó cũng

là lí do khiến cho số lượng đình thấy xây cất tăng dần từ thế kỉ XVI qua các thế kỉ XVII, XVIII và việc xây cất phồn tạp ấy đã tạo ra một phong cách riêng của nghệ thuật dân gian càng ngày càng tách riêng khỏi nghệ thuật cung đình lúc đầu.

Từ lúc đình là một yếu tố không thể thiếu được, mỗi khi lập làng là người ta cất đình, sắp xếp sao cho có một đình.

Nguồn thần linh có khi đã có sẵn. Các đền mà lệnh những năm 1645-1653 còn coi là của nhiều tổng, nhiều xã, vào những dịp trung ương bỏ rơi vì những lí do khác nhau sẽ được làng nhận với tính cách kẻ thừa tự để biến thành đình làng. Sự phân biệt đền và đình ở những nơi còn có phân biệt (xem trước) chỉ là một cách giải thích mang tính chất biện minh để có sự thỏa thiếp cho hai loại kiến trúc còn chưa phối hợp được trong công năng ở phạm vi làng xã. Hiện tại đã là đình làng những đền thờ Trương Hống - Trương Hát(56), Lí Ông Trọng... vốn là những thần hiếm hoi được thờ theo quốc tế từ Lý, Trần.

Làng "có nơi vừa có miếu vừa có đình", nghĩa là thần thì nhiều, đình làng chỉ có một, nên những thần không được là thành hoàng đành phải *tạm trú* – có thể là *vĩnh viễn* nơi miếu. Rồi có cách giải quyết là ở "làng lớn, mỗi thôn một đình" (57) như trường hợp làng thu nhận các đền miếu nói ở trên. Và nếu tách ra được thì làng chính có đình, làng lập sau cũng có đình, nhưng vì chưa đủ thời gian đổi thay, chuẩn nhận, hay vì một cớ nào khác, đình làng sau vẫn còn giữ danh xưng miếu — như miếu thành hoàng của làng Yên Mô Hạ so với đình làng Yên Mô Thượng ở Bắc Ninh.

Những nơi thiếu thốn thần linh — mà nhà trống thì phải có chủ nên hoặc phải rước thần làng khác về thờ theo nghĩa sùng kính như trường hợp làng Chân Tùng — Vĩnh Phú, lấy "chân hương" của làng Vĩnh Chân (58), hay rước theo nghĩa "thế tục": trộm hay sử dụng thần sắc bị trộm. Giản dị hơn cả là thờ ông thổ thần chung chung. Đây cũng là thêm một nguyên cớ để các đình có các thần yêu ma... theo quan điểm của chính quyền trung ương, với lối thờ cúng dấu diếm của các "hèm" — thứ đề tải kì bí với người này, tò mò nhạo cợt với người khác, để đến nỗi thần phải bị thay thế khi sự nhạo báng thắng thế lòng sùng kính.(59)

Tất nhiên những rối rắm như thế không cản trở việc định hình các đình làng, để nó phát triển bình thường về số lượng trên đất Đàng Ngoài và phải tìm thế chen chúc đối phó ở Đàng Trong đưa đến tình trạng một mặt phải nhường một vài chỗ ngồi trong đình cho thần linh bản thổ, mặt khác lại mang tính cách khuôn khổ của các thế kỉ thành hình ở miền ngoài.

ĐÌNH Ở MIỀN NAM: TÍNH CHẤT PHỨC TẠP TRONG KHUÔN KHỔ

• Vấn đề khơi dậy.

Những nghiên cứu về đình làng và sinh hoạt hội lễ quanh ngôi đình ấy từ lâu hầu như chỉ thực hiện trên vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ. Đúng ra, có lí do nội tại để có sự chuyên chú như vậy: ở vùng căn bản này của người Việt người ta còn thấy những ngôi đình xưa, những sinh hoạt hội lễ phồn tạp khêu gợi tò mò, đòi hỏi khám phá. Nhưng cũng phải nghĩ rằng tính chất hoài cổ ẩn tàng trong những nghiên cứu ấy có bao hàm một định kiến về sự bất động của thể chế.

Ở đây, ta đã phân tích và thấy rõ rằng hiện tượng đình làng trên Miền Bắc không đơn giản qua thời gian và không gian như ta vẫn tưởng. Vậy không nên nói rằng chỉ cần phân tích hiện tượng ở vùng căn bản là đủ hiểu cả nước. Khoa Việt Nam học theo cách đó sẽ bó gọn kiến thức trong thời gian và không gian. Nhiều thế kỉ đã trôi qua trên một vùng đất phân li đòi hỏi một sự cố công tìm hiểu với một cái nhìn khoa học khoáng đạt để làm bật ra các khía cạnh mới của vấn đề, nếu có. Chưa nói đến những phát triển về sau, ngay đến cách thức ứng xử trên vùng đất lạ, trong cách thức ứng xử trên vùng đất lạ, trong thời đại khác cho ta thấy những tiếp thu mới, nhưng đồng thời cũng lộ ra mức độ bảo thủ gay gắt qua đó có thể suy đoán về những hiện tượng xa xưa nơi vùng cội gốc, nơi mà nhịp bước tiến triển bình thường dễ làm phai nhòa dấu cũ trong khi cũng chính vì sự liên tục qua độ dày của thời gian khiến ta tưởng những cái mới là cái cũ! Sự yếu ớt hoặc vắng mặt của sinh hoạt quanh ngôi đình cũng không phải là một dấu hiệu tiêu cực vì cũng phản ảnh một tình trạng xã hội, một tình hình tín ngưỡng.

Nói rằng hoàn toàn không có những nghiên cứu về đình làng, về hội hè đình đám ở Miền Nam – vùng Đàng Trong của chúa Nguyễn còn lưu dấu ẩn, nói như thế cũng là sai vì từ những năm 10, Phan Kế Bính đã có thêm nhận xét của mình vào sự khác biệt tế lễ ở hai miền Nam, Bắc. Nhưng dấu vết như thế thật hiếm hoi. Vùng Đàng Trong thuộc xứ Trung Kì dưới quyền một triều đình Huế tàn tạ không sẵn sàng cho những bộc lộ sinh hoạt xã hội dù qua những nghiên cứu nghiêm túc chứ đừng nói đến cả một phong trào kích bác vốn dễ làm nổi bật các chi tiết che dấu đất Nam kì trong tính cách thuộc địa, tập tành chen vào sinh hoạt quốc tế chỉ nhìn thôn quê trong đà phát triển kinh tế rộn ràng mới mẻ của lúa gạo của cao su... Cho nên khi ông Lê Văn Hảo viết bài về đình – tuy chỉ là một thứ "dẫn nhập" mà cũng phải thú nhận là chỉ nói đến miền Bắc vì thiếu tài liệu về phía Nam (60).

Nhưng sau lúc đó thì ta thấy xuất hiện những nghiên cứu về phong tục của ông Toan Ánh chừa một khoảng thích đáng cho sinh hoạt miền Nam (61), những quyển địa phương chí lưu ý đến

sinh hoạt tín ngưỡng, trong đó có những đoạn liên quan đến ngôi đình. Có điều, chúng ta không gặp những nhà chuyên môn để vấn đề suy xét thật cặn kẽ, tình thế lại không thuận tiện cho việc điều tra tại chỗ: chiến tranh khiến các tác giả sử dụng tai nghe nhiều hơn mắt thấy, các cuộc cúng lễ đã thưa thớt, đình làng bị tàn phá sau 1945 (và cả sau 1973) không còn là nơi qui tụ của sinh hoạt trong làng nữa.

Có phải đó là những mất mát không thể nào bù đắp lại được không? Có hi vọng nào xem xét lại vấn đề từ trên đống tro tàn, gạch vụn không? Dù có thể được thì chắc cũng phải cần đến công sức của nhiều người.

• Nhìn theo sự phân bố địa lí.

Đứng về phương diện địa lí nhân văn của đình làng Miền Nam, ta thấy có sự phân bổ ra ba vùng nhỏ: vùng Trung bộ thuộc Đàng Trong xưa, vùng Đông và vùng Tây Nam Bộ. Tất nhiên là ranh giới vùng không có tính cách dứt khoát rành rẽ.

Đã nói là không có một nghiên cứu nghiêm túc về đình làng trong vùng Đàng Trong thuộc Trung Bộ ngày nay, vùng mà ít ra ở khu vực phía Bắc đã từng thuộc vào Đại Việt từ lúc nhà Trần gả Huyền Trân và tổ chức cai trị ở đó (1307). Nhưng những biến động tiếp theo khiến ta chỉ có thể kể từ thời điểm 1471 với cuộc nam chinh của Lê Thánh Tông như một thời điểm dứt khoát trong việc chiếm lĩnh đất đai. Như vậy, nếu kể thêm một giai đoạn quá độ nữa của việc hoán chuyển sinh hoạt, phong tục thì vùng Thuận Quảng của Đàng Trong hẳn phải có những đình làng dưới dạng định hình rõ rệt của nó, tức là một nơi thờ cúng thần bảo trợ địa phương cộng với một trụ sở hành chính, một địa điểm qui tụ của dân làng xã.

Trong thời gian 1955-75, vì nhiều nguyên nhân, chúng ta không có những địa phương chí của phần lớn vùng Thuận Quảng cũ, trong lúc sự hủy hoại đình làng ở đây nặng hơn đâu hết. Nhưng nhìn vào một ít dấu vết còn lại, chúng ta mường tượng được một ngôi đình có chính điện thờ thần trông thẳng ra cửa tam quan, với hai dãy nhà hai bên là nơi hội họp. Vùng sân giữa là sân đất hoặc có ao sen. Đình làng Đức Thắng ngay thị xã Phan Thiết bằng vôi gạch, có xi măng nhiều như vôi gỗ vì mới được xây lại vào khoảng thập kỉ 30. Đình Phú Hội thuộc vào địa điểm làng xưa nhất của Bình Thuận còn giữ lại ngôi chính điện khá bề thế. Đặc biệt, vì điều kiện khá riêng biệt, "miễu" thành hoàng làng Tam Thanh thuộc đảo Phú Quí có nền và tường vây thấp hai bên lối đi, chung quanh miễu, bằng các viên đá xếp.

Vùng Đông Nam Bộ có mật độ đình dày hơn ở Miền Tây,

nhưng khác chút ít với miền ngoài -- ít ra theo những quan sát hiện thời, là chức năng thờ cúng đã hoàn toàn lấn át chức năng thế tục. Điều này rõ rệt ở chỗ đình nào cũng có biển hiệu với tên chính thức là "đình" mà dân Tiền Giang vẫn gọi là "miếu" (62) (miễu). Ngay đến tên đình, có lúc kèm theo chữ "thần" (63) như là xác nhận thêm tính chất đền miếu. *Công sở làng* hay *nhà việc* phần lớn đã tách riêng khỏi đình làng -- có lẽ sự việc xảy ra từ thời Pháp thuộc.

Lí do hình như khá phức tạp. Một mặt, ta bắt gặp ở đây ảnh hưởng của đám Minh dân lưu vong coi nơi thờ thành hoàng là đền (xem sau). Mặt khác, từ trên chính quyền trung ương triều Nguyễn, nhất là từ thời Minh Mạng (1820-1841), họ đã cho xây cất nhiều nơi thờ cúng thành hoàng ở các tỉnh lị (xem *Đại Nam nhất thống chí)* và gọi là *đàn, miếu* đúng với qui cách một nơi thờ cúng theo ảnh hưởng chính thống phương Bắc.

Với thời đại mới, khi làng xã có một trụ sở hành chính riêng biệt đi theo các điều kiện chính trị, quần tụ dân cư mới, thì các đình còn lại (như các đình của vùng Sài Gòn) chỉ còn thuần là nơi cúng tế, như một dấu vết nuối tiếc quá khứ hay là một trung tâm để kháng thụ động với những đổi thay. Có lẽ chỉ có đình xã Thạnh Mĩ Tây vì ở vào một vị trí giao thông thuận tiện nên vẫn còn là một trụ sở xã đến năm 1975 (và sẽ không cưỡng nổi với những đổi thay để trở thành một cửa hàng ăn uống quốc doanh bây giờ).

Chúng ta cũng gặp ở Miền Tây những ngôi đình cổ điển thờ thành hoàng như đình Bình Thủy (Cần Thơ -- trước năm 1911 còn lợp lá), đình xã Long Phú ở Tân Châu (64). Nhưng chính ở vùng này, dấu vết thờ cúng thành hoàng nơi đình phai lạt hơn đâu hết. Phần lớn đình làng (gọi theo lối nói cổ điển) có tên là "nhà vuông" mà cơ cấu, hình dung được ông Trần Huy Bá tả lại riêng cho xã Vọng Thê (Long Xuyên) trong khi "đi đào vàng" theo ông Mallerot làm việc khai quật Óc Eo (65):

"Đình làng làm trên một cái đồi cao độ 4 mét, một cái nhà kiểu mới, cửa chớp trong có hai phòng, một phòng dành cho vị hương quản, phòng ấy lại ngăn ra một căn nhỏ, có cửa khóa để tiện giam những tội nhân mới bắt được mà chưa làm biên bản xong, còn phòng kia để dành cho vị xã trưởng có cửa sắt để thu tiền thuế má. Ngoài ba gian rộng có đủ bàn ghế để ban hội tề họp hội đồng. Ở chính giữa ngôi nhà, bên trên khuôn cửa có một cái bàn thờ sơ sài, bên trên bài vị thấy đề ba chữ "Tiên sư vị".

Nhà làng quay hướng đông bắc có con sông đào thẳng tuột cho tới núi Sập. Trước mặt nhà làng có một dãy phố toàn bằng nhà tranh, cũng đủ các tiệm bán buôn như tiệm cà phê, tiệm bán thuốc bắc, hàng thọ cạo, hàng tạp hóa cũng hơi đông vui, có một nhà trường Pháp-Việt và một nhà hộ đinh.

Phải thêm vào phần lời tả ở trên một chi tiết mà tác giả không

biết vì đến không đúng dịp để thấy: phần trống phía trước bàn thờ là "võ ca", nơi đám hát bội trình diễn trong dịp tế lễ.

Thần ngự trị bên trong đình làng số ít là những vị công thần nhà Nguyễn được sắc phong như Nguyễn Hữu Cảnh "Kính" (vùng Hậu Giang và Biên Hòa; đình Ông Chưởng). Nguyễn Cư Trinh (vùng Tiền Giang), phần lớn đều thờ điển hình vị thần chung chung là Thành hoàng bổn cảnh. Cho nên, khi có sắc phong thì các vị thần này cũng chỉ có danh hiệu chứ không có họ tên, ví dụ như thần làng Phú Hội, Đức Thắng (các sắc nhà Nguyễn) đã kể trên. Tính chất khai phá, xây dựng làng mới khiến cho các đình làng có các bài vị tiên hiền, hậu hiền, tiên sư (vốn là của phường hội) chung chung... Đình chưa có sắc thì thờ "thần vọng". Ngày rước sắc về làng là ngày cúng thành hoàng.

Tuy nhiên, trên cơ sở làng xã như đơn vị cơ bản của hội nông nghiệp Việt Nam, và theo truyền thống đã có, đình Miền Nam là nơi tập trung đậm nét của mọi thần trong vùng, một hiện tượng hình như không có, hoặc mờ nhạt ở Miền Bắc (66). Chúng ta thấy rằng thần điện Hòn Chén ở Huế có uy tín đến tận cung vua Nguyễn, thế mà vào hai lần lễ kì yên trong năm ở làng Hải Cát là nơi có điện này, thần Thiên y a na vẫn chịu rước về đình làng cùng với các vị thần thuộc đền miếu khác trong xã, để dân chúng cúng tổ (67).

Bảng liệt kê trong bài văn tế thành hoàng làng Đạo Long, xã Phan Rang cho ta biết tập họp thần được thờ trong đình (68).

— Thành hoàng bổn cảnh (với chức tước cấp bực).
— Nam hải tôn thần (cá voi)
— Tứ vị thánh nương (Yan, Kati Chàm?)
— Thiên y an na (thần đầu tiên chiếm lĩnh đình Láng Hạ)
— Chưởng thái giám bạch mã tôn thần (không phải thần Mã Viện)
— Tả hữu ban
— Âm dương thần
— Thiên tào
— Thần ngũ hành
— Chư sơn quân
— Tiên hiền, hậu hiền.

Đình Bình Thủy ngoài thành hoàng vốn là người trông coi việc đền miếu trong vùng được thờ cúng rồi được phong năm 1862 — như một ông quan lên chức ở cõi u minh để giúp Tự Đức chống Pháp, còn có thờ phụ những nhân thần còn tên họ nhưng thất tung, có hai vị công chúa, một gốc Chàm -- công chúa Trầm hương, một có dáng của đền phủ -- công chúa Huệ cô. Ông Nguyễn Đình Tư (*sđd*, 179) ghi chép được rằng hòa thượng Đức Tạng năm 1789 đến làng Mai Nương (Ninh Thuận) lập chùa Thuyền Lâm và

cả đình làng nữa. Không rõ đình làng ấy có dấu ấn của chùa không.

Đã nói, đình làng Miền Nam thành lập sau khi chúng đã định hình ở Miền Bắc và lại thuộc thời đại về sau, tính chất duy lí của Khổng giáo đã có ưu thế rõ rệt, nên cái tên dù là chung chung thành hoàng bổn cảnh vẫn mang tính chất đứng đắn, nghiêm túc. Nhìn lại danh sách các thần đã kể trên, ta thấy cùng với tên thành hoàng, có tên *các thần khác* là những ý niệm (Nho giáo hay được Nho giáo chấp nhận) *được thần hóa đi.*

Không có chỗ cho "dâm thần" trong đình. Thần thổ địa, thổ thần phải chịu giữ đúng hệ thống cấp bực, phải nằm ngoài các miếu nhỏ ngồi dưới đất, không được vào đình làng. Ông Trương Ngọc Tường không kể rõ, nhưng nhận các đình ở Tiền Giang cũng có tục "hèm" như ở miền Bắc. Theo sự dò hỏi của chúng tôi, ông X. chỉ nhớ đến một trường hợp nơi một đình thờ thần bị chết chém – mà ông cũng không nhớ rõ ở đâu, người ta cúng heo sống chứ không xẻ thịt vì kiêng máu chảy. Chứng cớ quá ít oi và mơ hồ nên không thể có kết luận gì về tính chất tục hèm ở đây không phải là tục lệ kì quái ngoài vòng khuôn khổ, ngoài sự chấp nhận của lễ giáo nho học.

• Từ một chi tiết nhận ra hồi quang của lúc khởi đầu.

Sự việc đình làng Miền Nam với thời khai sinh gần với đình làng gốc của thế kỉ XVI, XVII, lại có vẻ như còn giữ được một khía cạnh nghi lễ của thời ấy. Ông Phan Kế Bính lưu ý ta đến cách tế lễ Bắc Nam cách biệt:

"Bắc Kì ta chỉ hiến rượu chớ không hiến các món đồ ăn vì ta hay để toàn sinh mới là thành kính. Ở về Nam Kì thì món ăn gì cũng hiến. Trong khi hiến rượu, ngoài ta đi một cách rất khoan thai và nghiêm trang. Ở Nam Kì khi hiến rượu, hiến đồ ăn thường có hai người đóng tuồng, mặc đồ nhung trang cầm nến đi trước, kế đến mỗi bên ba, bốn con hát, áo mũ rực rỡ, mỗi ả cầm vài nén hương, vừa đi vừa đọc câu chúc hỗ, rồi mới đến các người hiến rượu, hiến đồ ăn đi sau. Mà cách đi thì rất ngộ: người nào mắt cũng nhưng nhưng nháo nháo, nghiêng đầu nghiêng cổ, chân bên nọ đá bên kia, làm cho ai lạ mắt cũng phải phì cười mà họ cho là thế mới đi vào kiểu. (69)

Không rõ ông Phan quan sát từ nơi nào ở Nam Bộ (chắc là trong vùng Sài Gòn hồi đầu thế kỉ), về phần chúng tôi cũng thấy nghi lễ chuyển đồ tế như vậy trong một dịp quan sát tế thu (1971) ở đình làng Phú Hội (Bình Thuận). Nghi lễ giản dị hơn, không có những người đóng tuồng, con hát — vì tình trạng chiến tranh chăng?, nhưng cũng có hai người lễ sinh bưng tợ thịt từ bậc thềm

dưới tiến lên đến bàn thờ cũng đi theo kiểu đã tả ở trên. Kí ức về một câu mắng mỏ nghe ở quê nhà (Bình Định): "đi gì như là học trò lễ!" khiến chúng tôi tin rằng ở cả vùng thuộc Đàng Trong cũ có chung một lối hiến tế đã làm ngạc nhiên ông Phan Kế Bính. Lí do?

Không thể nói đây là ảnh hưởng của địa phương luồn vào. Các nghi lễ Chàm không có kiểu thức nào gần như thế cả.

May ra Lê Quí Đôn có thể chỉ cho ta một lời giải thích. Ngày nay, chúng ta không thể hiểu hết được những chi tiết tuy là khá dài của ông tả lại về những chương lễ bộ một, hai, ba trong việc cúng tế, nhưng chúng ta cũng cảm thấy được cái *không khí ma thuật* đầy rẫy trong qui định của bộ Lễ đời Hồng Đức về "quốc nhạc và tục nhạc, là lễ tế *ở nhà tôn miếu cũng là ở các xã đều thông dụng:*

Lễ trước ngai các vị đế vương các đời và *các vị thần bản thổ, gọi là kì an.* Múa hát trước vị đế vương gọi là thị xướng. Đóng trò con mắng nhiếc bố mẹ, gọi là xướng nhi. Đóng trò bất kính vua tôi gọi là xướng ưu. Đóng trò về các nghề tài năng gọi là thường ban. Đóng trò nắm trong lòng bàn tay mà đố gọi là tàng qui.

Bắt đầu đánh ba hồi trống: hồi thứ nhất gọi là sài lang để đón thần, hồi thứ nhì là tiên nữ, để tiến đến vị kì an, hồi thứ ba là bao lão để diệt tà ma... (70)

Trong lễ có trống, có đàn, có sáo, có lối "vừa múa vừa giậm chân mà hát", người đóng trò "mồm mép thông hoạt" rõ ràng không phải là những nghi lễ nghiêm túc hiểu theo nghĩa bây giờ. Tuy Lê Thánh Tông mở rộng ảnh hưởng phương Bắc cho vào Đại Việt đến nỗi phải đàn áp phản ứng chống đối, giết Trần Phong, một người thân cận từng được khen nhiều lần, nhưng cung cách sinh hoạt Lý, Trần vẫn còn lưu lại trong cách thức tế lễ nói trên.

Thế mà cái không khí náo nhiệt ấy phải chuyển hướng về phía khuôn khổ nghiêm túc, trang trọng ở các đời về sau. Có vẻ như, một mặt các biến động thiên tai, loạn lạc làm nghèo xứ sở, dựa vào đó tầng lớp nho sĩ mọi kinh sách ra khuyên vua chúa cần kiệm, tỉnh giảm nghi lễ nên ca vũ bị loại trừ dần dần. Mặc khác, những khuôn khổ lễ bái của phương Bắc càng lúc càng xâm nhập nhiều hơn, mạnh hơn nên đã đổi quan niệm tương thông nhân thần bằng cảm tính thay vào là một sự sắp xếp duy lí của tân-Khổng giáo, nhất là của Minh, Thanh. Quan niệm cũ đó đã được giữ lại một phần ở Miền Nam dưới hình thức tế đã làm ngạc nhiên Phan Kế Bính.

(Bàn lan qua lãnh vực khác để yểm trợ cho giả thuyết trên, ta cũng thấy một sự bảo lưu và phân hóa tương tự trong lịch sử chia cắt Đàng Trong, Đàng Ngoài. Ví dụ về ngôn ngữ. Cùng chỉ một cơ quan sinh dục của thực vật, ngày nay ta có hai từ *hoa* và *bông*. Trong khi ngày nay, *bông* ở Miền Nam chỉ *hoa* ở Miền Bắc thì *bông* ở Miền Bắc là một thứ *hoa hợp:* bông lúa, bông lau. Ấy thế mà vào gần cuối nửa sau thế kỉ XVIII, Nguyễn Gia Thiều còn sử

dụng từ *bông* tương đương với *hoa*, không sai lệch:

Áng đào kiểm đâm bông não chúng.

Cứ nghĩ văn thơ cổ điển mang tính bảo thủ bền dai ta nghĩ rằng từ *bông* đã hiện diện xưa hơn lúc phát biểu đó tuy rằng có thể ngay trong thời Nguyễn Gia Thiều, từ *hoa* Hán Việt đã theo các nho sĩ thâm nhập vào sinh hoạt bình thường rồi sau đó trở thành thông dụng, độc chiếm ngôn từ Miền Bắc (71). Và có khá nhiều bằng chứng tương tự ở lãnh vực này.)

Có các sự kiện, nhìn một cách khái quát, cho ta hình dung được những gì đã qua trong lịch sử ngôi đình. Cai cơ Bái Cương Hầu, công thần triều Nguyễn ở Ninh Thuận, có quốc tế, nhưng lúc quyền bính họ Nguyễn tan rã sau năm 1945, đền miếu hoang phế, các nhà chức trách thôn Nhơn Sơn đã rước sắc phong bài vị về thờ chung với thành hoàng tại đình làng (72). Như thế một vị thần thất cơ lỡ vận vẫn có thể tìm được chỗ dung thân là đình làng. Thêm một chuyển hướng nữa, thần sẽ như một vị hưu quan về làm tiên chỉ, đó là chuyện thần Hậu thổ ở làng Láng Hạ của Lý trở thành thành hoàng -- có lẽ bắt đầu từ cuối Lê, đầu Nguyễn, lúc kinh đô Thăng Long thất thế.

Tất nhiên, sự biến đổi do thời gian phối hợp với khung cảnh văn hóa đem lại khiến khó có một sự so sánh nào hết, nhưng ở vấn đề ta đang bàn, tấm bài vị tiên sư nhỏ nhoi trong khung cảnh công năng thế tục bao trùm lấn át nơi ngôi nhà làng trên vùng Vọng Thê có làm ta liên tưởng đến thời đình là một chỗ trú chân, nhóm họp rời rạc với một bàn thờ, cây hương, bài vị thổ công hay một vị thần tinh ma tình cờ nào đó vào thời đại nguyên thủy của đình trạm không?

• Ngôi đình phân li và làng nước.

Đình làng Miền Nam tuy vẫn làm điểm qui tụ dân chúng ở tổ chức thấp nhất của xã hội Việt Nam nhưng rõ ràng nó không mang tính cách cố kết nhặt nhiệm quan sát được ở miền ngoài. Làng xã Đàng Trong đi theo những điều kiện và những thăng trầm chính trị bắt đầu từ thế kỉ XVII đã mang một bộ mặt tương đối khác biệt.

Chúa Nguyễn cai trị Đàng Trong vẫn theo những thói tục, tập quán thu thập được từ vai trò của một ông quan nhà Lê, chế độ có tính cách của một hình thức quả đầu được phù trợ bằng một hệ thống tông tộc địa phương -- Quí hương Tống Sơn. Tiềm lực rừng núi, sông biển được khai thác với tính cách tận dụng. Ruộng đất trong xứ được quan niệm như của ông vua chưa có niên hiệu, và đặc biệt, họ sử dụng một bộ phận ruộng đất đó như một điền chủ quản lí gián tiếp đất riêng -- ở trình độ quan niệm có giống như các vua Lý, với khác biệt là những người này trông coi trực tiếp ruộng đất của mình. Vì thế mà trên vùng Thuận Quảng tương đối xê xích

với vùng Lê Thánh Tông chiếm năm 1471, sự cai trị diễn ra nhặt nhiệm hơn, còn vùng đất mới Gia Định thì thả nổi cho các hào cường, thủ lĩnh địa phương dưới sự trấn áp của binh lực Huế.

Còn nhìn từ tập hợp dân chúng, chúng ta thấy họ qui tụ thành làng xã hoặc theo sự thu xếp của chính quyền (vấn đề giải quyết cho tù binh Đàng Ngoài), hoặc theo lối kết tập tự động theo khuôn khổ từ ngày ra đi. Tính chất qui ước của đình được khuyến khích hay trông chừng bởi các quan lại Thuận Hóa đã đành mà cũng được tự động gìn giữ ở các vùng xa xôi nơi đám lưu dân cần có một bám víu tin tưởng nơi vùng xen giữa các tập hợp dân tộc khác.

Chính trong điều kiện sinh hoạt có "canh chừng" này mà những hình thức tín ngưỡng thần linh khác lấy từ địa phương theo con đường thấm thấu không thể chiếm lĩnh sân đình được: các sơn thần, thần cá voi, bà chúa xứ, thần bạch mã (73)... chỉ được mời về tập hợp ở sân đình dưới quyền thành hoàng chứ không thể trở thành thành hoàng được. Trong khi đó, như ta đã thấy, ở miền Bắc, các nhãn nhiên thần không bị kì thị rất dễ được rước vào ngự trị ở đình làng.

Đình làng là nơi thực hiện nghi lễ thờ cúng chứ không phải là nơi của hội lễ, tuy rằng mùa cúng tế cũng tạo nên một sự náo nhiệt nào đó với những đêm múa bông, những đêm hát bội quyến rủ "đàn ông bỏ vợ, đàn bà bỏ con". Hội lễ mang hình thức cao cấp hơn, đòi hỏi vận dụng lí trí chứ không phải chỉ là cảm tính được chia xẻ: ví dụ mở trò thai đố.

Đình làng có vai trò kết tập dân chúng lơi lỏng hơn còn là do sự hiện diện của các Minh dân lưu vong nữa. Họ đến ở Miền Nam (nhất là vùng Gia Định) với tính cách ngang hàng với dân Việt và chỉ Việt hóa do quyền uy của chính quyền Thuận Hóa thôi. Lẫn lộn và dễ được chính quyền thừa nhận, họ cũng thờ thành hoàng bổn cảnh, nhưng nơi thờ tự này vẫn chỉ là một từ, một miếu (thờ ông Bổn) chứ không phải là một đình làng với khuôn thức đền — nhà chung. Những ảnh hưởng khác (trong đó vẫn có vai trò của Minh dân) tạo nên các giáo phái, phân tán bớt ý thức tập trung vào đình làng. Đình thần Nguyễn Trung Trực của bộ đội Nguyễn Trung Trực (Phật giáo Hòa Hảo) lập năm 1952 là một đền thờ, trước tiên là để bảo trợ đơn vị quân đội này. Đình Nguyễn Trung Trực ở thị xã Rạch Giá là một miễu thờ cá ông (tranh vẽ cá voi còn thấy mờ trên vách), lập nên nhờ sự làm ngơ có dụng ý chính trị của viên tham biện ở đấy (Le Nestour?), rồi sau đó đền mới trở thành đình làng Vĩnh Thanh Vân.

Người Pháp mang đến một nền văn hóa khác gây ra một tình hình mâu thuẫn trong vấn đề. Đình còn có được và có khi tu sửa đẹp hơn, một mặt vì chính quyền thuộc địa ra dáng tôn trọng tục lệ cũ, một mặt dân chúng theo đó cố bám đình như dấu vết của cội

nguồn một khi nước đã mất. Nhưng trên thực tế, chính quyền thuộc địa đã can thiệp rất sớm vào cơ cấu làng xã; sự phát triển mạnh mẽ, nhất là ở Nam Bộ, tạo nên một mẫu hình công sở — chợ khác với mẫu hình công sở — đình cổ điển. Tình hình mua bán ruộng đất phổ biến làm cho thần không được ở yên một chỗ. Kẻ có tiền bạc cần kinh doanh nơi có trú sở của thần thì chỉ có việc đút lót chút ít cho các ông làng, ban hội tề, thế là đình phải dời chỗ, thần phải thiên đi!

Thành thị phát triển tách rời khỏi sinh hoạt truyền thống nên đối với một số người, đình chỉ còn là một hoài niệm có khi muốn hình dung ra được thật cũng khó khăn.

•●•

Sự phân tích về lịch sử ngôi đình làng ở trên là theo các tài liệu, chứng tích in dấu trong thời gian còn để lại đến ngày nay, đến tay người làm việc. Sự hiếm hoi tài liệu lịch sử ở ta do những tàn phá, thiêu hủy vì thời tiết, trong binh lửa, sau chiến thắng của một phe là điều người ta đã thấy, đã nói nhiều rồi, không nên nhắc lại nữa. Nhưng cho dù với những gì còn lại, qua khảo sát của nhiều người, đến tay người nghiên cứu còn ít hơn nữa, thế mà lịch sử ngôi đình vẽ lại cũng đầy nét phức tạp, không giản dị như người ta vẫn tưởng.

Những hình thức tiên khởi đậm nét vẫn đồng thời mang các yếu tố rẽ đường. Những biến chuyển chậm chạp dần xen yếu tố đồng đại và lịch đại. Những ảnh hưởng qui tụ nơi này nơi nọ có khác nhau. Nhưng dù sao, đường nét lớn của sự tiến triển vẫn thấy rõ, làm tan rã một quan niệm về sự bất động hay một sự xê dịch lì lợm của xã hội Việt Nam trong quá khứ. Điều phát hiện ngược lại trong lịch sử ngôi đình khiến ta lạc quan về những nghiên cứu khác đang phải đứng ì không phải vì bản thân chúng mà vì sức ì của những nhà học giả.

Sự phân tích đã không theo đường lối chính thống, một đường lối lúc đầu cũng chỉ là phác thảo, đến khi qua trên dưới một thế kỉ bàn tán, nó trở thành một uy lực không phải chỉ của quyền bính kiến thức, tuy rằng sách vở chồng chất cũng đủ mang tính chất cưỡng chế (coercitif) như của bất cứ hiện tượng xã hội nào. Có nhiều khía cạnh bàn đến ở đây chưa được sáng tỏ, lí luận chưa đủ vững vàng thuyết phục, nhưng một vấn đề đặt lại chỉ là mở đầu... Còn nhiều việc phải làm, nhất là trên thực địa. Bắt đầu từ những ngôi đình cụ thể, có đánh dấu thời gian, trong khung cảnh lịch sử, theo phân bố địa lí -- nghĩa là kết hợp với những tập hợp người. Thực tế trên đất còn lại đối chiếu với sách vở, bắt đầu lí thuyết từ cái cụ thể (chứ không phải bắt cái cụ thể ép mình cho vừa

lí thuyết), những điều này thực ra cũng không có gì là mới, nhưng dễ quên hoặc khó thực hiện.

tháng 9, 1985

CHÚ THÍCH

(1) L. Cadière. *Religions annamites et non Annamites* trong Un empire colonial francais - L' Indochine francaise, tập I(xuất bản do George Maspéro, Paris-Bruxelle, 1929), trang 289,290.

(2) Diguet. *Les Annamites- Société-Coutumes-Religions* . (Paris. 1906) , 86,87.

(3) G. Coulet. *Cultes et Religions de l' Indochine annamite* .(Sài gòn, không năm xuất bản, viết xong 8.8.1929), 133,136. Về việc nghiên cứu tục thờ thành hoàng và các đình, xem thư mục sơ lược của Trần Từ. *Cơ cấu tổ chức của làng xã cổ truyền ở Bắc bộ*(Hà nội, 1984), chú số 68 trang 152.

(4) Nguyễn văn Khoan . *"Essai sur le Dinh et le culte du genie tutélaire des villages du Tonkin"* trong *Bulletin de l' Ecole Francaise d' Extrême-Orient* (1931) ,137,139.

(5) Dẫn từ Lê văn Hảo . *" Introduction à l' ethnologie du Dinh" trong Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises XXXVII (1962), 43,46.*

(6) Vũ Quốc Thúc. L' Economie communaliste du Viet Nam (Hà nội , 1951), 34,35,124.

(7) Trần Quốc Vượng-Trịnh cao Tưởng." Góp phần tìm hiểu ngôi đình". Những phát hiện về khảo cổ học năm 1982.(Hà nội ,1983), 241,244. Ý kiến bài bác là ở trang 289.

(8). Xác nhận của ông Toan Ánh trong một cuộc gặp gỡ riêng.

(9). Ngô Tất Tố. *Tác phẩm, tập hai.*(Hà nội-1977). trang 143-208. *Việc làng* . Xuất bản thành sách năm 1937.

(10) Ngô Tất Tố. *Sách đã dẫn.*(Ai làm nên tội), trang 155-158.

(11). Chúng tôi không rõ ông Lê văn Hảo (bài đã dẫn ,42) xác nhận đình là " hành cung xưa" còn treo bảng "thánh cung vạn tuế" là dẫn từ đâu hay dựa vào một tài liệu nào khác. Chúng tôi cũng chưa thấy một tác giả nào chỉ rõ một ngôi đình cụ thể như thế để đối chiếu, suy luận.

(12) Trần Duy Bích. *"Điêu khắc đình làng"*trong *Văn hoá dân gian* (1984), 3,44. Kiến trúc sư Nguyễn đức Thiềm .Kiến trúc ngôi đình làng-Vấn đề công năng, bố cục tổng thể và đặc điểm tổ chức không gian. Tạp chí *Kiến trúc*(1948), 2,43,48. Cũng đọc Trần Từ. *Cơ cấu, sđd*, có phạm vi nghiên cứu bao quát hơn, như đề sách chứng tỏ. Những biến động chính trị (do đó gây ra những biến động trong xã hội) vì cuộc xâm lăng của người Pháp đã khiến cho nhiều tác giả hiểu nghĩa chữ *cổ truyền* là của xã hội xưa chưa chịu tác động của văn hoá Tây phương. Điều này cũng hợp lý nếu ta không quên rằng xã hội Việt Nam ở thế kỷ thứ 19 (và những tàn dư đến trước 1945) cũng không phải là của các thế kỷ về trước— sự cách biệt nhiều hay ít là điều còn phải dò tìm. Về phần tục thờ thành hoàng và ngôi đình (tr. 121-

128), tác giả tuy không rời được những vướng víu của tư tưởng chính thống, nhưng cũng đã phát biểu có chừng mực, dựa trên những luận cứ không chối bỏ được từ những nghiên cứu chuyên ngành khác.

"Lịch sử dựng đình rất là muộn so với chùa" (Lê trung Vũ."Hội làng - Hội lễ (Tổng thuật) trong *Văn hoá nghệ thuật dân gian* (1984), tr.36.

(13) Lê văn Hảo. *bđd*,42.

(14) Phan kế Bính. *Việt Nam phong tục*. (Sài gòn tái bản , 1973), 130,131. Lần thứ nhất trong No spécial du *Đông dương tạp chí*, 18-7-1916.

Ở địa vị hành chánh cao hơn thì nhà công quán là một thứ nhà vãng lai của viên chức, sứ bộ.

(15) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 2 (bản dịch Hà nội, 1967), 11. Các sự kiện kể sau đều lấy từ sách này (gọi tắt *Toàn Thư*), các năm tháng liên hệ.

(16). Hoàng Xuân Hãn. *Lý Thường Kiệt*. (Sài gòn tái bản, 1966), 469.

(17). Hãy lấy một minh chứng khác thuộc phần xây cất tôn giáo đương thời. Trên một cột đá khắc kinh đào được ở Hoa Lư, ta biết Đinh Liễn đã tạo dựng một trăm bảo tràng dâng cúng (973). Nhưng trên 20 cột đá tìm được thì chỉ 2 cột có khắc kinh mới đúng danh hiệu "bảo tràng", còn lại là những cột bát giác trống trơn chỉ có thể coi là trụ đá. Trụ cao từ 20-80 cm, có dáng của những *linga* (cũng có phần mang hình 8 cạnh) được nhà nước và nhà chùa sử dụng như vật cầu cúng. Linga (có sẵn từ trước ở Đại Cồ Việt), với triều đại Angkor phương Nam , là cội nguồn của quyền lực, là nơi tập trung cái thần của nhà vua. Thời kỳ Đồng Dương của Chàm (một phần tư cuối thế kỷ thứ 9) cũng có ảnh hưởng Angkor nên tuy mang tính chất Phật giáo mà cũng không mất tính thần hoá vua chúa từ phái Civa thờ Linga mà ra. Nhà Đinh mượn tôn giáo (nhất là Phật giáo) làm nơi dựa của triều đại xưng đế đầu tiên trên đất An nam đô hộ phủ cũ thì cái Linga-bảo tràng này là vật biểu trưng quyền hành thích hợp nhất.

Bảo tràng của Lê Long Đĩnh (1005) không có "ngõng" như một số cột đá của Đinh Liễn— những thứ này như có vẻ đội một bệ thờ (?) trên đầu. Ảnh hưởng Trung quốc tiếp theo và tính chất Phật giáo là tôn giáo chủ thể trong nước ,sẽ làm các linga mất dấu vết hẳn. Việc Lí thái tông năm 1043 thấy cột đá chùa cổ Tùng sơn xiêng rồi đứng thẳng dậy cho ta cảm giác đó, không phải là cột nhà, mà là *cột đứng một mình*. Chỉ cần đặt trên một cột đá loại ấy (cũng như trên bảo tràng của Lễ Long Đĩnh) một pho tượng Quan âm (thay hình chạm khắc Civa), rồi thêm hệ thống mái, tường vây là ta có một chùa Diên Hựu (Một Cột) năm 1049 . Tên Quan âm Hán Việt cũng nhắc ta nhớ đến Đồng Dương với sự thờ cúng Avalokitesvara.

Đình trạm Lí— Tha la(Sâm mộc- Chu Đạt Quan) Angkor, cột đá trơn bát giác—linga, sự liên quan riêng biệt trong khu vực thật khó phủ nhận .

(18) Lê văn Quán. *Nghiên cứu chữ Nôm*. (Hà nội, 1981), 67,137,188.

(19) Vấn đề sẽ được trình bày lúc khác.

(20)Ngan Nan Tche Yuan (E. Gaspardone giới thiệu, Hà nội, 1932), phần chữ Hán, tr. 17.

(21) Đinh Phúc Bảo. *Cổ tiền đại tự điển* (Đài Bắc , 1965) V, Thập di thượng biên, 8b, hạ biên 10b.

(22) *Toàn Thư* ghi năm 1302. Sửa lại theo Hà văn Tấn- Phạm thị Tâm.

Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII (in lần thứ tư, Hà nội, 1975), chú số 2, trang 201,202.

(23) Cùng một người dịch : Lê Hữu Mục (Sài gòn, 1961).

(24). *Hồng đức thiện chính thư* (Nguyễn Sĩ Giác dịch, Sài gòn 1957), 113. Trích văn trên có sửa đổi đối chiếu với bản chữ Hán in kèm, vẫn phải theo dịch giả ở phần " khắc chép sai lầm". Chúng tôi nhấn mạnh.

(25). *Hồng Đức...sđd*, 147-148. Bản dịch sót chi tiết quan trọng đối với vấn đề ta đang bàn : "Vô tiền tạo tác tự đình".

(26)*Ngan Nan Tche Yuan , sđd*, phần chữ Hán, 132.

(27) R. Deloustal.*La justice dans l' ancienne Annam* (code des Lê), 308. Dẫn theo Trương Hữu Quýnh . *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam - Thế kỷ XI-XVIII.*Tập I—*Thế kỷ XI-XV* (Hà nội , 1982), tr. 242.

(28) KTS Nguyễn Đức Thiềm *(bđd,43)* chỉ đình Tây Đằng, nhưng cũng để chứa một thời điểm khá rộng : thế kỷ XV-XVI.*Địa chí Hà Bắc* (Ti văn hoá và Thông tin . Thư viện tỉnh, 1982), tr. 469, chỉ ngôi đình Lỗ Hạnh xưa nhất có thời điểm 1576.

(29) *Lê triều chiếu lệnh thiện chính* (Nguyễn Sĩ Giác, Sài gòn 1961), 287 : " Ở nơi làng xóm gần đường đi lại , nên làm đình quán, theo cách nào tiện thì làm, để cho người qua lại ngủ trọ..."(Bốn mươi bảy điều giáo hoá ban bố năm 1663).

(30) *Đại Việt sử kí toàn thư- Bản kỉ tập biên* (1676-1740) (Nguyễn Kim Hưng-Ngô Thế Long dịch, Hà nội, 1982), 225,247. Chuyện năm 1736 có chú thích của dịch giả " Ngày xưa (?) thường làm hành cung cho vua nghỉ tại đình, ở đây làm hành cung tại chùa". Chuyện cuối năm 1727 có ghi việc chúa Trịnh Giang lập hành cung ở Cổ bi (Gia lâm- Hà nội) "xây dựng một tháng thì xong". Không biết các nhà khảo cứu ngày nay có tìm được dấu vết nào còn lại không.

(31,32) Trương Hữu Quýnh, *sđd*, 241.

(33,34,35)Tác giả đánh số sót các chú thích này. Ghi chú của Toà soạn

(36) Bản đồ thực hiện ở Goa năm 1568 của Ferrao Vaz Durado trong *Histoire des explorations*, II (1955), pl. 21. Đây chắc là tháp còn dấu vết sử ghi bị sập năm 1547. Bản đồ không ghi tên tháp nhưng vẽ hình tiêu biểu ở địa điểm Thăng Long.

(37) Lê Quý Đôn. *Kiến Văn tiểu lục* II (Đàm Duy Tạo dịch, Sài Gòn , 1965).tr.327

(38) *Lê triều chiếu lệnh thiện chính* (Nguyễn Sĩ Giác dịch, Sài Gòn) 1961, 305. Ngô Cao Lãng. *Lịch triều tạp kỉ* (Hoa Bằng dịch, Hà Nội, 1975), tập I, 195, tập II, 67 *Bản kỉ tục biên, sđd,* 175, 221, 232.
(39) *Lê triều... sđd,* 169-171

(40) Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục* tập II *đã dân,* 333-334.

(41) Trên chứng cớ vật chất còn lại, sau những ngôi đình của thế kỉ XVI, trong một khoảng thời gian khá dài không thấy ngôi đình nào, mãi đến đời Chính Hòa (1680-1705), đình mới tái hiện. Đình Thổ Hà (Hà Bắc-1686) có

thể coi là một trong những ngôi đình xưa nhất thuộc niên hiệu này, trước các đình Diềm (Hà Bắc-1892) cùng loạt đình dựng năm 1694: Hoàng Xá (Hà Tây), Thắng Núi (Hà Bắc), Phù Lão (Hà Bắc)... *(Nghệ thuật chạm khắc gỗ Việt Nam* "qua các bản rập", Hà Nội 1975, 71-72). Điều này chứng tỏ sự nở rộ của việc xây dựng đình làng đồng thời với sự mong ngóng thành hoàng của làng Diên Hồi.

(42) Lê Quý Đôn. *Kiến văn tiểu lục,* tập I (Lê Mạnh Liêu dịch, Sài Gòn, 1963), 108-109

(43) Lê Quý Đôn. *Kiến văn tiểu lục,* tập II, *sđd,* 328-329.

(44) *Đại Nam điển lệ* (Nguyễn Sĩ Giác dịch, Sài Gòn, 1962), 402-403.

(45) Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí* (Lưỡng Thần Cao Nãi Quang dịch, Sài Gòn, 1957), 491-499.

(46) *Toàn thư* tập IV (Hà Nội, 1973), 296-297. Chúng tôi chỉ có thể tin cậy rằng người dịch đã diễn tả sát nguyên văn.

(47) Phan Huy Chú, *sđd,* 377.

(48) *Hồng Đức... sđd,* 103, Phan Huy Chú, *sđd,* tr.99. Vì người cầm đầu làng xã không còn là xã quan (nghĩa là do triều đình bổ nhiệm) thì việc xã trưởng được hệ thống quyền lực cơ sở (quan viên, dân có của) bầu lên cũng là điều thuận lí. Có điều ta không rõ nhà nước đã giành lại quyền bổ nhiệm họ lại vào lúc nào mà Phan Huy Chú chỉ nói tới việc bầu cử bắt đầu từ khoảng 1732-1740 (xem sau). Có lẽ có việc công cử vẫn tiếp tục nhưng nhà nước vẫn theo dõi, kiểm soát. Lệnh năm 1669 (xem sau) dùng lẫn lộn danh xưng xã trưởng, xã quan, đặt họ dưới quyền trực tiếp của huyện quan. Sự ràng buộc chắc bị buông thả bắt đầu từ khoảng 1732 như Phan Huy Chú ghi nhận.

(49) *Lê triều... sđd,* 75, 79, 81,113, 131, 132. Việc cấm làng xã ngăn trở phụ canh đã có từ thời Thiệu Bình (1434-1443) *(Hồng Đức...* 73).

(49) *Lê triều... sđd,* 141, 401, 451. *Toàn thư* IV (1973), 246.

(50) Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tập kỉ,* I, *sđd,* 290-291.

(51) Phan Huy Chú, *sđd,* 99.

(52) Những chuyện về trạng Quỳnh với vua Lê chúa Trịnh chỉ có thể xuất hiện sớm nhất là vào nửa sau thế kỉ XIX khi người Pháp làm sụp đổ chính quyền trung ương, cũng có ý thức khinh miệt ngấm ngầm của dân chúng có từ trước qua những biến động nội bộ.

(53) *Địa chí Hà Bắc, sđd,* 365.

(54) *Lê triều... sđd,* 295, 307. Ở mặt trái của vấn đề, chùa địa phương thỉnh thoảng vẫn xuất hiện là điều có thể chứng minh được.

(55) Tổng kết của Trương Hữu Quýnh. *Lịch sử chế độ ruộng đất ở Việt Nam từ thế kỉ XI-XVIII* — tập II — *Thế kỉ XVI-XVIII* (Hà Nội, 1983), 63-66, 100, 101. Tất nhiên chùa lớn vẫn là nơi nhận ân sũng nổi bật của Chúa và các nhà quyền quí.

(56) *Địa chí Hà Bắc* đã dẫn, tr.561 cho biết hơn 300 cửa đình thờ Trương Hống — Trương Hát rải rác trong bốn tỉnh Hà Sơn Bình, Hải Hưng, Hà Bắc, Vĩnh Phú và thành phố Hà Nội, riêng Hà Bắc có hơn 100 đình thờ các ông này ven sông Cầu, sông Thương, sông Cà Lồ. (Chúng tôi tạm không chú ý đến con số lệch lạc khác ở các trang 463, 471).

(57) Phan Kế Bính, *sđd,* 82.

(58) Lê Tượng — Vũ Kim Biên. *Lịch sử Vĩnh Phú* (Vĩnh Phú, 1980), 108. Nguyễn Văn Khoan, *sđd,* 108.

(59) Ngô Tất Tố, "Ông thành hoàng ấy đã bị cách rồi", *sđd,* 178-182.

Óc hoài cổ cộng với định kiến dè bỉu, bài bác nhà Nguyễn (giai cấp "phong kiến thời tan rã" nói chung) khiến ta không có được các nghiên cứu đình, chùa... (và những khía cạnh lịch sử khác) của thời đại này để hiểu xem có những biến động nào trên đất Bắc của đình trong thế kỉ XIX không. Xem thêm sự thú nhận của Trần Lâm Biền. "Huế, mỹ thuật Nguyễn, những cái riêng". *Nghiên cứu nghệ thuật 3-26-1979, 36.*

(60) Lê văn Hảo, sđd, chú số 3, 41.

(61) Toan Ánh, *Nếp cũ — Hội hè đình đám — Quyển thượng (Sàigòn, 1969).*

(62) Trương Ngọc Tường, *"Vài nét về xã hội Tiền Giang vào thế kỉ XVIII" trong Nghiên cứu lịch sử* (1985), 35.

(63) Như bảng hiệu "Đình thần" đặt gần Láng Cát trên quốc lộ 15 thuộc tỉnh Phước Tuy cũ.

(64) Toan Ánh, *sđd,* 248-270, 271...

(65) Trần Huy Bá, "Hai tháng ở gò Óc Eo hay là câu chuyện đi đào vàng" trong *Tri Tân tạp chí* (1942), 172, 12, 13.

(66) Trần Từ, *sđd,* chú số 66, trang 151: Tác giả kể chuyện thấy trên lá số tế thành hoàng của một làng gần Huế có đến hơn 20 vị thần, khác với các thần ăn trộm, gắp phân ở miền Bắc.

(67) Toan Ánh, *sđd,* 240-243.

(68) Nguyễn Đình Tư, *Non nước Ninh Thuận — Phan Rang* (Sài Gòn, 1974),, 122-123.

(69) Phan Kế Bính, *sđd,* 91-92.

(70) Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục* tập II *đã dẫn,* 120-123. Chúng tôi nhấn mạnh.

(71) Một bằng cớ khác về sự bảo lưu tương tự được một tác giả "thích thú" nhận ra nơi lối trang trí hình *đao mác* xuất hiện ở Miền Bắc vào thế kỉ XVI, rất phổ biến ở thế kỉ XVII, tồn tại đến 1/2 sau thế kỉ XVIII, và biến mất ở thế kỉ XIX dù với các công trình Nguyễn; thế mà ở Huế, đao mác một khi hiện trên một số vạc đồng hồi thế kỉ XVII, lại vẫn xuất hiện dưới đời Gia Long, Tự Đức, Trần Lâm Biền, "Huế, mỹ thuật Nguyễn, những cái riêng". *Nghiên cứu nghệ thuật (1979), 3/26/, 49-50*

(72) NGuyễn đình Tư,sđd, 127,128.

(73) Thần Bạch Mã ở Miền Bắc liên quan đến Mã Viện. Sở Bình Thuận, thần Bạch mã là một nhân thần, công thần của chúa Nguyễn, nhưng là người thiểu số. Mả ông còn thấy ở phía tây Phố Bài, với nền vôi tạo nổi hình con ngựa ông cỡi. Có cả một truyện tích về viên tướng này lưu truyền ở địa phương và được ghi trong *Đại Nam nhất thống chí*, tỉnh *Bình Thuận*.

Ghi chú thêm (tháng 7-1986)

1. Tác giả Bùi Xuân Đính trong *Lệ làng phép nước* (Hà Nội, 1985) nghiên cứu trên các hương - khoán ước "nở rộ"... "từ thế kỉ XVII đến cuối thế kỉ XIX" và các hương ước cải lương của thế kỉ XX (đến trước 1945) để tìm hiểu lệ làng thành văn trong tương quan của tập đoàn làng xã và với chính quyền trung ương, cùng nhận xét tác động của di tục trong tương quan với chế độ mới ngày nay.

Các tài liệu dẫn chứng ở đây sớm nhất là của thế kỉ XVII và dấu hiệu hương ước có mặt dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497) chứng tỏ là tính chất tự trị của làng xã đã xuất hiện với một bộ mặt mới từ thế kỉ XV và phát triển mạnh ở thế kỉ XVII trở đi, trùng hợp với sự xuất hiện và phát triển của ngôi đình - công sở. Ngôi đình (tác giả không bàn đến) như chúng tôi đã phân tích rõ là một yếu tố quan trọng trong việc củng cố tính tự trị của làng xã trong diện mạo mới này, vì nó đã cung cấp cho làng một trụ sở cố định, bền lâu để làm nơi thi hành các hương ước, pháp luật của làng xã, lệ làng thành văn không còn trôi nổi, mù mờ một phần như trước nữa.

2. Văn Đình Hy, "Đình làng ở Long An", *"Văn hoá dân gian* 3 và 4 (1985), 64-68, nghiên cứu cụ thể một ngôi đình ở Nam Bộ, đình làng Bình Nhựt, tỉnh Long An, thờ Nguyễn Trung Trực làm thành hoàng. Có kèm bình đồ toàn diện đình, chi tiết bài trí trong ba ngôi nhà vuông chính xây hàng dọc kiểu chồng bát (ăn cơm): võ ca (tác giả viết *vỏ* ca và giải thích nghĩa như "vỏ" cua), nhà giữa để họp việc làng, và đình thần. Tác giả không cho biết năm xây đình, nhưng kiểu "nhà vuông" dành cho đình là lối xây cất phổ biến ở Nam Bộ.

Đáng lưu ý là đình có cổng chính là mặt sông Vàm Cỏ, còn lối đi bộ vào thì từ tỉnh lộ theo đường tẻ lại đi bên hông dãy nhà, sâu vào khu đất đến võ ca mới bước lên phần kiến trúc, thành thử phần đình thần cách biệt ra thêm, hợp với vẻ tôn nghiêm sẵn có. Hình như có tác động tranh chấp giữa hai phương tiện giao thông thủy và bộ ảnh hưởng đến tính chất ngôi đình này.

Định Nguyên

Tự hỏi

Rời mai đây có gặp người
Nếp nhăn cuối mắt nụ cười buồn tênh
Khóc nhau giọt lệ để dành
Tàn phai môi cũng lạnh tanh cho lời
Rời mai đây có gặp người
Tóc xanh em có thơm mùi hương xưa ?
Con thuyền cũ bến đò đưa
Giòng sông thắp nến hàng dừa soi trăng
Gọi anh lúa có thì thầm ?
Võng hiên còn nhớ chỗ nằm trẻ thơ ?
Cầm tay nhau vẫn còn ngờ
Đoàn viên hay lại đợi chờ trăm năm ?
Rời mai đây có về thăm
Bến xưa còn chuyến đò ngang đón người ?
Hay là quên mất nhau rồi
Cầm bằng môi dối cho lời là xong
Thôi thì còn chút quê hương !

Giọt lệ bất ngờ

Nhớ H

Rồi ngày tháng mỏi mòn qua rất vội.
Ngoảnh mặt nhìn lá chín đỏ mùa Thu
Anh khẽ gọi tên em cùng bóng tối
Tiếng mưa thầm rung động cả hư vô

Đêm vẫn mở trong anh nghìn cánh cửa
Nghìn mảnh đời từ đó cũng lang thang
Tình lầm lỡ một lần, thêm lần nữa
Đời bơ vơ tóc trắng ngọn cờ hàng

Mỗi giọt lệ bất ngờ em đã khóc
Có bao giờ vang vọng ái ân xưa ?
Hoài niệm cũ đắng cay như thuốc độc
Hồn héo khô trong men cũ hương thừa.

Thôi thì lỡ một đời nhau lận đận
Như giếng khô đành múc mảnh gàu không
Như hoa tàn cố chờ đêm Nguyệt tận
Ta chờ em trong giấc ngủ vô cùng.

Rất xa

Xa quê thương sợi khói chiều
Đồng xanh sóng lúa con diều soi gương
Ngõ tre khô lá mùa Đông
Mùi hương rạ mới còn nồng tóc ai
Ngón tay thơm đoá hoa nhài
Nghe mùa yêu ngủ trên vai lụa là
Nắng từ hàng xóm nắng qua
Vết chân trâu dẫn người xa trở về
Chim gù trên đỉnh ngọn tre
Giấc trưa một tỉnh mười mê tiếng gà
Hồ sen ai đó nở hoa
Má hồng em để lòng ta cũng hồng
Bướm bay quanh luống cải ngồng
Em vàng áo lụa lấy chồng hay chưa ?
Xa quê nhớ nắng thương mưa
Con ve đầu hạ gọi mùa rong chơi
Chim khuyên ghen tiếng em cười
Đậu trên cành bưởi hót lời bâng quơ
Kết giùm anh hết ngây thơ
Chiếc khăn thêu mũi kim xưa để dành
Soi giùm anh giếng đầu đình
Để xem đôi mắt còn xanh mầu trời
Để tang giùm mẹ qua đời
Đầu hiên huệ có ngậm ngùi ra bông
Xa quê trăm nhớ nghìn thương...

Ngô Nguyên Dũng

Bên kia rừng

Cánh rừng bên kia nhà tháng năm lá bắt đầu nhú. Sang tháng tám đã choáng ngợp màu xanh. Cuối tháng chín, lúc gió đông bắc theo thời tiết giao mùa thổi về, rừng đổi màu ngả sang vàng phơn phớt.

Nghĩa biên như thế, trong một lá thư gởi cho tôi. Đã lâu rồi tôi và Nghĩa không gặp nhau. Tôi chỉ đến thăm một lần khi được tin Nghĩa sang định cư nơi này, rồi bởi công việc bề bộn tôi quên bẵng. Thật ra, tôi có nhớ, nhưng chỉ trong tâm tưởng. Nhớ tới để lương tâm khỏi cắn rứt, để tự bào chữa cái lười không biên thư thăm hỏi. Thành thử thư Nghĩa tới vào khoảng thời gian chớm thu, khiến tôi cảm động vô cớ.

Tôi hình dung lại chỗ Nghĩa ở. Một làng nhỏ ở miền Nam nước Đức, có núi đồi thoai thoải, khung cảnh thay đổi theo từng mùa. Nhưng khu rừng Nghĩa nhắc tới trong thư là chỗ nào, tôi không còn nhớ. Phía bên kia nhà Nghĩa có một khu rừng sao? Hay Nghĩa đã dọn sang nhà mới mà quên không cho tôi hay?... Tôi sực nhớ, lúc tới thăm Nghĩa nhằm mùa đông. Rừng cây trụi lá, tuyết bám ơ hờ, trời mây nhuộm xám; có lẽ vì vậy mà tôi không giữ đậm nét khu rừng trong trí.

Tất cả cũng chỉ tình cờ mà ra. Cuộc thăm viếng không định trước, bởi có việc phải xuống miền Nam, trên đường về tôi tạt ngang thăm Nghĩa. Chúng tôi thân nhau từ lúc còn ở quê nhà. Đã bao nhiêu năm qua, vật đổi sao dời, bây giờ gặp lại, trong khoảnh mắt không còn sáng tinh anh, nằm trên đôi gò má nhô ra. Những sợi râu mọc lún phún ở cằm Nghĩa lưởi cạo càng làm khuôn mặt thêm già nua, cằn cỗi. Chúng tôi bắt tay nhau. Tôi cảm thấy bàn tay Nghĩa ốm yếu xương xương. Nghĩa cười. Trời ơi, nụ cười đó vẫn hằn nét thư sinh dạo nào trên khuôn mặt khô trơ. Và tôi cảm động. Nghĩa hỏi tôi muốn uống gì, nhà chỉ có trà, cà phê và nước

ngọt. Tôi cười, bỏ bia rồi sao? Nghĩa gật đầu, không uống rượu nữa. Rồi ngập ngừng tiếp:

— Uống vào chỉ thêm sầu.

Tôi nói với Nghĩa, chúng mình uống trà vậy. Tôi vẫn còn bỡ ngỡ trong cách xưng hô. Khi trước, chúng tôi "mày tao" với nhau dễ dàng, sau hơn mười năm mới gặp lại sao thấy khó khăn quá. Thời gian đã biến đổi tôi thành con người khác rồi sao?

Tôi đưa mắt nhìn chỗ Nghĩa ở. Căn phòng khách nhỏ xinh xắn. Bàn ghế, tủ búp phê và kệ sách trống. Trên bốn bức tường, Nghĩa không treo bức tranh nào, trắng lê thê. Khung cửa sổ có màn voan che phủ. Trong nỗi im lặng tĩnh lẽ một ngày cuối tuần, tôi nghe tiếng chảy róc rách từ chiếc lò sưởi chạy bằng hơi nước gắn dưới khung cửa sổ, dù thật khẽ. Cái trật tự nơi này có nét gì khô khan, trơ cứng như một tấm tranh kỷ hà chỉ có hai màu đen trắng. Nghĩa mang khay trà ra, nói:

— Mới dọn tới nên không có đồ đạc gì nhiều. Tất cả đều do bộ xã hội mua cho.

Nghĩa rót trà ra chung, đẩy về phía tôi. Hương trà quyện lấy căn phòng ấm, tỏa thơm ngát. Tôi nâng lên, uống một ngụm, cảm thấy ấm lòng. Những nghi cách xã giao cứng ngắc ban đầu được tháo bỏ. Nghĩa kể cho tôi nghe những biến đổi chính trị ở quê nhà, về đời sống oan nghiệt dưới chế độ mới, về những ngày dài lênh đênh trên biển tìm tự do, về niềm vui nỗi xót xa của đời sống trên đảo ngắn ngủi. Nhìn nét mặt Nghĩa thay đổi theo từng mẩu chuyện, tôi có thể hình dung được những nghiệt ngã ấy qua trí tưởng tượng. Cái thân thể còm cõi của Nghĩa cho tôi biết cuộc sống trên quê hương giờ khắc khổ đến mức nào. Màu da sạm nắng nâu hồng vẽ trong trí tôi những ngày nắng vùng đảo miền nhiệt đới. Và tia mắt Nghĩa thỉnh thoảng lại loé lên lần sáng rực rỡ, như ngọn pháo bông bùng nở trên trời đêm, không phải để mừng một ngày hội mà tia sáng ấy hừng hực lửa căm hờn. Trong một khắc rồi vòm mắt trĩu xuống, Nghĩa thở dài:

— Nơi này buồn quá.

Tôi an ủi, bạn tới nhằm mùa đông. Những ngày tuyết rơi sầu áo não như chít khăn tang.

•●•

Đêm đó, tôi ngủ lại nhà Nghĩa. Tôi nhớ mình đã có ý nghĩ thật buồn cười, tưởng như người lữ khách sau một chuyến đi xa trọ qua đêm trong quán vắng trên đường trở lại nhà. Đêm ở đây yên tĩnh như một tấm vải nhung đen ướt mềm, dịu dàng và mềm mại như bờ ngực ấm đàn bà. Buổi tối, Nghĩa làm cơm, tôi muốn giúp, Nghĩa nhờ tôi xắt hành. Thịt bò xào hành tây và canh su-hào

với thịt mỡ. Nghĩa nói, có bao giờ chàng biết nấu ăn đâu, thời gian sống trên đảo, Nghĩa học được nhiều thứ. Cả tính kiên nhẫn mà Nghĩa chưa hề có khi trước. Tôi cũng nhận thấy vậy. Nghĩa mà tôi gặp lại trầm tĩnh, u mặc như hỏa diệm sơn thôi phun lửa. Cách nói chuyện của Nghĩa cũng đổi khác, chậm rãi và rõ ràng, những khi muốn nhấn mạnh điều gì, Nghĩa phát to giọng khiến tôi lắng nghe mà có thể tưởng tượng rằng những chữ đó vừa được gạch dưới.

Trong bữa ăn, tôi hỏi Nghĩa về những người bạn cũ của hai đứa. Nghĩa bảo, đợi ăn xong sẽ kể cho tôi nghe. Tôi nao nức quá, chờ cho chóng xong bữa cơm. Tôi chỉ ăn được hai chén. Nghĩa hỏi, bộ cơm không ngon sao? Tôi trả lời, tự dưng không cảm thấy đói. Để làm vui lòng bạn, tôi ăn thêm một chén canh. Nghĩa ăn uống thật ngon lành, chỉ một thoáng dĩa thịt xào hết nhẵn. Nghĩa định ăn thêm canh, nhưng đã no cứng bụng nên thôi, Nghĩa nói vậy.

Tôi phụ Nghĩa mang khay chén dĩa xuống nhà bếp. Trong lúc tôi rửa chén, Nghĩa nấu nước pha cà phê. Vì muốn rửa cho mau, tôi sơ ý làm vỡ mất một cái ly thủy tinh. Nghĩa cười nói, theo người Tây phương thì mảnh vỡ mang đến điều may. Lúc nhặt những mảnh ly vỡ, tôi làm đứt một đường nhỏ ở ngón tay, máu nhỏ xuống sàn dăm ba giọt, tôi đưa lên miệng mút, cách tôi vẫn thường làm mỗi khi bị thương nhẹ. Nghĩa nhìn thấy máu, la lên:

— Trời ơi !!!

Tiếng kêu thảng thốt, bất ngờ như tiếng chim rừng vang lên thất thanh lúc động, vội vã đập cánh bay lên trời. Hay như tiếng chuyển mưa nơi quê nhà, lúc mây đen kéo về che kín. Tôi cười nhẹ, không sao cả, chỉ rách da một chút, chừng một phần ba phân. Dù sao Nghĩa cũng băng bó vết thương lại cho tôi. Nhìn người bạn tận tụy với ngón tay trỏ, một phần thân thể nhỏ nhoi, tôi cảm động.

Và Nghĩa hỏi, không ngước nhìn:

— Dũng còn nhớ Ngưng Hương ?

Tôi chau mày, không phải để lục lọi nhớ lại hình bóng cũ; tôi ngụ ý hỏi, tại sao Nghĩa lại hỏi câu thừa thãi đó; nhưng Nghĩa vẫn không ngước nhìn nên không thấy. Tôi giật mạnh bàn tay, mảnh băng vải bung ra bất ngờ, còn loang máu đỏ. Nghĩa nhìn tôi sững sờ. Tôi thấy hai mắt Nghĩa hoen ướt... Nhưng không hỏi tại sao, tôi muốn giữ cho mình niềm bí mật sau cùng. Tôi chậm chạp tự băng lấy vết thương. Xong xuôi Nghĩa gọi tôi ra phòng khách uống cà phê, không thôi nguội mất.

Phòng chỉ có ngọn đèn chụp ở một góc, màu vàng thê lương ấp ủ màu tường trắng thênh thang. Một nửa bóng tối mờ mờ phủ up lấy căn phòng khách, chụp xuống chỗ Nghĩa ngồi khối ánh sáng vàng vọt và bệnh hoạn. Tôi không hỏi, Nghĩa đã kể:

— Học tập cải tạo năm năm, trở lại Sàigòn tất cả đều đổi khác. Nhà cũ đã cho người khác mướn, gia đình Nghĩa dọn về chỗ ở mới khiêm nhường hơn, cũng gần đó thôi. Dũng còn nhớ khu Tân Định chứ? Lúc trước nhà ở ngoài đường lớn, sau đó dọn vào xóm Cầu Mới, ở cách trường Văn Hiến cũ độ hai trăm thước. Nhưng Nghĩa còn mong muốn gì hơn sau cuộc bể dâu đó, mọi người trong nhà đều mạnh khỏe là may mắn rồi... Chỉ có điều Ngưng Hương...

Nghĩa chợt quay nhìn thẳng vào hai mắt tôi, gằn từng tiếng, tôi biết Nghĩa đang muốn gạch dưới câu nói này:

— Dũng chưa quên Ngưng Hương chứ gì? Đứa em gái kế Nghĩa...

Không đợi tôi trả lời, Nghĩa đã tiếp:

— Không hiểu vì sao, nó mất trí từ đó, mê nhiều hơn tỉnh, mộng thường hơn thực. Suốt ngày nằm liệt trong giường, ăn phải đút, tắm rửa phải có người lo. Đứa em gái Nghĩa thương nhất nhà bỗng trở nên lạ lùng, nó chỉ nhận ra Nghĩa và người thân những lúc tỉnh. Thường thì nó chỉ trơ mắt nhìn ra cánh cửa lá sách có đợt nắng héo úa ngoài kia, không chớp mắt. Và nó trào nước mắt lặng lẽ, dễ dàng và bất chợt đến độ người khác tưởng rằng đó là một màn kịch câm. Nghĩa có hỏi mẹ lý do nào đã khiến em mất trí, mẹ cũng không rõ, chỉ biết sau lần Ngưng Hương lặn lội ra Bắc đến trại cải tạo thăm Nghĩa, về được một khoảng thời gian ngắn thì đâm ngớ ngẩn rồi hồn phách tan biến đi, em hoàn toàn rơi vào cõi mộng tử dạo ấy. Nghĩa đã thắc mắc vô cùng, vì tâm bệnh chỉ có thể phát sinh bởi sợ hãi quá độ và khủng khiếp hay bởi nỗi thất vọng kéo dài ngày này qua tháng nọ, với thời gian gậm nhấm. Nghĩa đã mù mờ không hiểu. Mãi tới lúc vượt biên thành công, những ngày dài thơi thả trên đảo đã giúp Nghĩa nhớ lại. Làm sao Nghĩa quên được cảnh hoàng hôn vùng biển. Trời ơi, màu tím ngan ngát ấy, cả màu hồng cam rực rỡ lúc chiều bắt đầu và chậm rãi đổi màu thê lương khi tà dương. Cả khung trời như bức tranh đủ màu, gờn gợn mây xám, lấp lánh ánh mặt trời thoi thóp chiếu trên sóng đại dương. Nhật mộ chỉ có thể tìm thấy được nơi biển chiều. Nghĩa bao lần ngồi trên chóp đồi thấp nhìn ngày hấp hối, đã bao lần nhắm mắt ứa lệ hướng về nơi xa xa, hy vọng đấy là chốn quê nhà yêu dấu. Và cuối cùng, Nghĩa tin là đã hiểu được lý do tại sao Ngưng Hương bỗng dưng loạn trí.

Nghĩa chỉ cần hình dung lại đoạn đường xe lửa từ Bắc vào Nam lúc được trả tự do là có thể đoán được phần nào những gì Ngưng Hương đã thấy trong cuộc hành trình cam go đi thăm Nghĩa khi trước. Cảnh người cày thay trâu dưới ruộng cạn. Hình ảnh từng đàn trẻ nhỏ trần truồng như thời đại sơ khai chạy theo

đoàn tàu lửa mệt nhọc hú còi trên đường sắt. Cảnh những người đàn bà vì miếng ăn, sự sống còn phải đánh đĩ với lũ cán bộ để được đem hàng ra Bắc trót lọt. Cảnh những người vợ thăm nuôi tù cải tạo bị lừa đảo, hất hủi, hiếp đáp bởi công an, bởi cán bộ và biết bao nhiêu kẻ khác đang rình rập, chỉ cần sơ hở nhỏ để tráo giật túi quà bánh mang cho chồng. Và những điều tàn đổ nát bởi chiến tranh, đến từ những tham vọng điên cuồng ngu xuẩn của tập đoàn lãnh đạo thất học, vô lương tâm và xuẩn ngốc. Họ có thể đổ lỗi cho chiến tranh lúc nước nhà loạn lạc, nhưng bây giờ đã thanh bình thống nhất rồi, điều mà họ vẫn lớn tiếng rêu rao, tại sao vẫn đói khát, trẻ con vẫn thiếu mặc, người phải kéo cày thay thú? Thiên tai ư? Hỏi có mấy lần bão trong năm? Không lẽ trăm lần. Hỏi có bao nhiêu vùng bị bão? Không lẽ toàn cõi Việt Nam.

Giọng Nghĩa run lên, như lá cỏ bật phần phật trong mưa bão.

— Dũng ơi, quê hương mình còn gian nan như thế bao lâu nữa?

Và Nghĩa úp mặt vào hai bàn tay xương xẩu, những đường gân xanh hằn rõ nét trong vùng ánh sáng lao chao vàng úa. Tôi nhìn Nghĩa sững sờ. Những chuyện Nghĩa kể tôi có nghe qua, nhưng sự phản kháng của Nghĩa qua lời nói đã khiến tôi ngạc nhiên. Nghĩa đổi khác nhiều quá, không còn giống như ngày xưa, lúc hai đứa còn học chung một trường, ở cùng một xóm. Tôi ngồi bất động như một hình nộm, xương sống như có ai dùng thỏi đá lạnh kéo một đường dài; tôi rùng mình. Hai tay bấu vào thành ghế như sợ trôi tuột xuống vực sâu. Trong trí nhớ tôi vừa thả rơi những chòm sao kỷ niệm. Chương sách đầu đời đã khép lại giờ mở rộng ra phơi bày nguyên vẹn trước mặt. Những hình ảnh dĩ vãng sóng sánh trở về, run rẩy như chim nhỏ chao bay trong gió lớn. Không, như cánh diều phướn dài đủ màu sặc sỡ bay lượn trên vòm trời xanh cao vút. Có Nghĩa, có tôi và Ngưng Hương.

•●•

*T*ôi mường tượng ra hình bóng Ngưng Hương. Cô bé gầy còm, người tong teo như một chiếc đũa tre. Tóc để dài, những ngày mùa nắng thắt thành hai cái bím cột vào nhau bỏ sau lưng. Khuôn mặt cô bé xương xương, giống Nghĩa y hệt, cũng hai mắt nâu rạng rỡ, với chiếc mũi nhỏ thon dài và cặp môi mỏng hay mím lại mỗi lúc giận hờn. Nghĩa thương em gái, đi đâu cũng dẫn nó đi theo thành thử Ngưng Hương chơi toàn những trò chơi con trai, nghịch ngợm và lí lắc như một hòn bi ve. Có điều đặc biệt, cô bé hay giận và dễ rung cảm như một sợi dây đàn, chỉ cần búng thật nhẹ đã vang thành tiếng.

Tôi thân với Nghĩa và thân luôn với Ngưng Hương. Lúc ba đứa còn chơi trò trẻ con với nhau, tôi mười lăm, Ngưng Hương

chỉ mới lên chín. Ngày mùa hè, chúng tôi dán diều. Ngưng Hương đòi cho bằng được một con diều tí hon, mà phải do tôi làm kia vì cô bé bảo, tôi dán diều khéo hơn Nghĩa, diều tôi căng gió bay cao và đằm hơn, gặp gió lớn chỉ lao chao chứ không quay vòng nghiêng ngả như diều Nghĩa làm. Chiều cô bé, tôi vuốt tre mua giấy bóng kiếng về làm một con diều đỏ bé tí. Ngưng Hương dẫy nẩy không chịu, đòi diều màu xanh. Tôi trợn mắt lên, trời cũng màu xanh rồi làm sao thấy diều bay? Cô nhỏ nũng nịu, em thích cánh diều có đầu xanh phướn vàng, tô hai mắt đen nhánh để diều còn... ngắm cảnh. Tôi bực mình nhưng không nói ra, sợ Ngưng Hương khóc và bóc tờ giấy đỏ, mua giấy màu xanh về dán lại, còn cẩn thận dùng màu nước vẽ lên hai mắt có lông mi hẳn hòi. Ngưng Hương thích chí, khen rối rít khiến tôi cũng vui lây và quên hết những bực dọc vừa qua.

Ngày nào cũng vậy, đợi chiều mát ba đứa trèo lên sân thượng thả diều. Con diều màu xanh nhỏ nhắn của Ngưng Hương bay ẻo lả bên cạnh hai con diều to cánh, đuôi dài thượt của tôi và Nghĩa Giữ giây diều mãi cũng chán, ba đứa cột vào nhánh cây mận cao ngang sân thượng, để diều tự do tung tăng bay lượn trên trời cao, chúng tôi hái mận ăn chán chê rồi thấm mệt nhắm mắt ngủ chập chờn bên nhau...

Tôi chỉ còn giữ lại bấy nhiêu hình ảnh về Ngưng Hương, cả một quãng đời thơ ấu bình thường, không biết có nên diễn tả bằng hai chữ tuyệt vời. Vài năm sau, lớn lên, năm tôi mười tám tuổi, Ngưng Hương lên mười hai. Tôi ít gặp gỡ Ngưng Hương hơn lúc trước, có cảm tưởng không còn trẻ con nữa để chơi với cô bé. Dù vậy hai đứa vẫn gặp nhau mỗi ngày, buổi trưa đi học về lại thấy Ngưng Hương yểu điệu trong chiếc áo dài trắng ôm cặp thả bộ chậm rãi về nhà. Thuở ấy cô bé mới vào đệ thất trường công, phải mặc áo dài. Nhìn dáng cô nhỏ chưa nẩy nở trọn vẹn, ngực phẳng, mông nhỏ, vòng eo suông đuột như một nhánh cây khô, tôi lại thấy xinh xinh. Và màu trắng nõn nà, chói ngợp trong biển nắng ban trưa. Tôi vẫn hay dừng lại chờ Ngưng Hương đoạn đường còn lại. Thấy tôi, cô bé gật đầu cười duyên dáng, chào anh. Chúng tôi không nói gì trên đoạn đường ngắn ngủi. Ngưng Hương không còn bé nữa để vòi vĩnh tôi dán cho cánh diều con, cũng chưa đủ lớn để mở đầu câu chuyện. Tôi lại nhút nhát, không hiểu tại sao, khó khăn gì lúc làm bài anh sẽ qua chỉ cho. Ngưng Hương dạ thật khẽ. Những hôm có gió, Ngưng Hương để vô tình tà áo bay thốc về phía trước, tơi bời mùi hương thân thể dậy thì tôi ngửi thấy ngan ngát.

Một năm sau, thi đậu tú tài đôi, tôi rời Sàigòn lên đường du học. Ngưng Hương đã mười ba tuổi. Cô bé tặng tôi một quyển sách nhỏ để làm quà đưa tiễn. Qua đây, mở ra tôi thấy một cánh tường vi khô ép trong sách. Đưa lên mũi, dù héo úa nhưng mùi

thơm vẫn còn lãng đãng, gây gây như giấc mộng đẹp không muốn rời. Ngưng Hương "mến tôi"? Tôi không muốn viết ra đây chữ "yêu", bởi chúng tôi chưa hề nói với nhau điều đó. Ngay cả sau này, sau tháng Tư 75, tôi quyết định ở lại nơi xứ người, chúng tôi vẫn không viết cho nhau những lời thương mến. Tôi chỉ coi Ngưng Hương như một người em gái. "Em chỉ là em gái thôi, người em sầu mộng muôn đời".

***

Nghĩa kể tiếp :

— Những năm sống trong trại cải tạo ngoài Bắc, chỉ có Ngưng Hương tìm ra thăm Nghĩa một lần. Nó khóc sững sờ khi nhìn mặt Nghĩa. Nó nói, sao anh ốm như một que nhang và xanh như người bệnh, sao tóc anh thưa và bạc trắng thế này, sao bàn tay anh chai cứng và xương xẩu như những cành cây sắp chết? Chỉ bấy nhiêu thôi, qua những câu hỏi của nó. Nghĩa có thể tưởng tượng mình tiều tụy đến thế nào. Nghĩa biết chứ, thân thể ốm còm sau những năm học tập và làm lụng gian khổ, nhưng lời nói của người khác mới là tấm gương trung thực. Lúc từ giã nhau, nhìn Ngưng Hương thất thểu trở về trong cơn mưa phùn mùa thu đất Bắc, Nghĩa mới bật khóc. Mưa giăng làm màu lá cây núi rừng thêm âm u lạnh lẽo. và Nghĩa tự hỏi, với tấm thân yếu mềm, tâm trí dễ cảm Ngưng Hương có đủ nghị lực để chịu đựng những oan nghiệt đổi đời. Câu trả lời là "không"...

Nghĩa vo tròn bàn tay lại, đập lên thành ghế. Rồi nắm tay duỗi ra rũ liệt. Tôi chỉ ngồi nghe Nghĩa kể, không muốn nói mà cũng không muốn hỏi thêm chi tiết, sợ làm đứt ngang luồng hồi tưởng. Nghĩa như kẻ lên đồng, có người nhập vào chàng, kể lại.

Uống một ngụm cà phê nguội lạnh, trời đã khuya lắm. Gió bên ngoài thổi mạnh, kéo theo cơn mưa tuyết. Tôi vạch màn chắn nhìn ra ngoài trời đêm, một ngọn đèn đứng lẻ loi soi đường, màu vàng bạc phết soi rõ những đường tuyết rơi nghiêng nghiêng. Tôi nhớ đã nói một câu vô vị:

— Tuyết đang rơi ngoài kia.

Giọng Nghĩa vang lên sau lưng:

— Thôi, đi ngủ vậy. Dũng nằm đây, trên ghế sa-lông. Nghĩa mang cho Dũng tấm chăn bông.

Trưa hôm sau, lúc bắt tay chào Nghĩa trở về, tôi không biết phải chúc bạn những gì. Can đảm, hạnh phúc, nhiều may mắn hay cố vững tin? Tất cả, đối với Nghĩa đều thừa thãi. Chàng ghét những lời nói vô nghĩa, trang điểm hào nháng bên ngoài. Nghĩa không muốn đeo mặt nạ bằng ngôn từ trau chuốt. Tôi biết tính bạn nên chỉ chào rồi nói, "tao" sẽ biên thư cho "mày". Bây giờ, lúc chia

tay, cách xưng hô cũ mới được bật ra. Tôi nhìn hai mắt bạn, có cảm tưởng đã long lanh nước.

Lời hứa với Nghĩa không được tôi thực hiện, để đến lúc nhận được thư Nghĩa, tôi tìm cách biện minh, đổ lỗi cho công việc bề bộn ở hãng. Đọc lá thư Nghĩa kể mùa thu chớm về nơi đó, khu rừng bên kia nhà đẹp như một bức tranh thủy mặc, tôi định sẽ lái xe xuống thăm bạn cuối tuần này. Tôi muốn nhìn xem rừng thay lá ngã vàng nhàn nhạt. Cảnh mà nơi thành phố lớn tôi đang ở chưa hề có. Hay có đấy, ở một góc nào, nhưng chắc chắn không đẹp bằng mùa thu bên kia rừng nơi Nghĩa ở.

Ngô Nguyên Dũng

Thái Tú Hạp

Vầng trăng thần thoại

Này yêu dấu có bao giờ em hiểu
lời của chim trên ngọn đỉnh kiêu sa
mây của trời ngàn năm phiêu bạt
nước của nguồn muôn thuở mộng ra khơi.

Em cách biệt như vầng trăng thần thoại
giòng sông xưa về ngủ muộn tương tư
Ta cánh hạc rong chơi từ vô hạn
em có nghe mùa động gió rừng thu.

Này yêu dấu em có hay sầu muộn
theo tiếng đàn mang hơi thở quê hương
Những mùa xuân thiên đường vui đã vỡ
đêm mưa về trên mái lá yêu thương

Sông núi vẫn hằng in trong trí tưởng
đời quạnh hiu như mây trắng bay qua
Kiếp ly hương nuôi sầu trong thạch thất
em có bao giờ chia sẻ nỗi niềm ta ?

Phạm-văn-Hải . Vũ-thị-Dung

Dạy quốc ngữ theo phương pháp tự nhiên.

• *Trình-bày và thảo-luận tại Phòng Sinh-hoạt Người Việt Westminster, California do Hội Ái-Hữu Cựu Giáo-chức Việt-nam tại Hải-ngoại tổ-chức ngày 24-5-1986.*

• *Trình-bày và thảo-luận trong Khóa Hội Thảo Văn-hóa Nguồn Cội và Giáo-dục Thiếu Nhi do Liên Hội Việt Kiều Canada tổ-chức ngày 15-6-1986 tại Ottawa, Canada.*

—✱—

Dạy chữ Quốc-ngữ cho trẻ con Việt-nam là một vấn-đề vô-cùng trọng-đại và tế-nhị.

Nói như thế, không biết chúng tôi có dùng những từ hơi quá đáng không?

Có lẽ không.

Đọc và viết được chữ Quốc-ngữ là một trong những điều-kiện phải có để duy-trì tiếng Việt. Để đạt được mục-tiêu này, công tác phổ-biến chữ Quốc-ngữ cần phải được trù-tính hoạch-định cẩn-thận và khoa-học để thích-ứng với hoàn-cảnh mới.

Nếu tiếng Việt được duy-trì, bất cứ ai, người luôn-luôn lo-lắng cho tiền-đồ của dân-tộc hay người chỉ quan-tâm đến hoàn-cảnh hiện-tại và tương-lai của con-cái, người nào cũng có một phương tiện rất hữu hiệu để đạt mục đích.

Đối với người thường nghĩ tới tiền-đồ của dân-tộc, tiếng Việt có được duy-trì, mới có thể bảo-tồn và phát-huy văn-hóa Việt-nam.

Đã là người Việt-nam tất phải có bổn-phận bảo-tồn và phát-huy văn-hóa Việt-nam. Nếu văn-hóa Việt-nam không còn, người Việt-nam trở thành những kẻ mất gốc.

Chẳng lẽ "mất gốc" không phải là điều nhục-nhã hay sao?

Tiếng Việt có được duy trì mới mong có ngày trở về quê cũ.

Chúng tôi đã nghe thấy những lời bàn tán và có thể đoán trước được: nếu có ngày về, số người ở lại nước ngoài không phải là nhỏ. Đó là sự thật, dù chưa xẩy ra, mà đã phũ-phàng như vậy.

Tuy nhiên, trong thâm tâm mỗi người Việt-nam, ở một giây phút nào đó, chắc chắn phải nhận: "Tha phương cầu thực" không phải là điều vinh-hạnh, "bỏ nước mà đi" không phải là điều đáng hãnh-diện.

Những lí-do tương-tự như vậy, đối với một số người, có vẻ quá lí-tưởng. Trên thực-tế, chúng ta phải nhận: Người Việt cũng như mọi giống người khác. Có người thế này, có người thế kia. Có người mới ra nước ngoài đã thay họ đổi tên. Có người mới lắp-bắp hai ba tiếng nước ngoài đã bỏ tiếng mẹ đẻ. Cũng có người khăng-khăng không chịu thay đổi. Nhìn vào lịch sử, thời nào cũng có người được tôn làm anh-hùng dân-tộc, thời nào cũng có kẻ làm ngược lại ý-chí của toàn dân. Nhưng nếu không có Lê-chiêu-Thống cầu-cứu người phương Bắc, chưa chắc tài-danh của Quang Trung đã hiển-hách như vậy; chưa chắc đã tỏ được chiến-công oanh-liệt của người Việt, chỉ trong mấy ngày đã phá tan được hai mươi vạn quân Thanh.

Trong hoàn-cảnh hiện nay của người Việt ở nước ngoài, không thiếu gì người đã từng nói:

"Bảo-tồn và phát-huy văn-hóa Việt-nam là chuyện mơ-hồ."

"Nghĩ đến ngày về là chuyện hão-huyền."

"Duy-trì tiếng Việt chỉ làm mất thì-giờ của trẻ con."

Mỗi người có một lập-luận riêng. Mỗi người có một lập-trường riêng. Có thể có người không cảm thấy nhục-nhã khi bị liệt vào hạng người mất gốc. Có người không muốn nghĩ đến quê cũ. Có người không bao giờ nghĩ tới ngày về v.v...

Đối với những người thực-tế hơn, chỉ quan-tâm đến gia-đình ở hoàn-cảnh hiện-tại và tương-lai của con-cái, nếu tiếng Việt được duy-trì, con cái học mau hơn, dễ hơn, và chóng giỏi hơn; cha mẹ gần-gũi với con-cái hơn, dễ truyền-đạt kinh-nghiệm cho con-cái hơn v.v...

Chẳng cần phải dài dòng, chúng ta cũng thấy:

— Trẻ con nói hai thứ tiếng có vẻ thông-minh hơn: không ngờ-nghệch khi nói tiếng mẹ đẻ, không ngây-ngô khi nói tiếng nước ngoài. Chúng có thể diễn-tả những điều hiểu biết bằng hai phương-tiện khác nhau. Đối với người ngoài, chúng thông-minh hơn, giỏi hơn trẻ con chỉ biết một thứ tiếng.

— Hơn thế nữa, có những điều chỉ có thể biết hay chỉ có thể diễn-tả dễ dàng bằng tiếng Việt, có những điều chỉ có thể biết hay

chỉ có thể diễn tả dễ dàng bằng tiếng nước ngoài.

Nếu nói được hai thứ tiếng, sự hiểu biết sẽ phong-phú hơn. Nhờ đó, học chóng giỏi hơn.

— Ngoài ra, chỉ cần quan-sát kĩ một chút, ai cũng phải công-nhận: Trẻ con có năng-khiếu tiếp-nhận nhiều tiếng nói một cách dễ-dàng và tự-nhiên. Đó là năng-khiếu trời cho. Người lớn không thể so-sánh được.

Như vậy, nếu tiếng Việt được duy trì, bất cứ người Việt-nam nào, còn nghĩ tới nguồn-gốc, có ý-định dùng tiếng Việt làm phương-tiện bảo-tồn và phát-huy văn-hóa Việt-nam, hay chỉ nghĩ tới gia-đình và tương-lai của con-cái, người nào cũng đạt được mục-đích: con-cái học giỏi hơn, tương-lai rực-rỡ hơn; dạy-dỗ con-cái dễ-dàng hơn, tình gia-đình thắm-thiết và bền-chặt hơn, địa-vị của cha mẹ đối với con-cái quan-trọng và vững-vàng hơn. Từ đó, tất-nhiên, văn-hóa Việt-nam được bảo-tồn và phát-huy ở nước ngoài.

Làm thế nào để duy-trì tiếng Việt?

Số đông người Việt chúng ta đã thực-hiện và còn tiếp-tục nữa. Đó là:

— Sống như người Việt.

— Nói tiếng Việt, và

— Dạy trẻ con chữ viết của người Việt. Thứ chữ chúng ta thường gọi là chữ Quốc-ngữ.

Dạy chữ Quốc-ngữ như thế nào?

Tại những nơi đông người Việt đều có các tổ-chức dạy chữ Quốc-ngữ. Số học-sinh càng ngày càng nhiều. Các bậc cha mẹ cũng tìm đủ cách cho con đi học. Điều đó chứng tỏ sự quan-tâm của người Việt đối với vấn-đề duy-trì tiếng Việt.

Tuy nhiên, nhiều nơi không có đủ người dạy. Có nơi dạy theo lối cũ, không đạt được kết-quả như đã dự-tính. Gần đây, vài phương-pháp đặc-biệt được quảng-cáo trên báo-chí. Đôi khi có cả lời giới-thiệu của những người nhiều uy-tín.

Mặc dù phương-pháp nào cũng có điểm hay; nếu biết cách dạy và đủ kiên-nhẫn, phương-pháp nào cũng có thể giúp trẻ em đọc và viết được chữ Quốc-ngữ; nhưng trên thực-tế lại khác. Vai-trò quan-trọng của chuyển-ngữ ở trường học (tiếng Anh, tiếng Pháp,...) đòi-hỏi người dạy phải có một phương-pháp, bất-kì phương-pháp nào, khoa-học và thích-hợp với người học ở hoàn-cảnh mới, nếp-sống mới.

Vì thế, hôm nay, chúng tôi trình bày với quí vị một phương-pháp dạy chữ Quốc-ngữ. Đó là Phương-pháp Tự-nhiên. Chắc chắn sau khi thảo-luận với nhau, chúng ta sẽ tìm ra được một vài điểm giúp cho việc dạy-dỗ con em chúng ta dễ-dàng hơn.

Thế nào là tự-nhiên ?

Mới sinh ra đã khóc. Đó là tự-nhiên.

Vui thì tươi-tỉnh, buồn thì ủ-rũ. Đó là tự-nhiên.

Ở gần trường thích đi học, ở gần chợ thích mua bán. Đó là tự-nhiên v.v...

Có lẽ không cần định-nghĩa, chúng ta đều biết thế nào tự-nhiên. Sự hiểu biết như thế đầy-đủ hơn và tự-nhiên hơn định-nghĩa rất nhiều.

Tại sao phương-pháp chúng tôi sắp-sửa trình bày được đặt tên là Tự-nhiên?

Lí-do rất đơn-giản: Tất cả những gì được dùng trong phương-pháp này đều thuộc về con người, gần gũi và quen thuộc với con người; ai cũng biết, ai cũng rõ, nói tới hiểu liền; cái gì cũng dễ nhận, dễ nhớ, nên được gọi là Tự-nhiên.

Đi vào chi-tiết hơn, phương-pháp tự-nhiên là phương-pháp của khoa-học về tiếng-nói dựa vào tính tự-nhiên để hướng-dẫn và dạy tiếng nói cùng chữ viết.

Mỗi lớp tuổi tiếp-nhận tiếng nói một khác. Tính tự-nhiên cũng vậy, thay đổi theo từng người, từng tuổi, từng hoàn-cảnh. Nên phương-pháp tự-nhiên có nhiều lối khác nhau.

Cho tới nay, phương-pháp tự-nhiên có tám lối dạy :

— *Lối thứ nhất:* cách dạy trẻ em trước tuổi đi học (từ một tuổi rưỡi đến năm sáu tuổi).

— *Lối thứ hai:* trẻ em từ năm sáu tuổi trở lên.

— *Lối thứ ba:* trẻ em vào khoảng mười tuổi.

— *Lối thứ tư:* dành cho trẻ em xuất-sắc.

— *Lối thứ năm:* trẻ em chậm hiểu hay lười biếng.

— *Lối thứ sáu:* trẻ em vào khoảng mười bốn tuổi.

— *Lối thứ bảy:* trẻ em Việt-nam đã quên hết tiếng Việt.

— *Lối thứ tám*: dành cho người học tiếng Việt và chữ Việt như sinh-ngữ thứ hai.

Trong tám lối này, năm lối đầu đã được nhắc tới nhiều lần. Lối thứ ba, dành cho trẻ em vào khoảng mười tuổi được phổ-biến rộng-rãi nhất. Chỉ cần học 20 bài, mỗi bài chừng một tiếng đồng hồ, một học-sinh bình-thường khoảng 10 tuổi có thể đọc và viết được chữ Quốc-ngữ khá dễ-dàng.

Tất cả tám lối dạy có chung một số nguyên-tắc căn-bản. Trong đó, mấy nguyên-tắc chính là :

— Dùng những gì người học đã biết để dạy những gì chưa biết.

— Chuyển những gì người học đã biết ở tiếng bản xứ (tiếng Anh, tiếng Pháp, v.v...) để dạy chữ Việt và tiếng Việt.

— Dạy những gì người học thích trước, dạy những gì không thích sau.

Dạy những gì người học muốn biết trước, dạy những gì xa lạ hay không muốn biết sau.

Dạy gần trước, dạy xa sau.

— Dùng những gì dễ để dạy những gì khó.

— Dạy Đọc (đọc thực sự) ngay từ bài đầu.

— Dạy vừa đủ. Không dạy ít, không dạy nhiều.

— Dạy trong bầu không-khí tự-nhiên và thích-hợp với người học (hỏi han, kể truyện, ca-hát, vui-đùa, ganh-đua) nhưng không cho phá-phách, vô kỉ-luật.

Từ trước tới nay, chưa có phương-pháp nào, cùng một lúc dùng tất cả những nguyên-tắc này; chưa có phương-pháp nào vận-dụng và làm phát-triển sự thông-minh của người học nhiều như vậy.

● Ngay từ bài đầu, người học đã đọc được khá nhiều (không phải chập-chững từng chữ cái và tập ghép vần từng chữ một).

● Chứng tỏ được con người có khả-năng học một biết mười. Và rõ hơn cả, trẻ con có năng-khiếu tiếp-nhận tiếng nói và chữ viết một cách dễ-dàng và tự-nhiên. Người lớn không thể so-sánh được.

● Hơn thế nữa, phương-pháp tự-nhiên còn làm cho người học muốn học, thích học, ham học và học rất mau.

Chúng tôi xin đưa ra vài thí-dụ để minh-dẫn.

Thí dụ thứ nhất: dùng những gì người học đã biết ở tiếng Anh để dạy chữ Việt và tiếng Việt.

Một em bé vào khoảng mười tuổi, đang học một trường chuyển ngữ là tiếng Anh. Thông thường, em có thể đọc và viết được tiếng Anh tương đối dễ dàng. Khi dạy em chữ Quốc-ngữ, không cần dạy b, v, l, m, n, h, s, x, r, v.v... em cũng đã biết rồi. Ngay cả đ, th, kh, ng, v.v... cũng chỉ cần nhắc sơ qua. Về cách đánh vần cũng vậy. Vì vậy ngay từ bài đầu, em có thể đọc được một bài khá dài (thí dụ thứ ba).

Thí dụ thứ hai: Chữ Quốc-ngữ đơn-giản và uyển-chuyển. Trẻ con giỏi bắt-chước, thích rập khuôn. Nên dùng các khuôn để dạy. Khi học sinh bắt-chước được và nhận ra khuôn, có thể biết cả những chữ chưa học.

Trong trường hợp thanh sắc´ (dấu sắc), có thể dùng mấy giai đoạn sau đây:

1- Viết (và vẽ)

la *lá*

Đọc trước, bảo học sinh *đọc theo.*

Viết và đọc trước, bảo học sinh đọc theo:

ha	*há*
sa	*sá*
va	*vá*

ba	*bá*
na	*ná*

2- Trở lại phần trên, đọc phần thứ nhất, (không dấu), bảo học-sinh đọc phần thứ hai (có dấu sắc).

Sau đó, cho học-sinh biết phần thứ nhất không có dấu, phần thứ hai có dấu sắc; từ nay, gọi dấu đó là dấu sắc.

3- Đọc phần thứ nhất (không có dấu), bảo học sinh đọc phần thứ hai (có dấu sắc) y hệt như trên. Khi hết, *không viết* tiếp, chỉ đọc, học sinh sẽ đọc được phần có dấu sắc:

(ma	*má*
la	*lá*
ha	*há*
hai	*hái*
vai	*vái*
—bô	*—bố*
hô	*hố*
chu	*chú*
chi	*chí*
la	*lá*
lan	*lán*
ban	*bán)*

Thí dụ thứ ba: Bài Tập đọc

1- Nguyên-tắc :

— Dùng những gì đã biết để dạy những gì chưa biết.

— Dạy từ dễ đến khó, từ gần đến xa.

— Dùng những chữ đọc được để đọc những chữ dễ đoán và những chữ khó đoán.

— Nhắc đi nhắc lại (: tính-chất tự-nhiên của văn nói), v.v...

2- Hỏi học sinh để viết tên, tuổi, lớp... của từng người trong gia đình.

(Học sinh:)	Hồ-Thu-Lan, mười tuổi, lớp năm
Bố:	Hồ-Thanh-Sử
Mẹ:	Lê-Thị-Hải
Chị:	Hồ-Thu-Cúc, mười bốn tuổi, lớp chín
Anh:	Hồ-Thanh-Việt, mười hai tuổi, lớp bẩy
Em trai:	Hồ-Thanh-Nam, tám tuổi, lớp ba
Cô giáo:	Cô Vân.

3- Viết từng câu, đọc trước, bảo học-sinh đọc theo. Sau mỗi đoạn, bảo học-sinh đọc lại. Chỉ nhắc khi nào không đọc được.

Con tên là Hồ-Thu-Lan. Năm nay con lên mười. Con học lớp năm. Hết hè con lên lớp sáu.

Hôm nay là thứ bẩy. Bố con đưa con đi học. Con học chữ Việt. Cô giáo của con là cô Vân. Cô Vân bảo con ngoan và giỏi lắm.

Nếu con chăm học, chỉ mấy ngày nữa con có thể đọc được rất nhiều chữ.

Gia-đình con có sáu người, bố mẹ con và anh chị em con.

Bố con tên là Hồ-Thanh-Sử. Mẹ con tên là Lê-Thị-Hải. Tên họ của con là Hồ, giống tên họ của bố con.

Con có hai chị em gái và hai anh em trai. Chị con tên là Hồ-Thu-Cúc. Chị Cúc mười bốn tuổi, học lớp chín. Anh con tên là Hồ-Thanh-Việt, mười hai tuổi. Anh Việt học lớp bẩy. Em con tên là Hồ-Thanh-Nam, tám tuổi, học lớp ba. Nó bé nhất nhà. Chị Cúc lớn nhất. Rồi đến anh Việt. Con là thứ ba.

4- Sau khi viết xong, bảo học sinh đọc lại một mình từ đầu. Nếu còn vấp-váp một vài chỗ, bảo đọc lại một lần nữa.

5- Có thể viết thêm về từng người trong nhà: tuổi tác, việc làm, trường học, sở-thích, tính nết v.v... Học-sinh có đủ sức đọc được đến đâu, viết đến đó. Tuy nhiên, không nên viết dài quá. Dù đọc được, nhưng có thể làm mất hứng khởi lúc đầu của học sinh.

6- Ở các lớp đông học-sinh, bài tập đọc phải thay-đổi để phù-hợp với mọi người.

Những thí-dụ này nếu được lồng vào khung-cảnh một lớp học sẽ trở nên sống động, dễ dạy, dễ học.

Phương-pháp Tự-nhiên có gặp khó-khăn không?

Thưa quý vị, tất-nhiên là có. Toàn là những khó-khăn phải vượt qua mới dạy trẻ con được. Đó là:

— Thành-kiến của người lớn,

— Vấn-đề huấn-luyện người dạy, và

— Sự hợp-tác của phụ-huynh.

Khó-khăn đầu-tiên là thành-kiến của người lớn.

Đối với trẻ con thì quá dễ. Các em dễ dạy, học mau giỏi. Nhưng đối với người hay bàn ra tán vào thì khó có thể lường được. Nhất là những người chỉ đả-kích sau lưng, những người chỉ phá nhưng không làm.

Những người này, tùy theo từng cá-nhân, tới tuổi nào đó, cái "thành-kiến" trở thành đá, không thể nào thay-đổi được. Người nào thấy lối cũ học được thì khăng-khăng không chấp-nhận lối nào khác. Nếu thấy học-sinh không đọc được chữ Quốc-ngữ lại đổ tội cho chúng là ngu-dốt, lười-biếng hay vì chuyển-ngữ ở trường và trong đời sống hàng ngày (tiếng Anh, tiếng Pháp, v.v...). Họ "suy bụng ta ra bụng người", thấy mình học thêm một thứ tiếng (tiếng Anh, tiếng Pháp, v.v...) quá gian-khổ mà vẫn chưa đến đâu, nên tưởng trẻ con cũng vậy. Họ không cần hiểu và không muốn hiểu, trẻ con có năng-khiếu tự-nhiên về ngôn-ngữ. Muốn tận-dụng năng-khiếu đó phải dạy chữ Quốc-ngữ cho chúng bằng một phương-pháp khoa-học và thích-hợp hơn.

Những người này chưa bao giờ lên tiếng trên mặt báo hay góp ý trong các cuộc thảo-luận nên khó có thể trao-đổi ý-kiến. Nếu họ có dịp chứng-kiến và quan-sát những lớp học theo phương-pháp tự-nhiên mới có hi-vọng được sự hợp-tác của họ.

Khó khăn thứ hai là vấn đề huấn-luyện người dạy.

Theo thiển ý của chúng tôi, người dạy biết dạy, người học mới chóng giỏi. Người dạy giỏi bao nhiêu, người học đỡ phải học bấy nhiêu.

Thế nào là biết dạy.

Người biết dạy phải hội đủ mấy điều-kiện sau đây:

1- Hiểu rõ hệ-thống chữ Quốc-ngữ, một hệ-thống đơn-giản, với những khuôn (mô-thức) đều-đặn (xin xem phần phụ).

2- Biết những điểm căn-bản về tâm-lí trẻ con và biết ứng-dụng vào việc dạy chữ Quốc-ngữ. Thí-dụ như :

— Trẻ con hay bắt chước, giỏi rập khuôn (thấy sao làm vậy).

— Thích ngọt-ngào

— Hiếu thắng, hay đua đòi

— Mau hiểu nhưng chóng quên, v.v...

3- Phải biết những điểm căn-bản của khoa-học ngôn-ngữ:

— Có mấy loại âm? Mỗi loại khác nhau thế nào? Làm thế nào để đọc được một âm? Làm thế nào để sửa sai cho người học?

— Sự lợi-hại của việc chuyển những hiểu-biết từ ngôn-ngữ này sang việc học một ngôn-ngữ khác.

Thế nào là dạy hay ?

Dạy ít, học-sinh biết nhiều; dạy thế nào học-sinh tiến mau mà không bị lẫn; dạy thế nào để học-sinh thích học và ham học, v.v... là dạy hay.

Chính vì sự khó-khăn này, nơi nào giáo-chức không được huấn-luyện, không được cung-cấp tài-liệu giáo-khoa. Mỗi khóa huấn-luyện kéo dài ít nhất hai ngày, mỗi ngày hai buổi.

Điều khó-khăn thứ ba là sự hợp-tác của phụ-huynh.

Nhiều bậc cha mẹ vì công ăn việc làm không có thì giờ dạy chữ Quốc-ngữ cho con cái. Nhiều người khác không đủ kiên-nhẫn hay không biết cách dạy, nên đã cho con đến trường. Tuy nhiên, cho con cái đi học mà không nói tiếng Việt với con hay không cho con dùng những gì lĩnh-hội ở trường — văn không ôn, võ không luyện — học cũng vô ích.

Muốn con cái chóng giỏi, cha mẹ phải :

— Nói tiếng Việt với con

— Cho con đi học đều-đặn và đúng giờ

— Giúp con học ôn. Nhắc-nhở, đôn-đốc, khuyến-khích; nhưng không chửi mắng, nhiếc móc, kể-lể; cũng không nuông-chiều quá.

— Khen-thưởng sự thành-công và cố gắng của con. Nghiêm-khắc lúc con lười-biếng, kiếm cớ thoái-thác việc học.

— Đặt kì-vọng vào việc học và tương-lai của con

— Giao việc cho con làm: viết thư cho người thân, viết lại những việc xẩy ra trong ngày, v.v...

Đối với nhiều người Việt ở nước ngoài, tầm hiểu-biết rộng-rãi, thành-kiến đã bớt đi, sự đi lại dễ-dàng và tiện-lợi, ba khó-khăn kể trên có thể vượt qua được. Phương-pháp tự-nhiên, nhờ đó, đã được tiếp-nhận ở nhiều nơi.

*
* *

*T*hưa quý vị,

Chúng tôi vừa trình-bày sơ-lược về mục-đích của việc dạy chữ Quốc-ngữ cho trẻ con Việt-nam và phương-pháp tự-nhiên với những nguyên-tắc căn-bản cũng như những khó-khăn phải vượt qua.

Dù chưa có thể đi sâu vào chi-tiết để chứng tỏ rõ hơn sự hữu-hiệu và dễ-dàng của phương pháp này. Nhưng với sự quan-tâm và tiếp tay của quý vị — những nhà giáo thành-tâm, thiện-chí; những bậc cha mẹ và anh chị hằng lo-lắng cho con em — việc phổ-biến chữ Quốc-ngữ sẽ dần dần được phổ-biến rộng rãi hơn và thành công hơn. Vấn đề trọng-đại cần được sự tiếp tay của mọi người. Công việc tế-nhị cần được trù-tính cẩn-thận và khoa-học. Nhờ đó, tiếng nói của dân Việt sẽ được thực-sự duy-trì, để tất cả mọi người đều đạt được ý-nguyện, cả những người hằng lo cho sự sống còn của dân-tộc và đất-nước, cả những người chỉ quan-tâm đến những lợi-ích cho gia-đình và tương-lai của con-cái.

Xin thành-thật cám-ơn quý vị.

Phạm văn Hải
Vũ thị Dung

Chữ Cái PHẦN PHỤ : Chữ cái và các vần trong hệ-thống chữ Quốc-ngữ.

a ă â b c/k/q ch d đ e ê g/gh g/gi h i ia/iê/ya/yê
(k) kh l m n ng/ngh nh o ô ơ ở p ph (q) r s t th
tr u ua/uô ư ưa/ươ v x y ngang(không dấu) sắc´ ngã~
huyền` hỏi? nặng.

Các Vần (thứ-tự chữ cái)

a	ac	ach	ai	am	an	ang	anh	ao	ap	at	au	ay
ăc	ăm	ăn	ăng	ăp	ăt	âc	âm	ân	âng	âp	ât	ấu
ây	e	ec	em	en	eng	eo	ep	et	ê	êch	êm	ên êng
ênh	ếp	ết	êu	i	ia	ich	iếc	iềm	iên	iềng	iếp	iết
iều	im	in	inh	ip	it	iu	o	oa	oac	oach	oai	oam
oan	oang	oanh	oao	oap	oat	oay	oăc	oăm	oăn	oăng	oăp	oăt oc
oe	oen	oeo	oet	oi	om	on	ong	ooc	oong	op	ot	ô
ôc	ôi	ôm	ôn	ông	ôốc	ôống	ốp	ốt	ơ	ơc	ơi	ơm
ơn	ơng	ớp	ớt	ơu	ư	ưa	(q)ua	(q)uac	(q)uach			
(q)uai	(q)uan	(q)uang	(q)uanh	(q)uao	(q)uat	(q)uau	(q)uay					
(q)uăc	(q)uăm	(q)uăn	(q)uăng	(q)uắp	(q)uắt	uấc	uần	uấng				
uất	(q)uâu	uấy	uc	(q)ue	(q)uen	(q)ueo	(q)uet	uề	uềch			
uện	uênh	uết	uều	ui	um	un	ung	(q)uo	uốc	uởi	uồm	
uốn	uông	uốp	uốt	ưở	ưởi	ưởn	ưởt	up	ut	uuc(?) uung(?)		
uy	uya	uych	uyến	uyết	uyn	uynh	uyp	uyt	uyu			
ử	ửa	ức	ửi	ửn	ửng	ước	ưới	ướm	ướn			
ưởng	ướp	ướt	ưởu	ứt	ưu	y	ya	yếm	yến	yếng		
yết	yếu											

	I	II				III				IV	
1	a	ap	at	ach	ac	–	am	an	anh	ang	–	ai ao
2	(ă)	ăp	ăt	–	ăc	–	ăm	ăn	–	ăng	–	ay ậu
3	(â)	âp	ât	–	âc	–	âm	ân	–	âng	–	ây âu
4	e	ep	et	–	ec	–	em	en	–	eng	–	– eo
5	ê	ếp	ết	êch	–	–	êm	ên	ênh	ếng	–	– êu
6	y,(i)	ip	it	ich	–	–	im	in	inh	–	–	– iu
7	ia,(iê)	iếp	iết	–	iếc	–	iếm	iên	–	iếng	–	– iếu
	(ya)(yê)		yết	–		–	yếm	yên	–	yêng	–	– yêu
8	o	op	ot	–	ooc	oc	om	on	–	oong	ong	oi –
9	ô	ốp	ốt	–	ôốc	ốc	ôm	ôn	–	ôống	ông	ôi –
10	ơ	ớp	ớt	–	ớc	–	ởm	ởn	–	ơng	–	ởi ởu
11	ở	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–	– –
12	u	up	ut	–	*1	uc	um	un	–	*2	ung	ui –
13	ua,(uô)	uốp	uốt	–	uốc	–	uốm	uôn	–	uống	–	uôi –
14	ư		ứt	–	ức	–		ửn	–	ửng	–	ửi ửu
15	ưa,(ươ)	ướp	ướt	–	ước	–	ướm	ưởn	–	ưởng	–	ưởi ưởu
01'	oa	oap	oat	oach	oac	–	oam	oan	oanh	oang	–	oai oao
	(q)ua		uat	uach	uac	–		uan	uanh	uang	–	uai uao
02'	–	oăp	oăt	–	oăc	–	oăm	oăn	–	oăng	–	oay –
	(q)–	uăp	uăt	–	uăc	–	uăm	uăn	–	uăng	–	uay uau
3'	–	–	uât	–	uâc	–	–	uân	–	uâng	–	uây uâu
04'	oe		oet	–		–		oen	–		–	– oeo
	(q)ue		uet	–		–		uen	–		–	– ueo
5'	uê		uết	uêch		–		uên	uênh		–	– uêu
6'	uy	uyp	uyt	uych		–		uyn	uynh		–	– uyu
7'	uya		uyết	–		–		uyên	–		–	– –
8'	(q)uo	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–	– –
10'	ưở		ưởt	–		–		ưởn	–		–	uới

Phạm thị Ngọc

Cái nhà trong một cái nhà

Độ ấy, ngày mà hai anh em thằng Hoàng vừa đến trước ngưỡng cửa nhà bà Lý, thằng Hoàng mới có mười lăm tuổi và thằng Minh em nó vừa vặn lên mười. Hôm hai anh em nó đến, cả nhà đổ ra đón hai đứa con nuôi bà Lý mới đem về từ bên kia giòng sông Thái, hai đứa đều nhem nhúa, lếch thếch, trông thật đáng tội nghiệp. Hình ảnh hai thằng Hoàng, Minh lạc lõng giữa vòng đón rước của gia đình bà Lý hôm ấy vẫn còn in rõ trong trí nhớ của Duy, con trai bà Lý đồng lứa với Hoàng. Hôm ấy, Duy đã so sánh hai anh em thằng Hoàng như hai con chó hoang đã tìm được mái nhà ấm cúng. Trông hai đứa nhút nhát, co ro, giữa đại gia đình bà Lý, những người chào đón hai người anh em mới với lòng tò mò, và với thái độ lãnh đạm như Duy lúc bấy giờ. Thằng Minh với vẻ sợ sệt, khép nép, đứng sát vào anh nó đang được khênh trên một chiếc băng ca vì Hoàng bị gãy xương vai và chân. Độ ấy, Duy cũng vừa lên mười lăm tuổi, và khi nhìn hai anh em thằng Hoàng, nó đã có linh tính như cái thảm kịch đã xảy đến cho gia đình Hoàng sẽ lại đưa đến kết cuộc thảm thương sau này, mặc dù Duy không thể nói rõ rệt hậu quả đó ra sao. Cái linh tính kỳ quặc ấy chỉ thoảng đến, rồi lại biến mất khi giọng nói cao vút của bà Lý vang lên lanh lảnh khắp một trang trại rộng lớn của gia đình này: "Các con của mẹ, đây là Hoàng và đây là Minh, hai trẻ đã đến từ bên kia giòng sông để nhận các con làm anh em. Các con hãy thương yêu nhau..."

Kể từ ngày đó, hai anh em Hoàng đã là một phần trong gia đình Duy. Căn phòng sát vách phòng Duy đã được dọn sẵn cho hai đứa. So với những gian phòng khác trong tòa nhà, phòng của anh em Hoàng không kém vẻ sang trọng, cũng thảm nhung, màn lụa, đèn bách đăng, và mọi thứ giàu sang khác vây bủa từ chân lên đến đầu. Căn phòng ấy đối với Duy quá quen thuộc, ngoại trừ những người ở trong đó, ngoại trừ những tiếng nấc xụt xùi lạ lùng Duy chợt nghe thấy trong một tối trở về phòng mình thật khuya. Qua kẽ hở của cánh cửa khép hờ, Duy

lên nhìn vào phòng anh em Hoàng, nhìn thấy thằng Minh đang nằm khóc trên giường Hoàng, ôm lấy thân hình thương tích của anh nó. Bà Lý phải gánh một phần trách nhiệm lớn trong tai họa đã xảy ra cho gia đình anh em Hoàng, Duy nhớ bà đã thú như thế. Duy không rõ lỗi lầm của mẹ, nhưng hình như lỗi lầm đó nhung gấm không thể đền bù được, không thể xoa dịu cơn đau của hai đứa trẻ mới mồ côi kia.

Ít lâu sau, Hoàng bình phục. Những vết thương không còn đau đớn, đã lành hẳn, nhưng đã để lại vết tích trên cánh lưng Hoàng, và xương bả vai gãy đã khiến cho bên vai trái của Hoàng lệch hẳn xuống. Chuyện rằng toán cấp cứu đã moi thằng Hoàng ra từ dưới những đổ nát, gạch vụn. Người ta đã đào gạch cứu hai anh em Hoàng ra được là nhờ tiếng kêu cứu của Minh, vì Minh chẳng bị một vết trầy, bình an vô sự dưới tấm lưng che chở của anh nó. Cũng theo lời Hoàng thuật lại sau này, Hoàng đã nhào đến nằm đè lên em nó giữa trận mưa gạch ầm ầm, giữa sự rung chuyển dữ dội của một công trình kiến trúc vĩ đại đang xụp đổ. Hoàng hy sinh để may ra Minh được sống sót, dù sẽ là kẻ sống sót duy nhất trong một gia đình mà tất cả anh họ Lý. Một tòa lâu đài uy nghi, lẫm liệt, như chọc trời, thách núi. Một giải đất trải rộng mênh mông xa quá tầm mắt, trải từ chân núi Đá ở bên đông đến bờ sông Thái ở bên đoài. Vẻ uy nghi, ánh hào quang rực rỡ của lâu đài không động lòng Hoàng, nhưng mảnh đất hiền này, núi non thần thánh này đã làm Hoàng bùi ngùi xiết bao! Chiều chiều, đứng bên giòng sông nhìn giòng nước chảy xiết, lòng Hoàng những nhuốm u sầu. Ở bờ bên kia, nước sông phẳng lặng, cỏ xanh mọc trên đất lành, và những ngọn lam sơn lu mờ sau những làn khói bốc lên từ những mái ấm. Cảnh đời sống yên hàn, cảnh giang sơn gấm vóc nơi quê nhà giờ đây đã đi vào những câu chuyện truyền tụng. Quê hương ấy giờ đây là đổ nát, tiêu điều, là một gương xấu để tránh, là lời chúc dữ dân vùng lân cận gán cho nhau.

Năm năm sau, Hoàng không còn thơ thẩn bên bờ sông. Năm năm sau bước vào tuổi hai mươi, Hoàng đã có một chỗ đứng khá vững trong gia đình mới, thông thạo nghề nghiệp thầu khoán đã đưa nhà họ Lý lên hàng vương giả. Năm năm ấy, Hoàng đã tỏ ra là một đứa con ngoan, siêng năng trong việc làm, và khôn ngoan trong mọi quyết định. Nhưng cho dù thời gian có đến bao lâu đi nữa thì cái tình con nuôi con nhận vẫn không thể đi đến tình ruột thịt. Hoàng vẫn xa cách qua cái tính ít lời, làm việc một cách âm thầm. Trước mắt bà Lý và những ai có liên hệ với gia đình này thì sự khác biệt giữa Hoàng và Duy vẫn rõ rệt, rõ rệt như sự khác biệt giữa một gã dân quèn và một chàng công tử, một thằng con nuôi và người con thừa tự.

Trong khi đó, Minh lại được xem như một nhị công tử, đứng sau Duy. Minh lớn như vọt, cao hơn anh, khỏe mạnh, không bị đôi chân thọt và đôi vai lệch như Hoàng. Mới ở tuổi mười lăm, cách ăn nói

duyên dáng, thông minh của Minh đã thích thú mọi người, nhất là các tiểu thư nhà họ Lý. Giống như anh nó ngày xưa, Minh ở tuổi mười lăm cũng hay chơi trên bờ sông. Nhưng không như Hoàng, mắt Minh không đăm chiêu vì những ý tưởng buồn đau. Đầu óc Minh quang đãng, trong suốt. Nếu có bao giờ Minh chợt nhíu mày thở dài thì đó là những lúc Minh nhớ đến anh Hoàng và những điều anh nhắc nhở hằng ngày về một chốn quê xa vời, nhớ đến anh Hoàng tối tăm, chìm lĩm bên cạnh con người xáng lạn, nổi bật là Duy. Những lúc nghĩ về Hoàng như thế, rồi lại nhìn đến thân hình cứng rắn đang tuổi nở nang của mình, Minh tưởng tượng ra một mai mình sẽ rạng rỡ như Duy, hay hơn cả Duy cũng không biết chừng. Minh hay tưởng đến cái ngày mai của mình, mà không mảy may nhớ lại năm năm về trước thân thể đẹp đẽ đầy đã được giữ vẹn toàn bởi cánh lưng hy sinh của người anh ruột.

Minh tiếp tục lớn lên tốt tươi như một loài cây quí đã được chăm nom kỹ lưỡng. Nếu người trong gia-trang nhà họ Lý đã yêu mến Minh, thì yêu mến Minh nhiều hơn hết, hẳn phải là Hoàng. Hoàng đã hài lòng đến hầu như mãn nguyện về sự phát triển hầu như hoàn hảo của Minh, xem Minh như một sự sống rực rỡ đã vươn lên từ những đổ nát của quê nhà, như một báo đền xứng đáng cho sự liều thân của Hoàng. Cũng trong tình thương em, mà Hoàng có ý định xây dựng cho Minh một mái nhà tách rời ra khỏi toà lâu đài của bà Lý. Hoàng không quyến luyến, không có cảm tình gì với toà lâu đài ấy, nếu có chỉ là những ác cảm. Đối với Hoàng, toà lâu đài ấy đã làm sự sáng của trí óc tưởng tượng bị lu mờ đi bởi ánh sáng sẵn có từ những ngọn đèn bách đăng, và giá trị của chủ nhân chỉ được ước lượng theo giá trị của căn nhà.

Không. Hoàng sẽ không lưu lại trong tòa lâu đài ấy, và sẽ không để Minh thở hơi thở cuối cùng trong tòa lâu đài ấy. Phần thưởng cho công lao khó nhọc của Hoàng đã là một khoản đất trên điền địa của bà Lý, và ở góc đất trời riêng tây đó, thoát khỏi cái bóng của tòa lâu đài, Hoàng sẽ xây lại mái nhà xưa đã đổ. Nhà ấy sẽ là nhà ba gian hai chái. Sẽ không ở trong ký ức nữa, mà sẽ thành hình từ trí nhớ của Hoàng về mái nhà của mẹ, nơi Hoàng đã chào đời, đã lớn, và đã có những ràng buộc của tình thâm. Sẽ là vô giá, nhưng không bởi tự nó, nhưng bởi những con người sẽ trọn phần sinh tử trong đó.

Và khi Hoàng xin nghỉ làm để xây nhà riêng như đã định thì Minh thế chỗ anh trong công việc nhà bà Lý. Tất cả mọi thứ cần thiết đều sẵn có cho Hoàng, kể cả sự trợ giúp nhân lực. Nhưng từ khi bắt đầu đào móng trở đi, Hoàng thường gánh vác một mình, và người ta đã phải phục cái sự nhẫn nại, chịu khó của Hoàng, lẫn tài xây cất mà đến bây giờ mọi người mới biết. Tài ấy Hoàng vẫn giữ kín, nay mới trổ ra càng khiến cho Duy đâm ra bực bội hơn với Hoàng. Khi đã

ngầm hiểu ý Hoàng trong việc xây nhà riêng, Duy đã ví Hoàng như một tên ngốc, vô tri, đặt những viên gạch vô ý nghĩa để rồi sau cùng công kia sẽ là công dã tràng. Cái nhà Hoàng đang cố xây nếu không bị bỏ dở thì cũng bị bỏ hoang theo thời gian. Duy đã âm thầm chế diễu Hoàng như thế khi không thấy Minh trợ sức với anh nó. Và Duy còn có thể cười vang trong lòng vì cho là Hoàng đang tốn sức uổng công để gợi lên cái nhớ trong lòng Minh khi chính Minh lại muốn quên.

Nhưng dù nắng hay mưa, Hoàng không thể trì hoãn công việc. Vì làm một mình nên đến hai năm sau Hoàng chỉ mới dựng lên được bốn bức tường. Tuy vậy người ta cũng có thể nhìn ra được cái hình chữ nhật của căn nhà, với hai phòng rộng ở hai đầu và một gian rộng hơn ở giữa sẽ được chia làm ba. Qua hai năm ấy, người ta còn thấy Hoàng ở tuổi hai mươi lăm với mái tóc đen đã lất phất những sợi bạc trắng, với vừng trán đã có nếp nhăn, với đôi tay chai đá, đen sạm vì miệt mài với đất với đá. Nhưng ánh lửa trong đôi mắt Hoàng vẫn cháy sáng, rồi cho đến ngày mà Hoàng dẫn Minh ra để bộc lộ niềm u uẩn vẫn bị đè nén trong lòng thì ánh lửa trong đôi mắt Hoàng bừng dậy. Minh ngày ấy đã lên tuổi hai mươi.

Đã suốt mười năm qua, Minh vẫn kiên nhẫn để tai nghe Hoàng nói, nghe Hoàng tỏ bày lòng trung thành với quê cha đất tổ. Minh chịu đựng một cách bền bỉ, để đừng cho ai thấy rằng trong thâm tâm Minh sự trung thành ấy chỉ là một sự yếu hèn, không dứt bỏ được dỹ vãng để nhìn lên tương lai. Sự bám víu vào những gì đã cũ, cộng thêm mối thù giận trong lòng người anh suốt một thập niên dưỡng như đã biến ra sự điên rồ. Hoàng bảo công trình kiến trúc của nhà bà Lý xây mười năm trước trên đất nhà anh em Hoàng đã xụp đổ vì người ta đã cố tình đào móng nông, vì họ đã không tha thiết với công việc họ làm trên đất lạ. Hậu quả là hai anh em Hoàng phải ở trên đất người. Hoàng bảo đã đến lúc Minh ra khỏi tòa lâu đài nhà họ Lý, đừng chọn nơi ấy làm chỗ ở dài lâu vì trên trang sách gia tộc nhà người, đứa con nuôi vẫn chỉ được liệt vào phận con nuôi. Hoàng chỉ ngôi nhà đang xây dở và bảo đó là nơi Minh nên sống. Ngôi nhà ấy là nơi anh em phải trở về, là chốn đặt bàn thờ cha mẹ ruột.

Hôm ấy, Minh nhìn anh để thấy Hoàng sao quá già nua. Trước mắt Minh, Hoàng như một con kiến, đâm đầu chui rúc vào đất để đùn lên một cái tổ, mà không biết rằng chỉ một bước chân người dẫm lên là tổ ấy sẽ tan tành. Tình thương anh của Minh chỉ là một thứ thương hại cho một người đã lãng trí. Nhưng không phải đã đến lúc Minh bỏ tòa lâu đài, mà là đã đến lúc Minh phải nói lòng mình.

Và Minh đã nói, xin người anh đừng mãi gợi lên một chuyện cũ đã qua, một chốn quê xa quá bước chân đi. Nơi đây, không khí

này Minh đã thở suốt nửa cuộc đời, bờ sông này Minh đã rong ruổi suốt tuổi thơ, và tòa lâu đài ấy đã là nơi Minh bừng tỉnh vào trong những buổi sáng hồng của tuổi mới lớn. Nơi đây đã là đất hứa mười năm về trước và sẽ mãi là chốn hứa hẹn đời sống ung dung sau này. Nơi đây đã là quê hương của Minh với tất cả ý nghĩa của hai chữ ấy. Và Minh sẽ tìm để mở cánh cửa lòng của những đứa con họ Lý muôn đời khép kín trước mặt Minh.

Minh quay gót bỏ đi, sau khi đã phân bày lòng mình quá rõ, để cho Hoàng không cần phải hỏi gì thêm. Hoàng đứng nhìn Minh trở về tòa lâu đài, mà mồ hôi nước mắt dàn dụa trên mặt. Ý của Minh đã rõ. Minh đã chọn tòa lâu đài, nơi Minh sẽ được ở trong một gian phòng lộng lẫy bà Lý đã hứa cho Minh vào ngày sinh nhật thứ hai mươi. Trên đỉnh tòa lâu đài cao chót vót ấy, Minh sẽ thấy thế giới dưới chân mình, để rồi tưởng rằng mình đã cao bằng trời. Ôi, Minh đã ngủ yên trong vòng tay ru ấm áp của bà mẹ nuôi, không còn nhớ người mẹ đẻ xấu số đã đem Minh vào cuộc đời, đã cho Minh một cái tên, đã mớm cơm cho Minh từ ngày thôi sữa mẹ, và đã nuôi Minh cho đến ngày Minh bỏ mẹ mà đi. Hoàng nuốt xuống sự thương xót lẫn nỗi uất hận, đứng nhìn cho đến khi Minh khuất dạng, tưởng chừng như từ ngay giờ phút ấy mình đã mất đứa em trai vĩnh viễn.

Oái oăm thay! Cái tưởng của Hoàng đã trở thành sự thật một cách nhanh chóng, bất ngờ. Chiều hôm ấy khi trở về sau buổi nói chuyện với anh, Minh đã trượt chân trên cầu thang dẫn lên lầu. Minh lăn lông lốc từ trên đỉnh cầu thang xuống tới tận đất. Cái ngã dữ dội ấy đã đẩy Minh vào một giấc ngủ dài. Minh không chết, nhưng trí óc minh mẫn đã vụt bay, để lại Minh nằm mê man trong căn phòng lộng lẫy mà Minh hằng ao ước.

Nhưng ánh sáng chói lọi của những ngọn đèn bách đăng kia đã thường lôi cuốn sự thích thú của Minh đã không thể kéo Minh ra khỏi cơn mê. Ngay cả người anh ruột duy nhất cũng không thể lay Minh dậy. Ngày bước vào chỗ người ta đặt Minh, Hoàng đã ngồi im lặng thật lâu để rồi đau đớn nghĩ rằng rồi thì Minh đã được nằm trên những xa hoa như hằng mơ ước. Hoàng ngồi bất động, khờ dại nhìn đôi mắt nhắm nghiền, nhìn ngực Minh phập phồng theo hơi thở, và trong giây phút Hoàng đã nghĩ thà Minh chết. Chỉ cần một áp lực nhẹ trên mũi trên miệng Minh, Hoàng sẽ chấm dứt dùm cho Minh một cuộc đời mà Hoàng cho là lệ thuộc. Nhưng giữa những giông tố đó trong lòng, vẫn có một tia sáng của hi vọng, dù chỉ là một tia sáng mỏng manh như sợi chỉ. Như đã suốt cuộc đời, Hoàng tiếp tục hi vọng, lần này cho sự thức tỉnh của Minh mai kia, thức tỉnh trước tình thương không lay chuyển của người anh ruột.

Nhưng cho đến khi Minh vùng ra khỏi cơn mê, thì cuộc đời này đối với Hoàng sẽ là vô nghĩa. Ngày qua tháng lại, Hoàng chờ đợi Minh bừng tỉnh như chờ đợi một dấu hiệu để được sống trở lại, một sự chờ đợi mỗi ngày một thêm tuyệt vọng. Và rồi đến một ngày, Hoàng đành chào thua sự đợi chờ, rút vào rừng bên núi Thái bỏ em, bỏ luôn căn nhà đang xây dở. Không ai còn thấy Hoàng trở ra, mà cũng chẳng ai muốn tìm gặp Hoàng, một kẻ hoá điên.

Nhưng Hoàng đã điên từ lâu lắm rồi, Duy nghĩ như thế, điên từ ngày Hoàng biết nuôi lý tưởng ly khai. Trước cảnh thương tâm của anh em Hoàng, Duy không mảy may xúc động, vì xét ra, Duy là kẻ đứng ngoài, và còn là kẻ sẽ thừa tự gia tài. Duy không giấu được vẻ thản nhiên trước thảm kịch này, thản nhiên như đã biết trước kết cuộc của nó. Thảm kịch Duy chứng kiến hôm nay phải chăng đã trả lời cho cái linh tính kia của Duy mười năm về trước khi nhìn thấy anh em Hoàng lần đầu trên bờ sông Thái? Ôi thôi, Duy không cần biết, không cần hiểu, và không cần chia sẻ gì với những người không cùng giòng máu. Dưới mắt Duy, thửa đất đã chia cho Hoàng có căn nhà không được hoàn tất trông thật buồn bã, hoang tàn, như một bãi cát vắng tanh còn lưu lại lâu dài bằng cát của những đứa trẻ đã chán cuộc chơi.

Nhiều năm đã qua và nhiều năm nữa sẽ đến, cho dù Minh vẫn ngủ yên và Hoàng vẫn biệt hình, ngôi nhà bỏ dở ấy vẫn đứng trơ trơ trước nắng mưa, gió bụi, đứng như một cái chứng giữa sự lãng quên của người, của thời gian, một cái chứng cho sự hiện hữu một thời của một gia tộc đã chưa bao giờ được sống.

Phạm Thị Ngọc

KÝ THÁC

Tập truyện của Bình Nguyên Lộc

Sáng tác hồi 30 năm trước, vừa được tái bản tại Hoa Kỳ

Sách dày 160 trang giá 7.00 MK

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. BOX.2301, Westminster, ca 92683

Phone (714) 838-8432

Ngu Yên

Trong khi chờ phi cơ

Chúng tôi ngồi chờ giờ khởi hành
Cảm giác nao nao loanh quanh theo trí nhớ
Hơi buồn, hơi vui, thứ nào cũng lở dở
Chiều Cali nắng trăn trở níu chân
Lạ lùng vì một lũ chưa thân
Đã dan díu "trúng băng tầng" tán dóc

Văn thơ giống như liều thuốc độc
Đã uống vào đời sống hoá ngẩn ngơ

Một lũ trông đi đứng phất phơ
Nhưng tâm trí nặng ngàn cân mơ ước
Nhà văn nhà thơ không có gì lả lướt
Đa số anh nào cũng mang kính lừng khừng
Khi hăng chuyện trò đôi mắt trợn trừng
Trông hung tợn khác với lòng hoà nhã

Chúng tôi đến Cali như người rất lạ
Rồi ra đi như những kẻ rất quen
Bỗng lòng tôi như đàn bà yếu mềm
Mong trễ chuyến bay đêm nay ở lại

Tôi bốc đồng theo ý nghĩ diễu quái
Viết chúc thư để lại cho bạn bè
Lỡ như phi cơ không mang tôi về
Tiền đền mạng ký dành cho bằng hữu
Tha hồ các bạn viết văn, làm thơ , uống rượu
In sách, làm báo ,tán dóc, rong chơi .

Tính cho cùng chẳng gì vui trong đời
Ngoại trừ giỡn rồi âm thầm tiếc nhớ.

Phạm Duy

Nhạc Cách Mạng Lãng Mạn (2)

Theo sách báo của Cộng Sản Hà Nội tung ra để cho lưu trữ tại các thư viện trên thế giới thì bài ca Cách Mạng **Cùng Nhau Đi Hồng Binh** (của Đình Như), ra đời vào năm 1930 là bài hát đầu tiên Tân Nhạc Việt Nam và bài đó được ghi lại như sau:

Cùng Nhau Đi Hồng Binh

Đình Như

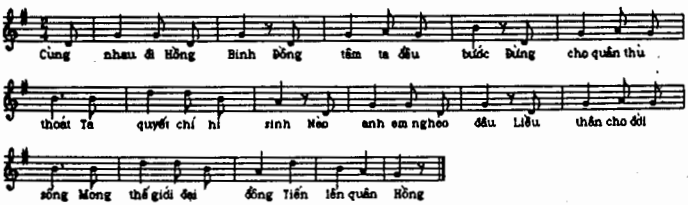

Cùng nhau đi Hồng Binh
Đồng tâm ta đều bước
Đừng cho quân thù thoát
Ta quyết chí hy sinh!
Nào anh em nghèo đâu
Liều thân cho đời sống
Mong thế giới đại đồng
Đứng lên quân hồng...

Và tiếp theo đó là bài như **Bài Ca Đội Tự Vệ, Ca Binh Lính, Bài Ca Du Kích**... kể cả những lời ca mà các ông Nguyễn Ái Quốc, Trần Phú và Lê Hồng Phong soạn ra từ năm 1930 để hát với các điệu dân ca cổ truyền... (1) Tất cả những bài này — than ôi — sách báo Cộng Sản Hà Nội lại *tiếc rằng* không còn ai nhớ được nét nhạc, lời ca... để ghi lại cho hậu thế!

Ta cứ tạm cho là trong bốn bài Tân Nhạc kể trên, chỉ có bài **Cùng Nhau Đi Hồng Binh** là có thật (vì có tên tác giả và có ghi âm lại) tuy ta thừa biết rằng vào năm 1930 thì trên nước Việt Nam đang bị trị của chúng ta, không thể nào có được một "**đoàn**" dù là "**hồng binh**" hay "**thanh binh**" để cùng nhau hát vang lên những lời *"... cùng nhau đi... đừng cho quân thù thoát..."!* Làm công việc võ trang cách mạng lúc đó, có chăng thì chỉ là những **nhóm** hay **toán** quân khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, theo lệnh của anh hùng dân tộc Nguyễn Thái Học, đứng lên đánh đồn Yên Bái. Rồi sau khi thất bại thì đã anh dũng đền nợ nước trên đoạn đầu đài hay trong những nhà tù Lao Bảo, Côn Sơn.

•●•

*N*ếu chỉ đem so sánh với nhạc Cách Mạng của Đỗ Nhuận mà thôi, nghĩa là so với mấy bài hát của ông này soạn ra trong thời gian trước Cách Mạng Tháng Tám 1945 thì bài **Cùng Nhau Đi Hồng Binh** kể trên cũng không có gì là xuất sắc! Bài này không phổ biến trong quần chúng, cho nên chẳng ai biết đến nó cả, ngoại trừ đảng viên Đảng Cộng Sản. Những bài ca Cách Mạng của Đỗ Nhuận, dù về phần nhạc hứng và nhạc thuật không có gì là hấp dẫn nhưng nó lại rất thành thực!

Thoạt đầu, vào năm 1943, khi ông còn trong vòng tù tội, ông đã soạn một bài hát mà hôm nay ta có thể gọi là *ngục ca,* nhan đề **Hận Sơn La.** Bài này không được phổ biến mạnh mẽ lắm nhưng bài **Côn Đảo** mà ông cũng soạn trong năm 43 đó thì lại được nhiều người biết đến vì có nhiều ca sĩ nhà nghề và tài tử — trong đó có tôi — hát lên...

Bài **Côn Đảo** của Đỗ Nhuận là một bài hát cảm động:

Côn Đảo

Đỗ Nhuận

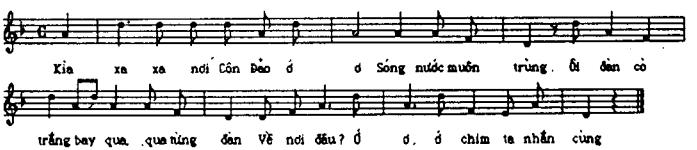

Kìa xa xa nơi Côn Đảo ớ ơ
Sóng nước muôn trùng
Ôi đàn cò trắng bay qua
Bay ngang trời, về nơi đâu ớ ơ
Ơ chim ta nhắn cùng
Chiều nay bao tim sôi nổi ớ ơ
Khi quay con tầu

Phút này rời nước đi xa
Xa mối thù
Càng thêm sầu ớ ơ, ớ
Man mác sầu..

Nét nhạc chỉ là một **âm chuỗi** (arpège) giọng mineure nhưng nó rất hợp với lời ca than thở cho nên nó cũng làm cho người nghe thấy được sự khốn khổ của một người bị chở đi đầy ở một nơi góc biển chân trời. Nhạc điệu nghèo nàn như người đi tù vậy! Đàn chim tượng trưng cho sự tự do lại còn bay ngang trước mặt người bị phát vãng nên càng làm tăng thêm nỗi đau thương.

Bài hát tiếp tục, cũng với nhạc điệu và lời ca ảo não đó:

(Côn đảo — tiếp theo)

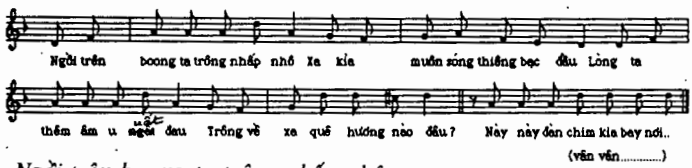

Ngồi trên boong ta trông nhấp nhô
Xa kìa muôn sóng thiêng bạc đầu
Lòng ta thêm âm u uất đau
Trông về xa quê hương nào đâu?

Này này đàn chim kia bay nơi nao?
Về phương xa nào? Về miền trời nao?
Có phải chim bay về cố hương...

Mờ trong hơi sương
Vời trông quê hương
Thôi từ nay cách xa đôi đường
Trên tầu đây bao nhiêu lòng vương...
Con tầu quay đã chia đôi đường
Bao người đi dứt bao tình thương...

Bài hát này gây được sự cảm thương và lòng căm thù của người nghe vì nó diễn tả rất đúng cảnh người tù Việt Nam khi xưa bị thực dân Pháp đưa lên tầu chở ra Côn Đảo.

Thế nhưng lúc này nghe lại bài hát **Côn Đảo** của Đỗ Nhuận, ta thấy rằng những người Việt bị Pháp đầy ra Côn Đảo trong những năm 40 đó, mỉa mai thay, lại được ngồi trên boong tầu để nhìn những con chim thân yêu đang bay bổng giữa trời cao biển rộng... khác hẳn với các sĩ quan công chức của miền Nam quốc gia, sau

1975, bị Cộng Sản Hà Nội nhốt nằm như súc vật trong lòng tầu tối tăm hôi thối, để đưa từ Tân Cảng Saigon ra giam giữ tại các trại ngục tù cải tạo ở miền thượng du Bắc Việt.

•●•

*V*ào lúc không khí Cách Mạng đang sôi nổi trong giới thanh niên, Đỗ Nhuận là một người nhạc sĩ trẻ tuổi đã làm cho mối căm thù giặc Pháp của dân chúng được nung nấu thêm lên, cũng như ông đã gây được sự huyền bí và hấp dẫn cho hai chữ **chiến khu** với những bài như **Du Kích Ca** và **Nhớ Chiến Khu.** Nghe hai bài của ông soạn trong 2 năm 1944, 1945 này, ai là người chẳng muốn bỏ nhà đi theo Cách Mạng?

Bài **Du Kích Ca** mà ta đã biết thì chỉ có hành động. Bài **Nhớ Chiến Khu** thì có thêm tình cảm.

Nhớ Chiến Khu

Đỗ Nhuận

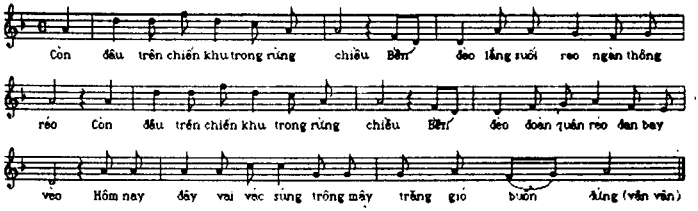

Còn đâu trên chiến khu trong rừng chiều
Bên đèo lắng suối reo ngàn thông réo
Còn đâu trên chiến khu trong rừng chiều
Bên đèo đoàn quân réo đạn bay vèo
Hôm nay đây ai vác súng trông mây trăng gió buồn... đứng (vân vân)

Cũng như với bài **Côn Đảo**, bài **Nhớ Chiến Khu** được soạn với một nhạc thuật rất đơn sơ: toàn bài chỉ là một khúc điệu nằm trong một **dạng** (aspect) của thang âm ngũ cung tương tự như **Ré mineur** của nhạc Tây Phương. Khúc điệu của bài nào cũng đều giống nhau cả khiến cho giới soạn nhạc lúc đó đặt tên cho Đỗ Nhuận là Ông Rê-mi-nơ! Tuy nhiên, theo tôi, giá trị của những bản nhạc Đỗ Nhuận là ở chỗ đã thực sự là nhạc của một thời Cách Mạng và của một người đi theo Cách Mạng. Nếu cần phải đánh giá nó thì chỉ nên so sánh với nhạc Nguyễn Đình Thi, nhạc Văn Cao... Nhạc Cách Mạng của Đỗ Nhuận, qua bài **Nhớ Chiến Khu** này cũng cố gắng đưa ra một chút *lãng mạn tính* với hình ảnh *chinh phu, lá rơi, rừng chiều*... mà ta thấy hiển hiện trong hầu hết những

bài ca thuộc loại **nhạc hùng** ra đời trong khoảng thời gian đó:

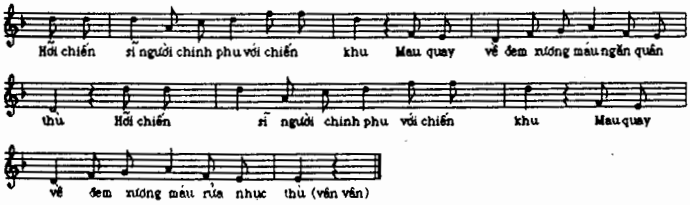

Hỡi chiến sĩ người chinh phu với chiến khu
Quay về đem xương máu ngăn quân thù
Hỡi chiến sĩ người chinh phu với chiến khu
Hãy quay về đem xương máu rửa nhục thù.

Kết thúc bài **Nhớ Chiến Khu** này, ta còn thấy Đỗ Nhuận muốn **lãng mạn** thêm cái chiến khu có *sương rơi xóa dần khu rừng mơ* của ông:

Chiều nay xa chiến khu trên đường về
Lan dần tiếng lá rơi cùng sương rơi
Rừng xanh và núi cao cao mờ
Tiếng quân hò lời chưa dứt dưới bóng cờ
Thôi chia ly vai vác súng đi đi lên chớ dừng chân đứng
Sương dần xóa núi rừng mơ...

Trong một bài trước, ta đã có dịp so sánh ba người đầu tiên viết **nhạc Cách Mạng** là Nguyễn Đình Thi, Đỗ Nhuận và Văn Cao. Ta đã thấy với đề tài chung chung là **nhạc chiến đấu**, bài nhạc Cách Mạng lãng mạn nhất phải là bài **Chiến Sĩ Việt Nam** của Văn Cao.

Bây giờ ta lại thấy Đỗ Nhuận nói đến một khung trời rất là thơ mộng của giới trẻ lúc đó là **chiến khu**. Nếu cần phải kiếm ra một không khí rất là lãng mạn mà vẫn không thiếu sự hào hùng trong loại **nhạc chiến khu** thì ta lại phải tìm đến Văn Cao với bài **Bắc Sơn**:

Bắc Sơn

Văn Cao

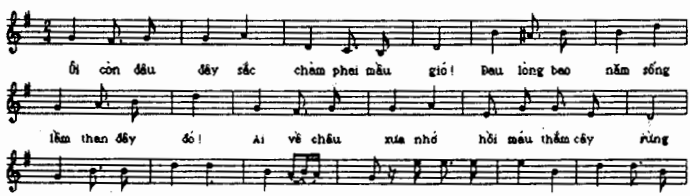

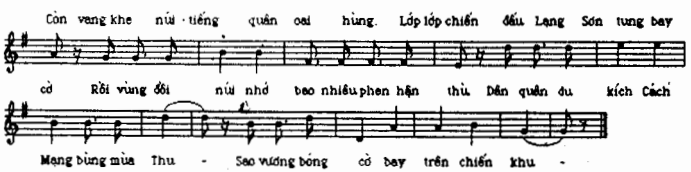

Cũng nói đến **chiến khu** như Đỗ Nhuận, nhưng Văn Cao còn ghi lại *mảnh áo chàm bị phai mầu bởi gió sương* của đồng bào miền sơn cước, vẽ lại cảnh *bản châu xưa có gió lùa qua khe núi,* làm sống lại cảnh *dân quân du kích làm bùng nổ cuộc Cách Mạng mùa Thu...* khiến cho bài **Bắc Sơn** có nội dung phong phú hơn bài **Nhớ Chiến Khu.**

Nhạc điệu của **Bắc Sơn** lại rất mới mẻ với âm thể Sol trưởng và với nét nhạc tuy hào hùng nhưng vẫn du dương. Nhịp điệu có vẻ hối hả,thúc giục... Trong đoạn sau của bài hát, cứ sau ba khuôn nhạc, lại thay đổi người hát (theo lối hát đuổi) giống như tiếng vang, nhắc lại từng câu hát ngắn:

bắc sơn (tiếp theo)

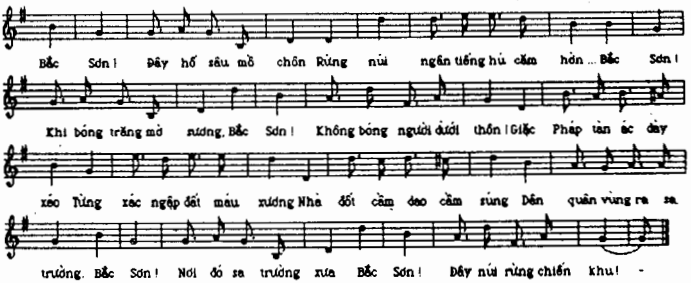

Lời ca của Văn Cao, qua bài **Bắc Sơn** này, vẫn là lời thơ của thi nhân. Cũng chỉ là một bài hát tuyên truyền nhưng vì có bàn tay của nghệ sĩ nên nó rất hấp dẫn:

Nghe rừng âm u tiếng người ca đời mới
Nay toàn dân say gió lành bên khe suối
Ta nhìn châu xưa bóng cờ mấy cánh sao vàng
Đồn cao vách đá nếp mây huy hoàng

Toán chiến sĩ bước về châu xưa xây đồn
Đoàn người Việt mới quyết hi sinh một lòng
Gươm đao chung sức phá cùm chặt xiềng gông
Bao thây đắp nền xây châu Bắc Sơn.

Ôi tuổi trẻ Việt Nam trong giữa thập niên 40! Sẵn sàng mở

lòng ra với Cách Mạng, với một vận hội mới... Tuổi trẻ nào mà không ngây thơ, không hiếu động? Tự nguyện gánh trên vai mình những trách nhiệm lớn như cứu quốc, đánh đuổi xâm lăng... Nghệ sĩ lãng mạn như Văn Cao, nhìn thấy cái đẹp của **chiến khu** với mầu vàng của sao trên lá cờ đỏ đang bay phấp phới giữa một nền xanh biếc của lá cây rừng... không thể ngờ rằng sẽ có một ngày bị cánh sao vàng đó chém lên đầu lên cổ chỉ vì nghệ sĩ đòi quyền được tự do sáng tác!

Lãng mạn tính trong nhạc Văn Cao còn bốc lên ghê gớm khi ông soạn những bài hết sức *không tưởng* như **Không Quân Việt Nam, Hải Quân Việt Nam**... vào lúc mà Quân Đội Cách Mạng, lúc đó đã mang tên là **Giải Phóng Quân** hay **Vệ Quốc Quân,** mới chỉ có gậy tầm vông và súng mousqueton mà thôi!

✱

Cuộc Cách Mạng lúc đó còn có những bài nhạc hưởng ứng một cách rất nồng nhiệt như bài **Cảm Tử Quân** của Hoàng Quý, bài **Thúc Quân** của Văn Giảng, bài **Giải Phóng Quân** của Phan Huỳnh Điểu, bài **Chiến Sĩ Vô Danh** của Phạm Duy... bài nào cũng nói đến chiến **khu**, đến **biên khu**!

•●•

Cảm Tử Quân của Hoàng Quý thì vẫn còn khoác bộ áo **hướng đạo ca** với nhạc điệu và lời ca của một vị giáo chức hay Sói Trưởng hơn là của chiến sĩ Cách Mạng:

Cảm Tử Quân

Hoàng Quý

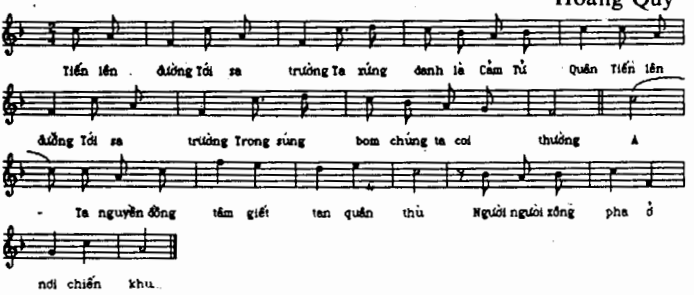

Tiến lên đường! Tới sa trường!
Ta xưng danh là Cảm Tử Quân
Tiến lên đường! Tới sa trường!
Trong súng bom chúng ta coi thường!
A... Ta nguyền đồng tâm giết tan quân thù
Người người xông pha ở nơi ***chiến khu***...

Trong bài này, Hoàng Quý vẫn còn dùng hình ảnh chiến sĩ *da ngựa bọc thây* ở ngoài biên khu!

Phan Huỳnh Điểu thì đóng góp vào **nhạc Cách Mạng** với bài **Giải Phóng Quân.** Bài này về sau được đổi là **Vệ Quốc Quân** với lý do chữ *"giải"* mà hát theo nốt nhạc thì thành ra chữ *"giái"*, nghe không đẹp tai chút nào cả — tuy nhiên, vì nốt nhạc, chữ *"vệ"* cũng sẽ trở thành chữ *"vế"*!

Đoàn Giải Phóng Quân

Phan Huỳnh Điểu

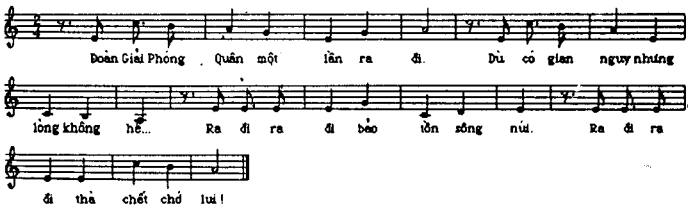

Đoàn Giải Phóng Quân một lần ra đi
Dù có gian nguy nhưng lòng không hề
Ra đi ra đi bảo tồn sông núi
Ra đi ra đi thà chết chớ lui...

•●•

Tóm tắt lại, trong hầu hết những bài hát Cách Mạng ra đời trước khi có cuộc kháng chiến toàn quốc vào năm 1946, bài nào cũng mang một không khí... *tráng sĩ, một ra đi là không trở về...* chỉ vì muốn.. *đáp lại lời thề sông núi...* và *muốn được da ngựa bọc thây...* vân vân! Những cảnh biên khu, chiến khu, rừng sâu, khe núi... bao giờ cũng được bao bọc bởi một không khí lãng mạn và không kém hấp dẫn đối với tuổi trẻ Việt Nam trong thập niên 40.

Lãng mạn là hợp lý bởi vì tất cả những tác giả của các bản nhạc đó đều chưa có thực tế chiến đấu như những tác giả của loại **nhạc kháng chiến** sau này. Chính tôi cũng không tránh khỏi cái khung cảnh lãng mạn cổ điển đó với những bài như **Gươm Tráng Sĩ, Chinh Phụ Ca** và **Chiến Sĩ Vô Danh...** dù rằng trong bài hát xưng tụng người chiến sĩ không tên này, tôi đã thực tế hơn các bạn của mình khi muốn nói rằng *gươm anh linh có vấy máu... xác* chiến sĩ vô danh có *xây thành* thì *thời gian* cũng sẽ chỉ *luống vô tình* mà thôi!

Trong những kỳ tới, tôi sẽ đả động tới **Giai đoạn Phát Triển** của Tân Nhạc với **Nhạc Tình Tiền Chiến** và **Nhạc Kháng Chiến.**

Phạm Duy

Hồ Đình Nghiêm

Thoáng mây

Bão quen chị Ngọc thật tình cờ. Nguyên ủy có thể vì anh Châu. Hoặc cái truyện ngắn từ lâu Bão ngại ngùng không biết mình nên gửi đăng báo? Anh Châu là nhà văn từ dạo bên nhà chưa lâm nạn và Bão chỉ mơ hồ biết vậy khi thấy chị Mây khóc với cái tính hẹp hòi của Ba: con đừng theo mấy tên nhà văn nhà báo mà khổ thân... Trong nhà, chỉ có chị Mây thường tâm sự với Bão. Lòng thơ ngây của Bão dạo ấy vẫn đón nhận những thở than của chị, gieo vào trí óc Bão khờ dại thế nào là nỗi đau khổ của chia ly, là nước mắt của tình vỡ. Bão không có khiếu văn chương với tính lãng mạn của chị Mây, nhưng chẳng hiểu sao lớn lên hình ảnh chị và cuộc tình trắc trở đó ám mãi trong đầu. Sang đây, điều kiện sống cọng với nỗi trống trải nào đó làm Bão có ý định viết truyện và truyện đầu tiên, dĩ nhiên ẩn hiện biết bao ảnh hình chị Mây đáng yêu.

Anh Châu qua đã lâu, cả hai tuy cách biệt tháng năm dài tự dưng vẫn có điều gì kỳ quặc làm nhận ra nhau trong một tiệm tạp hóa người Việt. Và Bão bị kéo lôi sau đó bao vồn vã chuyện trò tình hình tin tức việc làm. Anh đã có gia đình. Vợ anh ốm gầy, mặt thanh tú mà Bão thoáng nhìn tưởng như chị Mây sầu muộn ngày nào của mình. Nghe anh vẫn còn cầm bút, Bão đem truyện ngắn ra để tìm can đảm trước khi có quyết định gửi đi. Anh đọc một hơi rồi chở Bão đến tòa soạn nơi anh làm. Bão gặp chị Ngọc ở đó. Chị làm thơ lai rai nhưng việc chính yếu là phụ trách mục giải đáp thắc mắc gỡ rối tơ lòng. Chị có đôi mắt lớn sâu, không rõ có phải từ đấy đầy rộng một nỗi buồn làm tràn lấp hết cả khuôn mặt. Bão nhìn rồi, bị thu hút ngay. Bão cứ có định kiến hễ một người làm phần việc như chị hẳn phải béo mập sung mãn yêu đời lắm chứ. Hay là bao thầm kín đau khổ của người đời nhờ chị hóa giải trên báo đã ảnh hưởng tới chị. Chuyện dang dở chuyện phụ bạc chuyện sinh lý chuyện bảo lãnh đoàn tụ đuổi việc kiện thưa... làm chị cuốn theo xanh xao võ vàng tình đời? Nghe nói trước đây chị đã từng du học bên Pháp,

đầu óc chị chắc phải hiểu rộng lắm điều. Rồi cái bàn chị làm việc chung quanh tường kệ biết bao là binh thư tự điển ngổn ngang. Bão chưa bao giờ nhìn thấy sinh hoạt của người cầm bút, đứng ở đây không khí đó làm Bão mê say. Bão nhớ lời Ba nghiêm khắc. Bão nhớ chị Mây mến yêu. Bão nhìn chị Ngọc khâm phục và Bão ước có thêm cái ghế đặt cạnh chị Ngọc để ngồi đó suốt đời.

Hai tuần sau truyện Bão nằm trước phần đất chị Ngọc giữ ở mấy trang cuối của báo. Bão hài lòng vui sướng khi cầm tờ báo đầu đời có mình đóng góp, mở ra khép lại tên Bão tên Ngọc gần chồng đụng lên nhau. Bão đến tòa soạn nói điều đó với chị Ngọc như một khám phá kỳ thú. Chị làm đây đã lâu, nếu vậy thì biết bao văn nhân thi sĩ ép chị đến ngạt thở rồi còn đợi chi Bão. Này, mà chuyện Bão viết chị thích ghê. Thành thật, cảm động, dễ thương...

— Bão biết chị muộn quá nếu không đã đề tặng chị rồi. Anh Châu đi ngang thấy Bão đưa tấm ngân phiếu nhuận bút. Rảnh, Bão cố ngồi vào bàn để tập thói quen. Truyện Bão viết như vậy rất đạt. Cố gắng cọng tác với tụi anh cho vui. Bão giấu những cảm xúc bằng cách chạy ra đường mua nước mời hai người. Trong quán đồ vật ngập cả màu đỏ. Lễ tình yêu, Bão nhìn những trái tim bày trên kệ, những cặp tình nhân đứng trong tủ kính, những đóa hoa trên quầy. Bão tần ngần trả tiền nước rồi tiện tay với lấy một cành hồng tươi.

Chị Ngọc tròn ba mươi. Chị nói có lần trả lời thư một độc giả thắc mắc chị đã dùng chữ "méo" để nói đến số tuổi ấy. Chị cười nhỏ bên những ánh nến lung lay trên mặt bánh sinh nhật. Bão thấy đôi mắt chị long lanh đầy những đốm sáng. Chữ Tịnh Ngọc chính tay Bão nặn kem rung rẩy giữa lòng Gâteau như giờ đây lòng Bão nhìn chị. Ba mươi tuổi, tam thập nhi lập. Bão thấy chị có già? Bão nhìn khoảng cách giữa mình và chị Ngọc. Tấm khăn trải bàn màu đỏ rượu chát, hai cái dĩa sứ nhỏ vẽ những cành hoa ly ty xanh, chai Coke lớn và ly nước trong tay mình sủi bọt đen thẫm. Không hiểu chữ già chị Ngọc nói ám chỉ tuổi tác hay nhan sắc? Bão không trả lời, tai nghe một đoạn giao hưởng trỗi lên từ máy dĩa trong góc phòng, tiếng violon cao vút. Bão nhớ tiếng chuông điện thoại kêu đêm qua. Bão nghe lời chị Ngọc thanh trong máy. Chị phá lệ đó nghe, thường thì chị không tổ chức, sinh nhật đối với chị như một nhở nhắc sự già cỗi của mình theo chu kỳ... Bão đến dự không? Chỉ có hai đứa... Bão đã nao nức cả ngày, Bão đã lục tìm những số báo cũ xem thử cái thắc mắc chuyện cadeau sinh nhật để nhờ chị Ngọc bày vẽ nên tặng cái gì? Không có ai lẩm cẩm mấy vụ nhỏ nhặt như vậy hoặc nếu có hẳn là câu hỏi khó cho người giải.

Và Bão đã tới, ngồi đây. Gói quà được mở hồi nãy. Gói quà mua theo trí nhớ đã cũ về cái chị Mây thích. Toàn bộ những kiệt tác của Mozart. Bản nhạc cuối đã chấm dứt ở những vòng quay

hoài hũy trên máy câm. Tuổi 25 của Bão không có trình độ để thưởng thức nhạc cổ điển và xếp đặt một câu trả lời thành thật hướng đến chị Ngọc. Bão chỉ biết mình đang gặp bão tố thổi qua trong lòng, ray rức với sự sai số của năm năm. Khoảng cách đó thu hẹp vị trí Bão và phóng lớn chữ *chị* mà Bão cho là rào cản phân minh. Chị Ngọc cúi người thổi tắt những ngọn nến. Bão thấy một phần ngực chị sau cổ áo rộng thõng xuống. Bão rung động như vừa làm một lỗi lầm bất chính, quay qua nhìn con dao sáng trên bàn. Bão nhớ những giọt nước mắt tình yêu quả là vết chém sắc nhọn hơn bị dao đâm. Bão linh cảm có ngày, rất gần. Chính mình sẽ đổ những giọt lệ tương tự như chị Mây vậy. Bão nhìn chị Ngọc trân trối, trong đầu bao ý tưởng mới hiện ra dựng nên một truyện đẹp và Bão nóng lòng được ngồi vào bàn viết.

*
* *

Bão thức bốn năm đêm trắng rồi gạch bỏ hết những ý tưởng mình trải trên giấy. Chưa khi nào viết là một khó khăn đến vậy. Bão chỉ viết được vài hàng than thở, ký một cái tên lạ, gửi đi. Số báo sau không có truyện Bão đăng để tặng chị Ngọc như dự tính. Không cần xem bài anh Châu như mọi lần, Bão tìm vùng đất của chị Ngọc trước. *Tôi hiểu tâm trạng của anh, nhưng chuyện anh kể trong thư không rõ lắm để cho tôi một kết luận. Điều hay hơn cả là anh cứ thú thật ý nghĩ của anh cho "chị" đó nghe. Sự đổ vỡ như anh ngại, dẫu sao cũng là giải pháp tốt để minh định cảm tình của hai bên. Tôi hy vọng "chị ấy sẽ hiểu anh và không biết chừng còn thương anh hơn. Chúc anh may mắn.* Bão ngồi thất thần. Không rõ chị Ngọc vô tâm làm việc hay hiểu được ẩn ý của Bão trong thư nặc danh.

Mấy hôm liền Bão không đến tòa soạn. Sự dằn vặt không có lối thoát, cái sườn truyện dựng lên cứ bị gãy đổ vì ý tưởng vụng về. Khuôn mặt chị Ngọc và những lời giải đáp của chị. Mấy thứ đó luôn vây khổn Bão. Lần này Bão xem báo giải sầu, nhưng là báo Tây và qua đó Bão quyết định đi xin việc. Bão nghĩ đó là lối thoát toàn vẹn hơn sách lược của chị Ngọc. Bão được nhận một vai làm việc linh tinh trong nhà hàng Pháp. Công việc mệt mề, mỗi tối đón xe bus về phòng trọ mùi hành mùi tỏi nặc nồng với áo ủ kín mồ hôi. Thành phố Bão ngụ vắng nhỏ những sinh hoạt về đêm. Xe đưa Bão qua mấy ngã đường tối, điều này làm Bão nhớ nhà ray rức. Bão viết thư cho chị Mây. Chị tưởng tượng được không em giờ đây sắp làm tên phụ bếp của một quán ăn? Chị ngờ được không em có khi viết truyện đăng báo? Chị nhớ bài luận văn của em hồi nhỏ tả cảnh mùa Đông làm chị buồn cười: *Cảm tưởng của em là mùa Đông thiệt lạnh nếu đêm em ngủ mà không đắp mền...*

Bão không nhắc nhở chuyện gặp anh Châu trong thư. Bão không kể chuyện mình hư gầy khi gặp chị Ngọc. Bão viết thêm, em sẽ mua gửi tặng chị xấp vải soie màu khói nhang. Em nhớ chị thích màu đó, bây giờ lại hợp với hoàn cảnh tang tóc bên nhà. Trời ở đây buổi chiều vẫn có những đám mây màu xám trôi ngang thành phố. Ủ dột, ẩm nước. Em của chị có khi buồn mà không cầm được nước mắt. Thì chị vẫn nói đó. Bão con trai mà yếu đuối còn hơn chị nữa. Chị nhớ không? Sống bên này chữ yếu đuối có dịp trưởng thành lớn hơn. Phải có chị thì may em đổi khác. Thư sau em nghĩ sẽ có nhiều chuyện để kể chị nghe. Một người ưa tâm sự là kẻ đó thật hạnh phúc hoặc ngược lại — rất đau khổ. Bão đang đứng giữa nên chị Mây chỉ biết có chừng đó chuyện. Em dừng bút.

Bão đi gửi lá thư trên đường đến chỗ làm. Trời mưa nhỏ, đủ làm ướt mặt đất và nhòe cái tên chị Mây ngoài bì trước khi rơi vào thùng thư. Chưa hẳn tối, nhưng đèn trên đỉnh những cao ốc sáng lên, haute-ville mờ trong tầm nhìn bụi nước. Ở dưới đồi, Bão nhìn dáng đứng của cao thấp mấy tầng xám dựng phỏng chừng vị trí quán ăn chốc nữa mình sẽ quay trong đó cái công việc mà suốt đời Bão không ngờ có khi mình nai lưng. Bốn đồng một giờ, lương tối thiểu. Một giờ với tai nghe xa lạ mấy chữ *merde, chien*... ghì kéo hai cây kim đồng hồ trì trệ. Bão nhớ đã đọc đâu đó ở Lịch Nhựt Thanh hay trong báo Việt ngữ cái câu *việc khó là để rèn luyện phẩm cách*. Bão thử rèn luyện nhưng thấy không ổn. Hai ba bận đứng bên chồng chén bát cao lút người Bão cũng đã *merde* như tây với u, tục tằn không kém. Sau đó Bão phải tưởng tượng một chị Mây đói khổ, hình ảnh một chị Ngọc dịu dàng ra đề nén khuây khỏa. Bão đứng làm việc như một kẻ mộng du, chỉ có thế mới không làm Bão suy sụp bên bếp nóng, máy rửa chén, thùng rác hôi, những câu nói, thái độ... như một thử thách lì lợm dễ làm Bão phẫn uất.

— Ca va, toi? Tên bếp mập hỏi Bão đồng thời với mùi soupe cay nhào tới. Bão đứng mặc chiếc áo trắng nồng mùi Javel. Tôi khỏe, còn ông? Michel, tay chuối mắn đầy lông đập vai Bão gầy xương. Tối nay ta cho ngươi ăn đồ biển, làm việc mạnh hơn nghe. Cúi người ghi giờ đến trong thời khóa biểu dán ở cửa tủ lạnh, Bão nghe tiếng hai cô chiêu đãi chào nhau ở phòng trước rồi lò dò ra bếp chật. Tay lông ông bếp lại vỗ đập giỡn đùa trên thân mấy ả, tiếng cười nổi lên. Đó là sinh hoạt gần như thông lệ của quán khi mà người khách đầu tiên chưa xô cửa bước vô. Bão lấy khăn lau bóng những ly bầu đựng rượu, đằng kia ba người đang góp ý trận Hockey đêm nay sẽ không được xem. Một trong hai cô đến phụ Bão. Tối qua tau xem truyền hình thấy có phim nói về đất nước mi. Thật ghê tởm. Tau không hiểu được làm sao mi có thể sống qua trong bối cảnh đó. Bão nhìn những cái cốc đã sạch úp miệng trên

khay. Tất cả đều chuẩn bị xong để chờ khách đến làm bẩn đi. Cô sinh trưởng ở một chốn cả đời không hề biết bom đạn nên cô ghê rợn là điều dễ hiểu. Québec bị cộng sản tràn ngập, cô sẽ lẩn trốn hay tự tử? Bão nói bằng tiếng Pháp. Dĩ nhiên. Nhưng xem chừng cô ta không hiểu. Có thể cách phát âm hoặc sai đôi chút văn phạm. Bão chẳng rõ. Rõ ràng là không hiểu nhưng cô xoay qua chuyện khác để nói với người đồng hương. Đi làm, theo Bão là cách học hỏi sinh ngữ dễ thành đạt nhất. Cái ý nghĩ đó lạnh nguội thật mau khi Bão cố gắng tiếp chuyện từ tên bếp cho đến năm tay serveuse. Cả sáu, họ hình như không có kiên nhẫn để nghe và khi chính họ gợi chuyện thì chỉ là một cách nói không mong chi đón nhận câu trả lời. Đó là với riêng Bão, ba tay kia vẫn hăng say lắm cái chuyện của bọn họ. Bão nghe chữ *ly dị*, chữ *làm tình, xe cộ, appartement, đồ meuble*... Họ đang vẽ một câu chuyện mà nhân vật chính vì những chữ sau đã đẩy hắn tới quyết định chữ đầu — *ly dị*.

Khách đã đến xì xào ở phòng ngoài. Câu chuyện chấm dứt ở tiếng kéo ghế, bằng bước chân vội vàng của tên bán rượu chạy lui lấy ly lấy gạt tàn. Hai cô serveuse đằng trước trở vào bằng những ghi chép ngoằn nghèo trên giấy đưa cho bếp. Quán thực sự có sinh khí, đẩy Bão trở về bên máy lầy lội nước.

Này Bão, tiếng Việt mày gọi chữ Merci là sao? Bão nhìn Christine đang sửa lại tạp dề quấn trước bụng. Tau muốn dợt chữ đó với khách. Cô ta kéo Bão đến ô cửa nhìn ra phòng ăn. Khách là cặp tình nhân tóc đen ngồi khuất ở một góc kín đáo tay đan tay trên bàn. Bão thấy anh Châu, cặp gương cận anh sáng những ngọn lửa từ phía lò sưởi hắt lại và sau nó, đôi mắt cũng chẳng kém phần long lanh. Bên anh, tấm lưng gầy hướng về Bão không cho nhìn rõ mặt gnười đàn bà. Hình ảnh vợ anh đến trong trí Bão, tuy cả hai đã lớn tuổi họ vẫn còn giữ được những cử chỉ son trẻ trong tình yêu? Hai bàn tay vẫn khắn khít lấy nhau. Bão thấy một chiếc nhẫn ngọc quen thuộc trên tay gầy. *Không thể*... Christine lập lại chữ không thể một cách khó khăn. Merci là *không thể*. Bão không cãi chính, bận nhớ tới chị Ngọc. Những ngọn nến, cái bánh kem, một phần da thịt thầm kín sau cổ áo hở. Con dao cắt bánh, bàn tay cầm có chiếc nhẫn ngọc sáng nước xanh.

Bão bực dọc gạt những phần ăn thừa vào thùng rác như gạt những ý nghĩ khó chịu trong đầu. Sắp từng hàng, đóng cửa, bấm nút. Tiếng máy gào lên, hơi nóng thoát ra ở những khe hở. Hai người làm chung một nơi, thứ tình đồng nghiệp có thật sự gắn bó đến vậy? Tên bếp đi qua vất vào bồn cái xèo tiếng chảo nóng chìm ngập trong nước sủi bọt xà-phòng. Nền trơn dưới giày làm gã loạng quạng trở về giang sơn gã. Merde! Mày không thể lau khô nó sao? Bão nhìn dáng dấp dềnh dàng của Miechel nuốt một tiếng chửi. Bão không rõ khi nói ra những tiếng thô tục lòng con người

có nhẹ nhàng được phần nào?

*
* *

Tuần sau, Bão viết xong truyện thứ hai. Hình như người làm văn nghệ là người gặp nhiều đau khổ hơn kẻ khác? Hoặc giả là người thật yếu đuối đón nhận nỗi buồn nhỏ để rườm lời phóng lớn nó ra. Bão nghĩ như vậy khi đem truyện đến tòa soạn. Một truyện không cảm động chẳng dễ thương. Chị Ngọc sẽ phê bình như vậy nếu nó được đăng. Bão nghĩ, nếu nó không có hai yếu tố trên thì vẫn còn giữ chút thành thật. Chữ này, theo Bão là cái quyết định. Một sự thổ lộ dứt khoát, như một kẻ đứng giữa nhiều mê lộ chỉ nhắm một con đường dấn thân với ý tưởng khôi hài, bất lực — đường nào cũng đến La Mã. La Mã của giai đoạn phồn thịnh hoặc La Mã của sự suy diệt thời Caligula. Bão đề tặng chị Ngọc dưới tên truyện, món quà sau hơn tháng dằn vặt không nghe lời quân sư gỡ rối tơ lòng.

Anh Châu đang chú tâm trước bàn máy chữ không thấy Bão bước vô. Chỗ làm chị Ngọc bỏ trống và tường kệ thấy thiếu đi vài ngăn sách vở. Không khí trong tòa soạn lần đầu cho Bão cái cảm giác buồn tẻ, mỏi mệt. Bão cuốn tròn những trang giấy đã sửa lỗi chính tả kỹ lưỡng nhét sau túi quần trở ra đón xe. Bình thường chị Ngọc không đi đâu cả ngoài hai nơi cách một tiếng rưỡi ngồi xe bus. Tòa soạn và nhà chị. Cái app., có tấm màn xanh luôn rũ trước cửa kính và thùng thư cũng màu sơn xanh có chữ Tinh Ngọc không dấu. Khi Bão tới, tấm màn xanh không còn mắc trên đó, [illegible]y được bên trong sự bất thường qua những đồ vật đã dời đổi vị trí. Bão đứng bấm chuông. Chấm tròn nhỏ gắn trên cửa tối đi bằng con mắt của người ở trong đang phóng ra nhận diện. Tiếng lách cách sợi xích được đụng tới để cửa mở. Mùi savon thơm hòa với mùi gì đó như long não thường ủ ở áo quần nằm lãng quên trong tủ. Chị Ngọc áo quần tươm tất như sắp ra đi chào Bão bằng nụ cười Bão chưa từng thấy.

— Bảo đến tòa soạn không thấy chị cứ ngỡ chị ốm.

— Bão vào đi, lâu quá mới thấy lại Bão chị cũng tưởng Bão gặp chi thất thường.

Bão không biết cái tên con người đặt ra có ảnh hưởng đến cuộc đời chính hắn. Bão là gió lớn, là phong ba... mình không bình tịnh nên thất thường cũng đúng thôi. Cha mẹ đặt tên chị Mây thấy đời chị cũng phiêu dạt nổi trôi quá.

Bão nhìn đồ vật trong phòng, nhìn hai cái valise lớn trên ghế đã ràng buột. Chị tính đổi chỗ, sao không gọi Bão tới phụ? Mắt chị Ngọc có những quầng thâm, chị có vẻ gầy so với thời gian trước. Nếu là một cuộc dời đổi bình thường thì chị đã làm phiền tới Bão.

Chị đang làm khác, chị sẽ đi xa.

Chị Ngọc không dùng chữ bất bình thường nhưng Bão lại thấy rõ chữ đó. Bão nhớ chị với anh Châu ngồi trong quán ăn. Đó có phải là bất bình thường? Chị tính đi đâu. Công việc của chị ở báo, chị bỏ mặc? Chị Ngọc lại cười, nụ cười Bão không đoán ra hư thực đằng sau nó. Chị cảm thấy bất lực, việc ấy nặng nề quá với số tuổi của chị. Một người chẳng giải quyết ổn thỏa chuyện chính mình thì làm sao quán xuyến việc thiên hạ? Trong câu nói, chị Ngọc vắt chanh quá nhiều làm Bão thấy đượm nỗi chua xót. 25 tuổi, lần đầu Bão muốn ôm đồm phần việc của chị. Bão mong được hóa giải sự sầu muộn đó, hay ít ra đón nhận tâm sự của chị nếu nói ra là một giải tỏa. Chị Ngọc nhìn đồng hồ, nhìn một lần quanh quẩn căn phòng từng ủ hương thơm của chị. Bão thấy như chính mình đang sắp sửa giã từ nó, buồn vui kỷ niệm hơn là chị Ngọc. Bão nhớ thành phố nhỏ này hiếm hoi công việc. Bão tưởng tới trận cuồng phong đã chính thức thổi qua đời mình làm héo hon những dự tưởng bên nhà trông mong. Bão muốn đi với chị, có được không?

Chị Ngọc dừng đôi mắt trên mặt Bão tái tê đợi chờ — thật lâu. Bão đừng làm chị buồn. Sự bồng bột lúc nào cũng có cái đáng yêu của nó nhưng luôn luôn sau đó là ray rức những hối hận. Hơn ai cả, giờ đây chị hiểu điều đó thật tường tận. Chị bằng lòng cho Bão đi với chị một đoạn thôi, nếu Bão muốn. Chị đi đâu bây giờ? Ra phi trường. Bão đưa tiễn chị không?

Chị Ngọc đi ra, gõ cửa ở một phòng khác. Mái tóc bạc thò ra. Tôi đã thu xếp xong, đây là chìa khóa phòng. Ông có thể gọi giúp chiếc Taxi? Người Conserve trở vào. Bão nhìn hành lý chị Ngọc, hai ba cái địa danh quen thuộc xanh đỏ dán trên đó. Bão hình dung vùng trời lạ có mình chị Ngọc hao gầy bước vào hòa nhập, nhị lập cuộc đời khác... Ông già trở ra bắt tay chị Ngọc. Cô đi bình yên, Taxi sẽ tới trong chốc lát. Cám ơn ông. Bão cúi xuống xách bớt chị Ngọc một xách trong khi có tiếng còi xe vừa làm hiệu ngoài đường. Đường âm u buổi trưa không có nắng. Bão ngồi băng sau với chị Ngọc. Chỉ có Bão hay biết ngày chị đi. Chị trốn chạy thầm lặng mọi người. Đó là khuyết điểm của chị, nhưng chị không có cách khác. Chị rất ngại đối đầu với hoàn cảnh làm khó xử những người ở lại, trong đó có người níu kéo có người muốn đẩy chị rời đi. Bão nên giúp chị bằng cách đứng về phía những kẻ xua đuổi. Câu nói đó cho Bão hay một điều, chị ngại gặp anh em trong tòa soạn. Hình ảnh anh Châu đậm nét hơn cả trong đầu Bão, nhớ người vợ sầu muộn của anh như cái bóng thầm lặng hôm Bão đến nhà. Bão tưởng tới chị Mây dạo mình mới lớn. Bão nhìn buồn rầu chị Ngọc ngồi bên. Tựu trung tình yêu vẫn là những nút thắt khó gỡ, hay chính nó là những buông thõng dịu dàng khổ đau. Hành động ra đi

của chị Ngọc là một giải thoát như anh Châu đã từng bỏ chị Mây. Sự giải thoát đồng nghĩa với chối từ lòng Bão nhập cuộc. Tại số tuổi của Bão đến muộn hay vì điều gì không làm thăng bằng cán cân trong lòng chị? Bão nhìn ngoại ô tiêu điều lùi dần ngoài cửa xe. Câu hỏi vẫn không tìm được giải đáp tăng lên theo số tiền phải trả nhảy lóc cóc phía trước băng ghế. Mình sẽ ra sao khi chị Ngọc rời đi?

— Bão có tâm hồn, chị tin Bão sau này sẽ có nhiều truyện hay.

— Viết một truyện hay có cần sự trợ lực của đối tượng hoặc ngoại cảnh?

Tay Bão thấy mát lạnh trong tay chị Ngọc chợt nắm. Bão bồi hồi nhìn xuống đôi tay mình đã biến dạng vì nghề nghiệp. Nước nóng, dầu mỡ, lọ nồi, vết dao... ghi trên ấy những vết tích khó gội rửa. Bão thở ra. Chị Ngọc đi rồi tay chai này sẽ hết cầm đến viết. Bão với tay sau túi rút cuộn giấy. Truyện này để chị đọc khi đã ngồi trên máy bay. Chị Ngọc buông tay Bão, cảm động. Chị hơn ba lần nhận quà của Bão. Chị thật tệ chẳng có gì trao trả lại hết. Bão nhắc ý định cũ. Sao chị không cho Bão theo, chị ngại làm khó xử kẻ ở lại kia mà?

Bão biết chị đi đâu không? Thời du học bên Pháp, chị có quen một bà Soeur. Bà là người giúp chị không ít trong việc học thành tài. Chị quyết định trở lại bên đó để giúp bà trông coi một tu viện nhỏ. Một tu viện. Làm sao Bão có thể theo cùng?

Xe dừng ở phi trường. Quang cảnh làm Bão thấy tái tê những cuộc biệt ly. Chị Ngọc sắp hàng hồi lâu rồi theo đoàn người ra cổng số 3 để đi chuyến thẳng Québec-Paris. Chị nói, chị còn phải đi xe lửa xuôi về miền Nam nước Pháp, lộ trình mất cả nửa ngày đường. Đi một mình kể cũng... Bão thấy chị gắng gượng vượt nỗi khổ tâm vừa kéo tới. Chị tặng Bão chiếc nhẫn này nhé. Bão sẽ nhớ chị ở tay đeo như chị sẽ nhớ Bão ở hai cái truyện ngắn. Ngón tay Bão lớn nên chiếc nhẫn vừa ở ngón út duỗi thẳng không kháng cự. Chị chỉ những vân trắng trên vòng ngọc. Hồi nào nó nhạt nhòa biến mất thì người đeo sẽ gặp vận hên. Má chị nói vậy. Chị không hên tí nào cả. Ngọc đẹp cũng tùy người mang. Bão nhớ giữ gìn sức khỏe. Những người gần đó ôm nhau hôn từ biệt. Bão chôn chân với nỗi niềm kỳ lạ ngổn ngang. Mấy tháng quen nhau, khoảng cách giữa hai người vẫn không đổi cho đến phút cuối một vòng tay ôm chẳng có để từ giả, đẩy rộng thêm ra biên giới. Chiếc áo ấm màu đen của chị Ngọc. lẫn xa giữa đoàn người, Bão nói với theo. Bão yêu chị. Tiếng động cơ của chiếc phản lực bạc màu chì ngoài phi đạo tiếp lời gầm rú. Một đàng Bão muốn chị Ngọc đón nghe ba chữ ấy. Đàng khác Bão mong nó sẽ bị nuốt trôi trong âm thanh thảng thốt kia. Bão không còn trông thấy chị Ngọc, chỉ thấy nắng muộn le lói sau đám mây giữa trời. Nhìn vào nó, mắt Bão chang chói cay xè.

hồ đình nghiêm

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

CHƯƠNG HAI
ĐƯỜNG RA BẮC

XI
Trên đường mòn Hồ Chí Minh

Chúng tôi vừa ăn xong cơm chiều, một bữa cơm khá ngon miệng vì có thêm một đĩa măng rừng — sản phẩm địa phương — chưa kịp uống nước, thì Thuần đột nhiên đứng lên:

— Các anh chuẩn bị. Chúng ta phải đi ngay.

Bước theo Thuần ra bìa rừng, chúng tôi hướng về con đường đất rộng nằm ngang trước mặt. Thuần chỉ một bụi tre già đang lắc lư dưới cơn gió mạnh:

— Các anh ngồi đợi ở đây.

Chúng tôi nhìn nhau: đợi người giao liên đến hướng dẫn hay đợi những chiếc cam nhông đang nằm yên trong rừng? Trên lộ trình này, nếu đi bộ, phải có giao liên địa phương đưa đi, vì giao liên không những thông thạo các ngõ ngách, mà còn phần nào hiểu quy luật hoạt động của không quân Mỹ. Rút kinh nghiệm chiến trường, họ phỏng đoán các phi cơ Mỹ thường oanh tạc vùng nào, và vào những thời điểm nào. Có khi chính họ ấn định giờ khởi hành, địa điểm dừng chân, những quãng đường phải vượt nhanh... Nếu di chuyển bằng quân xa, thì phải đợi lúc trời tối mịt. Nhưng đi về hướng nào? Tiến sâu vào đất Lào nữa chăng?

Tôi kéo Lộc lại gần:

— Anh có còn nhớ ông T., Thanh Tra Hành Chánh ở Bộ Nội Vụ Không?

— Có phải bác muốn nói ông T. bị bắt trong một vụ phục kích, khi ông đi kinh lý ở Pleiku không? Có tin đồn ông ấy đã chết ở Lào, năm ngoái.

-- Đúng ông ấy.

Từ khi lên đến trại Ba, Lộc hay gọi tôi bằng "bác", vì tôi đã từng phục vụ trong cùng một cơ quan với ba anh. Anh cũng gọi anh Tứ bằng 'bác', vì anh Tứ lớn tuổi hơn tuôi. Nhưng còn có một lý do khác nữa của việc xưng hô ấy: chúng tôi ngấm ngầm phản đối quy luật bất thành văn của các cán bộ yêu cầu các phạm nhân gọi nhau bằng "anh", bất chấp sự chênh lệch về tuổi tác giữa những người đối thoại. Có lần Tuy đã bất mãn nhận xét:

-- Thật là vô lý, khi các anh gọi nhau bằng "ông" mà lại gọi cán bộ bằng "anh".

Chúng tôi muốn tỏ ý tôn trọng lẫn nhau trong hoàn cảnh đối phương muốn hạ thấp nhân phẩm của những kẻ bị câu lưu, và vì thế, tôi cũng định gọi anh Tứ bằng "bác".

Tôi phát biểu tiếp ý nghĩ của mình:

— Anh có cho rằng chúng mình sẽ lưu lại đất Lào không?

-- Mấy hôm nay Thuần có vẻ cởi mở. Ban sáng, khi bác dò hỏi xem đã vượt qua vĩ tuyến 17 chưa, thì Thuần nói rõ là đang ở Lào. Nhưng Thuần không cho biết sẽ lưu lại đây hay sẽ trở về Việt Nam.

— Họ vẫn có thói quen úp mở như thế.

Thật ra, các cán bộ Việt cọng chưa bao giờ tuyên bố rõ ràng là họ đưa chúng tôi ra Bắc. Họ chỉ ngầm để cho chúng tôi hiểu như vậy thôi. Tôi bỗng nhớ đến ông Minh. Trong lúc này, giá có người bạn già ấy bên cạnh, tôi sẽ thảo luận với ông về nhiều điểm chúng tôi đang thắc mắc. Tôi cũng nghĩ đến anh Đệ, và tiếc rằng không còn chung sống với anh để tìm hiểu anh kỹ lưỡng hơn nữa.

Những đợt gió chiều ào ạt nổi lên, hút dồn vào thung lũng, đè rạp những cành tre gầy. Không phải những làn gió hiền hòa của một giai đoạn lịch sử thanh bình thúc dục những chàng trai của thế hệ cũ thực hiện những chuyến đi giang hồ vặt, mà những luồng gió tàn khốc của một thời ly loạn, tóc tang. Phải rồi, mùa này đang có gió Lào, những đợt gió thô bạo, khô và nóng quen thuộc ở miền Trung, mà người địa phương gọi là gió Nam. Riêng đối với tôi, đó là gió của những ngày hè chói nắng của tuổi hoa niên. Ngồi dưới bụi tre già, tôi tha thiết nhớ đến làng quê cũ, cách biệt đã 20 năm: một mảnh đất cằn cỗi, được canh tác đến bạc màu, nằm ven một dòng sông nước mặn, không xa Cửa Việt, một địa danh mà báo chí và các bản thông tin nhắc nhở đến nhiều trong những tháng gần đây, khi chiến sự bùng nổ ở phía Nam khu phi quân sự. Khí hậu ở đó thật khắc nghiệt: một mùa đông rét buốt với những cơn mưa dầm tưởng như không bao giờ chấm dứt; một mùa hè nóng bức, oi ả với gió Lào hung hãn thổi tung cát bụi của những cánh đồng khô, nứt nẻ như những vết chân chim. Trong làng, ngoài mấy nếp nhà

gạch lợp ngói cũ kỹ, và một ngôi đình vững chãi đứng sừng sững trên một ngọn đồi thấp, nhìn ra khúc sông rộng nước dồn trắng xóa, chỉ có những túp nhà tranh lụp xụp, mái đã ngả màu xám xịt. Ở đây, không tìm thấy những vườn cây um tùm, lá "xanh như ngọc" tiêu biểu cho một nếp sống nhàn nhã. Lưa thưa, chỉ có vài khóm chuối xơ xác, lá bị gió đánh rách nát, mấy rặng dứa dại gai góc mọc ven những con đường đất nhỏ hẹp quanh co, và những bụi tre rắn rỏi, ngày đêm bền gan kĩu kịt chống lại những đợt gió Lào phũ phàng. Đây là địa bàn hoạt động vất vả của những nông dân cần cù, có làn da nâu xạm vì nước mặn và ánh nắng gay gắt, với giọng nói chắc nịch, sắc gọn, những con người mà cuộc sống chật vật, khắc khổ buộc phải có ý chí tranh đấu dẻo dai. Họ mang trong huyết quản dòng máu của những người dân Thanh Nghệ đã rời bỏ quê hương, cùng chúa Nguyễn di cư đến lập nghiệp ở một vùng đất mới, mở đầu cho một cuộc Nam chinh dài hơn hai thế kỷ.

Tôi bỗng nhận ra rằng 20 năm qua, chiến tranh liên miên đã cầm chân tôi ở các thị trấn xa xôi, và không một lần về thăm quên cũ. Tôi hối hận đã không cố gắng thực hiện một chuyến hành hương tình cảm. Muốn tìm lại khung cảnh thân yêu cũ, đối với tôi, không hẳn là để hồi tưởng những ngày xa xưa của tuổi ấu thơ. Bởi vì, thật ra, tôi không cư trú dài hạn ở nơi chôn nhau cắt rốn. Vài tuần lễ ngắn ngủi trong mấy vụ nghỉ hè lẻ tẻ, đôi ba ngày trong dịp Tết Nguyên Đán, và vài tháng tản cư, khi quân đội Pháp tấn công Huế vào cuối năm 1946... Cũng không phải quê tôi có những màu sắc và hình dáng hay lối sống quyến rũ như một vài địa phương khác. Tôi đã đi và sống trên nhiều mảnh đất khác nhau, và tại các nơi đó, cuộc sống đã để lại trong lòng tôi những ấn tượng tươi mát và sâu sắc do những biến cố đáng ghi nhớ tạo nên. Nhưng những sợi dây tình cảm và suy tư bền bỉ đã buộc chặt tôi với thôn xóm nghèo nàn ven dòng sông trắng, và nhiều lúc, tôi phát hiện trong tâm tư, dưới lớp vỏ của một con người đô thị, cái bản sắc trường cửu của những nông dân quanh năm lam lũ sau chiếc cày và con trâu quý giá.

Quê hương, quê hương gần gũi mà xa vời, bao giờ gặp lại?

Tôi quay nhìn Lộc:

— Nếu tôi nhớ không lầm, quê anh ở Thừa Thiên.

— Người ta thường lầm tưởng rằng những người trong hoàng tộc đều quê ở kinh thành Huế. Không, tôi vốn gốc ở thượng nguồn sông Bồ, một nhánh của sông Hương. Đã lâu lắm, không có dịp về thăm. Nay thì không biết đến lúc nào...

Có lẽ Lộc cũng mang nặng một nỗi niềm hối tiếc như tôi, và tôi muốn gợi lên với anh những mẩu ký ức liên quan đến cuộc sống ở Huế trong mấy năm vừa qua, nhưng hai người bộ đội đã tiến lại

gần. Một lát sau, có tiếng máy ô-tô nổ vang dội lại từ phía sau rừng. Từng chiếc một, những chiếc quân xa Zin và Gat do Nga sản xuất lần lượt rời khỏi nơi ẩn nấp. Thế là chúng tôi sẽ đi tiếp một độ đường nữa bằng xe hơi. Tôi nói với anh Tứ:

— Hy vọng quãng đường sắp đi sẽ tốt hơn quãng đường tối hôm qua.

— Lại một đêm cực nhọc nữa!

Chúng tôi lên xe, vẫn chiếc cam nhông đã chở chúng tôi từ Quảng Trị qua đến đây. Con đường đất vươn dài trước mặt, nhấp nhô lượn theo sườn núi, và mờ dần trong bóng chiều. Tôi đoán chúng tôi đang đi về hướng Bắc, nhưng vẫn không gạt bỏ được cái cảm tưởng đang tiến vào một nơi âm u vô định. Việc gì sẽ xảy ra đêm nay, ngày mai? Cuộc sống hiện tại mờ mịt như con đường đang đâm sầm vào bóng tối. Tay bám chặt vào thành xe, chân ép mạnh vào một phuy xăng để ngồi cho vững, tôi bỗng hiểu tại sao, trong những trường hợp đành chịu bất lực, không điều khiển được cuộc đời mình, người ta hay tin vào Định Mệnh. Để khỏi suy nghĩ, thắc mắc, để tự an ủi mình, và đôi khi để hi vọng.

Không ai nói chuyện với ai. Sau đợt hút thuốc Lào trước khi lên xe, mấy người bộ đội kẹp khẩu súng A.K. vào giữa hai chân, lim dim ngủ. Họ còn trẻ lắm, khoảng trên dưới 20 tuổi, hay đùa nghịch, nhưng cho đến lúc này, ít tiếp xúc với chúng tôi. Họ dè dặt, kín đáo, không để lộ thái độ căm thù mà chắc họ đã được học tập để áp dụng đối với chúng tôi. Đôi khi, qua một vài mẩu chuyện nghe được, tôi biết họ rất phấn khởi được trở về miền Bắc. Giờ đây, có lẽ đang nghĩ đến ngày sum họp với gia đình, trong khung cảnh sinh hoạt quen thuộc — dù sao cũng ít gian lao hơn cuộc sống ở chiến trường —, đến công tác họ sẽ đảm nhận, sau thời gian nghỉ phép.

Chiếc quân xa tiếp tục hổn hển trèo dốc, rồi nhanh chóng đổ dốc với tốc độ của "số không" để tiết kiệm xăng. Vẫn những cú lắc mạnh bất thần, nhưng con đường tương đối có ít ổ gà hơn con đường đêm trước, và chuyến đi không gặp trở ngại vì bom đạn của không quân Mỹ. Sau hai lần tạm nghỉ ở trạm giao liên, mãi đến gần 4 giờ, đoàn xe mới đỗ lại ven đường. Trong đêm tối, Thuần và Hiền dẫn chúng tôi dò dẫm bước theo một lối mòn, leo lên một ngọn đồi thoai thoải. Ngừng lại ở lưng chừng đồi, Thuần bấm đèn soi sáng một ngôi nhà tranh nhỏ nằm lẻ loi trên một bãi đất phẳng. Anh đẩy cửa bước vào trước:

— Các anh vào trong này, rồi tranh thủ ngủ đi.

Như vậy, có phải chúng tôi chỉ tạm nghỉ lại đây một lúc, rồi lại lên đường chăng. Dưới ánh đèn pin, một người bộ đội mở ba lô, lấy ra một cây đèn con, đốt lên. Căn phòng trống trơn, bàng bạc

mùi ẩm mốc, hình như đã lâu không có người ở. Người bộ đội quay lại:

— Các anh mắc võng nhanh lên. Tôi tắt đèn ngay bây giờ.

•●•

*L*úc tôi tỉnh giấc, trời đã sáng rõ. Weaver đã thức, nhưng vẫn còn nằm trên võng, chỉ có anh Tứ và anh Lộc còn đang ngủ say. Trong căn nhà — có lẽ là một trạm gác bỏ trống — ngoài ba chúng tôi, chỉ có một người bộ đội ngồi gác ở trên bục cửa, chỗ ra vào. Có lẽ Thuần và Hiên không ngủ lại đây, và mấy người bộ đội khác, dậy sớm, đã ra khỏi nhà.

Qua khung cửa sổ có chấn song bằng tre, sau mấy hàng cây, tôi nhìn thấy rõ mấy dãy nhà dài ở trên đỉnh đồi, bố trí như một căn cứ quân sự. Có lẽ vì vậy mà người ta không muốn cho chúng tôi nghỉ đêm tại đó. Đang đảo mắt quan sát địa điểm, tôi bỗng nghe người bộ đội lên tiếng:

— Các anh ngủ ngon quá!

Tôi nhìn ra: đó là người bộ đội trẻ nhất trong đám, có lẽ là một học sinh đến tuổi phải đi quân dịch, mà Việt cọng gọi là thi hành nghĩa vụ quân sự. Thấp, gầy, gốc ở Hà Nội, Phụng có rất ít kinh nghiệm về cuộc sống kham khổ ở vùng rừng núi, và thường bị các bạn đồng đội — là những người sinh trưởng ở nông thôn — trêu chọc khi Phụng lúng túng không biết xử trí ra sao để giải quyết những khó khăn vật chất:

— Này người trai Hà Nội, không biết cái này dùng để làm gì hả?

Có lúc, họ lại mỉa mai:

— Học sinh lớp 10 có khác!

Thái độ của họ đối với Phụng mang tính cách phân biệt giai cấp rất rõ rệt.

Lợi dụng sự vắng mặt của những người khác, tôi bắt chuyện với Phụng:

— Đêm qua, ngồi trên xe có ngủ được tí nào đâu!

— Nếu hôm nay không đi thì tha hồ mà ngủ.

Phụng muốn nói gì thêm, nhưng nhìn ra ngoài, tỏ vẻ ngập ngừng, rồi im bặt.

— Chắc cũng phải tùy hôm có chuyến xe hay không, tôi nói bâng quơ.

— Phải đợi xem tình hình ra sao đã.

Mấy người bộ đội khác đã về. Họ mang theo thực phẩm lĩnh được ở trạm tiếp tế, và chuẩn bị nấu bữa ăn trưa. Mãi đến hơn 10 giờ, Thuần và Hiên mới trở lại để cùng ăn với chúng tôi. Anh không đề cập đến việc di chuyển; vừa ăn xong, anh lại vội vã ra đi.

Có lẽ anh cần liên lạc với các cơ quan hữu trách để thu xếp công việc. Đến hơn 3 giờ, anh mới quay lại và báo tin:

-- Phải nghỉ lại đây hôm nay thôi. Ngày mai sẽ liệu.

Anh không nói rõ đã gặp những khó khăn gì: đường như bị nghẽn, xe bị hỏng, hay chiến sự đang bùng nổ ở khu vực này chăng? Dù sao, tôi nhận thấy Việt cộng không "làm chủ" được tình hình như họ từng muốn tỏ ra cho chúng tôi thấy.

Chúng tôi chờ đợi thêm một ngày nữa, và sáng nay, sau bữa cơm, Thuần lại vội vàng ra đi. Gần trưa, khi trở về, anh quyết định:

-- Không thể chần chừ được nữa. Chúng ta sẽ đi bộ. Vùng này an toàn, có thể di chuyển ban ngày được. Các anh chuẩn bị nhanh lên.

Gấp võng cho vào túi xách, lấy gậy và nón, chúng tôi ngồi đợi ở bục cửa. Weaver trầm ngâm ngắm khu rừng già chạy bát ngát đến tận chân trời. Anh Tứ lặng lẽ hút thuốc lá. Anh Lộc lật đật trở vào phòng, cố lấy thêm một ít nước để uống trên đường đi, vào một ngày nắng gắt. Mấy người bộ đội xuống suối rửa ráy xong, đã trở về. Nhưng mãi đến nửa giờ sau, người giao liên mới xuất hiện. Đó là một cô gái lùn tịt, vạm vỡ, mặc thường phục, khoác ba lô nhà binh, tóc ngắn, khuôn mặt tròn bầu bĩnh với nước da màu bồ quân, đôi mắt nhỏ và đôi môi dày. Múa may một cây gậy tre ở tay chị, chị ta nói liến thoắng, ngã nghiêng đùa cợt với mấy tay bộ đội mới quen:

— Em mà đưa lầm đường, thì các anh không ăn bom bi què chân, cũng bị bỏ đói.

Một người bộ đội ghé vào tai người con gái, nói một câu rồi cả bọn rú lên cười hô hố. Chị ta cũng phụ họa theo, cười ngặt nghẽo, tỏ ra thưởng thức câu nói đùa mà tôi đoán là tục tĩu, rồi đưa cao cây gậy trên lên, chỉ vào mặt đám bộ đội:

— Thôi đừng nghịch nữa, đi ngay kẻo muộn, các ông tướng!

Quan sát một trường hợp cá biệt, tôi chưa thể có một nhận xét tổng quát về người phụ nữ dưới chế độ cộng sản. Nhưng nhìn người giao liên với cử chỉ và ngôn ngữ sỗ sàng, dung tục, tôi nghĩ đến những lời tuyên truyền về nam nữ bình quyền, giải phóng phụ nữ mà gần đây, các cán bộ rót vào tai chúng tôi trong những buổi mạn đàm tại các trại giam. Và tôi tự hỏi người con gái không còn chút nữ tính đang ba hoa đùa giỡn một cách thô kệch trước mắt chúng tôi, có phải là sản phẩm của nền giáo dục và xã hội cộng sản không.

Dàn hàng một, tù nhân và bộ đội men theo lối mòn, đổ xuống chân đồi, rồi rảo bước nhanh trên con đường đất rộng loang loáng ánh nắng sớm. Phía tay phải, rừng già âm u kéo dài một màu lục đậm trên nền trời xanh. Trong yên tĩnh hoang vu, tiếng chân bước xào xạc, dòn dã xiết trên đám lá khô: sau hai ngày nghỉ ngơi, phần nào chúng tôi đã lấy lại sức khỏe. Gần nửa giờ sau người giao liên bỗng dừng lại, rời hẳn đường cái, và rẽ vào một lối hẹp len lỗi dưới

những tàn lá dày che kín cả mặt trời. Rồi cứ như thế, đoàn người quanh co xuyên rừng cho mãi đến xế chiều mới ngừng lại bên một dòng sông nước xanh da trời, lách mình chảy giữa những vách núi đá cao, có cây mọc thưa thớt. Đó đây, nhấp nhô mấy hang động ngổn ngang những thạch nhũ có hình thù quái dị. Tôi bỗng nhớ đến những bài học địa lý, những thiên du ký mô tả động Phong Nha, và nghĩ rằng có lẽ vùng này thuộc tỉnh Quảng Bình. Nếu đúng như vậy, chúng tôi đã trở lại Việt Nam. Dù ở đâu cũng còn tiếp tục cuộc sống lưu đày, nhưng ý nghĩ được ở trên đất nước thân yêu vẫn đem lại một niềm an ủi.

Chúng tôi lại mải miết đi cho đến lúc hoàng hôn xuống mới dừng chân bên một dòng sông hiền hòa chia hai một thung lũng dài, hẹp, và bằng phẳng, được đóng khung bởi mấy dãy núi bao quanh. Xa xa, lác đác mấy nếp nhà tranh cất không thẳng hàng, lố nhố như gắn vào sườn núi. Phía tay phải, hướng về mặt sông, trong một khuông viên u tịch, nổi bật lên một ngôi nhà khang trang, mái tranh cũ kỹ, có nơi như muốn tụt xuống. Một cái thập tự giá in rõ nét trên nền trời xám. Có lẽ đây là một nhà thờ Công Giáo từ lâu không được tu bổ lại.

Đoàn người chậm rãi vượt qua một cái cầu gỗ gập ghềnh bắc ngang dòng sông, và tiến vào trong sân của một ngôi nhà nhỏ. Cũng như mấy lần trước, chúng tôi ngồi ở ngoài, đợi Thuần đi dàn xếp chỗ nghỉ đêm. Theo thói quen, anh Tứ duỗi thẳng đùi, bóp bóp đầu gối và bắp chân, rồi đốt thuốc hút, loại thuốc lá sợi mà thỉnh thoảng Thuần mua biếu chúng tôi. Anh nghiêng đầu hỏi nhỏ:

— Anh có biết đây là đâu không?

— Có lẽ là một vùng thuộc tỉnh Quảng Bình.

— Tôi cũng nghĩ như vậy. Mình cứ tính thời gian di chuyển thì đoán được.

— Ngày trước, chắc Bác có dịp đi qua vùng này.

— Là nhân viên hỏa xa, tôi đã nhiều lần đi qua các tỉnh miền Trung, nhưng bây giờ không nhận biết đường xe lửa có xuyên vùng này không.

Weaver lặng lẽ nhìn ngôi nhà thờ bên cạnh một lúc, rồi góp chuyện:

— Họ vẫn còn có nhà thờ đấy chứ!

— Thì vẫn còn đấy, nhưng tình trạng thật tồi tệ.

— Báo chí Việt cọng rêu rao rằng không quân Mỹ ném bom vào các nhà thờ. Nhưng anh biết không, họ xử dụng nhà thờ như những kho chứa vũ khí đạn dược, trước khi chuyển những vật liệu chiến tranh ấy vào Nam. Tôi không biết rõ việc này, nên không góp thêm ý kiến với Weaver, nhưng tôi cứ nghĩ rằng có lẽ Việt cọng muốn mượn tay không quân Mỹ để phá hủy các nơi thờ tự.

Thuần đã quay trở lại với một người thanh niên chống nạng đi khập khễnh, mặc một cái sơ mi bộ đội đã sờn vai, bỏ ra ngoài chiếc quần nâu. Có lẽ đó là một thương binh được trở về với đời sống dân sự. Họ mở tấm cửa gỗ to bản và gọi chúng tôi vào. Trong ánh sáng yếu ớt của một cây đèn vừa được đốt lên, tôi nhận thấy những dãy bàn ghế bằng gỗ tạp thô sơ, được kê sát nhau trước một tấm bảng đen loang lổ nước sơn: đây là một lớp học. Xếp những chiếc ghế dài vào một góc phía trong phòng, chúng tôi nhanh chóng chuẩn bị nghỉ ngơi.

Nằm trong lớp học phên nứa cũ kỹ, không được quét dọn, với bụi đất bám đầy bàn ghế, không một tấm tranh ảnh, không một bản đồ, tôi nhớ đến câu nói của Tuy ở trại Ba:

— Ở ngoài Bắc, thôn xóm nào cũng có trường học xây gạch, lớp ngói rất rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, và học sinh không phải trả học phí. Tôi cũng nhớ đến những tờ tạp chí màu sắc lòe loẹt, in giấy láng mà cơ quan thông tin Việt cọng phát hành ở Ba Lê, để phô trương nếp sống sung túc ở miền Bắc Việt Nam, với những trường học hai tầng, và những học sinh múa hát trong sân trường xanh rợp bóng cây. Họ đưa ra những con số thống kê đầy đủ về trường học, giáo viên, học sinh, làm cho những kiều bào ở Pháp, hồi đó, lấy làm ngạc nhiên, và có phần thán phục nữa. Nhưng, do kinh nghiệm, đã từ lâu, chúng ta ngờ vực những con số chính thức của báo chí Việt cọng. Giờ đây, tôi nghĩ rằng, đối với Việt cọng, trong mọi lĩnh vực, ngoài số lượng, phải xét đến phẩm chất nữa.

Đêm chậm rãi đổ bóng tối xuống thôn xóm hẻo lánh. Mấy người bộ đội đã tắt đèn từ lâu, đóng tấm cửa ra vào độc nhất lại, và nằm la liệt ở phía ngoài. Chưa ai ngủ được, nhưng không ai lên tiếng. Gió dồn lên từ mặt sông, cuốn dài theo thung lũng, và đưa về những tiếng cười nói của những người đi trên con đường hẹp chạy dọc theo bờ sông. Có lẽ họ trở về nhà sau một buổi họp. Tôi bỗng cảm thấy như vừa thu nhận được một nguồn sinh khí mới: lần đầu tiên, từ khi rời khỏi vùng Trường Sơn thuộc tỉnh Thừa Thiên, chúng tôi không nghỉ lại trong những khu rừng già hoang vu, mà ở trong một vùng dân sự, giữa sự sinh hoạt của con người. Nếu cứ tiến mãi về miền xuôi, chúng tôi sẽ có dịp gặp lại cuộc sống bình thường, dù đó là một cuộc sống bị hạn chế vì bom đạn của chiến tranh.

Nhưng chỉ một lát sau, những thắc mắc cũ lại hiện về trong tâm trí: gia đình tôi có thoát khỏi tai nạn trong biến cố quân sự vừa qua ở Huế không, cuộc hoà đàm ở Ba Lê có tiến triển không, và đến bao giờ chiến tranh mới chấm dứt? Tôi biết Hiền có một máy thu thanh chạy pin bỏ trong cái ba lô to tướng mang sau lưng, nhưng chưa bao giờ mở ra cho chúng tôi nghe, nên từ khi ra đi,

chúng tôi không theo dõi được những biến chuyển của thời cuộc.

•●•

Sáng nay, sau khi thức dậy, chúng tôi đi băng qua bãi cỏ trước sân trường, để ra rửa mặt và giặt quần áo tại con sông nhỏ phía trước mặt. Một đám người, gồm toàn đàn bà và trẻ con, đang tụ tập trên mép bãi cỏ, gần chân cầu, chỗ có mấy bậc cấp dẫn xuống mặt nước. Phụng, người bộ đội trẻ tuổi, hôm nay canh giữ và hướng dẫn chúng tôi, dừng lại trên bờ, và yêu cầu chúng tôi dừng lại ở một địa điểm cách xa đám người nói trên khoảng 5 thước: dĩ nhiên anh đã được chỉ thị không cho chúng tôi tiếp xúc với đồng bào. Gầy gò, nước da xạm nắng, trong những bộ quần áo màu nâu hoặc màu đen có vá nhiều mảnh loang lổ, họ đang giặt quần áo, rửa khoai, sắn.

Chúng tôi vừa rửa mặt xong, chưa giặt quần áo, thì một toán người nữa kéo đến gần. Tôi trở lên bờ, lấy quần áo, và khi bước xuống nước, cố ý đứng cạnh một bà cụ đang loay hoay rửa mấy củ khoai. Tôi nói rất khẻ:

— Chào bác. Con sông này nước trong lắm.

Bà cụ nhìn tôi, có lẽ đã nhận ra tôi không phải là người địa phương:

— Thì cả vùng này, chỉ có mỗi một con sông này.

— Nhà bác ở tận đâu?

— Phía sau núi kia.

— Thôn có đông dân không?

— Khoảng 40 bộ. Xa hơn chút nữa, có một thôn khác.

Tôi quay nhìn Phụng: anh đang lơ đãng nhìn mấy người khác đang lục tục kéo đến. Vừa vò quần áo, tôi vừa tiếp tục câu chuyện:

— Thôn này có cả trường học và nhà thờ nữa.

— Nhà thờ cất từ ngày xưa, nay chẳng có ai đến xem lễ nữa. Vì không có Cha. Cha ở mãi tận Đồng Hới, một năm mới vào đây một lần. Chỉ có một bõ già trong họ đạo tình nguyện trông nom nhà thờ.

— Còn trường học?

— Chỉ có hai lớp học, do đồng bào các thôn dựng lên. Học sinh tự túc lấy bàn ghế.

— Chắc bác cư ngụ tại đây từ lâu lắm rồi.

— Vâng, từ nhỏ tôi vẫn ở vùng Tuyên Hóa này.

Tôi định hỏi thêm bà cụ một vài chi tiết nữa, nhưng bỗng nghe Phụng gọi to:

— Các anh khẩn trương lên!

Cùng một lúc, một em bé ở trần, mặc quần đùi, nhìn thấy hình dáng cao lớn của Weaver, khi anh này đứng lên, sau khi giặt xong,

vội la lớn:

— Người Liên Xô, chúng mày ơi!

Phụng hấp tấp chạy vội xuống tận mép nước, gạt mấy em nhỏ đang định bu lại quanh Weaver, rồi nhanh tay kéo anh lên trên bãi cỏ.

Trên đường về, Lộc thì thầm với tôi:

— Bác thấy không, dân làng chỉ gồm toàn đàn bà và trẻ con.

— Thanh niên vào bộ đội, lớp người trung niên bận sản xuất cho các hợp tác xã...

— Mà họ chỉ ăn toàn khoai và sắn. Chẳng có người nào vo gạo cả.

Anh Tứ tiến sát vào người tôi, bấm vào vai:

— Như thế này là mình trở lại Việt Nam. Nhưng còn đi đến đâu nữa? Ra đến tận Hà Nội chăng?

Tôi hỏi lại:

— Bác thấy có đủ sức đi bộ ra đến ngoài ấy không?

— Đi liên tục thì e không đi nổi. Có thể đề nghị cho ở lại đây nghỉ ngơi vài hôm chăng?

Chúng tôi bước qua ngưỡng cửa lớp học. Một người lạ mặt mặc quân phục đang ngồi nói chuyện với Thuần và Hiền. Thuần lên tiếng trước:

— Các anh vào cho y sĩ khám bệnh.

Người cán bộ y tế hỏi qua tình trạng sức khỏe của chúng tôi, lấy ống nghe để khám tim phổi, rồi kết luận:

— Sức khỏe các anh bình thường, không có gì đáng lo ngại cả.

Mở xắc, người quân y sĩ lấy một nắm vi-ta-min chia cho chúng tôi. Tôi cầm mấy viên thuốc, thấy mềm mềm, rất dễ vỡ nát, có viên đã mũn ra. Buổi khám bệnh thật đơn sơ, chóng vánh, và có vẻ chiếu lệ.

(còn tiếp kỳ sau)

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU
Diplomate, American Board of Ophthalmology
Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens
Làm việc theo hẹn
Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm
9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
(714) 531-9401

Bùi Vĩnh Phúc

Đọc "Màu Cỏ Úa" của Nguyễn Ngọc Ngạn

Màu Cỏ Úa được giới thiệu là truyện dài đầu tay của Nguyễn Ngọc Ngạn, do nhà xuất bản Chiêu Dương ở Úc in và phát hành lần thứ nhất vào tháng 4, 1986. Trước tập truyện dài này, Nguyễn Ngọc Ngạn đã là một tên tuổi rất quen thuộc với độc giả Việt hải ngoại qua những tập truyện ngắn mang tên *Truyện Ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn* (Nhân Chứng, 1982) *Biển Vẫn Đợi Chờ* (Việt Publications, 1984), và *Lúc Gần Sáng* (Việt Publications, 1985), chưa kể quyển *The Will of Heaven* được viết bằng Anh ngữ do nhà Dutton xuất bản năm 1982.

Văn phong, lối kể truyện và đối thoại, cũng như các chủ đề mà Nguyễn Ngọc Ngạn đã sử dụng trong các truyện ngắn của anh, cho đến nay, đã chứng tỏ anh là một nhà văn có một lối viết đặc biệt lôi cuốn độc giả. Chúng ta sẽ có dịp nhìn kỹ và sâu hơn về những chiều cạnh này trong văn chương Nguyễn Ngọc Ngạn khi chúng ta đặt toàn bộ tác phẩm của anh — từ những tập truyện ngắn đầu tiên cho đến những tác phẩm mới nhất được xuất bản sau này — dưới một cái nhìn cơ cấu vừa có tính phân tích vừa có tính tổng hợp (*). Được đặt bên nhau như thế, những công trình của Nguyễn Ngọc Ngạn sẽ được đánh giá đúng mức và sẽ cho chúng ta một cái nhìn rõ ràng hơn về kỹ thuật sáng tác, dựng truyện của tác giả.

Bài viết này chỉ là một số những nhận xét được ghi lại sau khi tôi đã đọc truyện dài *Màu Cỏ Úa* của Nguyễn Ngọc Ngạn.

Câu truyện mở vào khung cảnh sinh hoạt của xã Xuân Thành, Bắc Việt, cuối thập niên 50. Nhân vật chính đầu tiên trong truyện có thể được kể là Hợp, con gái ông bà Bá-hộ Nguyễn Phúc Hậu, một thứ "địa chủ, có nợ máu với nhân dân" trong xã. Sau một thời gian mềm dịu đi đối với chính sách Sửa Sai vào cuối năm 1956, đầu năm 1957 Đảng và Nhà Nước lại bắt đầu xiết bàn tay đỏ vào cổ

họng nhân dân. Ông bà Bá-hộ Nguyễn Phúc Hậu được mời ra Ủy Ban, và ở đây, ông bà đã *"tự nguyện" ký nhận bản án cải tạo chín năm lao động trên Lai-Châu* (trang 9). Hợp, cô con gái, được Đảng và Nhà Nước tạm tha cho, nhưng căn nhà do ông bà Bá-hộ để lại bị Đảng và Nhà Nước tịch thu. Hợp phải ra sống ở một căn nhà gianh nằm chơ vơ giữa một vườn chuối hẻo lánh, xa hẳn xóm dân cư trong làng. Nhân vật chính thứ hai là Thụ, được giới thiệu *là một đảng viên trẻ tuổi nhất ở xã Xuân Thành, mới được Huyện điều về sau Sửa Sai* (trang 20). Thụ là một một đảng viên có lý tưởng, luôn tin vào sự sáng suốt của Đảng và Nhà Nước cũng như luôn xem Quảng, một Chủ tịch Kiêm Bí thư Huyện, là một người đàn anh trong cách mạng hết sức gương mẫu và nhiệt thành, chí công vô tư. Dưới mắt Thụ, *Quảng chính là hiện thân của Bác Hồ* (trang 206). Quảng là một nhân vật chính thứ ba. Ở một vài khía cạnh nào đó, Quảng có vẻ mờ nhạt hơn hai nhân vật trên, nhưng thật sự, hình ảnh, tác phong, ngôn ngữ... của Quảng luôn là một nét nổi bật trong tất cả những tình tiết gay cấn nhất của câu truyện. Dưới mắt những người dân bình thường, Quảng là một gương mẫu cách mạng về mọi mặt; nhưng đối với những người biết rõ Quảng — đặc biệt là đối với những nạn nhân của Quảng — thì hắn chính là một bóng ma đỏ luôn luôn ám ảnh, đè nặng lên trên tâm trí họ.

Thụ yêu Hợp và Hợp cũng yêu Thụ. Còn Quảng thì thèm khát sắc đẹp của Hợp. Hắn tìm cách tống Thụ đi xa để, vào một đêm mưa gió, đến tận nhà tranh Hợp ở và cưỡng hiếp nàng. Vì sợ sự đe dọa của Quảng và cũng vì sợ Thụ không tin mình — vì anh quá yêu lý tưởng cách mạng —, Hợp không dám nói gì với Thụ về hành động tồi bại của Quảng. Cho đến những ngày cuối cùng, khi Thụ sắp bị đày vào làm con chốt thí trong chiến trường miền Nam, Hợp mới uất ức nói ra hết mọi chuyện. Chính vì không tin được những lời Hợp nói, và cũng chính vì không thể chấp nhận thái độ khinh bỉ của Hợp dành cho đàn anh khả kính trong cách mạng là Quảng, Thụ đã giận dữ tát Hợp. Và cuộc tình hai người chấm dứt.

Sau đó, cũng có lúc Thụ thử suy nghĩ về những điều Hợp nói với anh về Quảng, và anh cũng bắt đầu hơi có những ưu tư, những nghi ngờ về bản chất của Quảng. Dù sao, cuối cùng, tâm tư Thụ vẫn dành cho Quảng cũng như cho Đảng và Nhà Nước của hắn một vị thế "trang trọng" trong lòng anh. Anh vẫn yêu Hợp, vẫn xót xa vì mọi chuyện đáng tiếc đã xảy ra giữa anh và Hợp, nhưng anh cũng thầm trách người yêu đã để lòng ghen tương, giận dữ đánh mất lý trí (!). Anh không chấp nhận thái độ giận dữ và sự khinh bỉ của Hợp dành cho Đảng và Nhà Nước mà Quảng là người đại diện... chân chính.

Còn Hợp, nàng cũng vẫn nhớ thương Thụ sau lần đổ bể kia,

nhưng nàng *lại căm thù sự mù quáng của Thụ vào phút chót vẫn còn tuyệt đối tin tưởng Quảng là người đạo đức* (trang 217). Hợp gần như điên sau ngày tan vỡ đó, rồi sau, được một người đàn ông quen biết trong làng tỏ vẻ ân cần, săn sóc...

Thụ, trước khi vào Nam, được một bà dì căn dặn xa gần là: *chim khôn lựa cành mà đậu* (trang 229). Nhưng anh đã trả lời dì là, *"Con nghe bảo rằng Ngô Đình Diệm giả vờ kêu gọi "quy chánh", rồi ai theo về thì nó chặt đầu hoặc là nhốt tù và cho uống thuốc độc hàng loạt cả..."* (trang 229). Nhưng sau đó, để bà dì yên tâm, anh cũng nói thêm là để anh vào Nam, xem thật sự ra sao rồi sẽ tính. Câu cuối của cuốn truyện là: *Xe lăn bánh, đưa anh* (Thụ) *vào một khúc quanh mới của cuộc đời.* (trang 230)

Câu truyện được tóm gọn như thế, nhưng khi tự mình trực tiếp đến với những *hư-cấu* của Nguyễn Ngọc Ngạn, người đọc sẽ có cảm tưởng rằng đây là những hư-cấu-có-thực. Nguyễn Ngọc Ngạn am hiểu về đời sống dân quê, cách sinh hoạt của làng xã huyện tỉnh miền Bắc Việt Nam một cách hết sức thấu đáo. Làm như là anh đã từng sống ở đấy cả một thời tuổi trẻ. Làm như là đời sống và kinh nghiệm của những nhân vật anh mô tả trong truyện là những nhận biết trực tiếp của anh, chứ không phải là qua sách vở hay do những người già cả kể lại.

Nguyễn Ngọc Ngạn lại thuộc nhiều câu tục ngữ cũng như nhiều bài đồng dao dí dỏm dính liền với đời sống đồng bào Bắc Việt. Anh đã khéo léo đưa chúng vào trong cuốn sách của mình ở những đoạn thích hợp nhất.

Ngoài ra, nói đến văn chương của Nguyễn Ngọc Ngạn là phải nói đến cái cười. Đây là một trong những phương tiện chính mà anh luôn luôn khai thác để đạt mục đích của mình: châm biếm và làm lố bịch những nhân vật, đặc biệt là những nhân vật cộng sản, được anh đưa vào trong tác phẩm. Từ sự châm biếm này, anh có vẻ muốn đi đến chỗ tìm cách *xóa bỏ* — ít nhất là trong ý thức của độc giả anh — cái xã hội cộng sản hết sức máy móc, phi nhân, giả hình, và độc ác kia.

Dĩ nhiên là sự xóa bỏ mà anh muốn đạt đến không phải là sự *xóa bỏ vật lý*. Anh muốn xóa bỏ cái xã hội đó bằng một sự *phủ định ngầm*. Tôi không chấp nhận những lời thêu dệt hay những hành vi giả hình của các anh trong mục tiêu biện minh cho một xã hội không tưởng mà các anh đang *ra vẻ* xây cất. Chính các anh cũng biết điều đó là một sự giả trá. Các anh bám vào sự giả trá đó để vinh thân phì gia, để độc quyền hưởng lạc và ức hiếp dân lành. Tôi phủ nhận những *sự-thực-bánh-vẽ* của các anh. Và tôi *phát biểu* sự phủ nhận đó với cái cười của tôi, của độc giả tôi. Tôi không muốn hò hét, chửi rủa vào mặt các anh. Tôi nghĩ, đối với tôi, điều đó không cần thiết và có vẻ xa xỉ. Hãy cho phép tôi cười!

Nếu thật sự những điều tôi vừa viết đó đã là suy nghĩ và ý muốn của Nguyễn Ngọc Ngạn thì, ở một mức độ nào đó, anh đã thành công trong những phát biểu phủ định của mình đối với những con người và cái định chế phi nhân kia. Tôi nói Nguyễn Ngọc Ngạn đã thành công *ở một mức độ nào đó* vì có những nhà văn Việt Nam khác của chúng ta, lưu vong trong nước cũng như ngoài nước, cũng đã và đang phát biểu lên những tiếng nói phủ định của họ đối với những đối tượng giống như của Nguyễn Ngọc Ngạn. Có những cung cách phát biểu khác, ở một góc độ khác, một chiều kích khác. Và những nhà văn ấy cũng đã thành công trong *sự phát biểu* của họ ở một mức độ nào đó.

Tất cả chúng ta đang ở về cùng một phía, với những trái tim bị cào xước đầy máu, chúng ta, kẻ cầm gươm tiến thẳng về phía quân thù, người lên tiếng dõng dạc lên án chúng trước dư luận thế giới. Có những người khác cất lên tiếng cười. Mỗi tiếng cười đều có một *trọng lượng* nào đó, tùy theo cách chúng ta sử dụng nó. Những quyển sách của Nguyễn Ngọc Ngạn, với những tiếng cười của anh, đều cho chúng ta nghe rõ những lên tiếng phủ định của tác giả trước những con người phía bên kia.

Tôi không muốn phân tích hoặc đưa ra một số những luận điểm quan trọng về *tiếng cười* và *hài tính* trong văn chương, trong kịch nghệ nói chung của Henri Bergson, triết gia Pháp nổi tiếng, hay của George Meredith, một tiểu thuyết gia đồng thời cũng là một nhà thuyết trình lỗi lạc của Anh, vào trong bài viết vắn gọn này. Ở một dịp khác, ở một bài khác, tôi nghĩ là tôi sẽ có cơ hội để trình bày tác dụng của cái cười trong văn chương dựa trên một vài luận điểm của những vị vừa kể. Ở đây, tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng, cái cười là một phương tiện văn chương cũng như *một cách thế trả lời* của Nguyễn Ngọc Ngạn đối với những con người cộng sản, đối với những sự giả trá, ác độc mà người cộng sản đã và đang tiếp tục đưa ra trước mắt và đổ xuống trên đầu anh em, cha mẹ, con cháu, bạn bè... ta ở quê nhà.

Đây cũng là một cung cách văn chương của Nguyễn Ngọc Ngạn nữa.

Điều thứ hai mà người đọc thấy nổi bật ở Nguyễn Ngọc Ngạn là cái tác dụng *miêu tả ngôn ngữ* trong văn chương của anh.

Văn chương, ngoài chuyện miêu tả cử chỉ, tâm lý, hành động... của con người, nó còn có thể được dùng để miêu tả lời ăn tiếng nói của đối tượng mà nó nhắm tới nữa. Phương tiện của văn chương là ngôn ngữ. Ngôn ngữ được dùng để miêu tả ngôn ngữ, tức là ngôn ngữ miêu tả chính nó. Ngôn ngữ tự ý thức. Và ngôn ngữ quay nhìn mình trong gương. Tấm gương ở đây chính là văn chương.

Trong các truyện của Nguyễn Ngọc Ngạn, dù là truyện ngắn hay truyện dài, người ta luôn luôn thấy đối thoại của các nhân vật anh nổi bật lên như những sợi chỉ màu đặt trên một nền vải trắng. Những nhân vật của Nguyễn Ngọc Ngạn ăn nói, cười cợt, bàn luận, chửi bới, hét hò, mắng nhiếc, hay nói xiên nói xéo nhau bằng một chất giọng rất Bắc kỳ. Rất quê mùa mà cũng rất là thương mến, ở những nhân vật *thiện*. Và rất hoạnh hoẹ điệu bộ mà lại hết sức hủ lậu, thô kệch ở những nhân vật *ác*. Nhưng không phải chỉ ở đối thoại, ngay trong cách kể câu truyện, Nguyễn Ngọc Ngạn cũng cho ta thấy cái tác dụng miêu tả ngôn ngữ trong văn chương của anh đã đạt đến độ cao. Tôi nghĩ, nhiều người thích đọc Nguyễn Ngọc Ngạn chính là vì anh đã trình bày được cái ưu điểm này trong các tác phẩm của mình.

Ngày xưa, tôi đã thích Nam Cao và Tô Hoài. Rồi tôi thích Lê Xuyên, Sơn Nam. Bây giờ, hình như tôi đang thích Võ Hoàng, Nguyễn Văn Sâm, Hồ Trường An, và Nguyễn Ngọc Ngạn vì cái khả năng miêu tả ngôn ngữ của họ. Tôi thích Nguyễn Ngọc Ngạn chính là vì cái lối kể chuyện đặc biệt của anh. Những câu đối thoại và cái lối kể chuyện ấy làm bật lên được cái hình dáng của những con người Bắc Việt, của cả những khung cảnh Bắc Việt trong văn chương Nguyễn Ngọc Ngạn. Những con người ấy, nếu bị Nguyễn Ngọc Ngạn chú ý miêu tả là xấu, thì thật xấu. Ăn nói, hành động đều rất quê mùa hủ lậu và thô lỗ. Nhưng những nhân vật khác được anh yêu mến thì lời nói của họ thật là ngọt ngào, mát lòng mát dạ. Cả đến khi anh miêu tả, anh kể mọi chuyện về những người ấy cũng thật là dễ thương.

Về bố cục của *Màu Cỏ Úa*, ở đoạn cuối, tôi có cảm tưởng là Nguyễn Ngọc Ngạn chưa có dịp khai triển hết các ý và tình tiết anh muốn đưa vào trong cuốn truyện này. Những khúc mắc đã có ở Hợp nhưng hầu như chưa hề có ở Thụ, cái con người cộng sản hết sức lý tưởng và hiền lành, chân chất kia. Anh luôn luôn tin tưởng vào Đảng, vào Nhà Nước, vào đàn anh cách mạng gương mẫu và khả kính mà không hề nghi ngờ gì đến những âm mưu, những hành động đê hèn của những con người "yêu nước" ấy. Anh không hề nghi ngờ về qui luật "tất yếu lịch sử" trong sự đi lên và thắng lợi của Đảng. Anh không hề nghi ngờ và cảm thấy mình bị cái guồng máy đỏ của Đảng và Nhà Nước đang bóp chết. Anh hầu như không nghi ngờ gì cả cho đến khi anh được người yêu mở mắt cho thấy những thực tại quá sức ê chề về những thần tượng mà anh tôn thờ trước đó. Anh ê chề và bị xúc động cực độ. Tuy thế, anh vẫn không thể nhìn thẳng vào Sự Thật. Sau đó, khi lên đường vào Nam làm con chốt thí cho cái guồng máy phi nhân kia, anh vẫn không muốn nhìn thẳng vào thực tại. Anh vẫn muốn tin rằng những thần tượng cũ của anh còn nguyên vẹn. Những thần tượng

đó không hề bị lấm lem.

Tâm tư anh thì thế, nhưng câu nói của anh với bà dì, *"Để con xem thật sự như thế nào rồi mới tính được"*, đã cho thấy anh bắt đầu dao động. Điều tôi muốn nói ở đây là, từ sau cuộc cãi vả của Thụ với người yêu về thực chất của những con người cộng sản đến những suy nghĩ có vẻ phản tỉnh của anh khi nằm ở nhà một mình sau cuộc cãi vả kia, rồi cuối cùng đến câu nói có vẻ dao động của anh với bà dì trước khi vào Nam, tất cả đã xảy ra như thế mà không có sự suy nghĩ sâu hơn của Thụ về bản chất của Đảng và Nhà Nước cộng sản, về những con người cộng sản. Chúng ta không thấy Thụ bị vò xé hay dằn vặt gì lắm (chỉ có ít dòng ở các trang 208, 209) trước khi chúng ta nhìn thấy anh có thái độ dao động khi lên đường kia. Ở Thụ, ta không thấy anh gặp phải những *conflict,* những đối chọi về tư tưởng từ cấp thấp lên cấp cao để, cuối cùng, nổ bùng ở cái *climax* là sự ê chề, giận dữ trong cuộc cãi nhau với người yêu. Và sau cái *cực điểm* này, ta cũng không được thấy Thụ trăn trở, suy tư gì nhiều trước khi anh *đi vào một khúc quanh mới của cuộc đời.*

Hợp thì có gặp những khó khăn, nhỏ cũng như lớn, trước khi uất ức nói hết mọi chuyện với Thụ trong dòng nước mắt cùng với sự căm thù của mình đối với Đảng và Nhà Nước; nhưng sau cái *climax* đó, Hợp sẽ đi về đâu? Vẫn còn yêu thương Thụ, nhưng cùng lúc, cô lại căm thù sự mù quáng của anh. Thụ vào Nam chắc là sẽ tìm được một ý nghĩa mới cho đời sống của mình, nhưng còn Hợp, có một khúc quanh nào cho cô ở cuối cái con đường mù mịt và đau thương, ê chề kia không? Nếu có một khúc quanh như thế, thì nó sẽ có một tác dụng như thế nào đối với người đọc? Và trong cấu trúc của cuốn sách, nó sẽ được dùng để giải quyết một mâu thuẫn nào?

Đây là một vài suy nghĩ của riêng người viết bài này về cuốn truyện, về bố cục của *Màu Cỏ Úa.* Nó làm tôi suy tư. Có thể nó cũng đã làm cho những người đọc khác suy nghĩ. Lối kết bỏ lửng này của Nguyễn Ngọc Ngạn có thể làm cho nhiều người đọc bứt rứt, bực bội.

Có thể đây cũng là một dụng tâm của Nguyễn Ngọc Ngạn.

Đọc hết quyển sách, và liên tưởng đến những gì Nguyễn Ngọc Ngạn đang viết, tôi cũng có cảm tưởng là hình như Nguyễn Ngọc Ngạn đang ở trong một sự tìm kiếm thẩm mỹ mới. Từ bố cục cho đến cách xây dựng nhân vật.

Nhà văn là con người luôn luôn phải đi trên đường. Hắn ta không được dừng bước. Cứ phải đi tới, đi tới mãi, và tìm kiếm, và khám phá đời sống chung quanh cũng như khám phá chính mình.

Ernest Hemingway đã gặp *sự bế tắc thẩm mỹ* sau một thời gian khá dài sống và làm việc và sáng tác như một nhà văn. Chỉ sau

trận nội chiến Tây Ban Nha (1936-1939), với sự hiện diện và tham dự tại chỗ qua tư cách một nhà báo, một phóng viên chiến trường, Hemingway mới tìm được một lối thoát cho sự bế tắc thẩm mỹ của mình. Quyển *For Whom The Bell Tolls* ra đời.

Tôi nghĩ là Nguyễn Ngọc Ngạn, trên con đường đi tới và khám phá của riêng anh, sẽ còn đem đến cho độc giả nhiều cống hiến đẹp đẽ khác. Anh là một *nhà văn.* Và chúng ta sung sướng có một nhà văn như anh ở giữa chúng ta trên con đường đi tới của mình.

**Bài viết này sẽ được trình bày trong một dịp khác, và sẽ được in trong một tập khảo luận và phê bình của chúng tôi khi có phương tiện.*

Bùi Vĩnh Phúc
9 tháng 10, 1986
huntington beach, calif.

COIFFURE D ′ ART

UỐN TÓC & HỚT TÓC

SĂN SÓC MÁI TÓC
VÀ DA MẶT CHO CÁC BẠN
VÀ GIA ĐÌNH BẠN

14798 Buildamerica Dr (RT 1)
Woodbridge VA, 22 191
(gần Woodbridge Nissan)

Phone : 491. 7788

Giờ làm việc :
Từ thứ hai đến thứ sáu : 10 AM — 8 PM
Thứ bảy : 8 AM — 5 PM
Chủ nhật : 10 AM — 2 PM
ĐẾN TIỆM HAY LẤY HẸN TRƯỚC

Nguyễn Văn phụ trách

Thời sự văn học nghệ thuật.

SÁCH MỚI RA LÒ CÒN NÓNG HỔI

Nhà xuất bản Văn Nghệ do ông Võ Thắng Tiết trông coi, tháng rồi đã cho ra mắt dồn dập ba cuốn sách, và cả ba đều là những tác phẩm không thể thiếu trong tủ sách gia đình.

Thứ nhất là cuốn *Mùa Biển Động tập 3* của Nguyễn Mộng Giác. Ông là một trong những cây bút hiếm hoi của văn chương lưu vong mà sức sáng tác được miêu tả là khá mạnh mẽ và phong phú. Tác giả cho biết toàn bộ trường thiên tiểu thuyết này không phải là một tiểu thuyết lịch sử. *Mùa Biển Động* chẳng qua chỉ là sản phẩm của tưởng tượng mà thôi. Số trang 768 đánh ở cuối tập thượng cuốn 3 chưa phải là trang cuối cùng. Người đọc đang nóng lòng chờ đợi tập hạ cuốn ba (viết về giai đoạn từ sau Mậu Thân đến ngày mất nước) và cuốn cuối cùng kết thúc bộ trường thiên gây nhiều sóng gió nhất hiện nay trên đời sống chữ nghĩa hải ngoại.

Thứ hai là cuốn *Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam* phần *Tổng Quan* của Võ Phiến. Trong lời nói đầu của bộ biên khảo 4 tập này, nhà nghiên cứu Võ Phiến nói rằng ông không phải là nhà phê bình, hay nhà biên khảo, mà tự nhiên xông vào công việc này là chuyện không nên, nhưng suy đi nghĩ lại chán chê rồi chẳng đặng đừng, nên cứ viết. Viết vì ông thấy mình không thể nhẹ tình với một thời kỳ *văn học kém may mắn*. Thời kỳ văn học của ta trong thời gian 54-75 kém may mắn như thế nào, tại sao... ? Bạn nào đã từng thích thú với giọng văn tùy bút dí dỏm của Võ Phiến, thử đọc *Hai mươi năm văn học Miền Nam* xem nhà văn Võ Phiến viết biên khảo ra sao.

Cuốn thứ ba của nhà Văn Nghệ là tập truyện *Ký Thác* của

Bình Nguyên Lộc. Sách gồm 16 truyện được sáng tác cách đây ba mươi năm, đã hai lần in ở Sài Gòn, và đây là lần tái bản đầu tiên tại hải ngoại. Người ta nói sau *Nhốt gió*, và *Bàn tay sáu ngón*, thì *Rừng mắm* và *Ba sao giữa trời (giời ?)* là những truyện đã làm Bình Nguyên Lộc nổi danh trên văn đàn. Điều đó không sai. Đặc biệt cả hai truyện sau đều có mặt trong *Ký thác*.

Mức độ xuất bản và phát hành của *Viet Pub* ở Canada của Nguyễn Hữu Nghĩa, chủ biên tờ *Làng Văn* cũng rầm rộ sôi nổi không kém nhà *Văn Nghệ* ở Hoa Kỳ của ông Võ Thắng Tiết. Sau khi phát hành *Phấn Bướm* của Hồ Trường An, và *Một ngày tắt đến* tập ca khúc đấu tranh của Khúc Lan trong tháng qua, Viet Pub lại vừa tung ra tập truyện ngắn *Mưa Đất Lạ* của nhà văn nữ Trần Diệu Hằng.

Đây là tập truyện thứ hai của Trần Diệu Hằng, sau tác phẩm đầu tay *Vũ điệu của loài công* do Ngọc Lữ xuất bản năm 1984 xác định vị trí văn chương của Trần Diệu Hằng trên văn đàn hải ngoại. Tập *Mưa đất lạ* gồm 10 truyện ngắn , một số truyện đã được đăng trên Văn Học Nghệ Thuật, Văn Học, Văn, Làng Văn...

Theo loan báo của Viet Pub, từ nay đến cuối năm, nhà xuất bản này sẽ phát hành một số tác phẩm quan trọng khác, trong đó có tuyển tập 20 nhà văn nữ hải ngoại và trường thiên tiểu thuyết *Nước Đục* của Nguyễn Ngọc Ngạn.

Nhà thơ Thi Vũ ở Pháp, chủ nhiệm tạp chí *Quê Mẹ*, cũng vừa cho phát hành cuốn *Gọi thầm giữa Paris*, sưu tập những bài tùy bút, đoản văn của ông viết lâu nay về nhiều vấn đề.

Bằng những dòng tạp ghi, *Gọi thầm giữa Paris* dẫn ta vào khắp ngõ ngách kinh đô ánh sáng, để, như lời giới thiệu của Quê Mẹ, *"bắt gặp cõi Thơ và bầu trời Suy Tưởng đã từ lâu thiếu vắng trên chốn bờn chờn"*. Sách in đẹp, trang nhã, như tất cả những cuốn sách do Thi Vũ chăm sóc xuất bản trước đây.

Một bộ hồi ký chính trị đồ sộ dày đến 1267 trang khổ giấy lớn , bộ *Việt Nam máu lửa quê hương tôi* của Hoành Linh Đỗ Mậu cũng vừa được tung ra thị trường chữ nghĩa . Tác giả là một người trong cuộc, tham dự vào hầu hết các cuộc chính biến tại Việt Nam Cộng Hoà sau hiệp định Genève cho tới ngày mất nước, nên tập hồi ký tiết lộ nhiều chi tiết hậu trường lịch sử của nhiều nhân vật chính trị lâu nay ít ai biết. Do đó, tác phẩm này chắc chắn sẽ tạo ra một cuộc tranh luận sôi nổi và gay gắt về nhiều phương diện, về tính chất khách quan của người viết, về độ xác thực của sử liệu, về cái nhìn định giá đối với gia đình cố tổng thống Ngô đình Diệm, công và tội của nền đệ nhất cộng hoà, của đảng Cần Lao...Giữa lúc có những tranh chấp đố kỵ ngấm ngầm giữa cách nhóm chính trị cực đoan trong cộng đồng, giữa lúc những người từng nắm vận

mệnh quốc gia Miền Nam từ 1954 đến 1975 hiện lưu vong ở hải ngoại đều muốn cất lên tiếng nói của mình để giải thích hay để biện hộ một sự thất bại, tập hồi ký chính trị của Đỗ Mậu là một lời chứng mới chứa nhiều yếu tố tranh luận.

SÁCH ĐANG TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN VỚI BẠN ĐỌC

Thấy các nhà xuất bản Văn Nghệ và Làng Văn hoạt động rầm rộ, nhà xuất bản Người Việt tại California cũng xốc tới ra quân.

Hai tập truyện ngắn *Dâu Bể* của Phạm Quốc Bảo và *Người Cầm Thù Rưởi* của Nguyễn Xuân Quang đã xong phần kỹ thuật và đang chuẩn bị ra mắt bạn đọc. *Dâu Bể* gồm hai phần. Một số truyện viết về đời sống trong nước, đặc biệt về đời tù cải tạo và một số truyện viết về những mảng đời sống trên xứ lạ quê người.

Tác giả *Cùm Đỏ* là một trong những những cây bút quen thuộc của bạn đọc hải ngoại. Truyện ngắn *Đường về gian nan* của ông đã đăng trên Văn Học Nghệ Thuật cho thấy Phạm Quốc Bảo đang tìm một cách viết khác, bố cục khác, xây dựng nhân vật khác. Trong *Dâu Bể* người đọc sẽ thấy có truyện này.

Cuốn thứ hai, *Người cầm thù rưởi* của nhà văn kiêm bác sĩ Nguyễn Xuân Quang gồm ba truyện : *Yến Quyên, Người cầm thù rưởi,* và *Tiếng khóc trong nhà xác.* Do ảnh hưởng nghề nghiệp, bối cảnh truyện Nguyễn Xuân Quang là bệnh viện và nhà xác, ở Sài gòn trước 1975. Liệu tính chất Liêu trai ma quái ấy sẽ trở thành đặc tính của văn Nguyễn Xuân Quang ? Hãy chờ xem .

Nhà xuất bản *Văn Khoa* cũng đang cho in tập truyện ngắn *Ngày tháng bệnh bồng* của nhà văn Nguyễn văn Sâm. Tác giả *Câu hò Vân Tiên,* từ Texas qua đường dây viễn liên cho biết tập truyện của ông có thể sẽ ra mắt bạn đọc vào trung tuần tháng 11 năm nay. Nguyễn văn Sâm là một trường hợp ngược chiều với Võ Phiến. Ở Sài gòn, ông là nhà khảo cứu phê bình, đã viết và xuất bản một số sách khảo cứu như *Văn chương tranh đấu Miền Nam.* Sang đây, ông trở thành người viết truyện và làm thơ, trong khi nhà văn Võ Phiến tác giả những *Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trăng sáng, Giã từ, Thư nhà*...đang làm nhà phê bình nghiên cứu. Cũng hay !

Những cuốn sách sắp đến với bạn đọc do nhà Văn Nghệ xuất bản cũng nhiều không kém. Theo ông Võ Thắng Tiết cho biết, thì trong tháng 11 này, Văn Nghệ sẽ cho phát hành ba tác phẩm. Đầu tháng, phát hành tập *Thơ Hiền* đầu tay của nhà thơ nữ Như Chi. Giữa tháng, Văn Nghệ phát hành cuốn *Mười câu chuyện văn chương* của Nguyễn Hiến Lê. Cuốn này nhà Trí Đăng cho in vào những ngày cuối cùng xao động của tháng 4. 1975, nên gần như bạn đọc có nghe nói tới nhưng khó lòng tìm mua. Cuối tháng 11, Văn

Nghệ lại trình làng tập thơ đầu tay của Ngu Yên, nhan đề *Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh.* Cả hai tập thơ đều in rất đẹp, trang nhã.

Sang tháng 12.86, Văn Nghệ sẽ cho phát hành hai tác phẩm quan trọng khác là *Hợp Lưu* của Hồ Trường An, và *Mùa hè, một nơi khác,* tập truyện đầu tay của Phan thị Trọng Tuyến. Như vậy, nội trong năm nay, nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho xuất bản và tái bản tất cả mười bốn tác phẩm. Một con số đáng nể trong tình trạng xuất bản và phát hành cam go *"từ chết tới bị thương"* hiện nay tại hải ngoại.

Một văn hữu từ Paris qua Hoa Kỳ cũng vừa cho biết nhà văn Duyên Anh sắp cho ra mắt cuốn truyện *Một người Nga ở Sài gòn* cùng lúc với ấn bản dịch ra Pháp văn do một nhà xuất bản quan trọng của Pháp in. Như vậy sau Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Chí Thiện, Duyên Anh là nhà văn có tác phẩm được viết hoặc dịch ra ngoại ngữ thay mặt giới cầm bút lưu vong làm quen với độc giả ngoại quốc. Trên phương diện này, công của các dịch giả không phải là nhỏ.

BẠN THƠ TRONG THÁNG

Đầu tháng trước, một khách thơ quen, Nguyễn Đức Bạt Ngàn ,từ Canada đã đến Cali chơi. Tập thơ *Bình Minh Câm* của ông đã dành cho ông một lối đi riêng trong dòng thơ lưu vong chúng ta. Người ta chờ một tập thơ khác của ông, không phải chỉ được tác tạo dọc theo chiều dài của đất nước trước quốc nạn 30.4.75 nữa, mà còn từ những vùng đất mới, thời tiết mới, con người mới, thúc hối dồn dầy trong thơ ông. Mong thay !

Người khách thơ thứ hai, Giang Hữu Tuyên, đến từ miền Đông Bắc mang theo chút lạnh của xứ tuyết giá và băng sương. Ông hiện là người chủ trương tờ Hoa Thịnh Đốn Việt báo, phát hành khắp ba tiểu bang Virginia, Washington DC và Maryland. Thơ Giang Hữu Tuyên đi vào trí nhớ người đọc hải ngoại một cách nhẹ nhàng và bền chặt. Trong một gặp gỡ với các bạn văn Cali, Giang Hữu Tuyên cho biết ông đang hoàn tất truyện dài *Đồng Nọc Nạn.* Như vậy là bên cạnh Nguyễn văn Sâm, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Võ Hoàng, Võ Kỳ Điền, Phan thị Trọng Tuyến, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Lê Mỹ Hương.., ta có thêm một nhà văn gốc Miền Nam nữa. Mừng lắm !.

LÝ QUỐC SỈNH KHÔNG CÒN NỮA !

Tin từ nguyệt san Làng Văn Canada cho hay luật sư, giáo sư,

nhà thơ Lý Quốc Sỉnh đã qua đời hồi tháng 7.1986 tại Sài gòn Việt Nam.

Từ giữa thập niên 50, Lý Quốc Sỉnh là một giáo sư Việt văn nổi tiếng tại các trường trung học Nguyễn Trãi và các tư thục lớn tại Sài gòn. Ông có lối giảng bài rất hấp dẫn, đặc biệt về truyện Kiều, ông luôn luôn đưa ra những nhận định độc đáo và bất ngờ. Trên tạp chí Sáng Tạo ở Sài gòn vào những năm 60, người ta được đọc một số bài thơ ký tên ông, và bài nào cũng để lại trong tâm khảm người đọc những ấn tượng mạnh mẽ.

NABOKOV ĐƯỢC PHỤC HỒI Ở NGA

Vladimir Nabokov, tác giả tiểu thuyết lừng danh *Lolita*, nhà văn Nga lưu vong từ nhỏ, ngay khi nhóm bolcheviks chiếm và biến nước Nga thành nước cộng sản đầu tiên trên thế giới, vừa được phục hồi như một nhà văn Nga .

Ngoài *Lolita*, tác phẩm đã đưa ông lên hàng tiểu thuyết gia quốc tế, các cuốn khác như *The Enchanter,* và *Pale Fire* cũng là những cuốn quan trọng của tác giả này.

Một tạp chí văn chương Nga năm nay vừa cho in lại mấy đoản văn của Nabokov với lời nói đầu chính thức chấp nhận ông vào nền văn chương sô viết. Thật tội nghiệp Nobokov!

Sinh năm 1899 và mất năm 1976, mười năm sau cái chết của ông, Nga cho in lần đầu truyện của Nabokov. Riêng tại Hoa Kỳ, để kỷ niệm 10 năm Nabokov qua đời, người ta tung ra thị trường chữ nghĩa một số tác phẩm và sách khảo luận của ông, như *The Enchanter* và *The Life and Art of Vladimir Nabokov.*

J. D. SALINGER RA TOÀ QUAN LỚN

Tác giả cuốn tiểu thuyết *The Catcher in the Rye* (ở Việt Nam trước 1975 có bản dịch tên là Bắt trẻ đồng xanh), nhà văn Salinger vừa đâm đơn kiện nhà xuất bản Random House và cá nhân Ian Hamilton ra toà án liên bang, nhằm ngăn chặn việc xuất bản một cuốn sách viết về đời ông.

Theo các luật sư của Salinger, thì các bị cáo đã vi phạm bản quyền và hợp đồng để viết cuốn tiểu sử Salinger, khi tự ý sử dụng 70 lá thư riêng của Salinger viết từ 1936 - 1962 mà chưa được phép của tác giả.

Được biết Salinger rút vào cuộc sống ẩn dật từ hai mươi năm nay.

HỘI CHỢ SÁCH ...CỦA CON BUÔN

Một hội chợ sách quốc tế lần thứ 38 đã được tổ chức tại Mainz, Franfurt Tây Đức, kéo dài trong 6 ngày vừa chấm dứt vào tuần lễ thứ hai tháng 10 qua, đã qui tụ được khoảng 8000 nhà xuất bản của 86 quốc gia với trên 300.000 nhan sách.

Nhà xuất bản Knopf đã có cuốn *Alone Together* của bà Yelena Bonner nay lại mua thêm được cuốn hồi ký của Andrei Sakharov, nhân vật tranh đấu nhân quyền lừng danh thế giới, hiện bị chính quyền sô viết quản thúc tại thị trấn Gorki.

Nhà Random House cũng rao hàng cuốn tiểu sử tự thuật của bà Corazon Aquino, đương kim tổng thống Phi luật tân, vào năm 1988. Sau đó, sẽ là cuốn tự truyện của nữ tài tử quá cố Ingmar Bergman.

Cuốn tiểu thuyết *The Name of the Rose* của Umberto Eco cũng là món hàng mặc cả đắt giá tại hội chợ sách Frankfurt. Trước đây ba năm, Umberto Eco nhường bản quyền cuốn này cho nhà xuất bản với cái giá rẻ mạt : 4000 Mỹ kim. Sau đó, cuốn sách được đưa lên màn ảnh, tài tử Anh Sean Connery đóng vai chính và hiện được phát hành khắp thế giới, thì bản quyền lên tới bạc triệu. Số tiền kếch xù này nhà xuất bản ẵm trọn, Eco không được thêm một xu.

Riêng tập hồi ký của Sakharov, thì theo tiên đoán của giới con buôn sách vở, sẽ " nổ" hơn tập hồi ký con gái nhà độc tài Stalin, bà Svetlana Stalin viết cách đây 17 năm nhiều.

Hai tác giả được chợ sách chú ý nhiều năm nay là Eduardo Mendoza tác giả cuốn *City of Miracles* và Milan Kundera tác giả cuốn *The Unbearable Lightness of Being*.

Eduardo Mendoza là một nhà văn Tây ban nha, lâu nay ít được giới độc giả ngoài biên giới Tây ban nha chú ý. Bản quyền tác phẩm City of Miracles của ông đã được nhà xuất bản của sáu nước tranh nhau mua, một phần do tài vận động quảng cáo của Carmen Balcells, người đã đưa những cây bút vô danh trở thành những văn hào tầm vóc quốc tế như Mario Vargas Llosa, Jose Donoso, Gabriel Garcia Marquez.

Milan Kundera là một nhà văn Tiệp khắc hiện sống lưu vong tại Pháp. Tác phẩm của ông đã được văn giới Âu châu nhiệt liệt hoan nghênh trước khi tạo tiếng vang tại Hoa Kỳ.

Điều đáng ghi nhận là hội chợ sách năm nay không nhằm giới thiệu sách, mà nhằm tạo dịp cho các con buôn sách mặc cả làm ăn với nhau, trên tim óc người cầm bút. Buồn năm phút !

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Bóng núi, truyện ngắn TGM, Bên bờ kinh An Hạ, truyện ngắn NTV, Câu chuyện có đuôi, truyện ngắn HĐN, Vườn chanh miệt biển và Con vịt vàng nhỏ của tôi ơi, truyện ngắn của KT, Ngã rẽ chênh vênh, truyện ngắn của V Y, Tưởng niệm, thơ của MHH, Chỗ tôi ngồi, Tôi như hè khác mùa xuân chớm buồn, Em như cỏ úa mùa đông trên đồi, Ngày đến Bidong, thơ NTG, Giấc xuân hồng, thơ MHH, Bài học tổ tông: Xã hội nhân hoà của HT, Thiên chức một nhà văn qua tác phẩm Kẻ đưa đường của NTSH, Em bé VN, Không có quyền nghèo, Thằng Trung quốc, Tao ngộ, Là biết xa nghìn trùng...của VM, Buồn nôn...của MVL, Dưới đáy trăng vàng, thơ NĐVT, Mất dấu chân xưa, thơ TTH, Các bản tin của NHN, VL, HL...

Văn Học trân trọng cảm tạ quí bạn. Những bài sẽ đăng, chúng tôi sẽ xin liên lạc với quí bạn bằng thư riêng nội trong tháng này để quí bạn khỏi gửi cho các báo khác. Mong quí bạn gửi gấp bài chuẩn bị cho số Tết.

NHẮN TIN

BS Hạnh Nguyễn, San Francisco: Chúng tôi đã chuyển thư góp ý của ông cho các tác giả. Phần ban chủ biên, chúng tôi không xem đó là dấu hiệu đáng ngại của sự mất gốc. Chúng ta đang ở một quốc gia có sự giao lưu về văn hoá của nhiều chủng tộc, nên đó cũng là một lối nhìn mở rộng ra thế giới bên ngoài đời sống và tâm tình thu hẹp của cộng đồng.

Ô Mai văn Lành, Santa Ana: Cảm tạ lời khen của ông dành cho Văn Học. Vâng, chúng tôi cố gắng giữ được sự khách quan công bằng trong lối nhìn về một nhà văn hoá hay một tác phẩm, tránh sự cực đoan một chiều. Bài góp ý của ông làm sáng tỏ thêm ưu điểm và khuyết điểm của nhà văn hoá ấy.

Anh Thế Giang, Tây Đức: Đã nhận được thư anh. Khi số báo này đến anh, chắc anh đã nhận được thư riêng Văn Học gửi, và Văn Học cũng đã nhận được các truyện ngắn mới anh hứa gửi qua. Anh khỏi cần đánh máy lại, mất người đánh máy quen đọc lối viết thảo của giới cầm bút, anh đừng lo.

Các bạn Nguyễn văn Sâm, Đặng Phùng Quân, Texas: Văn Học không làm một số đặc biệt về nhà văn Vũ khắc Khoan trên số này, vì hầu hết các báo đều có đăng các bài tưởng niệm Vũ khắc Khoan, cho nên bài vở bị phân tán. Văn Học sẽ nhân ngày giỗ đầu của Vũ

khắc Khoan để ra một số đặc biệt đánh giá toàn bộ văn nghiệp của nhà văn.

Các bài hoãn lại số sau : Truyện ngắn Bước chân chim của Nguyễn thị Ngọc Lan, truyện ngắn Vợ Mỹ của Hoàng Đỗ, và truyện ngắn của Nguyễn văn Sâm.

Cáo lỗi cùng một số bạn đọc : Trong kỳ gửi báo Văn Học số 8 & 9 vừa qua, do sơ suất của Toà soạn, một số tem dán không kỹ đã bị rơi ra, khiến vài bạn đọc viết thư về than phiền tem dán thiếu để bị bưu điện phạt. Thành thật xin lỗi cùng quí bạn, chắc chắn trường hợp này không xảy ra nữa.

Nhà xuất bản Văn Nghệ nhờ nhắn tin : Nhà xuất bản Văn Nghệ đã xin được số điện thoại riêng với số của Toà soạn Văn Học. Từ nay, bạn đọc liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ có thể dùng số : (714) 832. 8445.

BÁC SĨ

QUAN CÔNG TRỨ

633 N. SPRING STREET, SUITE 4

LOS ANGELES, CALIFORNIA. 90012

Chinatown Cathay Plaza

Góc Sunset ,New High, Spring & Macy

TEL : (213) 680. 2363

* *Y khoa gia đình*
* *Nội thương, giải phẫu người lớn, trẻ em.*
* *Bệnh phụ nữ thăm thai ngừa thai.*
* *Chích ngừa khám sức khoẻ nhập học.*
* *Chương trình bông sữa WIC.*

ĐẶC BIỆT CHUYÊN TRỊ

Bệnh phong thấp. Đau nhức xương, khớp xương, thần kinh. Các bệnh kinh niên người già. Bệnh thiếu máu, bệnh tâm thần, chóng mặt, lo âu, mất ngủ.

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai, ba, năm, sáu : 9.30 AM đến 6.00 PM

Thứ bảy và chủ nhật : 9.00 AM đến 3.00 PM

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM. BÃI ĐẬU XE MIỄN PHÍ.

VIETNAMESE LANGUAGE AND CULTURE PUBLICATIONS
PO BOX 133 PASCOE VALE SOUTH
VICTORIA 3044 AUSTRALIA

Sau đây là danh mục các tác phẩm do Vietnamese Language and Culture Publications đã xuất bản 1986 dành cho học sinh Việt Nam tại hải ngoại. Quí vị phụ huynh cần mua những sách song ngữ cần thiết này cho con em hiện đang học Anh ngữ tại trường và luyện thêm Việt ngữ tại gia đình.

1. BASIC LEVEL :

1 Thanh ' s Family (Vietnamese) 5. 50
2 What Is Lan Doing (Vietnamese) 5. 50
3 Tam And Nam (Vietnamese) 5.50
4 Today Hanh Goes To School* (Bilingual) 6.50

3INTERMEDIATE LEVEL

5 Thuy Tell Her Life Story (Vietnamese) 5.50
6 Trang' s Classmates (Vietnamese) 5.00
7 A Day In Huong' s Life (Vietnamese) 5.50
8 My Village (Bilingual) 6.50
9 The Last Train Journey (Bilingual) 6.50
10 The Adopted Children (Bilingual) 6.50
11 The Season of Flamboyant Flowers (Bilingual) 6.50
12 The Tadpoles (Bilingual) 6.50
13 Five Vietnamese Folk Tales (Bilingual) 6.50

3 GENARAL (BILINGUAL).

14 Old Stories From Vietnam 12.00
15 Life With Past Images*. 14.50
16 Selected Vietnames Folk Tales* 14.50
17 Folk Tales From Indochina* 14.50
* New publications in 1986.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

P O Box 2301
Westminster, CA USA. 92683
Phone : (714) 838 8432

NHỮNG SÁCH NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

**** Đời viết văn của tôi***
của Nguyễn Hiến Lê. Dày 280 trang. Giá 10.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

**** Tùy Bút 1*** của Võ Phiến. Dày 340 trang. Giá 12.00MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

**** Hai mươi năm văn học Miền Nam***
Biên khảo của Võ Phiến. Dày 370 trang. Giá 13.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

Mùa Biển Động tập 3.của Nguyễn Mộng Giác. Dày 346 trang. Giá 12.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

**** Những Đợt Sóng Ngầm***.tức Mùa Biển Động tập 1 của Nguyễn Mộng Giác, tái bản lần thứ nhất. Dày 180 trang. Giá 8.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

**** Bão Nổi***
tức Mùa Biển Động tập 2 của Nguyễn Mộng Giác. Dày 246 trang. Tái bản lần thứ nhất. Giá 9.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

**** Ngựa Nản Chân Bon,*** tập truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác. Tái bản lần thứ hai. Dày 202 trang. Giá 8.50 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

**** Ký Thác.*** Tập truyện của Bình Nguyên Lộc. Dày 160 trang. Giá 7.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

Ngân, chi phiếu xin đề ***Văn Nghệ***
(ngoài Hoa Kỳ xin gửi bằng international money order)
Thư từ liên lạc xin gửi về Ông ***Võ Thắng Tiết***

VĂN ĐÀN

PUBLISHING & DISTRIBUTING CO
14 SOUTH ALMADEN AVENUE
SAN JOSE, CALIFORNIA, 95113. USA
(408) 297-8141

PHÁT HÀNH KHẮP THẾ GIỚI

* Thư mục Văn Đàn gồm hơn 2000 mặt sách đủ loại để thiết lập tủ sách Việt ngữ cho gia đình, thư viện.
* Có bán đủ loại tự điển Việt, Anh, Pháp, Hoa, Hán, Miên, điện tử, toán học, kỹ thuật, danh nhân.
* Chúng tôi có sưu tầm hơn 500 loại băng nhạc hay giá trị nhất của nền âm nhạc Việt cùng những bản nhạc, tuyển tập của hầu hết nhạc sĩ tà danh.

ĐẶC BIỆT :

* Chúng tôi đã thiết lập tủ sách Anh ngữ gồm những tác phẩm của những tác giả danh tiếng Việt Mỹ viết về những vấn đề Việt Nam.
* Nhận dịch các tác phẩm văn học nghệ thuật Việt Nam sang Anh Pháp ngữ.
* Nhận phụ soạn hoà âm phối trí, nhạc đệm cho báng nhạc, cassette, video.

SÁCH MỚI :

* *Cao Bá Quát giữa hồn thiêng sông núi của Tường Vũ Anh Thi*
* *Biển và Người, tập truyện Đoàn văn Xuyên.*
* *Mật tông của Nghiêm Xuân Hồng.*
* *Phong trào kháng chiến Trình Minh Thế của Nhị Lang*
* *Đời sống và cây bút chì của Trần Trúc Giang.*
* *Vũ điệu của loài công của Trần Diệu Hằng.*
* *Đời viết văn của tôi của Nguyễn Hiến Lê.*
* *Tùy bút của Võ Phiến*
* *Mùa biển động 1,2,3 của Nguyễn Mộng Giác.*
* *Màu cỏ úa của Nguyễn Ngọc Ngạn*
* *Phấn bướm của Hồ Trường An.*
* *Bụi hồng của Lê thị Huệ.*

Chúng tôi đang sửa soạn xuất bản những tác phẩm giá trị về khảo luận âm nhạc, văn chương của những tác giả danh tiếng hải ngoại.

CỦA TIN, GỌI MỘT CHÚT NÀY LÀM GHI

* *

Sau ngày Miền Nam sụp đổ :

— Hàng chục văn gia, trí thức Miền Nam bị bức tử trong tù và ngoài tù,

— Hàng trăm văn nhân thi sĩ ký giả Miền Nam bị đọa đày trong ngục tối,

— Tất cả báo chí của Miền Nam đều đóng cửa,

— Tất cả văn nghệ phẩm của Miền Nam bị cấm lưu hành, tàng trử,

— Tất cả các nhà cầm bút tự do của Miền Nam nhất loạt ngưng bút,

— Hàng mấy chục triệu ấn phẩm bị tịch thu, tiêu hủy.

Tóm lại, hết thảy mọi dấu vết sinh hoạt tinh thần của 20 triệu đồng bào Miền Nam trong 20 năm tự do bị xóa bỏ.

BÂY GIỜ CÒN LẠI GÌ ?

Họa chăng còn một cố gắng cứu vớt, thu gọn trong một cuốn sách :

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM

của Võ Phiến

Mua sách ấy :

— Là góp tay bảo tồn đời sống tinh thần của chúng ta vào một thời kỳ bất hạnh đáng thương.

— Là níu lại những cảm nghĩ buồn vui, những tiếng khóc nụ cười của một thời kỳ không thể quên.

— Cuốn sách thứ 3 của nhà xuất bản VĂN NGHỆ.

Phát hành vào tháng 8.1986

Sách dày 370 trang. Giá 13.00 Mỹ kim

Ngoài nước Mỹ thêm 2.00 Mỹ kim cước phí.

Thư và chi phiếu xin gửi về : Ông Võ Thắng Tiết

Po Box 2301 Westminster, Ca , USA, 92683.

Phone : (714) 838 8432

ĐẶC BIỆT : BẠN ĐỌC MUỐN CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ, XIN GỬI THƯ CHO NHÀ XUẤT BẢN BIẾT

Đã phát hành khắp nơi :

HẠ TUẦN THÁNG 8.1986

TÁC PHẨM MỌI NGƯỜI ĐANG CHỜ ĐỢI

MÙA BIỂN ĐỘNG

(tập 3)

của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

* *Tập thứ ba trong bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động từng tạo tranh luận sôi nổi trong hai năm qua tại hải ngoại.*

* *Tập truyện tái dựng lại khung cảnh tang tóc bi thương của Huế hồi Tết Mậu Thân*

* *Tập truyện mô tả những vụ tàn sát đẫm máu của cộng sản tại cố đô.*

* *Tập truyện ghi dấu khúc quanh trong tâm thức giới trẻ tại Huế, thức tỉnh những người còn mơ màng ảo vọng .*

Sách dày 346 trang

Giá tại Hoa kỳ 12 MK

Nhà xuất bản Văn Nghệ cũng vừa tái bản hai tác phẩm khác của Nguyễn Mộng Giác :

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM

tức Mùa Biển Động tập 1, giá 8.00 MK

NGỰA NẢN CHÂN BON

tập truyện ngắn, giá 8.50 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG ĐÓNG BỘ BA TẬP

Dày 770 trang. Chỉ có 150 cuốn Giá 25 MK.

sách quí dành riêng cho các bạn yêu sách

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ , theo địa chỉ :

Ông Võ Thắng Tiết

PO Box 2301 Westminster, Cali, USA, 92683

Phone : (714) 838 8432

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles
304 S Broadway St # 534
Los Angeles, CA, 90013
(Góc Broadway và đường số 3rd, Downtown)

(213) 621. 7622
Mở cửa cuối tuần theo hẹn

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA, 92 641
(Góc Chapman và Brookhurst)

(714) 537. 8771
Chúng tôi mở cửa ngày thứ Bảy

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA
Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Án mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Cuốn sách mọi người chờ đợi:

tạp ghi Thi Vũ

GỌI THẦM GIỮA PARIS

PARIS, kinh đô Ánh sáng và Nghệ thuật. Paris, miền mộng tưởng của tình yêu, nơi muôn người mơ ước tới...

GỌI THẦM GIỮA PARIS, bằng những dòng tạp ghi, Thi Vũ dẫn ta vào khắp ngõ ngách kinh đô, để bắt gặp cõi Thơ và bầu trời Suy tưởng đã từ lâu thiếu vắng trên chốn bon chon. GỌI THẦM GIỮA PARIS còn đưa ta vượt quá đỉnh Elffel, và xuyên suốt dòng sông Seine để trở về nơi nghìn năm thương nhớ : Quê Hương.

272 trang, sách đóng chỉ (không dán keo), do Quê Mẹ ấn loát tuyệt đẹp, Bìa in Offset 6 màu — **Giá 90 FF.** (+ bưu phí 10 FF. đường thường, bưu phí hàng không 30FF.) — Chi phiếu đề tên QUÊ MẸ và gửi về : **Quê Mẹ — 25, rue Jaffeux — 92230 Gennevilliers (France)**

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1986)

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :.....
.....
Zip Code.....
Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....
*Sáu tháng..... $13.00 US
*Một năm..... $25.00 US
*Hai năm..... $45.00 US
*Mỗi số ..... $2.50 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : $1.00 US cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số..... $2.50 US
Tàu thủy mỗi số ..... $1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số..... $3.18 US
Tàu thủy mỗi số $1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :
6 tháng báo Văn Học từ số.....
1 năm báo Văn Học từ số.....
2 năm báo Văn Học từ số.....
Để tặng cho:.....
Địa chỉ:.....
.....
.....
Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....
gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA, 92 643
Chi phiếu xin đề : Văn Học

Lưu ý: Độc giả tái gia hạn vẫn trả theo giá biểu cũ.

dp Di's Printing

Cơ sở hiện đang chăm sóc
các dịch vụ ấn loát của
NGUYỆT SAN VĂN HỌC
THE VIETNAM FORUM
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TẠP CHÍ ĐƯỜNG SỐNG
NGUYỆT SAN TUỔI HOA

nhận in sách, báo, bản tin
xếp chữ (phototypesetting)
có dấu chữ Việt
thiệp mời, thiệp cưới,
danh thiếp, ấn chỉ, phong bì
. . . . . .
đẹp - đúng hẹn -
giá phải chăng

10104 Westminster Avenue
Garden Grove, CA 92643
(714) 636-7932

Văn Nghệ phát hành khắp nơi :
TRONG THÁNG 11.1986

THƠ HIỀN

tập thơ đầu tay của
NHƯ CHI

HOÁ RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẨN QUANH

tập thơ đầu tay của
NGU YÊN

MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

tiểu luận văn học của
NGUYỄN HIẾN LÊ

Ba tác phẩm trang nhã nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành trong vòng một tháng. Thích hợp để làm quà tặng cho bạn bè trong dịp lễ Giáng Sinh và Tân niên 1987.

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ theo địa chỉ :
Ông Võ Thắng Tiết
PO Box 2301 Westminster, Calif, USA. 92683
Phone : (714) 832.8445
hoặc **(714) 838.8432**

Giá bán lẻ : US $ 2.50.